



ALLEN
ESKENS

Tiểu thuyết trinh thám

Tiểu thuyết
đầu tay
xuất sắc nhất
năm 2014

THE LIFE WE BURY

CUỘC SỐNG TỰ CHÔN VÙI

NHỮNG BÍ ẨN ĐƯỢC CÁT GIẤU SAU NHIỀU THẬP KỶ TRONG CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG LỢI CHƯỚC TỘI

Julie Kramer

Trình Thủy Ngân dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

vh

CUỘC SỐNG TỰ CHÔN VÙI
Nguyên tác: **THE LIFE WE BURY**

---* ❖ *---

Tác giả: **Allen Eskens**
Dịch thuật: **Trịnh Thúy Ngân**
Phát hành: **Phúc Minh Books**
Nhà xuất bản **Văn Học**
Thể loại: **Trinh thám**
Nguồn text: **Waka**
Đóng gói: **@nguyenthanh-cuibap**

ebook@vctvegroup

CHƯƠNG 1

Tôi nhớ cái cảm giác mình bị quấy rầy vì sự kinh hãi và đè nén bởi một cơn sóng của điềm gở, thứ đã lớn vồn trong đầu tôi và rồi một lần nữa trào lên thành những gợn sóng lăn tăn khi tôi đang tiến tới chiếc xe của mình, vào buổi chiều tối hôm đó. Mọi người gọi nó là sự linh cảm, một cảnh báo sớm từ con mắt thứ ba, con mắt có thể chứng kiến mọi vật từ những bước ngoặt của thời gian. Tôi chưa từng tin vào bất cứ điều gì tương tự, tuy nhiên tôi sẽ thú nhận rằng, đã có nhiều lần tôi nhớ lại ngày hôm đó và trần trụi: nếu số phận đã thực sự thì thào vào tai tôi - nếu tôi biết trước rằng việc này có thể làm thay đổi rất nhiều thứ - liệu tôi có lựa chọn một hướng đi an toàn hơn không?

Liệu tôi có rẽ trái ngay tại nơi mà trước đó tôi đã rẽ phải? Hay chẳng, tôi vẫn sẽ đi trên con đường đưa tôi tới Carl Iverson?

Đội bóng Minnesota Twins của tôi đã được lên lịch đấu với đội Cleveland Indians, trận đấu đã hâm nóng bầu không khí của một buổi tối tháng 9, nhằm trao cúp vô địch cho đội thắng cuộc trong vòng chung kết. Không bao lâu nữa, những ánh đèn sân vận động Target Field sẽ sáng rực một góc trời thành phố Minneapolis^{1*}, ánh lên những hào quang của sự hân diện, nhưng, tôi đã không thể tới đó để chứng kiến khoảnh khắc tuyệt vời ấy; chỉ vì không đủ điều kiện chi trả cho khoản học phí đại học của mình, nên thay vào đó, tôi đã làm công việc tại cửa ra vào của quán bar Molly và thi thoảng liếc trộm trận đấu được truyền hình trực tiếp trên chiếc tivi treo bên trên quầy bar trong khi liên tục kiểm tra giấy phép lái xe của khách hàng và khống chế những gã say rượu - đây không phải là con đường sự nghiệp mà tôi lựa chọn, tuy nhiên ít nhất nó có thể chi trả cho khoản tiền thuê nhà của tôi.

^{1*} *Minneapolis: thành phố lớn nhất ở tiểu bang Minnesota, Liên bang Mỹ, là thủ phủ của quận Hennepin. Thành phố nằm cả trên hai bờ của sông Mississippi.*

Thật kỳ lạ, giáo viên hướng dẫn cấp III của tôi không bao giờ nhắc đến từ “đại học” trong bất kỳ một cuộc gặp gỡ nào giữa chúng tôi. Có lẽ bà ấy đã “ngửi” thấy mùi của sự sợ hãi trong nỗi tuyệt vọng, thứ bốc ra từ bộ quần áo cũ mèm mà tôi vẫn khoác lên người.

Hoặc có lẽ bà ấy đã nghe được rằng tôi bắt đầu làm việc cho một quán bar bình dân có tên Piedmont, vào ngày ngay sau khi tôi vừa tròn 18 tuổi. Hoặc - đây là điều tôi muốn đặt cược - rằng có lẽ bà ấy đã biết mẹ tôi là ai và mừng tượng ra rằng không ai có thể làm thay đổi được hai chữ điều tiếng. Tuy nhiên, cho dù như thế nào, tôi vẫn không đổ lỗi cho cô giáo hướng dẫn của mình vì việc bà ấy không nhìn nhận tôi như một sinh viên đại học. Sự thật là, tôi cảm thấy thoải mái khi đứng trong quầy bar hơn là việc đứng trên những bậc đá cẩm thạch của giảng đường đại học, nơi cho tôi có cảm tưởng như mình đang xỏ nhầm vào một chiếc giày trái.

Ngày hôm đó, tôi nhảy vào xe - chiếc Honda Accord đã gỉ sét - khởi động, vào số, hướng thẳng tới phía nam từ khuôn viên trường, và hòa mình vào dòng xe đang trong giờ cao điểm trên tuyến đường I-35, trong khi nghe bài hát của danh ca Alica Keys được phát qua chiếc loa có xuất xứ từ Nhật Bản. Khi vừa tới Crosstown, vờn người qua hàng ghế phía sau và mò mẫm trong chiếc ba lô của mình, cuối cùng, tôi đã tìm ra mẫu giấy ghi địa chỉ nhà của những người già. “Đừng gọi nó là nhà cho người già”, tôi tự lẩm bẩm. “Đó là một khu làng dành cho những người đã nghỉ hưu hay một viện dưỡng lão hay một nơi nào đó đại loại như thế”.

Tôi lái xe qua những con phố ngoằn ngoèo của vùng ngoại ô Richfield, cuối cùng tìm ra tấm biển chỉ đường ở lối vào dẫn tới viện dưỡng lão Hillview, đó là đích đến của tôi. Cái tên nghe có vẻ như một trò lừa bịp khi tận mắt chứng kiến, nơi đây hoàn toàn không có một ngọn đồi nào, và cũng

chẳng có một chút đặc điểm gì thuyết phục về sự vĩ đại để có thể gọi nó bằng một cái tên hào nhoáng “Hillview^{2*}”. Quang cảnh phía trước là một đại lộ với bốn làn xe tấp nập, mặt sau tòa nhà đối diện với lưng của một tòa chung cư cũ ọp ẹp. Tuy nhiên, một cái tên xấu lại có thể là điều đáng tự hào nhất của Hillview với những dãy tường gạch rêu phong, phủ lên những bụi cây lờm chờm mọc lung tung, những khuôn cửa, màu sắc của những lối đồng gỉ sét bọc lấy tất cả những khung cửa sổ kính trượt đã mục ruỗng. Nền móng nơi tòa nhà ngự trị, giống như một hàng phòng ngự bóng đá, trông cũng không kém phần “gớm ghiếc”.

^{2*} *Hillview: nhìn ra khu đồi.*

Khi vừa bước chân vào khu vực hành lang, một luồng không khí dơ bẩn bốc lên thứ mùi cay nồng của nước sát trùng hòa lẫn với nước tiểu xộc thẳng vào mũi, khiến tôi phải chảy nước mắt. Một người phụ nữ già đội bộ tóc giả xộc xệch, đang ngồi trên chiếc xe lăn, nhìn chòng chọc về phía tôi như thể đang mong đợi một vị hôn phu đã không thấy mặt từ lâu xuất hiện từ bãi đỗ xe và mang bà ấy đi. Bà ấy mỉm cười khi tôi đi ngang qua, nhưng nụ cười ấy không dành cho tôi. Tôi không hề tồn tại trong thế giới của bà ấy, không hơn gì những hồn ma đang tồn tại trong ký ức của bà.

Tôi dừng lại một chút trước khi tiến tới bàn lễ tân, cân nhắc lại lần cuối cùng những suy nghĩ đang thì thầm vào tai tôi, những suy nghĩ hờn dỗi đang nói với tôi rằng hãy hủy lớp tiếng Anh trước khi quá muộn và thay vào đó là một lớp học lịch sử hay địa lý.

Một tháng trước, tôi rời khỏi nhà mình ở Austin, Minnesota, lên đi như một đứa trẻ chạy trốn khỏi gia đình để gia nhập một gánh xiếc. Không một lời tranh cãi với mẹ, không để cho bà có bất kỳ một cơ hội nào cố gắng thay đổi quyết định của tôi. Tôi chỉ đơn giản là gói ghém đồ đạc vào một chiếc túi, nói với đứa em trai rằng tôi sẽ rời đi, và để lại một mẫu giấy cho mẹ. Ngay khi tôi làm thủ tục đăng ký với văn phòng tuyển sinh trong trường đại học, tất cả các lớp học tiếng Anh được cho là có chất lượng đã

không còn chỗ trống, vì vậy tôi đã đăng ký vào lớp viết tiểu sử, lớp học này buộc tôi phải có cuộc phỏng vấn với một người hoàn toàn xa lạ. Từ sâu thẳm đáy lòng mình, tôi hiểu rõ rằng những giọt mồ hôi nhớp nháp nhỏ giọt hai bên thái dương khi tôi đang lảng vảng ở khu hành lang, đến từ mớ bài tập về nhà - đó là bài tiểu luận. Tôi phải bắt tay vào thực hiện nó trước khi quá muộn. Tôi biết trước rằng, rồi sẽ có lúc tôi bị mắc kẹt với bài tiểu luận này.

Nhân viên lễ tân của Hillview là một phụ nữ có khuôn mặt vuông, gò má cao, tóc mỏng, và đôi mắt sâu, gợi lên hình ảnh một nữ cai ngục trong các trại cải tạo Liên Xô thời trước, bà ta nghiêng người qua quầy hỏi: “Tôi có thể giúp gì không?”

“Ồ, vâng”, tôi trả lời. “Ý tôi là, tôi hy vọng bà có thể giúp. Quản lý của bà có ở đây không?”

“Chúng tôi không cho phép xin xỏ ở đây”, bà ta trả lời, khuôn mặt đánh lại khi nhìn chòng chọc vào tôi. “Tiếp thị ư?” Tôi cố nặn ra một nụ cười đáp trả và giơ tay lên với một cử chỉ cầu khẩn. “Thưa bà”, tôi nói, “Tôi không thể bán lửa cho người nguyên thủy^{3*}”.

^{3*} Câu gốc trong ngôn ngữ Anh “*Sell fire to a caveman*”, có nghĩa là: khi một điều gì đó mới lạ (lửa) được bán cho những người không thực sự cần nó (“người nguyên thủy” sống trong hang đá) là một điều vô cùng mới lạ, nhưng người mua (người nguyên thủy) lại không biết nó là gì và phải làm gì với thứ đó. Nghĩa chung của câu ngôn ngữ này là “làm điều vô ích”.

“Ồ, anh không phải là người sống ở đây, cũng không phải là khách thăm, và lại càng chắc chắn không phải là nhân viên ở đây. Vậy anh muốn gì?”

“Tôi tên là Joe Talbert. Tôi là sinh viên trường Minnesota”.

“Thì sao?”

Tôi liếc vào biển tên trước ngực bà ta. “Và... bà Janet... tôi muốn nói chuyện với quản lý của bà về một dự án mà tôi đang phải thực hiện.”

“Chúng tôi không có quản lý,” bà ta nheo mắt nói. “Chúng tôi chỉ có giám đốc, bà Lorngren”.

“Tôi xin lỗi”, tôi nói, cố gắng duy trì vẻ mặt điềm tĩnh của mình. “Tôi có thể nói chuyện với giám đốc của bà được không?”

“Bà Lorngren là người rất bận rộn, bà ấy không có thời gian cho anh đâu”.

“Sẽ chỉ mất một phút thôi”.

“Tại sao anh không trình bày dự án của anh với tôi, và tôi sẽ quyết định xem liệu nó có đáng để làm phiền tới bà Lorngren không?”.

“Đó là một bài tập lớn tôi đang làm cho trường”, tôi trả lời, “cho lớp tiếng Anh của tôi. Tôi phải phỏng vấn một người già - ý tôi là một người đã lớn tuổi và viết tiểu sử về họ. Bà biết đấy, đây là bài tiểu sử sẽ kể về sự đấu tranh, những “ngã ba đường” mà họ đã phải lựa chọn, những điều đã chứng tỏ họ là ai”.

“Anh là một nhà văn?” Janet nhìn tôi từ trên xuống dưới, như thể sự xuất hiện của tôi có là một câu trả lời hoàn hảo. Tôi đứng thẳng và dồn trọng lực vào năm đầu ngón chân, rướn thân hình cao 5 feet^{4*} 10 inch^{5*} của tôi lên. Tôi đã hai mươi một tuổi và thừa nhận rằng chiều cao của tôi đã ở mức tối đa, cảm ơn cha - Joe Talbert, dù cho bất kể cha có đang ở cái nơi quái quỷ nào đi chăng nữa. Và sự thật là tôi trông có vẻ to con, nhưng tôi cũng không đến nỗi quá “xôi thịt” giống như tảng thịt mà mọi người hay nhìn thấy ở cửa vào của các quán bar, trên thực tế, tôi lại trở nên bé nhỏ hơn bao giờ hết.

^{4*} Feet: Đơn vị đo chiều dài, 1 feet = 0,3048m ^{5*} Inch: Đơn vị đo chiều dài, 1 inch = 0,0254m

“Không”, tôi nói. “Tôi không phải là một nhà văn, tôi chỉ là một sinh viên”.

“Và họ đang bắt anh phải viết toàn bộ một cuốn sách cho nhà trường?”

“Không, đó là một bài khóa luận”. Tôi trả lời với một nụ cười. “Một số chương phải được viết ra, ví dụ như phần mở đầu, phần kết thúc và bất kỳ mẫu chốt chuyển biến quan trọng nào. Nhưng chủ yếu, bài viết này sẽ được viết dưới dạng một bài tóm tắt. Đây là một bài tập khá lớn.”

Janet nhăn chiếc mũi vừa tẹt vừa hếch của mình và lắc đầu. Sau đó, dường như đã bị thuyết phục rằng tôi không có gì để mời chài và buôn bán ở nơi này, bà ta nhắc điện thoại và hạ thấp giọng xuống. Ngay sau đó, một người phụ nữ trong bộ vest màu xanh lá cây tiến tới khu hành lang bên ngoài quầy lễ tân và đứng vào vị trí bên cạnh Janet.

“Tôi là Giám đốc Lorngren”, người phụ nữ tự giới thiệu trong tư thế ngẩng cao đầu và kiên định như thể bà ta đang giữ thăng bằng một tách trà trên đỉnh đầu mình vậy. “Tôi có thể giúp gì được cho cậu?”

“Tôi hy vọng là như vậy”. Tôi hít một hơi thật sâu và trình bày lại một lần nữa.

Bà Lorngren cân nhắc lời đề nghị của tôi với một điều băn khoăn thể hiện rõ trên khuôn mặt rồi nói: “Vì sao cậu lại đến đây? Cậu không có cha mẹ hay ông bà sao, cậu có thể phỏng vấn họ?”

“Tôi không có ai thân thích ở đây cả”, tôi trả lời. Đó thực sự là một lời nói dối. Mẹ và em trai tôi sống ở phía nam thành phố Twin Cities cách đây hai giờ đồng hồ lái xe, nhưng thậm chí một chuyến thăm ngắn ngủi đến nơi mẹ tôi đang sống, đối với tôi, có thể so với một cuộc đi bộ đường dài vượt

qua một dải đất mọc đầy cây ^{6*}. Tôi chưa bao giờ gặp cha và có lẽ cũng không có gì để nói với ông ấy nếu như ông ấy có tồn tại trên trái đất này. Mặc dù tôi biết tên người đó. Mẹ tôi đã nảy ra ý nghĩ với một ý tưởng tuyệt vời là đặt tên tôi theo tên của ông ấy với hy vọng rằng điều này sẽ có thể có đôi chút tác dụng níu giữ trách nhiệm của cha tôi ở lại, có thể ông ấy sẽ kết hôn với mẹ và giúp đỡ bà và Joey Jr bé nhỏ. Nhưng nó thật sự chẳng có tác dụng gì. Mẹ tôi đã cố gắng làm điều tương tự khi em trai tôi, Jeremy, ra đời và cũng có kết cục tương tự. Tôi đã lớn lên cùng với việc phải giải thích với mọi người rằng tên mẹ tôi là Kathy Nelson, tên tôi là Joe Talbert và em trai tôi là Jeremy Naylor.

^{6*} *Cây kế: một loài cây bụi thuộc họ cúc.*

Đối với ông bà tôi, người duy nhất tôi từng gặp là cha của mẹ, ông ngoại Bill - người ông mà tôi hằng yêu quý. Ông là một người ít nói, người có thể thu hút sự chú ý chỉ bởi một cái gật đầu hay đơn giản chỉ là một ánh nhìn, một người đàn ông sở hữu cả sự lịch lãm và sự mạnh mẽ cần có, những tố chất không hề màu mè, được ông pha trộn với nhau một cách hài hòa phản ánh qua diện mạo của mình. Đã có những tháng năm tôi lục lọi những ký ức về ông trong bộ nhớ của mình, khi tôi cần lắm những lời khuyên hữu ích từ ông để có thể đương đầu với những con sóng thủy triều dấy lên trong cuộc đời mình. Tuy nhiên, cũng đã có những đêm khi tiếng mưa rơi lộp bộp trên khung kính cửa sổ, chúng thấm đẫm vào tiềm thức của chính tôi, đưa ông trở lại thăm tôi trong những giấc mơ - những giấc mơ luôn kết thúc với hình ảnh tôi ngồi bật dậy trên giường, mồ hôi vã ra như tắm, lạnh toát, và đôi tay tôi run rẩy như vừa chứng kiến lại cảnh ông rời bỏ tôi, đi vào cõi vĩnh hằng. “Anh hiểu rõ rằng nơi đây là viện dưỡng lão phải không?” Bà Lorngren hỏi.

“Vâng, đó là lý do vì sao tôi lại tới đây”, tôi nói.

“Bà có những người đã trải qua những quãng thời gian thật tuyệt vời.”

“Đúng, đó hoàn toàn là sự thật,” bà ta nói trong khi dựa người vào quầy lễ tân ngăn cách giữa chúng tôi. Từ khoảng cách gần, tôi có thể nhìn thấy những nếp nhăn trên khóe mắt và nơi khóe miệng bà ta, giống như một đáy hồ đã cạn khô. Và tôi còn có thể cảm nhận được giọng nói pha chút âm điệu Scotland trong những lời nói của bà ta. Bà ta tiếp tục với một tông giọng trầm. “Mọi người sống ở đây là do họ không có đủ khả năng tự chăm sóc bản thân. Hầu hết những người trong số họ đang mắc phải căn bệnh Alzheimer, mất trí nhớ hay một số bệnh về thần kinh khác. Họ không thể nhớ nổi tên con của họ, hay ít nhiều các chi tiết về cuộc đời họ đã trải qua”.

Tôi đã không nghĩ về điều đó. Tôi có thể nhận ra rằng kế hoạch của mình đang có nguy cơ thất bại. Làm thế nào mà tôi có thể viết được tiểu sử của một vị anh hùng thời chiến nếu ông ta không thể nhớ nổi những việc mình đã làm?

“Bà không có bất cứ người nào ở đây không mắc phải căn bệnh mất trí nhớ sao?”, tôi hỏi với giọng nghe có vẻ đáng thương hơn tôi tưởng.

“Chúng ta có thể để anh ta nói chuyện với Carl”, Janet xen vào.

Bà Janet Lorngren ném một cái nhìn giận dữ, một cái nhìn mà bạn thường muốn “trao tặng” nó cho một người bạn thân vừa mới hất văng toàn bộ lời nói dối hoàn hảo của bạn.

“Carl ư?” Tôi hỏi.

Bà Lorngren khoanh tay và bước lùi khỏi quầy lễ tân.

Tôi hỏi dồn: “Carl là ai vậy?”.

Janet nhìn bà Lorngren như đang xin một chỉ thị. Lorngren cuối cùng cũng gật đầu, đến lượt Janet tựa mình lên quầy. “Tên ông ta là Carl Iverson. Ông ta bị kết án là kẻ sát nhân”, bà ta thăm thò như một nữ sinh trung học đang giấu giếm kể một câu chuyện không đúng lúc. “Vụ Cải Huấn gửi ông

ta về đây từ ba tháng trước. Họ tha bổng cho ông ta từ Stillwater vì ông ấy đang chết dần chết mòn vì căn bệnh ung thư”.

Bà Lorngren gắt gỏng, ”Rõ ràng ung thư tuyến tụy là một cái kết hoàn hảo thay cho án tử hình”.

“Ông ta là kẻ giết người ư?” Tôi hỏi.

Janet nhìn quanh để chắc chắn rằng mình không bị nghe lén.

“Ba mươi năm trước, ông ta đã cưỡng bức rồi sát hại một thiếu nữ mười bốn tuổi”, bà ta thì thầm. “Tôi đã đọc được tất cả những điều này trong hồ sơ của ông ta. Sau khi giết người, ông ta cố gắng phi tang bằng việc đốt xác nạn nhân trong nhà kho”.

Một kẻ mang tội hiếp dâm và giết người. Trước đó, tôi đang có ý định tới Hillview để tìm kiếm một vị anh hùng, giờ thay vào đó, tôi lại gặp được một nhân vật phản diện. Ông ta chắc chắn sẽ có một câu chuyện để kể, nhưng liệu đó có phải là câu chuyện mà tôi muốn viết không? Trong khi bạn bè trong lớp tôi sẽ lần lượt đưa ra những câu chuyện thần tiên về một cụ bà phải vật lộn sinh con trên sàn đất bẩn, hay một cụ ông đã gặp John Gillinger^{7*} ngoài hành lang của một khách sạn, thì tôi lại viết về một người đàn ông mang tội hiếp dâm và giết một cô gái rồi sau đó đốt xác phi tang trong một nhà kho. Ý tưởng về việc sẽ phỏng vấn một kẻ giết người không hề có trong ý định của tôi khi đến đây, nhưng càng nghĩ về nó, tôi lại càng muốn được thử sức. Tôi đã trì hoãn dự án này quá lâu rồi. Tháng 9 đã sắp kết thúc, và tôi phải hoàn thành xong bản thảo cuộc phỏng vấn này trong một vài tuần tới. Bạn bè cùng lớp đã thúc những con ngựa phi nước đại ra khỏi vạch xuất phát, còn con ngựa nhỏ của tôi thì vẫn nhớn nhơ trong chuồng nhai cỏ khô. Carl Iverson sẽ là nhân vật chính trong bài viết của tôi - nếu ông ta đồng ý.

^{7*} Là tên cướp nhà băng khét tiếng, được mệnh danh là "kẻ thù số 1 của xã hội Mỹ".

“Tôi nghĩ tôi muốn phỏng vấn ông Iverson”, tôi nói.

“Ông ta là một con quỷ”, bà Lorngren nói. “Tôi sẽ không để cho ông ta cảm thấy được hài lòng. Tôi biết đây không phải là một điều những người theo đạo Thiên Chúa nên nói, nhưng sẽ là tốt nhất nếu ông ta chỉ ở yên trong phòng và chết trong câm lặng.”

Bà Lorngren chùn lại trước những lời nói của chính mình, những từ ngữ mà một con người có thể nghĩ ra, nhưng không bao giờ được nói ra, đặc biệt là, trước mặt một người lạ.

“Xem kìa,” tôi nói, “nếu tôi có thể viết câu chuyện này, có lẽ... tôi cũng không biết nữa... tôi có thể có được sự thừa nhận của ông ta trước những sai lầm của mình”. Sau tất cả, tôi lại biến thành một nhân viên kinh doanh, tôi trộm nghĩ. “Thêm vào đó, ông ta cũng có quyền được cho người vào thăm, phải không?”

Bà Lorngren trông có vẻ bị dồn đến chân tường. Bà ta không còn sự lựa chọn nào khác. Carl không phải là một tù nhân khi ở Hillview, ông ta cũng là một cư dân ở đây với quyền lợi được gặp những người đến thăm như bất cứ ai ở đây. Bà ta buông cánh tay đang khoanh trước ngực, một lần nữa đặt bàn tay mình lên chiếc quầy ngăn cách giữa chúng tôi. “Tôi sẽ phải hỏi ý kiến của ông ta liệu rằng ông ta có muốn gặp cậu hay không”, bà ta nói. “Trong vài tháng ít ỏi sống ở đây, ông ta chỉ có duy nhất một người đến thăm”.

“Tôi có thể tự nói chuyện này với Carl được không?” Tôi hỏi. “Có thể tôi sẽ...”

“Ông Iverson.” Bà Lorngren chỉnh lại, có lẽ với hy vọng muốn chiếm lại ưu thế của mình.

“À vâng, tất nhiên rồi”. Tôi nhún vai nói một lời xin lỗi. “Tôi có thể giải thích với ông Iverson về nội dung của dự án tôi đang làm, và có thể ...”

Tiếng chuông phát ra từ chiếc điện thoại di động ngắt lời tôi. “Tôi xin lỗi”, tôi nói. “Tôi tưởng tôi đã tắt nó đi rồi”. Tại tôi chuyển sang màu đỏ khi tôi rút điện thoại ra khỏi túi và nhìn thấy số của mẹ.

“Xin lỗi”, tôi nói, rồi quay lưng lại với Janet và bà Lorngren, ý muốn thực hiện một cuộc nói chuyện riêng tư.

“Mẹ, con không nói chuyện với mẹ bây giờ, con...” “Joey, con phải đến đón mẹ”, mẹ tôi rút lên trong điện thoại, cùng với tiếng say xin trong giọng nói của bà là những tiếng bà thốt ra trở nên riu rít lại với nhau, thật khó hiểu.

“Mẹ, con phải...”

“Chúng đang tra cái còng chết tiệt vào tay mẹ”. “Cái gì cơ? Ai?...”

“Chúng đang bắt giữ mẹ, Joey... Chúng... Những thằng khốn. Tao sẽ kiện chúng mày. Tao sẽ có được một lão luật sư chết tiệt”. Bà ấy hét những lời đó vào một ai đó đang ở gần. “Con có đang nghe mẹ không... đồ chết tiệt! Số phù hiệu của mày đâu? Tao sẽ làm mày phải mất việc”.

“Mẹ, mẹ đang ở đâu?” Tôi nói to và chậm rãi, cố gắng để thu hút sự chú ý của mẹ.

“Chúng đang còng tay mẹ, Joey.”

“Có nhân viên cảnh sát nào ở đó không mẹ?” Tôi hỏi. “Con có thể nói chuyện với ông ta được không?”

Mẹ tôi lờ đi câu hỏi của tôi và bị cuốn vào một suy nghĩ khó hiểu khác. “Nếu con yêu mẹ, con đã đến đón em. Mẹ là một người mẹ tồi tệ. Chúng đang còng tay mẹ... nhắc cái móng chết tiệt của con lên... con chưa bao giờ yêu mẹ cả. Mẹ đã không... mẹ đã không... ta nên cắt cổ tay mình. Không ai yêu ta cả. Ta đã gần về đến nhà... ta sẽ kiện các người”.

“Được rồi, mẹ,” tôi nói. “Con sẽ đến đón mẹ, nhưng con cần nói chuyện với cảnh sát”.

“Ý con là ngài Prick^{8*} này?”

^{8*} *Mr Prick: Gã chết tiệt (tiếng lóng).*

“Vâng mẹ. Ngài Prick. Con cần nói chuyện với Ngài Prick. Chỉ cần đưa điện thoại cho ông ấy một lát thôi, sau đó con sẽ đến đón mẹ.”

“Được rồi,” bà nói. “Này, Prick. Joey muốn nói chuyện với ông.”

“Thưa bà Nelson,” viên cảnh sát lên tiếng, “đây là lúc bà cần phải liên lạc với một luật sư, không phải con trai bà.”

“Này, ông Prick, tôi đã nói là Joey muốn nói chuyện với ông.”

Viên sĩ quan thở dài. “Bà hãy nói với anh ta rằng bà cần nói chuyện với luật sư. Bà cần tận dụng lúc này để tìm cho mình một vị luật sư”.

“Prick không muốn nói chuyện với con.” Mẹ tôi ợ lên một tiếng vào điện thoại.

“Mẹ, mẹ hãy nói với ông ấy làm ơn đi.” “Joey, con sẽ...”

“Chết tiệt! Mẹ,” tôi hét lên, “nói với ông ấy rằng hãy làm ơn đi.”

Sau một giây im lặng, “được rồi!”. Mẹ tôi xoay chiếc điện thoại về phía viên cảnh sát, vì vậy tôi chỉ có thể nghe thấy tiếng bà nói. “Joey nói làm ơn.”

Sau một lúc ngập ngừng, viên cảnh sát cuối cùng cũng chấp nhận cầm lấy chiếc điện thoại.

“Xin chào.”

Tôi nói nhỏ và rất nhanh. “Thưa ngài cảnh sát, tôi xin lỗi về toàn bộ sự việc này, nhưng tôi có một cậu em trai, nó bị mắc chứng tự kỷ. Nó sống với mẹ tôi. Tôi cần được biết liệu mẹ tôi có được thả trong ngày hôm nay không, bởi vì nếu không thì tôi sẽ phải về chăm sóc em trai mình.”

“Ồ, đây là lệnh. Mẹ cậu bị bắt vì DUI^{9*}”.

^{9*} *DUI: Tội lái xe trong tình trạng mất kiểm soát do say rượu.*

Tôi có thể nghe thấy những lời nguyên rủa và khóc lóc của mẹ đang lê la trên nền đất. “Tôi phải đưa bà ấy đến Trung tâm thi hành luật thành phố Mower để kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở. Bà ấy cứ khẳng định rằng bà ấy có quyền được gọi luật sư trước khi kiểm tra, vì vậy tôi nghĩ bà ấy đang câu giờ để gọi cho luật sư, chứ không phải là gọi anh đến để bảo lãnh cho bà ấy.” “À, tôi hiểu rồi,” tôi nói. “Tôi chỉ cần biết là liệu bà ấy có được thả ra vào đêm nay không?”.

“Điều đó là không thể.” Viên cảnh sát kiểm soát lời nói của mình bằng một cách khiến mẹ tôi không thể nghe thấy những gì đang chờ đợi mẹ tôi ở phía trước, và tôi là kẻ “đồng lõa” trong việc này.

“Bà ấy sẽ phải đi giải rượu phải không?” “Phải.”

“Trong bao nhiêu ngày?” “Khoảng hai đến ba ngày”.

“Và sau đó bà ấy sẽ được thả chứ?” Tôi hỏi. “Không.”

Tôi suy nghĩ trong giây lát. “Sau trung tâm giải độc là trại giam ư?”

“Đúng vậy, cho đến khi bà ấy ra hầu tòa lần đầu tiên”. Mẹ tôi nghe được từ “tòa” và lại bắt đầu la hét. Trong trạng thái say xỉn và kiệt sức của mình, lời nói của bà có phần đong đưa và chao đảo giống như một chiếc cầu được kết bằng dây thừng. “Mẹ kiếp, Joey... đến đây ngay. Con không yêu ta... đồ vô ơn... Ta là mẹ con. Joey, bọn chúng... chúng... đến đây ngay. Thả ta ra.”

“Cám ơn,” tôi nói với viên cảnh sát. “Rất cảm ơn ông vì đã giúp đỡ. Và chúc ông may mắn với mẹ tôi.”

“Tôi cũng chúc anh may mắn”, ông ta đáp lại.

Tôi kết thúc cuộc điện thoại và quay lại nhìn Janet và bà Lorngren đang nhìn tôi như nhìn một đứa trẻ sơ sinh vừa mới học được rằng loài chó biết cắn. “Tôi xin lỗi về chuyện vừa rồi,” tôi nói. “Mẹ tôi... bà ấy... không được ổn cho lắm. Tôi chắc sẽ không thể gặp được Carl - à ông Iverson - hôm nay. Tôi phải về chăm sóc cho một người.”

Đôi mắt bà Lorngren có vẻ dịu lại, vẻ mặt lạnh lùng của bà ta khi nãy có lẽ đã bị hòa tan vào sự cảm thông. “Như thế sẽ tốt hơn,” bà ta nói. “Tôi sẽ nói chuyện với ông Iverson về cậu. Hãy để lại tên và số điện thoại của cậu chỗ Janet và tôi sẽ cho cậu biết liệu ông ấy có muốn gặp cậu hay không.”

“Tôi thực sự rất cảm ơn vì điều này,” tôi đáp lại và viết thông tin của mình lên một mẫu giấy. “Tôi có thể sẽ tắt điện thoại một lát, vì vậy nếu tôi không trả lời, xin hãy để lại tin nhắn và cho tôi biết ông Iverson đã nói gì.”

“Được, tôi sẽ làm như vậy”, bà Lorngren nói.

Đi qua khu nhà Hillview, tôi bước thật nhanh vào bãi đậu xe, nắm chặt vô lăng với tất cả sức lực của mình rồi lắc liên tục một cách thô bạo. “Chết tiệt!” Tôi hét lên. “Chết tiệt! Chết tiệt! Chết tiệt! Vì sao mẹ lại không để con được yên!” Những ngón tay tôi trở nên trắng bệch, tôi run lên như có một làn sóng dữ dội vụt qua người. Tôi hít một hơi thật sâu và chờ đợi cho cơn giận dữ nghẹn trong cổ họng mình lắng xuống, đợi cho đôi mắt tôi có thể nhìn rõ ràng hơn. Sau đó, một lần nữa tôi giữ được bình tĩnh, tôi gọi điện cho Molly để thông báo rằng tôi không thể làm việc tại quán bar ngày hôm nay. Cô ấy có vẻ không được vui cho lắm, nhưng vẫn đồng ý. Sau khi cúp máy, tôi ném điện thoại trên chiếc ghế phía sau và bắt đầu chuyển xe đường dài về phía nam để đón em trai mình.

CHƯƠNG 2

Hầu hết mọi người chưa bao giờ nghe nói về vùng Austin, bang Minnesota, còn nếu có ai biết về nó thì chắc có lẽ là do cái tên Spam, một sản phẩm thịt lợn muối không bao giờ thối rữa và là nguồn cung cấp thực phẩm cho binh lính và người tị nạn trên khắp thế giới. Đó là niềm tự hào, là chiếc “vương miện” của công ty Cổ phần Thực phẩm Hormel - có biệt danh - được đặt vì lợi ích của quê hương tôi - Spam Town. Họ thậm chí còn có một bảo tàng nằm tại Austin để ca ngợi sự vĩ đại của Spam. Và nếu như điều này để lại một vết nhơ, như một dấu tù trên tiến trình lịch sử của Austin, ở đây đã không diễn ra một cuộc đình công lịch sử.

Cuộc đình công xảy ra vào bốn năm trước khi tôi ra đời, nhưng những đứa trẻ lớn lên tại Austin đã sớm được học về cuộc đình công này như cái cách mà một số đứa trẻ khác tìm hiểu về Lewis và Clark^{10*} hay về bản Tuyên ngôn Độc lập. Một cuộc suy thoái vào đầu những năm 1980 đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhu cầu tiêu dùng của các sản phẩm công nghiệp thịt sữa, vì vậy Hormel đã xin ý kiến của hội đồng công ty để cắt giảm một khoản chi phí cho tiền lương rất lớn. Tất nhiên, điều này xảy ra như một cú ngã mà bạn không bao giờ có thể vực dậy được, và cuộc đình công bắt đầu. Sự chen lấn, xô sát giữa những người biểu tình đã dẫn đến bạo loạn. Tình trạng bạo lực thu hút giới truyền thông, thậm chí một đội quay phim truyền hình đã chốt máy bằng hình ảnh của một chiếc trực thăng bị lao thẳng vào cánh đồng ngô gần Ellendale. Cuối cùng chính phủ đã phải phái lực lượng Vệ binh Quốc gia đến để đàn áp vụ việc này, tuy nhiên, bạo lực và sự thù địch đã để lại những tàn dư trên thị trấn này, những vết nhơ mà một số người đã coi nó là bản chất điển hình của nơi đây. Bản thân tôi chỉ nhìn nhận nó như một vết sẹo tồi tệ. Giống như bất kể một thị trấn nào khác, Austin cũng có những điểm tốt, hồ bơi, phòng nha, tu viện Carmelite, sân bay riêng của thành phố, và chỉ cách thành phố nổi tiếng Mayo Clinic ở

Rochester có “vài bước chân”. Nơi đây có trường đại học công lập nơi tôi đang theo học trong khi làm cùng lúc hai công việc bán thời gian. Trong ba năm, tôi đã dành dụm đủ tiền và rút đầy vào các thẻ tín dụng, thứ sẽ cho phép tôi có thể chuyển đến trường đại học M như một sinh viên năm nhất. Austin còn có ba mươi quán bar, đó là chưa kể đến các quán bar trong khách sạn và các câu lạc bộ theo yêu cầu, và với dân số vào khoảng hai mươi ba nghìn người - thì gần như Austin là một trong những nơi có tỉ lệ người dân ra vào các quán bar thuộc hàng lớn nhất trong tiểu bang Minnesota.

10* *Cuộc thám hiểm của Lewis và Clark (1804-1806), do Meriwether Lewis và William Clark dẫn đầu, là cuộc thám hiểm trên bộ đầu tiên của người Mỹ đến duyên hải Thái Bình Dương và ngược lại.*

Tôi có một vốn hiểu biết về các quán bar không đến nỗi tồi, và cũng đã bước từng bước chân đến hầu hết các quán bar trong thị trấn vào mỗi dịp khác nhau khi tôi mới chỉ là một thằng nhóc, có lẽ cũng từ hồi chưa đến mười tuổi. Mẹ để mặc tôi ở nhà để coi sóc Jeremy trong khi bà ra ngoài làm vài ly rượu. Tôi hơn em trai mình hai tuổi và nó là đứa trẻ mắc chứng bệnh tự kỷ - căn bệnh làm nó trở nên trầm tính, và hơn tất cả, mẹ tôi cho rằng tôi đã đủ lớn để có thể làm “bảo mẫu” cho nó.

Đêm đó, Jeremy ngồi trên một chiếc ghế bành trong phòng khách và xem video yêu thích của mình - Vua sư tử . Tôi phải làm bài tập địa lý, vì vậy tôi tự nhốt mình lại trong căn phòng ngủ chật hẹp mà tôi và Jeremy dùng chung. Tôi không nhớ tất cả những căn phòng mà tôi và em trai mình đã cùng chia sẻ trong suốt những năm qua, nhưng tôi lại rất nhớ căn phòng đó: một căn phòng có những bức tường mỏng như những chiếc bánh quy giòn tan, được sơn một màu xanh dương huyền thoại giống hệt với tông màu của những mái che của bất kỳ bể bơi công cộng nào trên thế giới này. Bạn có thể nghe thấy âm thanh nhỏ nhất từ căn phòng bên cạnh, bao gồm cả tiếng bộ phim hoạt hình Vua sư tử mà Jeremy đang bật đi bật lại. Tôi nằm ở tầng trên của một chiếc giường tầng - một chiếc giường bằng gỗ dán cũ kĩ đã có

những chỗ bị nứt, vì vậy thật là phí hoài cho chiếc nệm lò xo của chúng tôi khi phải nằm trên một thứ vô dụng như vậy - tôi bịt tai lại, cố gắng không để những tiếng ồn làm phiền mình. Nhưng việc này cũng chẳng có tác dụng là bao khi thứ âm thanh kia được lặp đi lặp lại không ngớt, dội qua những bức tường lỗ chỗ của sự tập trung. Tôi không chắc liệu rằng phần tiếp theo của câu chuyện mà tôi sẽ kể sau đây là đúng hay một sự thêm thắt trong bộ nhớ của tôi lại sinh ra cảm giác tội lỗi, nhưng lúc đó, tôi đã yêu cầu Jeremy vặn nhỏ tiếng xuống, và tôi thề là thay vì làm như những gì tôi nói, nó lại vặn to hơn. Sao một đứa trẻ có thể ngang bướng đến vậy?

Tôi xô người vào phòng khách, đẩy Jeremy ra khỏi chiếc ghế nó đang ngồi, làm thẳng bé va mạnh vào tường. Cú ngã đó khiến một bức ảnh trên đầu Jeremy xô dịch, đó là bức ảnh tôi đang ẵm thẳng bé trên tay khi nó mới chỉ là một đứa trẻ sơ sinh, còn tôi mới lên ba. Bức ảnh bị bung ra khỏi tường, rơi xuống và trúng vào mái đầu tóc vàng óng của Jeremy, những mảnh kính vỡ tan tành thành trăm mảnh.

Sau khi phúi các mảnh vỡ ra khỏi cánh tay và chân mình, Jeremy nhìn tôi. Một mảnh thủy tinh bị mắc trên đỉnh đầu thẳng bé, trông như một đồng xu quá khổ bị kẹt trên khe đứt tiền của một con lợn tiết kiệm. Mắt thẳng bé nheo lại, chẳng hề tức giận, nhưng bối rối. Jeremy hiếm khi nhìn thẳng vào mắt tôi, nhưng ngày hôm đó, nó nhìn chăm chăm vào tôi như thể nó sắp nghĩ ra câu trả lời cho một câu đố bí hiểm.

Rồi sau đó, đột nhiên, như thể thẳng bé đã tìm được câu trả lời cho mình, đôi mắt nó trở nên hiền dịu và ánh mắt nó chuyển hướng nhìn về những giọt máu đỏ đang nhỏ giọt trên cánh tay.

Tôi vội chộp lấy một chiếc khăn từ phòng tắm, cẩn thận phúi những mảnh kính vỡ trên đầu Jeremy, may mà những mảnh kính không đâm sâu vào đầu thẳng bé như tôi tưởng, sau đó, tôi quấn chiếc khăn tắm quanh đầu nó như một chiếc khăn xếp. Tôi đã lấy một chiếc khăn để lau máu trên cánh tay nó và chờ đợi cho máu ngừng chảy. Sau 10 phút, máu vẫn chảy ra từ vết

thương trên đầu Jeremy, và chiếc khăn tắm màu trắng đã nhuộm đầy máu đỏ. Tôi quần lại chiếc khăn trên đầu thẳng bé rồi đặt tay nó lên để giữ cố định chiếc khăn và chạy đi tìm mẹ.

Mẹ tôi thậm chí còn không để lại dấu vết như những mẫu bánh mì trong những câu chuyện cổ tích để chúng tôi có thể tìm thấy bà. Xe của gia đình chúng tôi đậu trên lối vào của căn nhà với hai bánh xẹp lép, phẳng lì, điều đó có nghĩa mẹ tôi đã đi bộ ở khoảng cách không quá xa. Điều này đã giúp tôi loại bỏ bớt một vài quán bar trong danh sách tìm mẹ. Tại thời điểm đó, thật lạ lùng là mẹ tôi lại có thể để tôi ở nhà một mình chăm sóc cho một đứa em trai tự kỷ và không bao giờ bận tâm đến việc nói cho chúng tôi biết bà đang đi đâu, hoặc có lẽ bà nghĩ rằng tôi tự biết phải tìm bà trong các quán bar. Lại một lần nữa, có vô khối những điều mà tôi đã từng cảm thấy rất bình thường khi còn bé giờ đây lại trở nên hoàn toàn sai lầm và hỗn độn khi nhìn lại. Tôi đã tìm thấy mẹ ngay quán bar đầu tiên, quán Odyssey.

Sự vắng vẻ của nơi này khiến tôi ngạc nhiên. Tôi đã luôn hình dung ra mẹ mình đuổi theo những nhóm người sang chảnh, họ cười nói, nhảy múa như những gì tôi nhìn thấy trong các chương trình quảng cáo trên tivi. Nhưng trái lại, quán bar nơi tôi đứng lại đang phát một thể loại nhạc đồng quê tồi tệ qua những chiếc loa rẻ tiền, với mặt sàn gỗ ghe, và bốc ra thứ mùi của những kẻ tầm thường. Chẳng khó gì để tìm ra mẹ tại một nơi như thế này, bà đang nói chuyện với người phục vụ quầy. Đầu tiên, tôi không thể nói chuyện với bà nếu gương mặt bà tỏ ra tức giận hay lo lắng. Nhưng bà đã trả lời nổi bật khoản đó bằng việc nắm lấy cánh tay đang rỉ máu của tôi và kéo tôi ra khỏi quán bar. Chúng tôi đi như bay trở lại ngôi nhà của mình và thấy Jeremy đang xem bộ phim hoạt hình yêu thích của nó, bàn tay nó vẫn còn giữ chiếc khăn như lúc tôi đặt tay nó vào đó. Khi mẹ nhìn thấy chiếc khăn đầm máu, bà trở nên quần trí.

“Ôi Chúa ơi, mày đã làm gì thế này? Hãy nhìn mớ hỗn độn này xem!”. Bà kéo chiếc khăn ra khỏi đầu Jeremy và nhắc bóng nó khỏi sàn nhà bằng

hai cánh tay, thả thẳng bé vào nhà tắm rồi lại nhắc bồng nó vào chiếc bồn tắm rỗng không. Máu bê bết trên mái tóc vàng hoe của Jeremy. Mẹ cũng ném luôn cả chiếc khăn vấy máu vào bồn rửa mặt và quay trở lại phòng khách để chà sạch ba cái đốm máu nhỏ trên chiếc thảm nâu.

“Mày phải dùng chiếc khăn sạch của tao,” bà hét lên. “Mày không thể chỉ lấy một miếng giẻ lau. Hãy nhìn vào những vết máu trên thảm này đi. Chúng ta có thể bị mất số tiền đặt cọc khi thuê căn nhà này. Mày đã bao giờ nghĩ về nó chưa? Không. Mày chưa từng nghĩ về điều này. Mày chỉ làm mọi chuyện rồi tung lên thôi, và tao luôn là người phải đi theo sau để giải quyết.”

Tôi bỏ vào phòng tắm, một phần để tránh xa mẹ tôi, một phần vì muốn ở bên Jeremy phòng khi nó cảm thấy sợ hãi. Mặc dù thằng bé chẳng sợ sệt gì, mà nói đúng hơn thì nó chưa bao giờ cảm thấy sợ hãi. Hoặc nếu có, nó cũng chưa bao giờ thể hiện ra ngoài. Nó nhìn tôi với vẻ mặt mà đối với tất cả mọi người thì đó là sự vô cảm, nhưng tôi có thể nhìn thấy cái bóng sự phản bội của chính tôi ẩn sau đôi mắt nó. Dù tôi có cố gắng quên đi cái đêm đó đến mức nào đi chăng nữa, có cố gắng chôn vùi nó ở một nơi nào đó sâu thẳm tận cùng, và để nó chết đi, thì ký ức về cái nhìn của Jeremy đối với tôi lúc đó vẫn tiếp tục hiện hữu.

Jeremy giờ đã mười tám tuổi, đủ lớn để có thể tự ở một mình trong căn hộ trong một vài giờ, nhưng không thể trong vài ngày. Khi tôi cố gắng chạy xe về phía căn hộ mẹ đang ở vào đêm đó, hai đội bóng Twins và Indians đang cạnh tranh sát nút ở cú giao bóng đơn trong hiệp đấu thứ ba. Tôi đã mở cửa được căn hộ bằng chiếc chìa khóa dự phòng và tìm thấy Jeremy đang xem bộ phim Cướp biển vùng Caribe, một bộ phim yêu thích mới của thằng bé. Nó trông có vẻ ngạc nhiên trong giây lát, rồi lại nhìn xuống khoảng sàn nhà ngăn cách giữa chúng tôi.

“Này anh bạn,” tôi nói, “Em thế nào rồi?” “Chào anh Joe”, nó trả lời.

Khi Jeremy bắt đầu lên cấp hai, thị trấn cử một giáo viên tên là Helen Bollinger đến hỗ trợ thằng bé.

Cô ấy có hiểu biết về chứng tự kỷ, hiểu nhu cầu của Jeremy cho những thói quen và cách sống của nó, thằng bé thích được một mình, ghét động chạm hay bị động chạm, và nó không có khả năng hiểu được những gì vượt quá những nhu cầu cơ bản nhất, giữa trắng và đen.

Trong khi cô Bollinger cố gắng vật lộn để cứu Jeremy ra khỏi bóng tối của nó, mẹ tôi lại không khuyến khích thằng bé lắng nghe và thấu hiểu. Đó là một trận chiến vật vã kéo dài trong bảy năm, nhưng đối với cô Bollinger, cô ấy đã thắng hơn là thua. Ngay khi Jeremy tốt nghiệp trung học phổ thông, tôi đã hoàn toàn có một người em trai có khả năng trò chuyện, mặc dù thằng bé phải vật lộn để nhìn vào tôi khi chúng tôi nói chuyện.

“Em đã nghĩ rằng anh đang ở trường,” Jeremy nói trong khi chặt vật phát ra từng chữ một như thể thằng bé đang sắp xếp mỗi từ vào một dây chuyền sản xuất một cách cẩn thận.

“Anh quay lại để gặp em,” tôi nói.

“Ồ, vâng.” Jeremy quay lại với bộ phim yêu thích. Tôi lại tiếp tục, “Mẹ gọi cho anh, mẹ nói mẹ có một cuộc họp và sẽ không về nhà trong một vài ngày.”

Nói dối Jeremy chẳng hề khó, tính tin tưởng vô điều kiện của thằng bé không có khả năng nhận diện được sự lừa dối. Tôi không hề ích kỷ khi nói dối thằng bé. Đây chỉ là cách mà tôi giải thích với nó về mọi việc mà không quá phức tạp hoặc quá nghiêm trọng khi nói ra sự thật. Đây là lần đầu tiên mẹ tôi tự đắm đầu vào trung tâm giải độc rượu, tôi nảy ra ý định nói dối rằng bà đang phải đi họp. Sau đó, tôi nói với Jeremy rằng mẹ phải đi họp mỗi khi bà đến một trong các sông bạc Ấn Độ hay không tự chủ được và qua đêm tại nhà một gã nào đó. Jeremy không bao giờ hỏi về những cuộc

họp ấy, không bao giờ bắn khoản tại sao một số cuộc họp chỉ kéo dài trong vòng vài giờ đồng hồ, một số khác lại kéo dài đến vài ngày, không bao giờ vắn vẹo rằng những cuộc họp ấy diễn ra thật đột ngột.

“Đây là một trong những cuộc họp kéo dài,” tôi nói. “Vì vậy em sẽ đến ở với anh trong một vài ngày.”

Jeremy ngừng hướng mắt lên bộ phim đang chiếu và bắt đầu nhìn quanh sà n nhà, một rãnh nhỏ bắt đầu hình thành trên đôi lông mày thẳng bé. Tôi có thể nói rằng thẳng bé đang cố gắng giao tiếp bằng mắt với tôi, một nhiệm vụ mà không hề dễ dàng gì với thẳng bé. “Có thể em sẽ ở lại đây và chờ mẹ về”, thẳng bé lên tiếng.

“Em không thể ở lại đây. Anh phải đến lớp học vào ngày mai. Anh sẽ đưa em đi cùng đến căn hộ của anh.”

Câu trả lời của tôi không phải là những gì nó muốn được nghe. Tôi có thể nói như vậy vì thẳng bé không cố gắng nhìn vào mắt tôi nữa, đó là một dấu hiệu của sự lo lắng đang bắt đầu dâng lên trong lòng Jeremy. “Có lẽ anh có thể ở lại đây và đến lớp vào sáng mai.”

“Lớp học của anh trong trường đại học. Phải đi mất khoảng hai giờ đồng hồ từ đây, anh không thể ở lại đây, em trai ạ.” Tôi vẫn giữ vẻ bình tĩnh nhưng rất cứng rắn.

“Có lẽ em sẽ ở lại đây một mình”.

“Em không thể ở lại đây, Jeremy. Mẹ nói rằng em phải đi với anh. Em có thể ở phòng của anh trong trường đại học.”

Jeremy bắt đầu chà xát ngón tay cái bên trái vào các đốt ngón tay phải của mình. Thẳng bé thường làm điều này khi cảm thấy ngôn ngữ của mình trở nên không có trọng lượng. “ Có lẽ em sẽ chờ ở đây, ở đây.” Tôi ngồi xuống chiếc ghế dài bên cạnh Jeremy.

“Việc này sẽ rất vui đấy,” tôi nói. “Sẽ chỉ có hai chúng ta, anh và em thôi. Anh sẽ mang theo đầu đĩa DVD, và em có thể xem bất kỳ một bộ phim nào mà em muốn. Em có thể mang một túi thật to, với tất cả những chiếc đĩa DVD mà em thích.”

Jeremy mỉm cười.

“Mẹ sẽ không quay lại trong một vài ngày tới, và anh muốn em sẽ cùng anh đến căn hộ mà anh đang ở, được chứ?”

Jeremy suy nghĩ trong một lát rồi khó khăn đưa ra quyết định, “Em có thể mang theo Cướp biển vùng Caribe được không?”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói. “Chuyến đi này sẽ rất vui đấy. Chúng ta sẽ cùng làm cho nó trở thành một chuyến phiêu lưu. Em sẽ là thuyền trưởng Jack Sparrow, còn anh sẽ là Will Turner. Em sẽ nói gì nhỉ?”

Jeremy ngược lên nhìn tôi và bắt chước điệu bộ của thuyền trưởng Jack, nhân vật mà thằng bé yêu thích nhất và nói, “Đây là ngày mà người sẽ luôn luôn ghi nhớ, đó là ngày người đã gần như tóm được thuyền trưởng Jack Sparrow ta.” Rồi thằng bé cười khanh khách cho đến khi đôi má mình đỏ ửng, và tôi cũng cười cùng thằng bé, theo cái cách mà tôi luôn cười khi Jeremy pha một trò đùa. Tôi vội lấy một vài chiếc túi đựng rác và đưa một chiếc cho Jeremy để thằng bé thu dọn đồng DVD và quần áo của mình, tôi kiểm tra để chắc chắn rằng thằng bé đã mang đủ đồ để dùng phòng trong trường hợp mẹ tôi không được tại ngoại.

Trong khi lái xe ra khỏi nhà, tôi bắt đầu tính toán lại lịch làm việc và lịch học của mình, cố gắng để chừa lại những khoảng thời gian trống dành cho việc chăm sóc Jeremy. Và hơn tất cả, những câu hỏi mơ hồ bắt đầu lớn vồn trong đầu tôi.

Jeremy sẽ làm thế nào để có thể làm quen được với thế giới xa lạ trong căn hộ của tôi?

Tôi sẽ kiếm đâu ra thời gian và tiền bạc để bảo lãnh cho mẹ được tại ngoại? Và làm thế quái nào để mà tôi lại trở thành cha mẹ ở cái gia đình tan nát này?

CHƯƠNG 3

Tên đường quay lại thành phố Twin, tôi dõi theo ánh mắt đầy lo âu và trần trở của em trai mình, đôi lông mày và cái trán của thằng bé hết nhíu lại rồi lại trở nên có vẻ thư giãn khi nó bắt đầu trải nghiệm những gì đang lần lượt diễn ra. Khi đằng sau sự cố gắng của tôi là những nụ cười, Jeremy đã dần dần cảm thấy thoải mái hơn với cuộc phiêu lưu của chúng tôi, và cuối cùng, thằng bé đã trút ra được những hơi thở của sự thư giãn, cái cách mà tôi vẫn thường thấy những chú chó thể hiện khi chúng đầu hàng với sự cảnh giác để chìm vào giấc ngủ. Jeremy - cậu bé vẫn hay dựa đầu mình vào đầu giường, cùng dùng chung một chiếc giường với tôi, cùng dùng chung phòng với tôi, cả tủ quần áo và cả tủ ngăn kéo cùng tôi trong mười tám năm ròng, và giờ đây, một lần nữa, nó lại ở cùng với tôi. Chúng tôi chưa bao giờ rời nhau quá một hoặc hai đêm cho đến khoảng một tháng trước, khi tôi chuyển đến ở trong ký túc xá của trường, để lại thằng bé với một người phụ nữ đang vật lộn trong mớ hỗn độn của đời mình.

Đó là một ký ức xa xưa nhất tôi có thể nhớ, ngày đó, mẹ tôi đã để cho trạng thái hoang dã làm chủ ý chí của mình, bà đã nhảy múa, cười nói, chạy khắp căn phòng khách trong vòng một phút, rồi tiếp đó là vứt tứ tung bát đĩa khắp nơi trong phòng bếp - một biểu hiện rối loạn lưỡng cực^{11*} mà tôi có thể hiểu vào lúc bấy giờ. Tất nhiên, sự chuẩn đoán đó không bao giờ được mẹ thừa nhận bởi mẹ tôi luôn từ chối sự giúp đỡ chuyên nghiệp từ các bác sĩ. Thay vào đó, bà tiếp tục sống cuộc sống của mình mà không thêm màng tới lời khuyên của bất cứ ai, như thể sự thật đó không hề tồn tại nếu những từ đó không được hét thật to vào tai bà. Như một cách đổ thêm dầu vào lửa, và cũng như một hình thức tự chữa bệnh để dập tắt những tiếng gào hét bên trong nhưng ngược lại là sự khuếch đại của những việc làm điên rồ - mẹ tôi đã chọn cách uống rượu, ngày một nhiều hơn, và bạn có thể

tưởng tượng ra một bức tranh về người mẹ đã sinh ra tôi, một cách toàn diện.

11* *Rối loạn lưỡng cực: còn được gọi là bệnh trầm cảm - hưng phấn, là một rối loạn não gây ra những thay đổi bất thường trong tâm trạng, năng lượng, mức độ hoạt động, và khả năng để thực hiện nhiệm vụ hàng ngày. Các triệu chứng của rối loạn lưỡng cực rất nghiêm trọng. Những biểu hiện bệnh sẽ thay đổi đối với mỗi thời kỳ của người bệnh. Các triệu chứng rối loạn lưỡng cực có thể dẫn đến việc làm hỏng mối quan hệ, hiệu suất công việc hay học tập giảm sút, và thậm chí là tự tử. Nhưng bệnh nhân rối loạn lưỡng cực có thể được điều trị, và những người bị bệnh này có thể sống một cuộc bình thường và hiệu quả.*

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mẹ tôi luôn luôn có suy nghĩ tồi tệ như vậy. Trong những năm đầu tiên, mẹ tôi kiên quyết không để những người hàng xóm và trung tâm Bảo trợ trẻ em động đến hai anh em tôi. Chúng tôi thậm chí đã có những quãng thời gian tuyệt đẹp. Tôi còn nhớ cả ba chúng tôi đã cùng đi đến Bảo tàng Khoa học, lễ hội Renaissance^{12*}, và khu giải trí Valley Fair. Tôi cũng nhớ mẹ đã giúp tôi làm bài tập toán về nhà, khi tôi phải xoay xở với những phép tính nhân số có hai chữ số. Đôi khi tôi còn tìm thấy những vết rạn nứt đang lớn dần lên giữa hai chúng tôi và còn nhớ đến nụ cười của mẹ và thậm chí là cả tình yêu bà dành cho chúng tôi. Khi tôi cố gắng, tôi cũng có thể nhớ về một người mẹ đã sưởi ấm và ve vuốt cho những tháng ngày tươi đẹp ấy, trước khi cả thế giới bị bỏ quên sau lưng bà.

12* *Renaissance Festival: Lễ hội thời kỳ Phục hưng.*

Tất cả những điều tuyệt vời đó đã hoàn toàn thay đổi khi ông ngoại Bill của tôi qua đời. Một cảm giác bồn chồn, hoang mang tột độ đã đổ ụp xuống bộ ba bé nhỏ chúng tôi ngày đó, như thể cái chết của ông đặt một dấu chấm hết, cắt đứt sợi dây ràng buộc cho sự ổn định của mẹ. Sau khi ông ra đi, bà bỏ qua tất cả những sự kiềm chế hiếm hoi mà mình có được và buông xuôi bản thân cho những làn sóng của cảm xúc và tâm trạng. Mẹ tôi khóc nhiều

hơn, la hét nhiều hơn, và đá kích bất cứ khi nào bà thấy vướng mắt và choáng ngợp. Mẹ có vẻ như quyết tâm tìm đến những góc tối hơn của cuộc đời mình và ôm khư khư lấy chúng như một điều mới mẻ.

Đánh đập là nguyên tắc thay đổi đầu tiên của mẹ. Hành vi này bắt đầu một cách từ từ, nhưng cuối cùng, mẹ đã tát tôi một cái trời giáng giữa mặt bất cứ khi nào bà cảm thấy sôi máu. Mặc dù vậy, tôi cũng đã đủ lớn và trở nên ít nhạy cảm hơn với những cái tát, vì vậy, bà tự điều chỉnh mục đích của mình và bắt đầu tát vào tai tôi. Tôi rất ghét điều đó. Đôi khi, bà sẽ sử dụng một số vật như thìa gỗ hoặc vĩ đập ruồi như một cách thể hiện quan điểm của mình. Một lần, khi đang học lớp bảy, tôi đã bỏ lỡ một cuộc thi đấu vật chỉ vì những vết đòn roi trên hai đùi tôi hiện rõ khi tôi mặc bộ đồ thi đấu, và mẹ đã buộc tôi phải ở nhà. Trong nhiều năm qua, mẹ đã để Jeremy ra khỏi cuộc chiến giữa tôi và bà, và muốn đổ toàn bộ nỗi thất vọng của bà lên đầu tôi. Nhưng khi thời gian trôi qua, bà bắt đầu mất kiểm soát với thằng bé, và cũng bắt đầu chửi rủa, la hét với Jeremy như đối với tôi.

Rồi một ngày, mọi chuyện đã đi quá xa.

Khi tôi mười tám tuổi và tốt nghiệp trung học, tôi trở về nhà và nhìn thấy mẹ tôi đang say xỉn, rồi giận dữ và đánh vào đầu Jeremy với một chiếc giày tennis. Tôi đẩy bà vào phòng ngủ rồi ném bà lên giường. Bà ngồi dậy và cố gắng đánh lại tôi. Tôi nắm lấy cổ tay bà, trói lại và đẩy bà trở lại giường. Bà cố xông vào tôi thêm vài lần nữa và đầu hàng bằng việc úp mặt xuống tấm nệm giường. Sau những nỗ lực cuối cùng, bà dừng lại, thở hỗn hển và bất lực. Sáng hôm sau, bà cư xử như chưa hề có chuyện gì xảy ra, giống như việc bà không có bất kỳ một ký ức nào về sự điên rồ của mình, và cũng giống như gia đình nhỏ bé của chúng tôi đã không ở cái bờ vực của sự sụp đổ không thể tránh khỏi của nó. Tôi đã cố giả đồ như vậy, nhưng tôi biết - tôi biết rằng bà đã chạm đến giới hạn, giới hạn mà bà có thể biện minh cho việc đánh Jeremy. Tôi cũng biết điều này, một khi tôi rời khỏi nhà và tới sống trong trường đại học, tình trạng này thậm chí còn trở nên tồi tệ hơn.

Những suy nghĩ ấy đã bóp nghẹt lấy lồng ngực tôi. Và vì vậy, cũng giống như việc mẹ tôi giả vờ như không hề có chuyện gì xảy ra sau khi bà im chuyện này đi, tôi cũng đã chôn vùi những suy nghĩ của mình vào trong, giấu chúng tại nơi mà chúng sẽ không bao giờ bị lãng quên.

Nhưng khi chúng tôi đi thẳng về phía căn hộ tôi đang ở vào cái đêm đó, mọi chuyện vẫn rất ổn. Jeremy và tôi nghe trận đấu Twins trong khi lái xe - chỉ ít là tôi được dõi theo trận đấu đó qua đài phát thanh.

Jeremy cũng dõi theo trận đấu nhưng không thể theo kịp từ phút đầu tiên. Tôi nói chuyện với thằng bé, giải thích mọi thứ về trận đấu trong khi chúng tôi vẫn tiếp tục lái xe, nhưng nó hiếm khi phản ứng lại với những điều tôi nói. Khi thằng bé bắt đầu đáp lại, nó nhảy bổ vào cuộc nói chuyện như thể vừa mới bước vào từ một căn phòng khác. Ngay khi chúng tôi chuyển hướng sang đường I-35, gần khuôn viên trường nơi tôi sống, đội Twins đã đánh bại hoàn toàn Cleveland bằng việc ghi bàn trong bốn lần chạy vòng cung số 8 để dẫn trước với tỉ số 6-4. Tôi ồ lên với mỗi lần chạy ghi bàn của đội bóng yêu thích và Jeremy bật cười trước sự phấn khích của tôi.

Khi đến nơi, tôi dẫn Jeremy theo những bậc cầu thang dẫn lên căn phòng tôi đang ở trên tầng hai, trong khi thằng bé vẫn giữ chiếc túi của mình trong tay. Chúng tôi chạm tới cửa phòng thì vừa kịp bật chiếc tivi và được thưởng thức quả ghi bàn cuối cùng của đội Twins trước khi trận đấu kết thúc. Tôi giơ tay lên high-five với Jeremy để ăn mừng, nhưng thằng bé đang xoay vòng vòng trong một xó giữa căn hộ tôi ở.

Khu bếp và phòng khách nằm ở hai phía đối diện nhau trên cùng một không gian duy nhất; phòng ngủ của tôi không lớn hơn chiếc giường đôi được đặt ở giữa phòng là mấy; và căn hộ tôi ở không có phòng tắm; chỉ ít là nó không nằm trong phạm vi những bức tường của căn phòng. Tôi đã trông thấy Jeremy đảo mắt tìm quanh căn hộ của mình, mắt nó dáo dác, tìm đi tìm lại trong căn phòng, như thể ở một nơi nào đó trong căn phòng sẽ hiện lên một cánh cửa phòng tắm bí mật.

“Có lẽ em cần dùng phòng tắm”, Jeremy nói. “Lại đây nào,” tôi trả lời, và ra hiệu cho Jeremy. “Anh sẽ chỉ cho em.”

Phòng tắm của tôi nằm phía bên kia hành lang, đối diện cửa trước. Ngôi nhà cũ ban đầu được xây dựng từ những năm 1920 cho các gia đình lớn trong vòng một thế kỷ, khi tỉ lệ sinh vượt xa tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh. Năm 1970, khu nhà này đã được phân chia lại thành các căn hộ gồm ba phòng ngủ ở tầng một và các căn hộ gồm hai phòng ngủ đơn ở tầng lầu, chỉ với duy nhất một căn hộ trong số đó có đủ diện tích cho một phòng tắm riêng khép kín. Vì vậy, với vị trí ở đầu lối đi của dãy cầu thang nhỏ hẹp, cánh cửa bên phải là căn hộ nơi tôi ở, còn cánh cửa bên trái là phòng tắm của tôi, cánh cửa thẳng về phía trước là một căn hộ khác cùng tầng.

Tôi lục lọi lấy ra bàn chải và kem đánh răng của Jeremy từ một trong những túi đựng rác mà thằng bé mang theo, đi dọc theo hành lang và tiến thẳng tới phòng tắm với Jeremy, đang lẻo đẻo theo sau tôi với một khoảng cách đầy thận trọng. “Đây là phòng tắm”, tôi nói. “Nếu em cần riêng tư, chỉ cần khóa cửa lại.” Tôi chỉ cho thằng bé cách lật chốt cửa.

Thằng bé đã không bước vào phòng tắm. Thay vào đó, Jeremy kiểm tra phòng tắm từ khu hành lang tương đối an toàn. “Có lẽ chúng ta nên về nhà,” thằng bé lên tiếng.

“Chúng ta không thể, em trai ạ. Mẹ đang đi họp. Em nhớ chứ?”

“Có thể bây giờ mẹ đã về rồi.”

“Bà chưa về đâu. Bà sẽ không ở nhà trong một vài ngày tới.”

“Có lẽ chúng ta nên gọi điện cho bà ấy xem sao.” Jeremy bắt đầu chà xát ngón tay cái của mình lên các đốt ngón tay một lần nữa. Tôi có thể thấy một sự chấn động nhẹ trong tâm lý của thằng bé đang ngày một phát triển vượt xa khỏi sự lo lắng bình thường của nó. Tôi muốn đặt tay tôi lên vai

Jeremy để trấn an thằng bé, nhưng điều đó sẽ chỉ làm trầm trọng thêm phản ứng này. Chứng tự kỷ của Jeremy là như vậy.

Jeremy quay về phía những bậc cầu thang, toan lao xuống, và vẫn tiếp tục nhấn ngón tay cái của mình mạnh hơn vào mu bàn tay, nhào nặn chúng như với một đồng bột mì. Tôi chạy đến chặn Jeremy lại.

Thằng bé cao hơn tôi hai inch và nặng hơn tôi khoảng hai mươi pounds^{13*}. Về khoảng thời gian thằng bé bước sang tuổi mười bốn và bắt đầu vượt tôi về mọi mặt, từ chiều cao, cân nặng và cả ngoại hình: mái tóc màu vàng óng của thằng bé gọn xoắn xoáy mái đầu thành một xoáy kiểu Bắc Âu, trong khi mái tóc vàng dính bết vì bụi của tôi chĩa ra như những cọng rơm nếu tôi không định hình chúng bằng gel; cằm thằng bé vuông vắn và nam tính, với hai lúm đồng tiền duyên dáng, trong khi cằm tôi không đáng được đề cập đến ở đây; đôi mắt màu xanh dương của thằng bé sáng long lanh mỗi khi nhoẻn miệng cười, trong khi mắt tôi lại có một màu cà phê lục nhạt lờ mờ. Mặc dù sở hữu những lợi thế về mặt hình thể và diện mạo hơn hẳn tôi, nhưng với tôi, Jeremy vẫn là một cậu em trai bé bỏng, và do đó dễ bị ảnh hưởng từ phía tôi. Tôi đứng ngay sau thằng bé một bậc cầu thang, đôi tay tôi giữ lấy hai bắp tay em trai mình, cố xoa dịu thằng bé để chuyển sự chú ý của nó rời xa khỏi những bậc cầu thang kia và quay trở lại căn hộ của tôi.

^{13*} Đơn vị đo khối lượng, 1 pound = 0,45359237 kg.

Ngay phía sau, trên những bậc thang cuối cùng, tôi nghe tiếng cửa dẫn vào sảnh mở ra rồi đóng lại, theo sau đó là những tiếng bước chân đầy nữ tính. Tôi nhận ra đó là những âm thanh quen thuộc của cô ấy, thứ âm thanh mà tôi đã nghe mỗi khi cô ấy bước ngang qua phòng tôi mỗi ngày trong vòng cả tháng qua. Tôi chỉ biết cô ấy với mỗi cái tên L.Nash, đó là tên được viết trên miếng băng dính dán trên chiếc hòm thư. Cô ấy chỉ cao khoảng 5 feet 2, với mái tóc ngắn đen óng ôm trọn lấy khuôn mặt trông như làn nước đang nhảy nhót trên những viên đá. Cô ấy sở hữu một đôi mắt

đen, chiếc mũi thiên thần, và một khuôn mặt mang vẻ lạnh lẽo vì bị bỏ lại một mình. Cô ấy và tôi đã từng lướt qua nhau rất nhiều lần trong khu sảnh hoặc trên những bậc cầu thang. Khi tôi cố gắng bắt chuyện với cô ấy, cô ấy cười một cách lịch thiệp, và đáp lại một cách khéo léo, nhưng không bao giờ dừng lại - luôn luôn cố gắng để vượt qua sự “phiền hà” của tôi mà không làm cho người khác cảm thấy thô lỗ.

Cô ấy dừng lại một chút ở lưng chừng lối cầu thang nhìn tôi đang giữ lấy cánh tay Jeremy, và cố gắng ra sức ngăn thằng bé không bỏ đi. Jeremy nhìn thấy L.Nash và ngừng lại, đánh rơi ánh mắt của mình xuống sàn nhà. Tôi bước qua một bên để cô ấy đi qua, những bức tường dọc lối cầu thang ép lại với nhau khi cô ấy ngang qua, mùi sữa tắm và mùi phấn rôm lướt nhanh qua khứu giác của tôi.

“Xin chào,” tôi lên tiếng.

“Vâng, chào anh,” cô ấy quay lại, nhướn chân mày theo hướng chúng tôi đang đứng và bước thêm vài bước để tiến tới cánh cửa căn hộ của mình. Tôi muốn nói thêm điều gì đó, vì vậy, tôi đã buột miệng nói ra những suy nghĩ ngu ngốc đầu tiên nảy ra trong đầu mình.

“Nó không giống như những gì mà bạn đang nhìn thấy,” tôi nói. “Chúng tôi là hai anh em.”

“À vâng,” cô ấy đáp, trong khi tra chiếc chìa khóa vào ổ. “Tôi chắc chắn rằng tình thế này cũng giống như Jeffrey Dahmer^{14*}.” Cô ấy bước vào căn hộ của mình và đóng cửa lại. Sự châm biếm của cô ấy khiến tôi câm lặng. Tôi muốn quay trở lại với bản tính thông minh của mình, nhưng tâm trí tôi đang bị mắc kẹt giống như một chiếc then cửa hoen gỉ. Jeremy không nhìn L.Nash giống như tôi đã làm. Thằng bé đứng im lặng trên những nấc đầu tiên của dãy cầu thang, và cũng không còn chà xát ngón tay cái vào những đốt ngón tay của mình nữa. Sự nóng nảy trong nó đã qua đi. Sự bướng bỉnh trong đôi mắt Jeremy đã được thay thế bởi sự mệt mỏi, đây cũng là lúc quá

giờ ngủ thông thường của thằng bé. Tôi dẫn em trai mình lại phía phòng tắm để đánh răng và dẫn về phòng ngủ, nơi tôi đặt chiếc tivi cũ kĩ của mình và vì vậy, thằng bé có thể xem những DVD phim yêu thích.

14* *Jeffrey Lionel Dahmer (1960-1994), còn có tên gọi là Milwaukee Cannibal, kẻ giết người hàng loạt và tội phạm tình dục, với những tội danh hiếp dâm, giết người và chặt xác đối với mười bảy đàn ông và trẻ nam trong khoảng thời gian từ 1978 tới 1991.*

Tôi vợ lấy một chiếc chăn và trải trên chiếc ghế dài.

Tôi có thể nghe thấy tiếng phim Jeremy đang xem, những đoạn hội thoại và tiếng nhạc phim quen thuộc sẽ ru thằng bé vào giấc ngủ, tách thằng bé khỏi những điều lo lắng và sợ hãi khi sống ở môi trường hoàn toàn xa lạ này. Mặc dù những bộ phim chính là lý do cho sự thành công này, nhưng tôi cũng phải thán phục Jeremy vì sự thích nghi cũng như những gì thằng bé đã làm. Bất kể một sự thay đổi nhỏ nào trong thói quen sinh hoạt của thằng bé, như một chiếc bàn chải đánh răng mới, hay bữa sáng với loại ngũ cốc xa lạ, cũng có thể làm thằng bé nổi loạn. Nhưng trái lại, chính vào lúc này, ngay tại căn hộ mà thằng bé chưa từng đến, một căn hộ chỉ có diện tích bằng một nửa nơi mà nó vẫn gọi đó là nhà, một căn hộ mà thậm chí còn không có lấy riêng cho mình một phòng tắm khép kín, Jeremy đã làm được, và cũng là lần đầu tiên rơi vào giấc ngủ trên một chiếc giường không hề có tầng nào phía trên.

Tôi đã tắt điện thoại lúc chiều tối để tránh các cuộc điện thoại không mong đợi từ mẹ, nhưng giờ tôi lôi nó ra khỏi túi, bật lên, và kiểm tra những cuộc gọi nhỡ. Có đến hai mươi một cuộc có mã vùng 507, chẳng còn nghi ngờ gì, đó là những cuộc gọi của mẹ tôi từ trung tâm giải độc. Tôi có thể nghe thấy những tiếng la hét, chửi rủa của mẹ vì đã tắt điện thoại và để mặc bà với quy trình giải độc và nhà giam - mặc dù tôi chẳng có quyền hạn gì trong việc này.

Chín tin thoại được gửi đến, đầu tiên là từ mẹ tôi:

“Joey, mẹ không thể tin rằng con lại có thể đối xử với mẹ đẻ của con như vậy...” [Xóa]

“Joey, mẹ không biết mẹ xứng đáng với điều gì...” [Xóa]

“À thì, giờ mẹ biết mẹ không thể tin tưởng vào con...” [Xóa]

“Mẹ biết mẹ là một người mẹ tồi tệ...”[Xóa]

“Joey, nếu con không trả lời điện thoại, mẹ sẽ...”[Xóa]

“Con không yêu mẹ...”[Xóa]

“Mẹ xin lỗi, Joey. Mẹ chỉ ước mẹ chết đi. Có thể sau đó...”[Xóa]

“Tao nghĩ mày là một đứa sinh viên đại học tồi tệ...”[Xóa]

“Hãy trả lời cái điện thoại chết tiệt của mày đi...”[Xóa]

“Joey, tôi là Mary Lorngren từ viện dưỡng lão Hillview. Tôi chỉ muốn gọi để báo cho cậu biết rằng tôi đã nói chuyện với ông Iverson về dự án của cậu... Và ông ấy đã đồng ý gặp cậu để bàn luận về vấn đề này. Ông ấy muốn tôi nói rõ với cậu rằng ông ấy không muốn làm điều này. Ông ấy muốn gặp cậu trước. Cậu có thể gọi điện cho Janet vào ngày mai để xếp lịch hẹn ghé qua chỗ chúng tôi. Chúng tôi không muốn làm phiền những vị khách trong khoảng thời gian họ dùng bữa. Vì vậy hãy gọi cho Janet. Tạm biệt”.

Tôi tắt máy và nhắm mắt lại, một nụ cười thoáng qua trên má, “hấp thụ” sự trớ trêu kỳ lạ rằng tôi sẽ sớm được phỏng vấn một kẻ giết người man rợ, một gã đàn ông đã không suy nghĩ khi kết liễu đời một thiếu nữ, một tên tội phạm, người đã sống sót trong vòng hơn 30 năm qua tại một trong những địa ngục nhà giam tồi tệ nhất tại Minnesota, nhưng tôi lại không ngại cuộc phỏng vấn đó bằng việc phải đối mặt với mẹ một lần nữa. Tuy nhiên, tôi có

thể cảm nhận được một sự khởi đầu tốt đẹp, một điều mà tôi cho rằng đó là sự thuận lợi, một điều mà tôi hy vọng rằng sẽ mang lại một điểm số tốt trong lớp học tiếng Anh của mình. Với một động lực và quyết tâm căng tràn, tôi sẽ có thể vượt qua điểm yếu về mặt thời gian khi bắt đầu làm dự án của mình hơi muộn. Điều đó sẽ không bao giờ xảy đến với tôi, nếu như tôi vẫn tiếp tục nép mình trên chiếc ghế băng dài, và những sự thành công nhen nhóm trong lòng tôi sẽ vụt tắt. Khi cuối cùng tôi cũng đã ngủ thiếp đi vào cái đêm đó, tôi thực sự cảm thấy được bao bọc trong niềm tin rằng cuộc nói chuyện của tôi với ông Carl Iverson sẽ suôn sẻ, và bằng cách nào đó, cuộc gặp gỡ của chúng tôi sẽ làm cho cuộc sống của tôi trở nên tốt đẹp và thoải mái hơn. Về sau này, khi nhìn lại, tôi thấy mình lúc đó thật ngây thơ.

CHƯƠNG 4

Carl Iverson đang không mang giày khi bị cảnh sát bắt. Tôi biết điều này vì tôi tìm thấy một tấm ảnh của ông ấy, với đôi chân trần, bị dẫn qua đồng tro tàn của khu nhà kho đã bị đốt cháy, tiến đến một chiếc xe tuần tra đang chờ phía trước. Đôi tay ông ấy bị còng phía sau lưng, vai bị dúi về phía trước, một cảnh sát mặt trong bộ thường phục giữ một bên cánh tay ông ta và một viên cảnh sát mặc cảnh phục giữ lấy bên còn lại. Iverson mặc một chiếc áo phông trắng đơn giản và một chiếc quần bò màu xanh. Mái tóc đen gọn sóng của ông ấy bị xẹp về một bên đầu, như thể viên cảnh sát vừa kéo ông ta ra khỏi giường.

Tôi tìm thấy tấm ảnh này trong thư viện trường đại học Minnesota's Wilson, trong một kho lưu trữ với những bức tường bằng kính, nơi hàng ngàn tờ báo được lưu trữ trên một tấm vi phim^{15*} từ thời Cách mạng Hoa Kỳ. Không giống như những khu còn lại của thư viện, nơi những kệ sách được lấp đầy bởi những cuốn truyện về những anh hùng và những người nổi tiếng, phòng lưu trữ lưu giữ các tờ báo được viết bởi những cây bút mà mọi người thường thấy với hình ảnh chiếc bút chì giắt sau tai, và những lỗ thủng đang loét ra trong dạ dày họ, những bài báo viết về những thứ bình dị nhất của cuộc sống - bởi những con người hy sinh trong thầm lặng. Rất có thể, chưa bao giờ họ mơ tưởng về việc những câu chuyện của họ sẽ sống sót trong hàng thập kỷ, thậm chí là hàng thế kỷ, và được tìm đọc bởi một thanh sinh viên như tôi. Phòng lưu trữ tạo cho người ta cảm giác như đang sống trong một ngôi nhà tạm, với hàng triệu linh hồn được đóng gói cẩn thận trong những ống vi phim, giống như những nốt hương trầm đựng trong những chiếc bình nhỏ xíu, nằm chờ đợi một ai đó đến giải thoát, để chúng được cảm nhận, “nhâm nhi”, và hít hà thêm một lần nữa, dù đó chỉ là một khoảnh khắc nhỏ nhoi.

15* *Vi phim (microfilm) dùng để lưu trữ một khối lượng tài liệu khổng lồ trên một diện tích rất nhỏ. Đó là một tấm phim, trên đó được in những tấm ảnh với kích thước rất nhỏ, những trang sách, hoặc những tài liệu khác. Phương tiện này thường được dùng để sao chép sách báo trong các trường học và thư viện. Phương pháp này cho phép lưu trữ một khối lượng thông tin khổng lồ. Để đọc microfilm, người ta sử dụng một máy đọc có khả năng phóng đại các tài liệu đã chụp được.*

Tôi bắt đầu tìm kiếm từ khóa với cái tên Carl Iverson trên Internet. Tôi bắt đầu nghiên cứu những trang web với hàng ngàn lượt truy cập, có một đoạn trích trên một website viết về một số văn bản pháp lý liên quan đến quyết định của tòa án phúc thẩm về trường hợp của ông ta. Tôi không hiểu tất cả các thuật ngữ pháp lý, nhưng nó đã cho tôi đôi chút manh mối về ngày tháng khi vụ giết người diễn ra: 29-10-1980, và nó cũng đã cung cấp cho tôi tên viết tắt của cô bé bị sát hại: C.M.H - Điều này có nghĩa sẽ có đủ thông tin để tìm ra câu chuyện thật trên báo chí.

Tôi chuyển từ việc này qua việc khác một cách rất nhanh chóng, tôi phải ép mình làm việc thật hiệu quả vì sự hiện diện bất ngờ của em trai trong cuộc sống của tôi, và hơi một chút bối rối nhận ra rằng trong tay không chỉ có một quả bóng để tung hứng. Tôi thấy mình đang nghĩ về Jeremy và băn khoăn liệu rằng làm cách nào thằng bé có thể tự xoay xở ở căn hộ của tôi. Tôi cũng tự hỏi liệu việc điều trần tại ngoại của mẹ có diễn ra vào thứ sáu này hay không. Tôi phải làm việc tại quán Molly vào ngày thứ sáu, và không hề muốn đi làm khi để mặc Jeremy ở nhà một mình. Tôi cần phải đưa thằng bé trở về Austin trước ngày nghỉ cuối tuần. Molly chắc chắn sẽ sa thải tôi nếu tôi xin nghỉ thêm một lần nữa.

Tôi đã đánh thức Jeremy dậy vào buổi sáng trước khi tới trường, đổ một ít ngũ cốc vào bát, kéo tivi trở lại phòng khách, và chỉ cho thằng bé một lần nữa cách sử dụng điều khiển từ xa. Jeremy đã mười tám tuổi, và không có nghĩa là thằng bé không thể tự đổ ngũ cốc vào bát cho mình. Tuy nhiên sự

không quen thuộc của nơi này có thể khiến Jeremy cảm thấy bị rối trí. Thằng bé sẽ chịu nhin đói hơn là mở một chiếc tủ lạ lẫm và tìm đồ ăn trong đó. Tôi cân nhắc đến việc trốn học vào ngày hôm đó, nhưng tôi đã trì hoãn quá lâu cho dự án này.

Tôi để ra một vài chiếc đĩa DVD mà Jeremy yêu thích và nói với nó rằng tôi sẽ quay trở về trong vòng vài giờ đồng hồ nữa. Tôi hy vọng nó sẽ cảm thấy ổn khi ở lại một mình trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó, nhưng sự lo lắng của tôi ngày một tăng lên trong mỗi phút qua đi.

Tôi tiến tới ngăn chứa vi phim, tìm thấy một cuộn có ghi Minneapolis Tribune ngày 29-10-1980, rồi trượt nó vào máy đọc, lướt tìm câu chuyện trên trang đầu. Câu chuyện tôi đang tìm kiếm không có ở đó. Tôi chuyển qua trang tiếp theo và thông tin về kẻ giết người vẫn là một con số 0 tròn trĩnh, thậm chí còn không có một cô bé mười bốn tuổi nào có mặt trên những trang báo, hay cũng không có chữ cái C.M.H nào xuất hiện. Tôi đã đọc toàn bộ bài báo và vẫn không thu được kết quả gì. Dựa mình vào ghế, tôi đưa tay vò đầu và bắt đầu nghi ngờ rằng ngày tòa án đưa ra có thể bị sai. Sau đó, những manh mối bắt đầu hé mở trong tôi. Câu chuyện này vẫn chưa hề được ghi chép lại cho đến ngày hôm sau. Tôi lăn ống vi phim và tìm đến bản lưu trữ của ngày hôm sau. Những câu chuyện trên trang nhất ngày 30-10-1980 là một bài báo dài nửa trang viết về một hiệp ước hòa bình giữa Honduras và El Salvador. Ngay bên dưới chính là câu chuyện mà tôi đang tìm kiếm, câu chuyện về một cô bé bị giết hại và đốt cháy ở Northeast Minneapolis. Bài báo được thiết kế chạy dài theo một bức ảnh về một đám cháy được đặt ngay cạnh. Bức ảnh cho thấy những người lính cứu hỏa đang xối nước dập lửa vào một nhà kho chỉ bé bằng một gara đơn. Lửa cháy ngùn ngụt, cao tầm năm mét tính từ mái nhà, đã giúp cho các nhiếp ảnh gia bắt được hình ảnh giống như lính cứu hỏa vừa mới chỉ bắt đầu nỗ lực dập lửa của mình. Bài báo viết:

Tìm thấy thi thể người bị mắc kẹt trong vụ cháy trên đường Pierce.

Cảnh sát Minneapolis đang điều tra thi thể người bị cháy đen được phát hiện ngày hôm qua tại một kho chứa đồ trong khu Windom Park nằm phía đông bắc Minneapolis. Lực lượng lính cứu hỏa đã có được thông tin về vụ cháy tại khu 1900 đường Pierce N.E vào lúc bốn giờ mười tám phút chiều, đến cứu hộ tại hiện trường và phát hiện ra một kho chứa đồ đang bị nhấn chìm trong biển lửa. Lực lượng cảnh sát đã nhanh chóng sơ tán người dân thuộc các nhà lân cận trong khi nhân viên cứu hỏa nỗ lực dập tắt ngọn lửa. Fire Marshal John Vries báo cáo rằng các nhà điều tra truy tìm trong những mảnh vụn còn lại sau vụ cháy và phát hiện ra một thi thể bị cháy đen giữa những đồng đồ nát. Hiện danh tính của thi thể được tìm thấy chưa được xác định.

Cảnh sát không loại trừ khả năng đây là một vụ giết người.

Bài báo có một vài đoạn trích dẫn về các thiệt hại ước tính được và phản ứng của những người láng giềng sau vụ việc.

Tôi in ra một bản của mặt báo, cuộn lại tấm vi phim và tiếp tục tìm đến dữ liệu của ngày tiếp theo. Trong một bài báo sau đó, cảnh sát đã xác nhận rằng thi thể được tìm thấy trong vụ cháy ngày hôm trước đã được xác định là cô bé mười bốn tuổi Crystal Marie Hagen. Thi thể hầu như đã bị thiêu rụi, và các nhà chức trách nghi ngờ rằng nạn nhân đã chết trước khi ngọn lửa bùng phát. Kho chứa đồ bị thiêu rụi nằm ngay cạnh ngôi nhà mà nạn nhân sống với mẹ ruột, Danielle Hagen, cha dượng, Douglas Lockwood, và anh trai con cha dượng, Dan Lockwood. Mẹ Crystal, Danielle, nói với các phóng viên rằng họ đã nhận thấy Crystal mất tích ngay sau khi có nguồn tin tìm thấy một thi thể bị thiêu rụi trong đồng đồ nát của nhà kho. Crystal được xác nhận đã chết bằng phương pháp phân tích mẫu răng. Bài báo kết thúc với một lưu ý rằng người đàn ông Carl Iverson ba mươi tuổi, là nghi can cho vụ án này đang bị bắt giam để thẩm vấn. Iverson sống ngay cạnh nhà Crystal Hagen và là chủ sở hữu kho chứa đồ nơi thi thể Hagen được tìm thấy.

Tiếp theo bài viết này, tôi tìm thấy tấm ảnh hai viên cảnh sát đang bắt giữ Carl Iverson trong trạng thái không đi giày. Sử dụng các nút bấm trên máy đọc vi phim, tôi phóng to các hình ảnh. Hai viên cảnh sát mặc áo khoác và đeo găng tay, trái ngược với chiếc áo phông và quần bò của Iverson. Viên cảnh sát mặc cảnh phục đang nhìn chăm chăm vào một thứ gì đó phía sau người chụp ảnh. Từ những manh mối của sự buồn bã trong đôi mắt anh ta, tôi suy đoán rằng anh ta có thể đang nhìn gia đình Crystal Hagen, như thể họ đang chứng kiến một tên quái vật bị bắt giữ, kẻ đã giết chết và thiêu rụi con gái họ. Viên cảnh sát mặc thường phục được chụp trong tư thế miệng đang mở, cảm anh ta có vẻ hơi khoảh, như thể anh ta đang nói gì đó, hoặc thậm chí là đang la hét điều gì đó với Carl Iverson.

Chỉ có Carl Iverson, một trong ba người đàn ông trong bức ảnh, đang nhìn vào camera. Tôi không biết rằng tôi đang mong đợi điều gì khi nhìn thấy khuôn mặt ông ta. Bạn sẽ biểu hiện như thế nào sau khi bị buộc tội giết người? Liệu bạn có khệnh khạng bước đi khi ngang qua những tàn tích đã bị thiêu rụi của kho chứa đồ, nơi bạn đã phóng hỏa xác nạn nhân? Liệu bạn có khoác lên mình sự lãnh đạm và đi qua đồng tro tàn, thậm chí điều này còn không hứng thú hơn việc bạn đang đi ngang qua một cửa hàng ở góc phố để mua một ít sữa? Hoặc bạn tỏ ra thật sợ hãi, biết rằng mình đã bị bắt, biết rằng bạn vừa mới trải nghiệm một hơi thở cuối cùng của sự tự do và sẽ trải qua phần đời còn lại sau song sắt nhà tù. Khi tôi phóng to ảnh để nhìn rõ hơn khuôn mặt Carl Iverson lúc đó, qua đôi mắt mà ông ấy đang nhìn vào ống kính máy ảnh, tôi không hề nhìn thấy sự tự phụ nào, một sự điềm tĩnh thực sự, không hề sợ hãi. Những gì tôi đang nhìn thấy quả thực rất mơ hồ.

CHƯƠNG 5

Có một thứ mùi rất quen thuộc trong những tòa nhà chung cư cũ. Khi còn là một đứa trẻ, tôi còn nhớ sự phản ứng của những vị khách ghé thăm căn hộ của mẹ trước thứ mùi ấy, nó giống như thứ mùi của sự mục ruỗng và nhơ nhớp “chộp” lấy gương mặt của họ, khiến họ phải lấy tay bịt mũi, phải chớp mắt lia lịa, và phải đưa tay lên cầm mà kiềm chế. Khi tôi còn rất nhỏ, thứ mùi ẩm mốc đó là những gì tôi cho rằng ngôi nhà nào cũng có. Không phải mùi của nến thơm hay mùi của bánh mì nướng, mà là mùi của những đôi giày thể thao, mùi của những chén bát chưa rửa. Cho đến khi học trung học, tôi thấy mình phải quay mặt đi vì xấu hổ bất cứ khi nào có người ghé thăm chúng tôi. Tôi đã thề rằng khi tôi lớn lên và có căn hộ riêng của mình, tôi sẽ biến thứ mùi đó trở thành thứ mùi của đồ gỗ trong nhà, chứ không phải thứ mùi buồn nôn này.

Nhưng hóa ra, điều đó thật chẳng hề dễ dàng gì đối với túi tiền của tôi. Tòa nhà ba tầng tôi đang sống có một căn hầm chứa rượu cổ, nơi hấp thụ toàn bộ sự ẩm ướt và nhớp nháp của mặt sàn gỗ, bổ sung thêm cho toàn bộ cấu trúc ngôi nhà là một mùi hăng nồng được sinh ra từ bụi ẩm hòa lẫn với mùi đặc trưng của gỗ mục. Thứ mùi đậm đặc nhất xộc thẳng vào mũi ấy thường nằm ngay sau cánh cửa ra vào, nơi những chiếc hộp thư của chúng tôi được bắt vít vào tường. Bên trên, phía bên phải chiếu nghỉ là những bậc cầu thang dẫn tới căn hộ của tôi, phía bên trái là một cánh cửa dẫn đến các căn hộ của tầng chính, nơi gia đình người Hy Lạp, Kostas đang sống. Thi thoảng, mùi thơm của các gia vị ẩm thực phong phú lọt qua những cánh cửa đó, hòa trộn với thứ mùi ghê sợ của căn hầm cũ sẽ làm choáng ngợp mọi giác quan của bất cứ ai.

Tôi đã quán triệt rằng căn hộ của tôi sẽ phải được giữ thật sạch sẽ, được hút bụi hàng tuần, rửa bát sau mỗi bữa ăn; tôi thậm chí còn luôn muốn phải

bụi bất cứ khi nào tôi có mặt ở nhà. Tôi không phải là mẫu người quá sạch sẽ. Tôi chỉ đơn giản là không muốn để căn hộ của mình phải chống chọi lại với trạng thái hỗn loạn vốn dĩ của nó.

Tôi đến nỗi còn phải cắm liên tục một máy lọc không khí, chiếc máy giúp bơm và phun ra một thứ mùi pha trộn giữa táo và quế để chào đón mỗi khi tôi về nhà. Nhưng điều mà khiến tôi để ý tới ngày hôm đó, khi bước chân qua cánh cửa, không phải là thứ mùi dễ chịu phát ra từ chiếc máy lọc không khí của mình, mà là hình ảnh Jeremy đang ngồi trên chiếc ghế dài của tôi bên cạnh cô gái mà tôi chỉ biết với cái tên L.Nash và họ đang cười khúc khích với nhau.

“Và giờ, đó là những gì mà người gọi là mĩa mai,” L.Nash nói.

“Và giờ, đó là những gì mà người gọi là mĩa mai,” Jeremy nhắc lại. Rồi Jeremy và cô gái đó lại bật cười. Tôi nhận ra đó là lời thoại của nhân vật cướp biển trong bộ phim Cướp biển vùng Caribe. Đó là một lời thoại yêu thích khác của Jeremy. Họ đang xem phim với nhau. Jeremy đang ngồi, với tư thế quen thuộc, ngay giữa chiếc ghế dài đối diện với tivi, chân để trên mặt sàn, lưng tựa vào đường cong của lưng ghế, hai tay cuộn lại trên đùi, nơi chúng có thể chà xát với nhau mỗi khi thẳng bé cảm thấy bất an.

L.Nash ngồi khiêm tốn trên một góc ghế sofa, hai chân bắt chéo, mặc quần jean và áo len màu xanh. Đôi mắt cô ấy vụt nhẹ bằng khi cười với Jeremy. Tôi chưa từng nhìn thấy nụ cười như vậy bao giờ, chỉ ít là điều này vượt ra khỏi hình ảnh hai khóe môi chột nhếch lên tạo thành một nụ cười mỉm, mỗi khi chúng tôi lướt qua nhau ở hành lang. Nhưng giờ đây, nụ cười này đã hoàn toàn thay đổi cô ấy, như thể cô ấy đã trở nên cao lớn hơn, hoặc thay đổi màu tóc của mình hay làm một điều gì đó tương tự. Đôi má cô ấy hằn sâu lúm đồng tiền, đôi môi dường như đỏ hơn, và mềm mại hơn, đối lập với hàm răng trắng phía sau. Chết tiệt, cô ấy sao lại có thể dễ thương đến vậy!

Jeremy và L.Nash ngẩng lên nhìn tôi như thể tôi trong vai trò là một phụ huynh đang xâm phạm vào một bữa tiệc ngủ. “Xin chào!” Tôi lên tiếng, giọng nói của tôi có vẻ như đang phản bội lại sự bối rối của mình.

Những điều tôi muốn nói chính xác là “Jeremy, làm thế quái nào mà em lại mời được L.Nash vào nhà mình và ngồi lên chiếc ghế của anh thế kia?”

L.Nash chắc hẳn đã nhận ra sự bối rối trên khuôn mặt tôi vì cô ấy đang đưa ra một lời giải thích. “Jeremy gặp chút rắc rối với chiếc tivi,” cô ấy nói. “Vì vậy tôi qua đây để giúp thẳng bé.”

“Có vấn đề với tivi ư?” Tôi nói.

“Có lẽ chiếc tivi không hoạt động,” Jeremy nói, mặt thẳng bé chuyển về trạng thái lơ đãng như thường lệ.

“Jeremy ấn sai nút,” L.Nash nói. “Thẳng bé ấn sai nút đầu vào.”

“Có lẽ em đã ấn sai nút,” Jeremy nói.

“Anh xin lỗi, em trai”, tôi nói. Tôi cũng đã mắc lỗi tương tự này một vài lần, lúc đó, tôi đã vô tình chuyển chế độ đầu vào từ DVD sang VCR, làm cho tivi chột nố ra một màn hình trắng nhiễu loạn, và điều này chắc hẳn phải là một địa ngục đối với một đứa trẻ như Jeremy. “Thế làm thế nào mà thẳng bé... Ý tôi là ai...”

“Có lẽ chị Lila đã sửa nó,” Jeremy nói.

“Lila.” Tôi nói, và nhấn nhá cái âm thanh tên cô ấy trên đầu lưỡi mình lâu hơn một chút. Vì vậy, đó quả là một chữ L duyên dáng. “Tôi là Joe, và hiển nhiên là cô đã gặp em trai tôi - Jeremy.”

“À vâng,” Lila nói. “Jeremy và tôi vừa mới trở thành những người bạn tốt của nhau.”

Jeremy chuyển sự chú ý của mình trở lại bộ phim yêu thích, không còn để ý đến Lila, thậm chí còn không bằng cả việc thằng bé đối xử với bức tường sau lưng. Như một thằng ngốc - trạng thái này trở nên trầm trọng hơn trước sự hiện diện của một người con gái - tôi quyết định rằng động thái tiếp theo của mình sẽ là giải cứu Lila từ Jeremy, chỉ cho cô ấy một chỗ ngồi ở bàn dành cho người lớn, gây ấn tượng với cô ấy bằng trí thông minh và sự quyến rũ của tôi, và để tâm trí cô ấy lơ lửng. Ít nhất thì, đó cũng là kế hoạch của tôi.

“Cô có thấy ngạc nhiên khi tôi không phải là một kẻ giết người hàng loạt không?” Tôi hỏi.

“Kẻ giết người hàng loạt ư?” Lila nhìn lên tôi và tỏ vẻ bối rối.

“Đêm hôm trước... cô... ừm... đã gọi tôi là Jeffrey Dahmer.”

“À... tôi quên rồi.” Cô ấy cười nửa vời, và tôi bắt đầu rít tìm một chủ đề mới cho cuộc nói chuyện này mà quên ghi điểm với cô ấy bởi sự hài hước của mình. “Thế cô làm gì khi cô không phải là thợ sửa tivi?”

“Tôi là sinh viên đại học U”. Những lời của cô ấy lần lượt trượt ra, nhát gừng, rằng cô ấy biết quá rõ tôi biết cô ấy là một sinh viên đại học. Chúng tôi đã từng bước ngang qua nhau trên lối cầu thang rất nhiều lần với những tập vở trong tay. Tuy nhiên, so với những lời đề nghị chẳng ra đâu vào đâu trước đây, tôi phải xem điều này như một sự tiến triển vì chúng tôi đã có một cuộc nói chuyện thực sự đầu tiên. Tôi thường phải tính thời điểm bước chân ra khỏi nhà và thời điểm trở về nhà để có thể gặp cô ấy - ít nhất là bắt đầu từ việc chúng tôi không phải bước qua nhau với tâm trạng lo sợ - và hy vọng bắt chuyện với cô ấy của tôi còn khó hơn cả việc trộn ánh sáng với bóng tối. Nhưng tại đây, chúng tôi đã nói chuyện với nhau, tất cả chỉ vì nhờ việc Jeremy ấn sai nút điều khiển.

“Cám ơn vì đã giúp đỡ,” tôi nói. “Tôi thực sự biết ơn.” “Chỉ là láng giềng giúp đỡ nhau thôi mà,” cô ấy nói và bắt đầu đứng dậy. Cô ấy chuẩn bị rời đi; tôi không hề muốn cô ấy làm như vậy. “Hãy để tôi bày tỏ sự biết ơn của mình,” tôi nói. “Có lẽ tôi có thể mời cô đi ăn tối hay một cái gì đó.” Lời nói của tôi rơi phịch xuống đất ngay khi nó rời khỏi miệng.

Lila đan tay mình vào nhau, nhún vai và nói, “Không có gì đâu.” Sự ân cần của cô ấy bỗng chốc biến mất giống như một món đồ chơi đã hết pin, đôi mắt không còn trọng lượng, và đôi má lúm đồng tiền đã tắt ngấm. Đường như những lời nói của tôi đã tạo ra một tấm màn chắn giữa tôi và cô ấy. “Tôi nên rời khỏi đây,” cô ấy nói.

“Cô không thể đi được.”

Cô ấy bắt đầu bước ra phía cửa.

“Ý tôi là cô không nên đi,” tôi nói, nghe có vẻ đáng thương hơn tôi tưởng. “Lương tâm yêu cầu tôi phải trả ơn cô vì cô đã giúp đỡ.” Tôi tiến tới phía cửa, chặn một nửa lối đi trước mặt cô ấy. “Cô nên ở lại, ít nhất là dùng bữa trưa cùng chúng tôi.”

“Tôi phải đến lớp,” cô ấy nói, bước qua tôi, vai cô ấy va nhẹ vào cánh tay tôi khi đi qua. Rồi cô ấy dừng lại ở phía cửa, hoặc chí ít là tôi nghĩ rằng cô ấy có nán lại đôi chút. Có lẽ cô ấy đang xem xét lại lời mời của tôi. Hay cô ấy đang đùa giỡn với tôi, hoặc có lẽ - có thể - trí tưởng tượng của tôi đang lừa chính mình và sự thực là cô ấy không hề nán lại. Tôi, dĩ nhiên, sẽ chọn cách phạm sai lầm, đứng về phía của sự liều lĩnh và kiên quyết.

“Chí ít thì để tôi tiễn cô về nhà.” Tôi nói. “Nó chỉ mất tám bước chân thôi mà.”

“Hình như nhiều hơn mười bước đấy,” tôi nói, trong khi theo cô ấy ra hành lang và đóng cánh cửa phía sau lưng mình lại. Tôi sẽ chẳng đi tới đâu cả với những câu đùa cợt yếu ớt này, vì vậy tôi đã thay đổi chiến thuật và

cố gắng chân thành nhất có thể. “Tôi thực sự biết ơn với những gì cô đã làm cho Jeremy,” tôi nói, “Thằng bé có thể có một chút... tôi không biết nữa, có vẻ trẻ con chẳng hạn. Cô thấy đấy, thằng bé...”

“Tự kỷ?” Cô ấy nói. “À vâng, tôi biết. Tôi có một người em họ cũng bị chứng tự kỷ. Nó rất giống với Jeremy.” Lila tựa vào cánh cửa trước căn hộ của mình và xoay tay nắm đấm.

“Sao cô không dùng bữa tối với chúng tôi vào tối nay nhỉ?” tôi nói, vứt bỏ toàn bộ cái vẻ tinh tế mà tôi khoác lên mình từ nãy tới giờ. “Chỉ là cách mà tôi muốn bày tỏ lời cảm ơn của mình tới cô thôi. Tôi sẽ làm món mì Ý.”

Cô ấy bước chân vào căn hộ của mình và quay lại nhìn thẳng vào mắt tôi, khuôn mặt cô ấy đột nhiên trở nên nghiêm túc. “Nghe này Joe,” cô ấy nói. “Anh có vẻ là một chàng trai tốt, nhưng tôi không mong chờ một bữa tối. Không phải vào lúc này. Tôi bây giờ không mong chờ bất cứ một điều gì cả. Tôi chỉ muốn...”

“Không, không, tôi hiểu.” Tôi ngắt lời. “Tôi nghĩ tôi nên hỏi. Việc tôi muốn đề nghị không phải là cho tôi, mà là cho Jeremy,” tôi dối trá. “Nó cảm thấy có vẻ không được ổn khi phải xa nhà, và thằng bé có vẻ yêu quý cô.”

“Thật sao?” Lila mỉm cười. “Anh khéo mỗi lái em trai mình như vậy để nấu cho tôi một bữa ăn sao?”

“Chỉ như những người láng giềng thôi.” Tôi mỉm cười.

Cô ấy bắt đầu đóng cửa lại nhưng lại do dự khi suy nghĩ lời đề nghị của tôi một vài giây. “Được rồi,” cô ấy nói, “một bữa tối, đó là tất cả... dành cho Jeremy.”

CHƯƠNG 6

Janet, nhân viên lễ tân tại viện dưỡng lão Hillview, lần này đã mỉm cười với tôi khi tôi vừa bước chân vào lối cửa chính. Tôi đã gọi trực tiếp cho bà ấy để biết được giờ ăn và nghỉ trưa của ông Iverson. Bà ấy đã nói với tôi nên đến vào khoảng hai giờ chiều, tôi đến vừa đúng giờ, và cũng dự đoán trước được thứ mùi bạc hà xộc thẳng vào mũi khi tôi bước chân qua cửa.

Một người phụ nữ lớn tuổi với mái tóc giả xiêu vẹo vẫn án ngữ ở lối ra vào, chẳng hề để ý đến tôi khi tôi đi ngang qua. Trước khi rời khỏi căn hộ, tôi đã để Jeremy ngồi trên chiếc ghế dài, bắt đầu xem bộ phim của mình, và chỉ cho thẳng bé một lần nữa các nút trên phím điều khiển từ xa và phải tránh xa những nút nào trên đó. Khi tất cả mọi thứ đã êm xuôi - và dĩ nhiên ông Iverson đã đồng ý trở thành đề tài của tôi - tôi mới có thể có vừa đủ thời gian để chuẩn bị khung bài cho bài tập của mình.

“Xin chào, Joe.” Bà Janet đứng dậy và bước ra khỏi chiếc bàn lễ tân.

“Liệu tôi có đến đúng lúc không?” Tôi hỏi.

“Không còn thời điểm nào tốt hơn. Ông Iverson đã trải qua một đêm khó khăn vào hôm qua. Ung thư tụy là một điều kinh khủng.”

“Liệu ông ấy có ổn không để...”

“Ông ấy giờ đã ổn rồi. Có thể hơi mệt một chút thôi. Những cơn đau trong bụng ông ấy thì thoảng sẽ quặn lên và chúng ta phải trấn an để ông ấy nghỉ ngơi trong một vài giờ.”

“Ông ấy không xạ trị, hoặc hóa trị hay làm một điều gì đó tương tự sao?”

“Ông ấy có thể, tôi đoán vậy, nhưng những biện pháp đó không tốt cho ông ấy vào thời điểm này. Các hóa trị với liều cao nhất chỉ có thể kéo dài cuộc sống của ông ấy. Và ông ấy nói rằng ông ấy không hề muốn điều đó. Tôi cũng không đổ lỗi cho ông ấy vì việc này.”

Janet bước đi cùng tôi đến khu vực sảnh, chỉ vào một người đàn ông trên chiếc xe lăn đang ngồi một mình ở phía trước, nhìn ra một trong những khung cửa sổ lớn nằm phía sau tòa nhà.

“Ông ấy ngày nào cũng ngồi ở đó và nhìn chăm chăm vào ô cửa sổ phía trước, ông ấy đang tìm kiếm điều gì chỉ có Chúa mới biết, vì ở đó chẳng có gì đáng để xem cả.”

Ông ấy chỉ ngồi đó. Bà Lorngren nghĩ rằng ông ấy bị mê hoặc bởi một điều gì đó vượt ra khỏi những thanh kim loại đang chắn ngang tầm nhìn kia.

Tôi đã từng nghĩ rằng Carl Iverson là một con quái vật bị mắc kẹt trên chiếc xe lăn bị trói chặt bởi những chiếc đai bằng da để bảo vệ những người sống xung quanh ông ấy, hoặc ông ấy sở hữu một đôi mắt ớn lạnh của một kẻ điên khùng có khả năng trở thành một con quỷ dữ, hay diện mạo của ông ấy giống với một nhân vật phản diện khét tiếng, nhưng trên thực tế, tôi chẳng hề nhận ra những điều đó. Khi tôi nhìn vào người đàn ông này, tôi nghĩ rằng Janet đã phạm phải một sai lầm vì đã đưa tôi đến gặp nhầm người. Một vài lọn tóc mỏng, dài màu xám treo lơ lửng từ đỉnh đầu, những chiếc xương má nhọn chọc ra từ khuôn mặt gầy gò, làn da mỏng manh, vàng vọt bao phủ lấy chiếc cổ gầy guộc, nhăn nheo, mà tôi chắc rằng chỉ cần một bàn tay là có thể ôm trọn nó. Ông ấy có một vết sẹo to nằm vắt vẻo trên vị trí các động mạch cảnh ở cổ và cánh tay tái nhợt, gân guốc trên cơ thể ông ấy nổi lên trên những lằn xương, nơi chẳng hề thấy sự hiện diện của cơ hay thịt. Tôi ngờ rằng mình có thể giữ hai cánh tay của ông ấy và nhắc bổng lên, như một đứa trẻ có thể giơ chiếc lá về phía những tia nắng

mặt trời, và ngắm nghía những đường gân trong thân lá. Nếu tôi không tìm hiểu kĩ hơn, thì có lẽ tôi sẽ đoán rằng ông ấy khoảng tám mươi tuổi.

“Giai đoạn cuối.” Janet nói. “Đây là thời kỳ xấu nhất của căn bệnh này. Chúng ta nên cố gắng để ông ấy cảm thấy thoải mái nhất có thể, nhưng chúng ta không thể làm được gì nhiều. Ông ấy đáng lẽ có thể tiêm morphine, nhưng ông ấy đã tự chống chọi với những đau đớn đang dần vạt. Và nói rằng ông ấy muốn để mình đau đớn như vậy, để có thể suy nghĩ rõ ràng và thấu đáo hơn.”

“Ông ấy còn bao nhiêu thời gian nữa?”

“Nếu ông ấy có thể cầm cự được đến Giáng sinh, tôi sẽ bị thua cược.” Janet nói. “Đôi khi tôi cảm thấy ông ấy thật đáng thương, nhưng rồi tôi lại nghĩ đến việc ông ấy là ai - những gì ông ấy đã làm. Và nghĩ về cô bé mà ông ấy đã ra tay sát hại và những thứ mà cô bé đã phải bỏ lỡ trong cuộc đời: những người bạn trai, tình yêu, kết hôn, và có một gia đình của chính mình. Những đứa con của cô bé ấy có lẽ cũng sẽ tầm tuổi của cậu nếu ông ấy không giết cô bé. Tôi nghĩ về những điều đó bất cứ khi nào tôi bắt đầu cảm thấy thương cảm cho ông ấy.” Tiếng chuông điện thoại vang lên, kéo Janet lại với chiếc bàn lễ tân. Tôi chờ đợi khoảng một hoặc hai phút, hy vọng bà ấy sẽ quay trở lại và giúp tôi làm quen với ông ấy qua màn giới thiệu. Khi bà ấy không quay lại, tôi thận trọng - tiếp cận với thân xác ít ỏi còn lại của một kẻ giết người Carl Iverson.

“Ông Iverson?” Tôi lên tiếng.

“Vâng.” Ông ấy chuyển sự chú ý của mình rời khỏi một con chim gỗ kiến bay vụt xuống một thân cây thông đã khô héo phía bên ngoài cửa sổ.

“Cháu là Joe Talbert,” tôi nói. “Cháu nghĩ bà Lorngren đã nói với ông về việc cháu đến gặp ông ngày hôm nay?”

“À, vị khách của tôi... đã đến,” ông Carl nói với một giọng thì thào, ngắt lời nói của mình làm đôi với những tiếng thở khò khè. Ông gật đầu ra hiệu về phía một chiếc ghế bành gần đó. Tôi ngồi xuống. “Thế, cậu là một học giả?”

“À, không,” tôi nói, “không phải là một học giả, cháu chỉ là một sinh viên.”

“Lorngren nói với tôi...” Ông ấy nhắm chặt mắt lại để nuốt trôi một cơn đau đang ập đến. “Bà ấy nói với tôi rằng... cậu muốn viết về câu chuyện của tôi.”

“Cháu phải viết một bài tiểu sử cho lớp tiếng Anh cháu đang theo học.”

“Vì thế,” người đàn ông nhướn chân mày, nghiêng về phía tôi và nói với vẻ mặt rất nghiêm túc, “Câu hỏi rõ ràng nhất chính là... Tại sao lại là tôi? Làm sao tôi lại nhận được một... một vinh dự lớn đến vậy?” “Vì cháu cảm thấy câu chuyện của ông thật hấp dẫn.” Tôi nói ra điều đầu tiên nảy ra trong suy nghĩ của mình, những từ ngữ được thốt ra chứa đầy sự giả dối.

“Thú vị sao? Theo cách nào vậy?”

“Nó không phải là việc mỗi ngày ông phải chạm mặt với một...” Tôi tự chặn họng mình lại, tìm kiếm một cách lịch sự hơn để kết thúc lời nói của mình: một kẻ giết người, một kẻ cưỡng bức trẻ em? Đó là cách nói quá khắc nghiệt và thô lỗ. “... một người đã từng ngồi trong nhà giam,” tôi nói.

“Cậu đang tự kéo năm đăm của mình lại đây, Joe,” ông ấy nói trong khi gieo từng lời nói của mình với một tốc độ ổn định và cẩn thận để tránh việc phải ngừng lại để thở.

“Thưa ông?”

“Cậu không hề cảm thấy thú vị với tôi, chỉ bởi vì tôi đã từng ngồi tù. Cậu cảm thấy thú vị với câu chuyện của tôi vì tôi là một kẻ giết người. Đó là lý do vì sao cậu lại đang nói chuyện với tôi. Cậu có thể nói ra điều đó. Việc này sẽ giúp cho điểm số của cậu, đúng chứ?”

“Suy nghĩ đó thực sự đã lướt qua suy nghĩ của cháu,” tôi nói. “Những thứ như là... giết một ai đó, ý cháu là, chà, không phải ngày nào ông cũng nghĩ về nó.”

“Có thể nó còn nhiều hơn cả cậu nghĩ,” ông ấy nói. “Có khoảng mười hay mười lăm người trong cái nơi mà gọi là tòa nhà này đã mang tội giết người.”

“Ông nghĩ là ở đây có thêm mười kẻ giết người khác đang sống trong tòa nhà này và ở cạnh ông ư?” Tôi nói. “Ông đang nói về tội giết người hay ám sát?”

“Liệu có gì khác nhau không?”

Ông Iverson nhìn ra cửa sổ trong khi suy nghĩ về câu hỏi này, nhưng có lẽ không quá lâu để có thể tìm ra một câu trả lời như dự tính cho dù ông ấy có nói cho tôi biết hay không. Tôi quan sát những cơ bắp bé xíu đang gồng lên trên cơ hàm nghiêng chặt một vài lần trước khi đưa ra câu trả lời của ông. “Ừm, đúng”, ông ấy lên tiếng. “Có một sự khác biệt. Tôi đã làm cả hai việc đó. Tôi vừa giết người... và tôi còn ám sát nữa.”

“Có gì khác nhau ở đây?”

“Đó là sự khác nhau giữa niềm hy vọng rằng mặt trời sẽ mọc và không mọc”.

“Cháu không hiểu,” tôi nói. “Điều đó có nghĩa là gì?”

“À, tất nhiên, cậu không hiểu được,” ông ấy đáp. “Làm sao cậu có thể hiểu được? Cậu mới chỉ là một thằng nhóc. Cậu như một chú chó con học đại học bằng số tiền của cha mình, mà đáng lẽ số tiền đó sẽ được tiêu vào bia rượu và gái, cậu đang cố gắng vượt qua các cấp học để né tránh việc phải đi làm trong một vài năm. Cậu có thể chẳng có tí chút lo lắng gì với thế giới hơn là việc liệu cậu có buổi hẹn hò vào ngày thứ bảy này không.”

Sự mạnh mẽ của người đàn ông già ốm yếu này khiến tôi trút bỏ mọi cảnh giác, và nói thẳng ra thì, những điều ông ta nói khiến tôi cảm thấy tức giận. Tôi nghĩ về Jeremy đang ở lại trong căn hộ của mình, một chiếc điều khiển tivi chỉ cần nhấn nút là có thể xóa bỏ mọi sự khủng hoảng. Tôi nghĩ về mẹ, đang ngồi tù, van xin sự giúp đỡ từ tôi qua những lời rên rỉ và nguyên rủa, trút giận cho cái sự ra đời của tôi.

Tôi nghĩ về những lúc cam go mà tôi đã phải trải qua, giữa việc có hay không có khả năng chi trả cho chi phí học đại học mà tôi chỉ muốn nhảy bổ vào chiếc xe lăn bụi bặm và đầy sự chỉ trích kia mà xô bật ông ta ra khỏi chiếc xe của mình. Tôi cảm thấy sự tức giận đang dâng trào trong lồng ngực, nhưng tôi lại hít một hơi thật sâu, như việc mà tôi đã tự đúc rút cho mình mỗi khi trở nên bất lực trước Jeremy, và buông xuôi cho mọi chuyện trôi qua.

“Ông không biết gì về cháu cả,” tôi phân trần, “ông không hề biết rằng cháu đã sống ở đâu, hay cháu phải đương đầu với chuyện gì. Ông không hề biết những thứ quái quỷ mà cháu đã phải vượt qua để có mặt ở đây vào giờ phút này. Ông có muốn kể cho cháu về câu chuyện của ông hay không là tùy thuộc vào ông. Đó là đặc quyền của ông. Nhưng đừng có phán xét cháu như vậy.” Tôi chống trả lại cái ý muốn đứng dậy và bỏ đi khỏi đây, giữ chặt lấy hai tay ghế để tự giữ mình ngồi lại chiếc ghế.

Iverson liếc xuống những ngón tay đang bấu chặt của mình, rồi nhìn vào mắt tôi. Dấu hiệu của một nụ cười lướt qua khuôn mặt ông ấy, nó còn tinh

tế hơn cả một bông tuyết nhỏ nhoi, và đôi mắt ông ấy chột cụp xuống ra hiệu chấp nhận. “Tốt lắm, chàng trai.” Ông ấy nói.

“Tốt cái gì ạ?”

“Rằng cậu đã hiểu việc phán xét một người nào đó trước khi biết toàn bộ câu chuyện của họ là sai trái như thế nào.”

Tôi đã nhận ra được bài học mà ông ấy muốn tôi phải ghi nhớ, nhưng tôi lại phản ứng hơi thái quá.

Ông ấy tiếp tục, “Tôi đã có thể kể câu chuyện của tôi cho vô số người. Tôi đã từng nhận được rất nhiều những bức thư từ những người muốn biến cuộc đời tôi thành một điều gì đó mà họ có thể kiểm soát. Tôi chưa bao giờ đáp lại những lá thư đó, bởi vì tôi biết tôi có thể cung cấp cùng một thông tin cho hàng trăm tác giả và họ sẽ viết ra hàng trăm câu chuyện khác nhau. Vì vậy, nếu tôi kể câu chuyện của mình cho cậu, nếu tôi nói với cậu sự thật về tất cả mọi thứ, thì tôi phải biết cậu là ai, rằng cậu không phải là một đồ vô dụng, cần những thứ này chỉ vì điểm số trên lớp, và rằng cậu sẽ phải thật thà với tôi và thật công bằng về việc cậu sẽ kể lại câu chuyện của tôi ra sao.”

“Ông phải hiểu rằng đây chỉ là một bài tập về nhà. Không ai đọc nó, ngoại trừ giáo viên hướng dẫn của cháu”. Tôi nói.

“Cậu có biết một tháng có bao nhiêu giờ đồng hồ không?” Carl bất chợt hỏi tôi, chẳng vì lý do gì.

“Cháu chắc chắn rằng cháu có thể tính ra.”

“Có 720 giờ đồng hồ trong tháng 11. Có 744 giờ cho mỗi tháng 10 và 9.”

“Vâng,” tôi nói, và hy vọng ông ấy sẽ giải thích tiếp ý định của mình.

“Cậu thấy đấy, Joe, tôi chỉ có thể đếm thời gian còn lại của cuộc đời mình bằng giờ. Tôi sẽ sử dụng một phần trong quỹ thời gian đó của mình cho cậu, tôi cần phải biết rằng cậu xứng đáng với điều đó.”

Tôi đã không cân nhắc về vấn đề này. Janet nghĩ rằng Carl chỉ có thể sống lâu nhất đến lễ Giáng sinh.

Tháng 9, chỉ còn lại một tuần, ông ấy chỉ còn có ba tháng nữa để sống. Tôi tính sơ qua trong đầu mình và hiểu ra vấn đề này. Nếu Janet đúng, thì Carl chỉ còn lại không quá 3000 giờ đồng hồ tồn tại trên cõi đời này. “Cháu nghĩ cháu đã hiểu,” tôi nói.

“Và vì vậy điều tôi muốn nói với cậu là: Tôi sẽ thành thật với cậu. Tôi sẽ trả lời bất cứ câu hỏi nào cậu dành cho tôi. Tôi sẽ là cuốn sách mở cách ngôn, nhưng tôi cần phải biết rằng cậu không đang làm lãng phí thời gian của tôi. Cậu cũng phải thành thật với tôi như vậy. Đó là tất cả những gì tôi yêu cầu. Cậu có thể làm được không?”

Tôi nghĩ về những lời nói của ông ấy trong giây lát. “Ông sẽ hoàn toàn thành thật? Về mọi thứ?”

“Ta sẽ tuyệt đối trung thực.” Carl đưa tay ra, tỏ ý muốn bắt tay với tôi, đóng dấu thỏa thuận, và tôi đã đáp lại. Tôi có thể cảm nhận được những chiếc xương trên bàn tay người đàn ông này đang va vào nhau dưới làn da mỏng mảnh như thể tôi vừa cầm một chiếc túi bi. “Vì vậy,” ông ấy hỏi, “tại sao cậu không viết một câu chuyện về cha hay mẹ mình?”

“Cháu chỉ có thể nói rằng mẹ cháu là một người không đáng tin.”

Carl nhìn trân trân vào tôi, chờ đợi tôi tiếp tục câu chuyện của mình. “Thành thật, cậu nhớ chứ?” Ông ấy lên tiếng.

“Vâng, thành thực. Giờ thì mẹ cháu đang ở trung tâm giải độc tại Austin. Bà ấy chắc sẽ được ra khỏi trung tâm đó vào ngày mai, và sau đó sẽ ngồi tù

cho đến khi hầu tòa lần đầu tiên về tội DUI”.

“Ồ, có vẻ như bà ấy có một câu chuyện để kể đó chứ.”

“Cháu không muốn kể về nó,” tôi nói.

Ông Iverson gật đầu tỏ vẻ đồng cảm. “Thế còn cha cậu thì sao?”

“Cháu chưa bao giờ gặp ông ấy.” “Thế còn ông bà?”

“Bà ngoại cháu mất khi mẹ cháu còn nhỏ, còn ông ngoại cháu mất khi cháu mới mười một tuổi.”

“Ông ấy chết như thế nào?” Carl đưa ra các câu hỏi không hề có chủ tâm hơn cả việc bạn bất giác ngáp một cái ngáp thật dài; nhưng ông ấy đã chạm phải vết thương sâu nhất trong lòng tôi. Ông ấy đã mở ra cánh cửa cho một cuộc trò chuyện mà tôi không hề muốn, ngay cả với chính bản thân mình.

“Câu chuyện cháu cần viết không phải là về bản thân cháu,” tôi nói, sự sắc lạnh trong giọng nói của tôi cắt ra một ranh giới giữa tôi và ông Iverson. “Và câu chuyện này cũng không viết về ông ngoại của cháu. Nó được viết về ông. Cháu ở đây để xin thông tin về câu chuyện của ông. Ông nhớ chứ?”

Carl dựa lưng vào ghế và quan sát tôi trong khi tôi cố gắng thể hiện thái độ của mình trên khuôn mặt. Tôi không muốn ông ấy nhìn thấy tội lỗi ẩn sâu trong mắt mình hay sự giận dữ nấp sau quai hàm đang nghiến chặt. “Được rồi,” ông ấy lên tiếng. “Tôi không có ý chạm vào nỗi đau của cậu.”

“Không có gì đâu ạ,” tôi nói. “Ông không động vào bất cứ nỗi đau nào cả”. Tôi cố gắng hành động như thể phản ứng của tôi chẳng có ý gì ngoài việc tôi hơi mất kiên nhẫn. Sau đó, tôi đưa ra một câu hỏi cho ông ấy để thay đổi chủ đề. “Vậy thì, ông Iverson, cho cháu hỏi ông một câu nhé?”

“Được thôi.”

“Vì sao ông lại đồng ý dành thời gian cho cháu trong khi ông còn rất ít thời gian còn lại?”

Carl chỉnh lại tư thế trên chiếc xe lăn, nhìn ra cửa sổ, phía những chiếc khăn đang được phơi khô, những chiếc lò nướng và những ban công đầy rác của khu căn hộ phía bên kia. Tôi có thể nhìn thấy ngón tay trỏ của ông ấy đang vuốt ve tay vịn của chiếc xe lăn. Nó gợi nhớ cho tôi về cách mà Jeremy chà xát ngón tay của mình vào các đốt ngón tay còn lại khi nó cảm thấy lo lắng. “Joe,” cuối cùng thì ông ấy cũng lên tiếng, “Cậu có biết một lời trăng trối là gì không?”

Thực tình tôi không hề biết nó là gì, mặc dù tôi đã đưa ra kết luận. “Đó là một lời sám hối cuối cùng của một người sắp chết?”

“Nó là một thuật ngữ của luật pháp,” ông ấy nói. “Nếu một người thì thảo tên của người đã giết anh ta, và sau đó chết đi, điều đó được xem như một chứng cứ tuyệt vời vì có một niềm tin - một sự nhận thức - rằng một người đang chết đi sẽ không muốn chết với một lời nói dối trên môi mình. Không có tội lỗi nào lớn hơn cái tội mà không thể sửa chữa được, tội lỗi mà cậu không bao giờ được thú nhận. Vì vậy, cuộc... cuộc nói chuyện này giữa tôi và cậu... là một lời trăng trối. Tôi không quan tâm nếu có ai đó có được những gì từ việc cậu viết. Tôi thậm chí còn không quan tâm là liệu cậu có viết nó hay không.” Carl mím chặt môi, một cái nhìn xa xăm như kiếm tìm điều gì đó rất xa xôi vượt ra khỏi những khung cảnh trước mắt, một sự rung động nhẹ thấm trong lời nói của ông. “Tôi phải nói những lời này ra. Tôi phải kể cho một ai đó sự thật về những gì đã diễn ra vào nhiều năm trước đây. Tôi phải nói cho ai đó biết sự thật về những gì mà tôi đã làm.”

CHƯƠNG 7

Ở một lúc nào đó trong thời kỳ tuổi vị thành niên, tôi nhận thấy rằng mình không đẹp trai nhưng cũng chẳng đến nỗi tệ. Tôi góp mặt trong một đại dương đầy rẫy những chàng trai bình thường đang làm nền cho bức tranh rộng lớn kia. Tôi là một chàng trai mà bạn sẽ đồng ý quay trở về để tìm kiếm sau khi bạn phát hiện rằng anh chàng mà bạn muốn đã ngỏ lời với người con gái khác. Tôi cảm thấy ổn với điều đó. Thực tế thì, tôi nghĩ rằng diện mạo bảnh bao sẽ trở nên lãng phí đối với tôi. Tôi không nhầm đâu, tôi cũng đã từng hò hẹn khi học trung học, tuy nhiên, theo những gì tôi đã sắp đặt, tôi không bao giờ hò hẹn với ai quá hai tháng - ngoại trừ Phyllis.

Phyllis là bạn gái đầu tiên của tôi. Cô ấy có mái tóc xoăn màu nâu, đậm ra tua tủa, trông không khác gì những chiếc xúc tu của loài hải quỳ. Tôi đã nghĩ rằng cô ấy trông thật lập dị cho đến ngày chúng tôi chia sẻ với nhau nụ hôn đầu tiên. Rồi sau đó, mái tóc của cô ấy đối với tôi quý giá như một người tình và là những gì mới mẻ nhất. Chúng tôi đều là những học sinh năm đầu tại trường trung học, chạy theo con đường mòn của quy trình tán tỉnh nhau ở tuổi mới lớn, khám phá ra những ranh giới, trốn sau những góc khuất để trao nhau những nụ hôn vụng dại, nắm tay nhau giấu dưới gầm bàn trong quán cà phê, và tất cả mọi thứ mà có lẽ đều rất thú vị và tuyệt vời đối với tôi.

Rồi một ngày, cô ấy khẳng khái đòi tôi phải giới thiệu cô ấy với mẹ tôi.

“Cậu cảm thấy xấu hổ vì mình sao?” Phyllis hỏi. “Có lẽ nào mình chỉ là người mà cậu đùa giỡn khi có hứng?” Dù cố hết sức, tôi đã không thể thuyết phục cô ấy rằng tất cả những ý định của tôi đều rất nghiêm túc, trừ việc tôi đưa cô ấy về nhà để giới thiệu một cách chính thức. Giờ đây, khi nghĩ lại, tôi đáng lẽ nên chia tay với cô ấy một cách đơn giản và để cô ấy nghĩ rằng tôi là một kẻ tồi.

Tôi đã nói với mẹ rằng tôi sẽ đưa Phyllis về nhà sau giờ học vào ngày hôm đó. Tôi đã đề cập về cuộc ghé thăm này thường xuyên nhất có thể vào buổi sáng ngày hôm đó, với hy vọng sẽ khắc sâu trong tâm trí mẹ rằng bà ấy cần phải cư xử đúng mực nhất có thể trong vòng một giờ đồng hồ. Tất cả những gì bà ấy phải làm chỉ là thể hiện sự thân ái, tình tảo, và bình thường trong một giờ. Nhưng đôi khi, có lẽ tôi đã đòi hỏi quá nhiều.

Trong khi chúng tôi tản bộ trên lối vào của ngôi nhà, tôi có thể ngửi thấy mùi thức ăn, hay mùi thức ăn còn lại đang cháy trên bếp. Phyllis đã cười suốt dọc đường từ trường trở về nhà tôi, rồi lo lắng gập những ngón tay vào với nhau khi chúng tôi tiến lại gần với căn nhà hơn. Tôi dừng lại trước cửa, nghe tiếng mẹ tôi đang la hét vào một người đàn ông tên là Kevin. Tôi chẳng biết bất cứ ai tên Kevin hết.

“Chết tiệt, Kevin, tao không thể trả cho mày ngay bây giờ.” Tôi có thể nghe thấy những sự sỉ nhục trong lời nói của mẹ.

“Thật là tuyệt,” một giọng nam hét lại. “Tao đã phải hạ thấp mình để giúp đỡ mày và giờ đây khi tao cần tiền thì mày lại đối xử với tao như vậy.”

“Đó không phải là lỗi của tao, mày đã không thể giữ được công việc của mình,” mẹ tôi hét lên. “Đừng có đổ lỗi cho tao.”

“Không, tao không có đồng nào trong tay thì đó là lỗi của mày.” Ông ta nói. “Tao không có những đứa con ngu đần như thế kia để có tiền trả những hóa đơn giống như mày. Mày còn nợ tao 100 đô la. Tao biết mày nhận được một số tiền phúc lợi cho đứa trẻ đó. Chỉ cần trả cho tao khoản đó thôi.”

“F*ck you! Đồ chết giẫm. Cút ngay ra khỏi nhà tao!” “Tiền của tao đâu?”

“Mày sẽ nhận được số tiền chết tiệt đó. Giờ thì cút.” “Khi nào? Lúc nào tao sẽ lấy được tiền?”

“Cút. Con tao đang trở về nhà với một con “đĩ” con, và tao phải chuẩn bị sẵn sàng.”

“Khi nào tao nhận được tiền của tao?”

“Cút ngay! Trước khi tao gọi cảnh sát và nói với họ rằng mày một lần nữa lái xe mà không có bằng.”

“Đồ chó cái.”

Kevin đóng sầm cánh cửa phía sau và bỏ đi, cùng lúc đó, tiếng chuông báo cháy cũng rít lên, và càng ngày một dữ dội hơn vì mớ thức ăn bị cháy khét trong bếp. Tôi nhìn Phyllis và thấy cô ấy đang khép tất cả các giác quan của mình lại, mặc dù đã quá muộn để có thể ngăn chặn điều này xảy ra, một trải nghiệm mà chắc chắn rằng sẽ trở thành chủ đề của một vài buổi trị liệu tâm lý trong tương lai. Tôi đã muốn xin lỗi, muốn giải thích, hoặc còn hơn thế nữa, tôi muốn biến mất, muốn chui vào những vết nứt giữa những tấm ván lát trên hiên nhà. Thay vào đó, tôi giữ vai Phyllis và quay người cô ấy trở lại, dẫn cô ấy tới phía góc đường, và nói lời tạm biệt cuối cùng với cô ấy. Ngày hôm sau ở trường học, cô ấy cố tình né tránh tôi trong hội trường, điều này có lẽ ổn với tôi vì chẳng nào tôi cũng sẽ tìm cách tránh mặt cô ấy. Sau ngày đó, tôi chưa bao giờ hẹn hò với bất kỳ cô gái nào quá hai tháng. Tôi không thể chịu đựng được sự sỉ nhục khi mang một cô gái nào khác về giới thiệu cho mẹ tôi nữa.

Tôi nghĩ về Phyllis trong khi nấu mì cho bữa tối với Lila.

Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi đưa một cô gái về nhà mà không phải lo lắng về những gì đang chờ đón tôi ở trước cửa như những lần trước. Nhưng lại một lần nữa, tôi không thể đưa bạn gái về nhà. Đây không phải là một buổi hẹn hò, mặc dù hầu hết thời gian tôi đều đã dành cho sự chuẩn bị kỹ càng, chải chuốt đầu tóc trong khi tóc của tôi chẳng thể làm được gì để khá hơn, sức thêm chút nước hoa và tinh dầu thơm, chọn quần áo, mà tôi thấy

bộ nào cũng lên tiếng “hãy chọn tôi đi” hoặc “tôi chẳng bận tâm”. Tôi thậm chí còn để Jeremy tắm trong phòng tắm của tôi phía bên kia hành lang. Tất cả những thứ này đều dành cho một cô gái, người đã ném cho tôi cái chạm vai lạnh lùng với tất cả sức mạnh của một cầu thủ ở vị trí hậu vệ trong những trận bóng bầu dục. Nhưng chết tiệt là tôi vẫn thấy cô ấy thật dễ thương.

Lila đến nhà tôi vào lúc 7 giờ, vẫn mặc chiếc áo len xanh và chiếc quần jean như lúc sáng. Cô ấy nói xin chào, và liếc nhìn tôi đang đun nước trong bếp, rồi tiến lại phía Jeremy đang ngồi trên chiếc ghế dài.

“Anh bạn đẹp trai, tối nay chúng ta sẽ xem phim gì?” Cô ấy hỏi.

Jeremy hơi đỏ mặt trả lời. “Có lẽ là Cướp biển vùng Caribe.”

“Thật tuyệt.” Cô ấy cười và nói. “Chị cũng thích bộ phim đó.” Jeremy nở một nụ cười ngốc nghếch trong khi chỉnh chiếc điều khiển từ xa vào tivi còn Lila nhấn nút để bắt đầu bộ phim.

Tôi cảm thấy một sự ghen tị lạ lùng khi nhìn Jeremy và Lila cùng ngồi với nhau trên chiếc ghế dài, nhưng đó là tất cả những gì tôi đã mong muốn. Tôi đã lợi dụng Jeremy để dụ Lila đến nhà, và dĩ nhiên là cô ấy đến đây chỉ vì Jeremy, chứ không phải để gặp tôi. Tôi quay trở lại với món mì Ý của mình, trong khi thi thoảng liếc nhìn Lila chỉ để thấy cô ấy quay qua quay lại sự tập trung của mình giữa bộ phim đang phát và chồng bài tập về nhà của tôi trên bàn cà phê.

“Anh đang nghiên cứu các cuộc chiến ở El Salvador?” Cô ấy cất tiếng hỏi.

“Cuộc chiến ở El Salvador?” Tôi nói khi ngoảnh lại nhìn cô ấy. Cô ấy đang đọc những mẫu báo mà tôi đã sao chép ở thư viện. “Anh đang có một bài báo về ký kết một hiệp ước hòa bình giữa El Salvador và Honduras?”

“À, cái đó,” tôi nói. “Không, hãy nhìn vào bài báo phía bên dưới.”

“Bài báo nói về một cô gái ư?” Cô ấy hỏi.

“Phải, tôi đang phỏng vấn người đàn ông đã giết hại cô bé đó.”

Cô ấy im lặng một lúc khi đọc từng bài báo tôi đã sao chép ở thư viện. Tôi trông thấy khuôn mặt cô ấy chột nhảnh lại khi cô ấy đã đọc được hết toàn bộ các phần của câu chuyện được mô tả đến từng chi tiết khủng khiếp dựa trên cái chết của Crystal Hagen. Tay khuấy mì ống, tôi kiên nhẫn chờ đợi phản ứng của cô ấy. Sau đó, cô ấy lên tiếng, “Anh đang đùa phải không?”

“Gì cơ?”

Cô ấy lật qua lật lại các bài báo một lần nữa. “Anh đang phỏng vấn bệnh nhân tâm thần này?”

“Có vấn đề gì không ổn sao?” Tôi hỏi.

“Tất cả mọi thứ,” Lila nói. “Điều khiến tôi ngạc nhiên là làm sao một kẻ cặn bã đang chịu án tù lại có thể thu hút sự chú ý của mọi người đến vậy. Tôi biết một cô gái, người có hẹn ước với một kẻ tù nhân. Cô ta đã thề rằng anh ta vô tội - bị kết án sai, và rồi cô ấy chờ đợi hãnh trong hai năm cho đến khi hãnh được trả tự do. Sáu tháng sau, anh ta phải quay trở lại nhà tù sau khi đánh đập cô ấy một cách dã man.”

“Carl không phải là một tù nhân,” tôi nói với một cái nhún vai bẽn lẽn.

“Ông ta không ở trong tù ư? Làm thế nào mà ông ta có thể không phải ngồi tù sau những gì đã làm với cô bé đó?”

“Ông ấy đang chết dần chết mòn vì căn bệnh ung thư tại một viện dưỡng lão. Ông ta chỉ còn lại một vài tháng...” Tôi nói.

“Và anh đang phỏng vấn ông ấy vì...” “Tôi đang viết tiểu sử về ông ấy.”

“Anh đang viết câu chuyện về ông ta ư?” Cô ấy hỏi, với một chút dấu hiệu của sự lên án.

“Tôi làm việc này là phục vụ cho lớp học tiếng Anh của tôi,” tôi nói, nghe có vẻ hoàn toàn như một lời xin lỗi.

“Anh đang đem lại danh tiếng cho ông ta ư?”

“Đó chỉ là một lớp học tiếng Anh thôi,” tôi nói. “Chỉ có một giáo viên và khoảng hai mươi lăm sinh viên. Vì vậy tôi khó có thể gọi đó là một việc gì quá to tát.”

Lila đặt lại các bản sao của tôi xuống bàn. Cô ấy nhìn vào Jeremy và hạ thấp giọng. “Phải, sẽ chẳng có vấn đề gì khi đó chỉ là một lớp đại học.

Anh nên viết câu chuyện về cô bé mà ông ta đã giết, hoặc về những cô bé mà đáng lẽ ra sẽ bị ông ta giết nếu ông ta không bị ngồi tù. Họ xứng đáng được nhận sự chú ý, chứ không phải là ông ta. Ông ta đáng bị trừng phạt trong câm lặng, không nơi chôn cất, không điệu văn, không tên tuổi và bị người ta lãng quên. Khi anh viết xuống những dòng về cuộc đời của ông ta, đồng nghĩa với việc anh đang tạo nên một dấu ấn mà nó không nên tồn tại.”

“Đừng giữ ở trong lòng. Hãy nói cho tôi biết cô thực sự đang nghĩ gì?” Tôi kéo tất cả đồng mì ống từ nồi nước đang sôi và ném nó vào tủ lạnh. Chúng bật ra khỏi cánh tủ và rơi xuống sàn nhà.

“Anh đang làm cái quái gì vậy?” Cô ấy la lên trong khi nhìn vào đồng mì Ý vương vãi trên sàn.

“À tôi chỉ kiểm tra mì thôi,” tôi nói, cảm thấy như mở cờ trong bụng vì đã chuyển sang được chủ đề khác.

“Bằng cách quăng nó ra sàn bếp ư?”

“Nếu nó dính lại vào tủ lạnh, thì tức là đã chín.” Tôi cúi xuống nhặt những sợi mì ống lên khỏi sàn và ném vào thùng rác. “Và chỗ mì này chưa chín.”

Khi tôi rời khỏi Hillview vào buổi sớm ngày hôm đó, tôi cảm thấy một tín hiệu tốt cho dự án của mình. Iverson đã hứa sẽ kể cho tôi toàn bộ sự thật về cái chết của Crystal Hagen. Tôi sẽ đóng vai trò là người xưng tội của ông ấy. Tôi không thể chờ đợi thêm cho bữa tối với Lila, để nói với cô ấy về Carl. Trong trí tưởng tượng của tôi, chí ít, Lila sẽ bị thu hút bởi những gì tôi đã làm, cùng chia sẻ sự phấn khích trong tôi, và muốn biết tất cả về Carl. Giờ đây, sau khi chứng kiến phản ứng của cô ấy, tất cả điều tôi muốn chỉ là tránh né nói về dự án này trong suốt buổi tối còn lại.

“Ông ta nói với anh toàn bộ những gì mà ông ta đã làm, hay ông ta chỉ nói với anh những gì mà ông ta đã lên kịch bản sẵn?” Cô ấy hỏi.

“Ông ta chưa nói bất cứ gì về chuyện này cả.” Tôi kéo ra ba chiếc đĩa từ tủ chén và mang chúng ra bàn cà phê trong phòng khách, nơi chúng tôi sẽ dùng bữa cùng nhau. Lila đứng dậy, vợ lấy mấy chiếc cốc từ tủ bếp và đi theo tôi. Tôi dọn đồng ba lô, giấy tờ và những bài báo khỏi bàn cà phê. “Chúng tôi còn chưa nói đến điều đó,” tôi nói. “Cho đến giờ, ông ấy mới chỉ nói với tôi về việc mình đã lớn lên ở South St. Paul, và là con một. Ừm... để xem nào... và còn cha ông ấy quản lý một cửa hàng phần cứng và mẹ thì...” Tôi lật qua bộ nhớ của mình, “làm tại một cửa hàng bán thức ăn trong thị trấn St.Paul.”

“Thế nên khi anh viết câu chuyện của người đàn ông đó, anh chỉ đơn giản sẽ viết bất cứ thứ gì mà ông ta kể cho anh nghe?” Lila đặt những chiếc cốc lên bàn, bên cạnh những chiếc đĩa.

“Tôi còn phải có một vài nguồn tin từ các nguồn khác nữa,” tôi nói, trong khi quay trở lại căn bếp. “Nhưng, đối với những việc mà ông ấy đã làm...”

“Những việc mà ông ấy đã làm... Ý anh là cưỡng bức và giết hại một cô bé mười bốn tuổi và thiêu xác cô bé ấy?” Lila thêm vào.

“À phải... là điều đó. Khi động đến vấn đề này, không có một nguồn thông tin nào cả. Nên tôi phải viết ra những gì mà ông ấy kể cho tôi biết.”

“Thế nên ông ta có thể dụ dỗ anh như dụ một con bò tót, và anh sẽ kể ra câu chuyện đó?”

“Ông ấy gần như đã sắp kết thúc cuộc đời mình rồi. Vì sao ông ấy lại phải nói dối?”

“Vì sao ông ta lại không thể?” Lila nói với giọng điệu ngờ vực. Cô ấy đứng ở cuối quầy bếp, đặt tay lên tấm formica, hai cánh tay cứng rắn, những ngón tay của cô ấy xò rộng. “Hãy đặt mình vào tình thế của ông ta. Ông ta đã cưỡng hiếp một cô bé bất hạnh, giết cô ấy, rồi dùng quãng thời gian trong tù để kể về tội lỗi của mình với các bạn tù, cai ngục, và cả luật sư, những người chịu lắng nghe ông ta nói. Và giờ ông ta vẫn chưa chết. Liệu anh có thực sự nghĩ rằng ông ta sẽ thú nhận rằng mình đã giết cô bé kia?”

“Nhưng ông ấy đang chết dần chết mòn,” tôi nói, ném một thố mì khác vào tủ lạnh, kết quả là chúng đã mắc kẹt lại trong đó.

“Điều đó đã chứng minh cho quan điểm của tôi, không phải của anh,” Lila nói, với chiều hướng của một người đã quá thành thạo trong những cuộc tranh luận. “Ông ta đang khiến anh phải viết bài báo nhỏ của mình...”

“Tiểu sử...”

“Cái gì cũng được. Và giờ anh đang có một tài liệu lưu hành trong một môi trường học thuật, về vờ ra rằng ông ta là một nạn nhân.”

“Ông ấy muốn cung cấp cho tôi một lời tuyên bố chết,” tôi nói trong khi đổ mì Ý vào rổ lọc để rửa.

“Ông ta muốn cung cấp cho anh cái gì cơ?”

“Lời tuyên bố chết... đó là thuật ngữ mà ông ấy đặt cho nó. Đó là lời nói cuối cùng, điều này là sự thật vì chẳng ai muốn chết với một lời nói dối trên môi.”

“Và nó hoàn toàn trái ngược với cái ý nghĩa “chết” với một kẻ giết người, theo quan niệm của anh?” Cô ấy chậm chọc. “Anh có thể thấy được sự trớ trêu này, phải không?”

“Nó không giống nhau“, tôi nói. Tôi không có lời nào biện minh cho cái sự không giống nhau mà tôi vừa nói. Tôi không thể tìm lỗi bào chữa cho mình giữa những suy luận của cô ấy. Mỗi lúc đưa ra lời giải thích là một lần bị chặn họng, vì vậy tôi báo hiệu sự thất bại của mình bằng việc mang theo mì ống, đặt xuống chiếc bàn cà phê và cho chúng ra đĩa. Lila cầm chiếc chảo đựng nước sốt và đi theo tôi. Trong khi cô ấy bắt đầu rưới nước sốt lên những đĩa mì, cô ấy đứng dậy và cười toe toét như Kẻ Phá Đám trong đêm Giáng sinh. “Ồ, tôi có ý như thế này,” cô ấy nói.

“Cô làm tôi sợ đấy.”

“Hình như có một bồi thẩm đoàn đã kết tội ông ta, phải không?”

“À, vâng.”

“Điều đó có nghĩa là đã có một phiên tòa cho ông ta.”

“Tôi đoán là như vậy,” tôi nói.

“Anh có thể căn cứ vào hồ sơ phạm tội của ông ta từ phiên tòa. Điều đó sẽ cho anh biết chính xác những gì đã xảy ra. Nó sẽ cung cấp cho anh tất cả các bằng chứng, chứ không chỉ có lời khai của ông ta với anh.”

“Hồ sơ về ông ấy ư? Làm sao mà tôi có thể có nó đây?” “Cô tôi là phụ tá pháp lý tại một công ty luật ở St.Cloud. Bà ấy sẽ biết.” Lila lôi điện thoại di động từ trong túi và lướt qua danh bạ cho đến khi cô ấy tìm thấy số của cô mình. Tôi đưa cho Jeremy một chiếc khăn giấy để làm khăn ăn, vì vậy thằng bé có thể bắt đầu bữa ăn của mình, sau đó, tôi nghe phần kết thúc cuộc trò chuyện của Lila.

“Vậy là tập hồ sơ đó thuộc về khách hàng chứ không phải là luật sư?” Cô ấy hỏi. “Thế cháu phải làm gì để tìm ra nó? Liệu họ có còn giữ nó không ạ? Cô có thể gửi mail giúp cháu không? Tuyệt. Cảm ơn cô rất nhiều ạ. Cháu sẽ làm ạ. Cháu sẽ làm mà. Tạm biệt cô.”

Lila cúp máy. “Nó rất đơn giản,” Lila nói, và quay lại phía tôi. “Luật sư cũ của ông ta vẫn sẽ giữ những tập tài liệu đó.”

“Đã ba mươi năm rồi,” tôi nói.

“Nhưng đây là một vụ án giết người, vì vậy cô tôi nói chắc họ sẽ vẫn giữ chúng.”

Tôi nhặt những mẫu báo lên, lật qua chúng cho đến khi tôi lướt qua hết tất cả tên của các luật sư.

“Ông ấy tên là John Peterson,” tôi nói. “Ông ấy đã từng là một luật sư công ở Minneapolis.”

“Anh đi đúng đường rồi đó,” cô ấy nói.

“Nhưng làm sao chúng ta có thể lấy chúng từ tay của luật sư?”

“Đây lại là một điều tuyệt vời,” cô ấy lên tiếng. “Tập tài liệu không thuộc về luật sư. Nó thuộc về Carl Iverson. Đó là hồ sơ của Carl, vì vậy các luật sư phải để ông ta sở hữu tập hồ sơ này. Cô tôi sẽ gửi e-mail cho tôi một mẫu văn bản mà ông ấy chỉ cần ký vào và yêu cầu được trả lại hồ sơ, những luật sư phải trả lại chúng cho ông ta hoặc bất cứ ai mà ông ta cử tới để lấy chúng.”

“Vậy là tất cả những gì chúng ta cần là lấy được chữ ký của Carl vào văn bản đó?”

“Ông ta sẽ phải ký nó,” cô ấy tiếp tục. “Nếu ông ta không ký vào tờ giấy đó, thì anh sẽ thấy ông ta nói toàn chuyện tào lao. Hoặc là ông ta phải ký nó, hoặc là ông ta chẳng có gì ngoài những lời nói dối, một tên giết người khốn kiếp, người chỉ muốn giữ anh trong bóng tối với những gì ông ta thực sự đã làm.”

CHƯƠNG 8

Tôi đã từng nhìn thấy mẹ thức dậy vào mỗi buổi sáng với những tàn tích của bữa tiệc rượu vào đêm hôm trước vẫn còn vương vấn trên tóc. Tôi đã chứng kiến có lần mẹ vấp ngã ngay trong căn hộ, với đôi mắt trợn ngược, một tay xách giày, một tay cầm chiếc quần lót; nhưng tôi chưa bao giờ trông bà thảm hại như lúc bà lê chân vào tòa án thành phố Mower, người mặc bộ quần áo tù nhân màu vàng, tay trong trạng thái bị còng và cùm quanh mắt cá chân. Ba ngày không trang điểm và tắm táp đã “vạch trần” làn da thô ráp của mẹ. Mái tóc vàng với chân tóc màu đen trông nặng nề với những vảy gàu và bết lại vì dầu. Vai bà thông về phía trước như thể chiếc còng trên cổ tay quá nặng đã kéo bà xuống. Tôi đưa Jeremy về căn hộ của mẹ trước khi lái xe thẳng tới tòa án để chờ đợi sự xuất hiện của bà.

Mẹ tôi bước vào với ba người cùng khoác áo tù màu cam khác. Khi nhìn thấy tôi, bà vẫy tay với tôi ra hiệu rằng tôi nên bước đến gần vành móng ngựa, bà ở một bên, đứng cạnh chiếc bàn của luật sư và chiếc ghế mềm mại cùng bộ, còn tôi tiến vào phía ghế gỗ trống dành cho người tham dự phiên tòa. Một nhân viên hành pháp ngăn tôi lại khi tôi cố gắng tiến tới chỗ bà, một dấu hiệu cho thấy tôi không được phép tiến lại quá gần, phòng khi tôi có ý đồ trao vũ khí hay giúp những tù nhân chạy trốn.

“Con cần phải cứu mẹ ra khỏi đây,” mẹ tôi thì thầm với ngữ điệu cuồng nộ. Đến gần tôi mới nhận ra sự căng thẳng vì bị giam hãm đang treo lơ lửng trong những bông mắt hình chiếc túi lưới liềm đầy mệt mỏi dưới đôi mắt đỏ ngầu của bà. Trông mẹ tôi như thể bà đã không ngủ trong nhiều ngày.

“Mẹ đang nói số tiền ấy là bao nhiêu?” Tôi hỏi. “Người cai tù nói rằng mẹ sẽ phải trả 3000 đô để bảo lãnh, không thì mẹ vẫn phải ngồi tù.”

“ 3000?” Tôi hốt hoảng. “Con cần số tiền đó để chi trả học phí.”

“Mẹ không thể ngồi tù, Joey.” Mẹ tôi bắt đầu khóc. “Nơi đó toàn những người điên khùng. Họ thức suốt đêm chỉ để la hét. Mẹ không thể ngủ được. Mẹ sẽ phát điên mất. Đừng để mẹ phải trở lại nơi đó. Làm ơn đi mà, Joey.”

Tôi mở miệng ra để nói, nhưng không thể nói được lời nào. Tôi cảm thấy bà thật đáng thương - ý tôi là bà cũng là mẹ tôi, người phụ nữ đã đưa tôi đến với cuộc đời này. Nhưng nếu tôi đưa bà 3000 đô, thì đến giữa kỳ học tới, tôi sẽ hết sạch tiền. Suy nghĩ của tôi về việc ở lại trường đã gặp phải ánh mắt tuyệt vọng nhất của mẹ. Tôi không thể nói được một lời nào. Dù tôi có nói bất cứ điều gì đi chăng nữa, nó cũng trở nên sai trái. Tôi đã được giải cứu khỏi tình trạng khó xử của mình khi hai người phụ nữ bước vào phòng xử án qua cánh cửa ngay phía sau ghế thẩm phán, và ngay lập tức, nhân viên hành pháp ở tòa án yêu cầu mọi người phải đứng dậy. Tôi hít một hơi thật sâu, lấy làm biết ơn vì sự gián đoạn này. Thẩm phán bước vào, ra hiệu lệnh cho mọi người ngồi xuống, và nhân viên tòa án áp giải mẹ tôi ngồi vào một chỗ trong ban bồi thẩm cùng với những người tù áo cam khác.

Khi nhân viên văn thư gọi những người cô ta đang nhắc đến trên những chiếc ghế dài kia là “tù nhân”, tôi lắng nghe cuộc hội thoại qua lại giữa thẩm phán và luật sư bào chữa, một nữ luật sư công bào chữa cho tất cả bốn bị cáo. Điều này gợi nhớ cho tôi về một buổi tang lễ của người Công giáo mà tôi đã tham dự khi một trong những huấn luyện viên thời trung học của tôi qua đời. Các bài kinh cầu nguyện được những linh mục và giáo dân đọc nhiều lần đến nỗi việc đọc vệt này có vẻ như chẳng có ý nghĩa gì với những người đứng ngoài như chúng tôi.

Thẩm phán hỏi: “Có phải tên bị cáo là...? Có phải bị cáo đang sống tại...? Liệu bị cáo có hiểu quyền công dân của mình không? Luật sư, liệu khách hàng của bà có hiểu được các chi phí cần phải trả?”

“Vâng, thưa ngài, và chúng tôi không có bất kỳ một khiếu nại nào khác.”

“Bị cáo mong muốn mình sẽ tiếp tục sống ra sao?” “Thưa ngài, chúng tôi dựa vào điều luật số 8 - bộ luật tố tụng hình sự, nêu rõ rằng khách hàng của tôi sẽ được trả tự do dựa trên số tiền bảo lãnh cá nhân.”

Các thẩm phán sau đó sẽ thiết lập hình thức tại ngoại, cho mỗi tù nhân hai sự lựa chọn, giữa việc nộp một số tiền bảo lãnh cao hơn không đi kèm với bất kỳ một điều kiện nào hoặc trả số tiền thấp hơn - hoặc không trả - miễn là họ đồng ý tuân theo một số điều kiện nhất định được quyết định bởi thẩm phán.

Khi đến lượt mẹ tôi, họ lại quay lại một lượt những câu hỏi và đáp tương tự như vậy, với phí bảo lãnh là 3000 đô, nhưng sau đó, thẩm phán tiếp tục đưa ra sự lựa chọn thứ hai. “Bà Nelson, bà có thể trả 3000 đô, hoặc có thể được trả tự do dựa trên cam kết cá nhân của bà và có mặt tại tất cả các phiên điều trần trong thời gian tới với các điều kiện sau: giữ liên lạc với luật sư của mình, vẫn tuân thủ pháp luật, không tàng trữ rượu hoặc uống rượu, và đeo vòng tay theo dõi nồng độ cồn. Bất cứ hành vi sử dụng rượu nào cũng sẽ đưa bà trở lại tù. Bà có hiểu những điều kiện này không?”

“Vâng, thưa ông,” mẹ tôi nói, nhìn vô cùng thảm hại trong vai trò là một linh hồn đáng thương.

“Phiên tòa kết thúc,” thẩm phán tuyên bố.

Mẹ tôi lê bước trở lại với dãy ghế cùng những người tù áo cam khác, tất cả bọn họ giờ đã đứng hết dậy và bắt đầu di chuyển trong kiểu đi thời trang của đoàn tù binh tiến tới cánh cửa, nơi sẽ dẫn họ quay trở lại vị trí phía sau những song sắt. Khi bước qua chỗ tôi, mẹ nhìn thẳng vào tôi với một ánh mắt có thể sánh ngang với sự ghen tị của Medusa^{16*}. “Hãy đến nhà tù và bảo lãnh cho mẹ ra,” mẹ tôi thầm thì.

16* Trong thần thoại Hy Lạp, Medusa là một con quỷ trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon gồm Stheno, Euryale và Medusa. Trong số ba chị em lũ quỷ này thì Medusa là con quỷ hung dữ nhất và cũng là con quỷ trẻ nhất, có thể đánh chết được, còn hai con kia bất tử. Trong phiên bản truyền thuyết cuối cùng viết về Medusa, viết bởi nhà thơ người La Mã Ovid, trước kia Medusa đã từng là một người phụ nữ xinh đẹp, có mái tóc bông bênh cực kì quyến rũ. Vì thế Medusa đã tự mãn cho rằng mình còn đẹp hơn nữ thần Athena. Sắc đẹp của Medusa đã thu hút Poseidon. Khi Poseidon theo đuổi, Medusa chạy đến đền thờ Athena và nghĩ rằng nữ thần sẽ bảo vệ cô, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Poseidon đã cưỡng bức Medusa trong đền thờ của nữ thần (các phiên bản khác cho là Medusa tự nguyện, Poseidon và Medusa đã đến đền thờ Athena để ân ái, khiến Athena tức giận). Cô ta cầu xin Athena nhưng nữ thần không làm gì cả. Và để chắc chắn không có chuyện như vậy nữa, Athena biến nàng thành nữ quỷ với một cái nhìn có thể biến tất cả các sinh vật sống thành đá. Athena biến mái tóc tuyệt đẹp của Medusa thành rắn. (Nguồn: wikipedia.org).

“Nhưng mẹ, thẩm phán vừa nói rằng...”

“Đừng có tranh luận với mẹ,” tiếng bà rít lên khi rời khỏi phòng xử án.

“Và... bà đã quay trở lại,” tôi lẩm bẩm trong hơi thở. Tôi bước ra khỏi tòa án, tạm dừng lại trên vỉa hè để suy nghĩ nên đi theo hướng nào, rẽ trái rồi hướng đến trại giam với mẹ, hay đi thẳng tới chỗ để xe của tôi. Thẩm phán nói rằng mẹ tôi có thể được thả; tôi đã nghe thấy ông ấy nói thế. Tất cả những gì mà bà phải làm là không uống rượu. Một cảm giác tồi tệ len lỏi qua những mạch máu trong cơ thể tôi, giống như nọc độc từ một vết rắn cắn. Tôi vật lộn với quyết định của mình, và cuối cùng rẽ trái, phản bội lại ý định muốn bỏ chạy của mình.

Bước chân vào nhà giam, tôi trình giấy phép lái xe cho một người phụ nữ đứng sau kính chống đạn, người đã hướng dẫn tôi tới một căn phòng nhỏ, nơi có một khung cửa sổ bằng kính ngăn cách tôi và căn phòng phía trong,

từ nơi đó, họ sẽ đưa mẹ tôi đến. Một vài phút sau, các nhân viên cảnh sát dẫn mẹ tôi đến, không còn bị còng tay và cùm chân. Bà ngồi trên một chiếc ghế phía bên kia cửa kính, nhấc chiếc điện thoại màu đen treo trên tường lên. Tôi cũng làm tương tự, nhấn nút khi áp điện thoại vào tai, tưởng tượng ra vô số người bất hạnh đã hít thở vào chiếc điện thoại đó trước tôi. Một cảm giác thật nhớ nháp.

“Con đã nộp tiền bảo lãnh chưa?”

“Mẹ không cần phải trả tiền bảo lãnh, mẹ có thể tự ra ngoài. Thẩm phán đã nói như vậy.”

“Ông ấy nói mẹ có thể được trả tự do nếu đeo máy kiểm soát cồn. Mẹ sẽ không đeo cái máy chết tiệt đó lên người đâu.”

“Nhưng mẹ sẽ được trả tự do mà không cần mất một đồng nào cả, mẹ chỉ cần không uống rượu là được.” “Mẹ sẽ không đeo cái máy chết tiệt đó lên người đâu!” Bà quả quyết. “Con có đủ tiền mà. Con có thể giúp mẹ một lần trong đời được không? Mẹ không thể ở đây thêm một giây phút nào nữa.”

“Mẹ, con hầu như không có đủ tiền để học hết học kỳ này. Con không thể...”

“Mẹ sẽ trả lại cho con, thế có Chúa.” Giờ đây, chúng tôi lại dính líu đến kinh cầu nguyện của chính chúng tôi. Khi vừa tròn mười sáu tuổi, công việc đầu tiên của tôi là đổ xăng tại một gara trong thị trấn. Khi tôi dùng số tiền lương đầu tiên của mình vào việc mua quần áo và một chiếc ván trượt, mẹ đã nổi cơn tam bành đáng sợ đến nỗi những người hàng xóm ở tầng trên đã phải gọi cảnh sát và chủ nhà trọ đến. Sau khi mẹ đã bình tĩnh lại, bà bắt tôi phải mở một tài khoản tiết kiệm, và một đứa trẻ vị thành niên mới mười sáu tuổi không thể mở tài khoản mà không có cha hoặc mẹ mình giám hộ, vì vậy họ đã đặt tên bà ấy làm chủ tài khoản. Hai năm sau, mẹ tôi đã “mượn” số tiền trong tài khoản đó bất cứ khi nào bà không đủ tiền để trả

tiền thuê nhà hay ô tô của bà cần mang đi sửa - luôn luôn là như vậy với lời hứa sáo rỗng rằng bà sẽ trả lại tôi, nhưng chưa bao giờ là như vậy.

Cái ngày tôi bước sang tuổi mười tám, tôi đã mở tài khoản của riêng mình với tên của chính tôi. Không thể trực tiếp động đến tiền của tôi, mẹ đã thay đổi chiến thuật, chuyển từ hành vi lấy trộm sang tổng tiền, bởi vì, sau tất cả, việc sống trong căn nhà của mẹ, ăn thức ăn mẹ mua, đã trao cho bà cái quyền bòn rút tài khoản của tôi hàng trăm đô.

Vì vậy tôi bắt đầu trích một chút tiền riêng vào đầu mỗi tuần, giấu chúng trong một chiếc hộp trong một nơi bí mật dưới tầng gác mái - đó là hộp cà phê của tôi - số tiền mà tôi dành dụm để học đại học.

Mẹ luôn luôn nghi ngờ rằng tôi đang giấu tiền, nhưng bà không bao giờ có thể chứng minh được điều đó, và bà không bao giờ tìm thấy nó. Tâm trí mẹ luôn nghĩ rằng số tiền ít ỏi mà tôi giấu đi đã lớn lên gấp mười lần số tiền thực tế mà tôi giấu dưới căn gác mái. Thêm vào đó, các khoản vay sinh viên và số tiền trợ cấp rẻ mạt mà tôi nhận được trong tâm trí bà đã lớn thành một gia tài nho nhỏ.

“Sao chúng ta không lựa chọn cách bảo lãnh thế chấp?” Tôi hỏi. “Và rồi mẹ không phải trả khoản tiền 3000 đô kia nữa.”

“Con tưởng mẹ không nghĩ tới điều đó sao? Con nghĩ mẹ ngốc sao? Mẹ không có tài sản thế chấp. Họ sẽ không nói chuyện với mẹ nếu không có nó.”

Những lời nói của bà sắc lẹm mà hiển nhiên tôi biết rõ, tính nết bủn xỉn của bà lộ ra rõ ràng như lớp chân tóc màu đen đội lên trên đỉnh đầu bà. Tôi quyết định quay lại với sự kiên quyết của mình. “Con không thể bảo lãnh cho mẹ. Con không thể. Nếu con đưa 3000 đô cho mẹ, học kỳ tới con sẽ không có tiền nộp học phí. Chẳng có cách nào khác mẹ ạ.”

“Vậy thì...”, bà dựa lưng vào chiếc ghế nhựa. “... con sẽ phải chăm sóc cho Jeremy khi mẹ đang ở đây, vì mẹ sẽ không đeo cái máy chết tiệt đó lên người đâu.”

Và đây: với quân bài cuối cùng trên tay, chứng tỏ rằng bà đang sở hữu một con át chủ bài, bà đã hoàn toàn đánh bại tôi. Tôi có thể thử thách phòng rằng tôi sẽ để lại Jeremy ở Austin, nhưng sự lừa phỉnh đó thật quá non tay với mẹ, và mẹ tôi hoàn toàn nhận ra điều đó. Bà nhìn chòng chọc vào tôi với một sự chắc chắn rằng, tôi đã bị đánh trúng tim đen, đôi mắt bà trở nên bình tĩnh, còn mắt tôi co giật vì giận dữ. Làm thế nào tôi có thể tự tay chăm sóc cho Jeremy? Khi tôi rời bỏ thằng bé một mình trong một vài giờ, nó đã cần đến sự giúp đỡ của Lila. Tôi đã vào đại học để tránh xa tất cả những sự phiền toái này.

Giờ thì chính mẹ tôi đã kéo tôi trở lại, ép buộc tôi phải lựa chọn giữa việc học đại học và em trai mình. Tôi thực sự đột nhiên muốn vượt qua khung kính được gia cố kia mà bóp cổ bà.

“Mẹ không thể tin là con lại ích kỷ đến vậy,” bà nói. “Mẹ nói là mẹ sẽ trả lại cho con mà.”

Tôi lôi tập séc từ trong túi ra và bắt đầu viết trong khi cơn giận dữ đang dần trôi đi trong lòng. Tôi mỉm cười trong khi tưởng tượng ra việc mình sẽ điền đủ số tiền vào tấm séc rồi áp nó vào tấm kính đang chắn giữa hai chúng tôi và xé nó thành trăm mảnh. Nhưng sâu thẳm trong lòng mình, tôi biết một sự thật rằng: Tôi cần bà - không phải với tư cách là một người mẹ, mà như một tội nhân cần sự cứu rỗi của ma quỷ. Tôi cần một vật tế thần, một người nào đó để tôi có thể nói thẳng, “Người mới chính là người phải chịu trách nhiệm cho việc này, không phải ta.” Tôi cần phải nuôi dưỡng ảo tưởng rằng tôi không phải là người trông nom cho em mình, mà đó là trọng trách của mẹ tôi.

Tôi cần một nơi có thể gửi gắm Jeremy, chăm sóc cho nó, một chiếc hộp mà tôi có thể đóng chặt lại và tự nói với bản thân rằng đó là nơi mà Jeremy thuộc về - mặc dù, tận sâu thẳm trong trái tim mình, tôi vẫn biết rằng đó là một lời nói dối. Tôi cần lý do mỏng manh này để giải tỏa cho lương tâm mình. Đó sẽ là cách duy nhất tôi có thể rời Austin.

Tôi xé tấm séc và đưa cho mẹ. Bà nở một nụ cười rộng tuếch và nói. “Cám ơn, con yêu. Con quả là một thiên thần.”

CHƯƠNG 9

Tôi ghé qua Hillview trên đường trở lại Austin, với hy vọng sẽ đạt được tiến triển nào đó cho dự án của mình, và yêu cầu Carl ký vào văn bản yêu cầu, thứ sẽ cho phép tôi lấy được hồ sơ của ông ấy từ văn phòng luật sư công. Tôi đã hy vọng rằng cuộc ghé thăm người đàn ông đó có thể đánh lạc hướng tôi khỏi cơn thịnh nộ đang dấy lên trong lồng ngực vì người mẹ của mình. Tôi lê bước vào Hillview, cảm giác tội lỗi đang đè nặng lên lương tâm. Tôi cảm thấy như thể có một thế lực ngớ ngẩn nào đó, một lực hấp dẫn không thể lý giải nổi đang kéo tôi lại phía sau, lôi tôi trở về phía nam, tới Austin. Tôi đã nghĩ rằng chạy trốn về trường đại học sẽ là cách giúp tôi thoát khỏi tầm tay của mẹ, nhưng tôi vẫn ở quá gần, thật quá dễ dàng để kéo ngược tôi trở lại từ nơi mà tôi đã lựa chọn. Tôi phải trả giá như thế nào để có thể rảnh tay với mẹ và em trai tôi? Tôi phải trả bằng giá nào để có thể bỏ lại họ ở phía sau? Ít nhất là đối với ngày hôm nay, tôi đã nghĩ cho bản thân mình, cái giá đó là 3000 đô la tiền bảo lãnh.

Janet mỉm cười với tôi từ quầy lễ tân nơi bà ấy đang đứng khi tôi đi ngang qua. Tôi bước đến phòng chờ, nơi mọi người, nhất là những người đi xe lăn, đang tụ tập thành từng nhóm nhỏ, trông như những quân cờ trong một ván cờ dở dang. Carl vẫn ngồi ở vị trí mọi khi, chiếc xe lăn năm đối diện với cửa sổ, trông như một bức tranh, nhìn ra những ban công của khu căn hộ phía đối diện, đang chằng đầy quần áo. Tôi chột dưng bước khi nhận ra ông ấy đang có một vị khách tới thăm, một người đàn ông khoảng sáu mươi tuổi, mái tóc ngắn màu muối tiêu đang chĩa ra và ngả về phía sau đầu ông ta trông như những cây sậy giữa một ao nước nghiêng nghiêng theo chiều gió. Một tay người đàn ông đó đặt trên cánh tay Carl, và ông ấy cũng hướng mặt mình về phía khung cửa sổ khi hai người đang nói chuyện.

Tôi quay trở lại bàn lễ tân, thấy bà Janet đang bận bịu với đồng giấy tờ, tôi hỏi bà ấy về vị khách kia. “Ồ, đó là Virgil,” bà ấy nói. “Tôi không nhớ tên của ông ấy là gì. Đó là vị khách duy nhất mà Carl có... ngoài anh ra.”

“Họ có quan hệ gì không?”

“Tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ rằng họ chỉ là bạn bè thôi. Có lẽ họ đã gặp nhau trong tù. Có lẽ họ... anh biết đấy... là những người bạn đặc biệt.”

“Tôi không nghĩ Carl là một người như vậy,” tôi nói. “Ông ấy đã ngồi tù ba mươi năm, đây có lẽ là điều duy nhất mà ông ấy có thể có được.”

Janet đặt tay lên môi và cười khúc khích trước những thú vui tội lỗi phía sau lưng họ. Tôi cười đáp lại, kiểu cố gắng vào hòa với bà ấy hơn là việc thích thú với trò đùa này. “Bà có nghĩ là tôi nên quay trở về không? Tôi không muốn cắt ngang nếu họ...” Tôi kéo dài lời nói của mình, vì không chắc chắn về việc nên diễn đạt nó ra sao.

“Tôi nghĩ anh cứ nên đến đó,” bà ấy nói. “Nếu anh đang làm phiền họ, thì ông ấy sẽ nói cho anh biết điều đó. Carl có lẽ đang rất yếu, giống như một anh chàng người tuyết trong một chiếc xoong, nhưng đừng đánh giá thấp ông ấy.”

Tôi bước tới chỗ Carl, người đang cười khúc khích về điều gì đó mà người đàn ông đứng cạnh vừa nói. Carl chưa bao giờ mỉm cười trước sự hiện diện của tôi và chuyến ghé thăm này lại mang khuôn mặt ông ấy trở lại “thời nguyên thủy”. Nhìn thấy tôi tiến đến, nụ cười của ông ấy trở nên nhăn nhó như thể một đứa trẻ vừa bị lôi ra khỏi cuộc chơi. “Hây, cậu nhóc,” ông ấy nói.

“Một số người gọi cháu là Joe,” tôi nói. “Đúng đúng,” Carl đáp, “nhà văn Joe.”

“Thực ra thì, cháu là một sinh viên đại học tên Joe,” tôi nói. “Cháu không phải là nhà văn, đó chỉ là một bài tập thực hành mà thôi.”

“Tôi là Virgil... tôi là thợ sơn,” người đàn ông lạ mặt lên tiếng.

Ông ta nói. “Tôi chủ yếu sơn nhà và làm những việc tương tự. Nhưng đôi khi có vẽ tranh sơn dầu như một thú vui riêng.”

“Đừng có nghe anh ta, Joe,” Carl nói. “Ông Virgil đây có thể ví như một Jackson Pollock^{17*}. Thật là tệ khi ông ta cứ cố đi sơn tường nhà.” Carl và Virgil đều bật cười, nhưng tôi không hiểu. Sau đó tôi đã tìm hiểu về Jackson Pollock trên mạng để xem những bức họa của ông ta, chúng giống như một thứ gì đó mà lũ trẻ có thể tạo nên với những chiếc đĩa đầy spaghetti và những cơn giận dữ, nóng nảy của mình, và tôi đã hiểu vì sao họ lại cười.

^{17*} *Jackson Pollock: một họa sĩ người Mỹ nổi tiếng.*

“Ông Iverson...”, tôi bắt đầu. “Hãy gọi tôi là Carl,” ông ấy nói.

“Vâng, ông Carl, cháu hy vọng rằng ông có thể ký vào văn bản này giúp cháu.”

“Cái gì vậy?”

“Đó là một tờ giấy biên nhận. Nó sẽ giúp cháu xem được tài liệu về việc xét xử của ông,” tôi ngập ngừng. “Cháu cần hai nguồn thông tin xác đáng cho bài tiểu sử.”

“À, anh bạn trẻ này không tin tưởng rằng tôi sẽ thành thật với anh ta,” Carl nói với Virgil. “Anh ta nghĩ rằng tôi sẽ giấu giếm một con ác quỷ đang ẩn nấp phía bên trong mình.”

Virgil lắc đầu và nhìn đi chỗ khác.

“Cháu không có ý có bất cứ một sự thiếu tôn trọng nào, thưa ông,” tôi nói. “Đây chỉ là... có một người bạn của cháu... chà, cũng không hẳn là bạn, cô ấy là một người hàng xóm, nghĩ rằng cháu có thể hiểu rõ hơn về ông nếu cháu được xem qua hồ sơ xét xử ông.”

“Bạn của anh không thể sai lầm hơn được nữa,” Virgil nói. “Nếu anh thật sự muốn biết được sự thật về ông Carl đây, thì hồ sơ xử án là điều cuối cùng anh sẽ xem.”

“Không sao, Virgil,” Carl nói. “Tôi không bận tâm. Thật là quái quỷ, một bộ hồ sơ cũ kĩ đã nằm trong một xó xỉnh nào đó, bám đầy bụi bặm trong vòng suốt hơn ba mươi năm qua, cho đến bây giờ, có lẽ đã không còn tồn tại nữa.”

Virgil nghiêng người về phía trước, nhấn tay vào hai đầu gối của mình và từ từ đứng dậy, ông ta sử dụng hai cánh tay để đứng lên từ chiếc ghế, giống như một người đàn ông có vẻ đã quá nhiều tuổi so với vẻ bề ngoài của mình. Vuốt lại những nếp nhàu nhĩ trên bộ quần áo đang mặc, ông ta nắm lấy đầu cây gậy ba toong đang dựa vào bức tường gần đó. “Tôi sẽ đi lấy vài tách cà phê. Có ai muốn uống không?”

Tôi không trả lời, trong khi ngờ rằng không phải là ông ta đang hỏi tôi. Carl mím môi lắc đầu tỏ ý không muốn, và Virgil bước đi cùng chiếc gậy với cái dáng có vẻ như đã thành thạo nhưng không tự nhiên, chân phải ông ta khụy xuống và bất thành linh đứng thẳng dậy một cách máy móc. Tôi nhìn kĩ hơn vào ống quần bên trái của ông ta, ngay phía trên chiếc giày, nơi có tiếng sột soạt phát ra, và phát hiện ra một tia sáng không thể nhầm lẫn của kim loại lóe lên ở vị trí mắt cá chân.

Tôi quay trở lại với Carl, cảm giác như thể tôi đang nợ ông ấy một lời xin lỗi, như thể tôi đã gọi ông ấy là một kẻ nói dối thông qua việc muốn kiểm chứng câu chuyện trong quá khứ với những thông tin được lưu trong hồ sơ - một điều mà tôi thực sự đã lên kế hoạch để làm.

“Cháu xin lỗi, bác Iver... À ý cháu là bác Carl. Cháu không cố ý xúc phạm bác.”

“Không sao đâu, Joe,” Carl nói. “Virgil có thể đã bảo vệ tôi hơi quá mức cần thiết. Chúng tôi quen biết nhau đã khá lâu rồi.”

“Hai người có mối quan hệ huyết thống ư?” Tôi hỏi. Carl suy nghĩ một hồi lâu rồi nói: “Chúng tôi là hai anh em... vào sinh ra tử, không cùng huyết thống.”

Đôi mắt ông ấy quay trở lại phía khung cửa sổ, ánh mắt ông chợt lạc trong một ký ức, thứ đã khiến đôi má ông quay trở lại với màu của thời gian. Sau phút chốc, ông ấy nói, “Cậu có bút không?”

“Bút ư?”

“Để ký vào đồng giấy tờ mà cậu mang đến.”

Tôi trao cho Carl văn bản cần ký và một cây bút, quan sát ông ấy ký vào giấy biên nhận, những khớp ngón tay chọc vào làn da mỏng manh, cánh tay ông yếu ớt đến nỗi tôi có thể nhìn thấy những vết hằn và sự co giãn trong từng cơ bắp trong khi ông ấy bắt đầu đặt bút ký. Ông ấy trao tờ giấy lại cho tôi, tôi gấp nó lại, nhét nó vào túi.

“Chỉ có điều,” ông ấy nói, trong khi mắt nhìn xuống những ngón tay đang nằm trên đùi. Ông ấy nói chuyện với tôi mà không ngẩng mặt lên nhìn. “Khi cậu đọc được tập hồ sơ đó, cậu sẽ thấy rất nhiều điều trong đó, những điều thật khủng khiếp, những điều mà sẽ khiến cậu ghét bỏ tôi. Điều đó chắc chắn đã làm bạn tôi ghét tôi. Hãy nhớ lấy điều này, đó không phải là toàn bộ câu chuyện về tôi.”

“Cháu biết ạ”. Tôi nói.

“Không, cậu không biết được đâu,” ông ấy yếu ớt nói, chuyển sự chú ý của mình trở lại với những chiếc khăn đầy màu sắc đang bay phấp phới trên những ban công của khu căn hộ phía bên kia đường. “Cậu không biết tôi là ai đâu. Vẫn chưa biết đâu.” Tôi chờ đợi ông ấy nói hết suy nghĩ của mình, nhưng ông ấy chỉ nhìn chăm chú ra ngoài cửa sổ.

Tôi để Carl ở lại với những ký ức của mình, và tiến tới phía cửa trước, nơi Virgil đang đứng chờ tôi. Ông ta đưa tay ra, một tấm card visit đặt giữa hai ngón tay ông ta. Tôi cầm lấy tấm card. Virgil Gray - Thợ sơn - nhận sơn cho các mục đích thương mại và nhà riêng. “Nếu cậu muốn biết về Carl Iverson,” ông ta nói, “cậu cần phải nói chuyện với tôi.”

“Ông đã ở tù với ông ấy sao?”

Virgil trông có vẻ như đang nằm trên đỉnh điểm của sự tức giận, nói với một giọng mà tôi đã nghe quá thường xuyên trong các quán bar, khi những gã đàn ông nói chuyện về sự tồi tệ của công việc hay khi cần nhả những bà vợ - một tông giọng cực kỳ bức tức nhưng lại cam chịu với hoàn cảnh. “Ông ấy không hề giết cô bé đó. Và những điều cậu đang làm thật ngu ngốc.”

“Gì cơ?” Tôi phản ứng lại.

“Tôi biết cậu đang làm những gì,” ông ta nói. “Tôi đang làm những gì?”

“Tôi đang nói với cậu rằng: Ông ấy không hề giết cô bé đó.”

“Ông đã có mặt ở đó sao?”

“Không. Tôi không có mặt tại đó. Đừng có mĩa mai như vậy.”

Bây giờ đến lượt tôi cảm thấy bức mình. Tôi vừa mới gặp người đàn ông này, và ông ta làm như thể ông ta biết quá rõ về tôi, đủ để sỉ nhục tôi. “Cái cách mà tôi nhìn nhận,” tôi nói, “chỉ có hai người biết được sự việc đã diễn

ra như thế nào, đó là Crystal Hagen và người đã giết cô bé đó. Chẳng ai có thể chỉ nói ra những điều mà họ muốn tin cả.”

“Tôi không cần thiết phải có mặt ở đó để biết được rằng ông ấy không hề giết hại cô bé đó.”

“Ted Bundy^{18*} cũng có những người tin ông ta như vậy.” Tôi không biết liệu cư xử như thế có đúng không, tuy nhiên tôi nghĩ câu trả lời của tôi khá ổn.

^{18*} *Ted Bundy (1946-1989): tên khai sinh Theodove Robert Cowell người Mỹ, tội phạm giết người hàng loạt, bắt cóc, hiếp dâm và ái tử thi.*

“Ông ấy không làm vậy,” Virgil nói nhát gừng. Ông ta chỉ vào dãy số điện thoại trên tấm card và nói. “Cậu hãy gọi cho tôi. Chúng ta sẽ nói chuyện.”

CHƯƠNG 10

Tôi đã tốn mất hơn một tuần và tám cuộc gọi để cố gắng hỏi dò về tập tài liệu tội phạm của Carl Iverson từ văn phòng luật sư công. Ban đầu, nhân viên lễ tân phải cố gắng lắm mới hiểu được yêu cầu của tôi, và khi cuối cùng cô ấy đã thực sự hiểu, cô ấy lại bày tỏ ý kiến với tôi rằng tập tài liệu rất có thể bị hủy từ trước đó rất nhiều năm. “Kể cả vậy,” cô ấy trả lời, “Tôi cũng không có đủ thẩm quyền để trao một tài liệu tội phạm cho bất cứ ai tên Tom, Dick, hay Harry, hay bất cứ ai yêu cầu có được nó.” Sau đó, cô ấy chỉ đơn giản chuyển những cuộc gọi của tôi vào hộp thư thoại của Berthel Collins, quản lý văn phòng luật sư công, mà trong khi đó, những tin nhắn của tôi dường như đã bị rơi xuống vực thẳm. Vào ngày thứ mười lăm kể từ khi tôi không nhận được cuộc gọi phản hồi từ Collins, tôi đã bỏ lớp học buổi chiều của mình và bắt xe bus vào thành phố Minneapolis.

Khi nhân viên lễ tân trả lời tôi rằng người quản lý đang bận, tôi nói với cô ấy rằng tôi sẽ đợi rồi tìm một chỗ ngồi ngay gần bàn làm việc của cô ấy, nơi tôi có thể nghe thấy cô ấy nói, dù chỉ là một tiếng thì thầm qua điện thoại. Tôi đọc những tờ báo để giết thời gian cho đến khi cô ấy cuối cùng cũng thì thầm với một ai đó, nói rằng tôi đã chờ ở đây rất lâu rồi.

Mười lăm phút sau, cô ấy chịu thua và dẫn tôi vào văn phòng của Berthel Collins, một người đàn ông với làn da xám xịt, mái tóc không chải, bù xù, đậm quàng đậm xiên trên đầu và một chiếc mũi to, đỏ như trái hồng chín.

Berthel mỉm cười với tôi, bắt tay tôi như thể ông ấy muốn bán cho tôi một chiếc ô tô.

“À, vậy cậu là thằng bé đang theo dõi tôi,” ông ấy mở lời.

“Cháu sẽ không làm như vậy nếu ngài nhận tin nhắn điện thoại của cháu,” tôi trả lời. Ông ấy trông có vẻ hơi bối rối trong giây lát rồi ra hiệu cho tôi ngồi vào một chiếc ghế.

“Cậu phải hiểu rằng,” ông ấy nói, “chúng tôi không nhận những cuộc gọi mà thường xuyên yêu cầu chúng tôi đào xới đồng hồ sơ để tìm kiếm một tập tài liệu từ ba mươi năm trước. Chúng tôi lưu trữ tất cả những dữ liệu đó ở bên ngoài.”

“Nhưng ông vẫn có tập tài liệu đó?”

“Ồ, tất nhiên,” ông ấy nói, “Chúng tôi có nó. Chúng tôi bắt buộc phải giữ lại những tập tài liệu về các vụ giết người một cách vô thời hạn. Tôi đã kêu người mang nó về đây vào ngày hôm qua. Nó ở ngay đây.” Ông ấy chỉ vào một chiếc hộp đựng tài liệu nằm đối diện với bức tường đằng sau tôi.

Tôi đã không ngờ rằng những tài liệu này lại nhiều đến như vậy. Tôi chỉ nghĩ tôi có thể có một tập tài liệu đầy đủ, chứ không phải là một thùng tài liệu như thế này. Tôi bắt đầu nhằm tính lượng thời gian mà tôi cần có để đọc hết chỗ tài liệu kia và cảm thấy những con số đang được tính toán dần chất đầy một xô trong đầu tôi. Sau đó, tôi còn nhân hệ số đối với bài tập về nhà của các lớp học khác và những bài kiểm tra, những bài thuyết trình. Tôi đột nhiên cảm thấy choáng váng. Làm sao tôi có thể hoàn thành tất cả mọi việc. Tôi bắt đầu cảm thấy hối tiếc vì quyết định lấy cho bằng được đồng tập tài liệu này; điều này chỉ được xem như là một bài tập thực hành tiếng Anh đơn giản.

Tôi thò tay vào túi, lấy ra tờ giấy biên nhận, và trao nó cho ông Collins. “Vậy, bây giờ cháu đã có thể mang chúng đi được chưa?” Tôi hỏi.

“Không phải tất cả,” ông ta nói. “Chưa đâu. Chúng tôi có một vài tài liệu đã sẵn sàng được mang đi. Chúng tôi phải tiêu hủy những ghi chú các kết

quả công việc trước khi chúng tôi có thể để cho những tài liệu này được mang ra khỏi văn phòng.”

“Sẽ mất bao lâu để làm việc này?” Tôi nhấp nhồm trên chiếc ghế đang ngồi, cố tìm được một vị trí mà chiếc lò xo phía dưới lớp nệm không xoáy vào hông mình.

“Như tôi đã nói, chúng tôi có một vài tài liệu trong số những tài liệu này đã sẵn sàng để đưa cho cậu.” Ông ấy mỉm cười. “Chúng tôi đang cử một thực tập sinh giải quyết vấn đề này. Những tài liệu còn lại sẽ được đưa cho cậu sớm thôi, có lẽ khoảng một đến hai tuần nữa.”

Collins dựa lưng vào chiếc ghế êm ái theo phong cách Georgian, chiếc ghế mà tôi đã để ý rằng nó được đặt ở một vị trí cao hơn bốn inch so với những chiếc ghế khác trong phòng và trông nó còn trên cả tuyệt vời. Tôi lại chuyển tư thế ngồi, cố gắng giữ cho máu chảy xuống hai chân.

“Cậu cảm thấy hứng thú với điều gì trong vụ án này?” Ông ta hỏi tôi, trong khi vất chân nọ lên chân kia.

“Biết nói thế nào nhỉ, cháu cảm thấy tò mò về cuộc đời và những quãng thời gian mà Carl Iverson đã trải qua.”

“Nhưng tại sao?” Collins hỏi tôi với vẻ rất chân thành. “Vụ án này không có quá nhiều chi tiết.”

“Ông biết về vụ án này ư?”

“À, tôi biết chứ,” ông ấy nói. “Tôi làm thư ký tại đây vào cái năm xảy ra vụ án đó, hồi đó tôi đang còn là sinh viên năm thứ ba đại học Luật. Luật sư chính của Carl, John Peterson, đã đưa tôi về làm vị trí nghiên cứu pháp lý cho ông ấy.” Collins dừng lại, nhìn xa xăm về một khoảng trống trên tường qua chỗ tôi ngồi, thu thập lại những chi tiết về trường hợp của Carl. “Tôi đã gặp Carl trong tù một vài lần, và cả trong phòng xử án. Đó là vụ án giết

người đầu tiên tôi gặp trên cương vị thư ký. Đúng vậy, tôi vẫn còn nhớ ông ta. Tôi cũng còn nhớ cô bé đó, Crystal gì đó.”

“Hagen.”

“À đúng, Crystal Hagen.” Khuôn mặt Collins trở nên sắc lạnh. “Tôi vẫn nhớ những hình ảnh đó - những người đã có mặt tại phiên tòa. Tôi chưa từng nhìn thấy hình ảnh hiện trường vụ án trước đó. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi. Nó không hề bình yên như những gì cậu vẫn thường thấy trên tivi với đôi mắt của họ nhắm nghiền lại, trông có vẻ đơn giản như họ đang buồn ngủ. Không, nó hoàn toàn không phải vậy. Những bức ảnh về cô ấy bị bạo hành, và đau đớn. Nói về ngày hôm đó, tôi như vẫn có thể nhìn thấy cô ấy.” Ông ấy đột nhiên rung mình, rồi tiếp tục. “Cậu biết đấy, ông ta có thể đã có một thỏa thuận.”

“Một thỏa thuận ư?”

“Một sự thỏa thuận về lời biện hộ của bị cáo. Họ thương lượng, và đã đề nghị ông ta về cấu hình tội phạm giết người cấp độ hai. Nếu như vậy, ông ta có thể có đủ điều kiện để được tạm tha trước tám năm. Nhưng ông ta đã từ chối. Người đàn ông đó đã phải đối mặt với bản án tù chung thân nếu ông ta bị kết tội giết người cấp độ một, ông ta đã từ chối lời đề nghị ở cấp độ hai.”

“Chính điều đó đã làm cháu cảm thấy băn khoăn,” tôi nói. “Nếu ông ta bị kết án tù chung thân, làm sao ông ấy lại được ân xá?”

Collins dựa người về phía trước, đưa tay chà vào cằm, ông ấy gãi cằm như chưa bao giờ được gãi. “Cuộc sống không thực sự có ý nghĩa cho đến khi cậu chết,” ông ấy nói. “Trở lại năm 1980, cuộc sống trong tù có nghĩa là cậu cần phải ở đó đủ mười bảy năm trước khi đủ điều kiện để được tạm tha. Sau đó, họ đã thay đổi luật đó thành ba mươi năm. Vì họ đã thay đổi đạo luật này thêm một lần nữa nên những người bị kết tội bắt cóc và giết

người hoặc tội hiếp dâm sẽ không có khả năng được tạm tha. Về mặt pháp lý, họ đã kết án Iverson theo quy chế cũ, vì vậy ông ta có đủ điều kiện tạm tha sau mười bảy năm, nhưng hãy quên nó đi. Một khi cơ quan lập pháp tuyên bố rõ ràng rằng họ muốn những kẻ giết người, hiếp dâm bị giam cầm vì những lý do tốt đẹp, khả năng Iverson được tạm tha không có. Tuy nhiên cậu cần biết sự thật là, khi tôi nhận cuộc điện thoại của cậu, tôi đã xem lại hồ sơ của Iverson trên website của Sở Cải huấn và “ngã ngựa” khi biết rằng ông ta đã được tha.”

“Ông ấy sắp chết vì căn bệnh ung thư,” tôi nói. “Ồ, vậy là tôi đã biết được câu trả lời,” ông ấy nói, “trại tế bần của nhà giam có thể đã có vấn đề.”

Miệng méo xệch, đầu ông ấy gật lia lịa như có vẻ đã hiểu.

“Vậy Carl kể chuyện gì đã xảy ra vào cái đêm Crystal Hagen chết?”

“Chẳng có gì hết,” ông ấy trả lời. “Ông ta nói rằng ông ta không hề làm việc đó - ông ta đã khai rằng mình uống rượu từ chiều ngày hôm đó cho đến khi ông ta ngất đi và không nhớ được gì. Thành thật mà nói, ông ta không làm gì nhiều để tự bảo vệ cho chính mình, ông ta chỉ ngồi đó và xem xử án như đang xem một chương trình truyền hình.”

“Ông có tin những điều ông ta nói, rằng ông ta vô tội?”

“Đó không phải là vấn đề mà tôi quan tâm. Tôi chỉ là một thư ký luật. Chúng tôi sắp đặt sẵn một cuộc chiến. Chúng tôi nói rằng bạn trai của Crystal đã thực hiện hành vi đó. Đó là giả thuyết của chúng tôi. Ông ta là người cuối cùng nhìn thấy cô bé còn sống. Ông ta có tất cả các cơ hội thích hợp, và đó là một tội ác của tình yêu. Ông ta muốn gây sức ép với cô bé - và cô bé nói không - và mọi chuyện trở nên mất kiểm soát. Đó là một giả thuyết khá hợp lý: có bột mới gột nên hồ mà. Nhưng xét cho cùng, ban bồi thẩm đã không tin vào điều đó, và đó là lý do cho tất cả các vấn đề này.”

“Có một vài người tin rằng ông ấy vô tội,” tôi nói, và nghĩ về Virgil.

Collins cup đôi mắt mình xuống và lắc đầu, tỏ ý gạt bỏ nhận xét của tôi như thể tôi là một thằng nhóc cả tin.

“Nếu ông ta không làm điều đó, vậy thì ông ta là một đồ khốn tội nghiệp sao. Cô bé đó được tìm thấy đã chết trong khu nhà kho của ông ta,” ông ấy nói. “Họ tìm thấy một trong những móng tay của cô bé trên những bậc cầu thang dẫn tới hiên nhà ông ta.”

“Ông ta đã vắn các móng tay của cô ấy ra sao?” Tôi nói, và bất giác rùng mình khi nghĩ đến điều đó.

“Đó là bộ móng giả, và đó là một trong những chiếc móng tay làm bằng acrylic. Cô bé đã có bộ móng giả đó trong lần đầu tham gia ngày hội trường một vài tuần trước đó. Các công tố viên cho rằng nó đã bị vỡ ra khi ông ta kéo cơ thể đã chết của cô bé vào nhà kho của mình.”

“Ông có tin rằng Carl đã giết cô bé ấy?”

“Chẳng có ai khác đáng khả nghi cả,” ông ấy tiếp tục. “Iverson đơn giản chỉ nói rằng ông ta đã không làm chuyện đó, nhưng cùng lúc đó, ông ta nói rằng mình đã quá say xỉn để nhớ bất cứ việc gì đêm hôm đó. Nó liên quan đến đạo luật Occam .”

“Đạo luật Occam?”

“Đó là một nguyên tắc quy định rằng tất cả mọi thứ phải được công bằng, kết luận đơn giản nhất thường đúng. Tội phạm như giết người hiêm khi xảo quyệt, và hầu hết những kẻ giết người thì thường không thông minh. Cậu đã gặp ông ta chưa?”

“Ai cơ? Carl ạ? Vâng, ông ấy đã ký vào giấy biên nhận.”

“À, phải,” Collins nhúm mày, tỏ ra không hài lòng với kết luận hiển nhiên ấy. “Ông ta đã nói gì với cậu? Liệu ông ta đã nói rằng ông ta vô tội?”

“Chúng cháu vẫn chưa nói về vụ án này. Cháu đang dần tiến tới việc đó.”

“Tôi hy vọng rằng ông ta sẽ kể cho cậu nghe.”

Collins vuốt bàn tay dày dặn qua mái tóc mình, vô tình làm những đồng gàu trên tóc rơi xuống hai vai. “Và khi ông ta đã kể câu chuyện này cho cậu biết, cậu sẽ muốn tin vào ông ta.”

“Nhưng ông lại không tin ông ấy.”

“Có lẽ tôi đã tin - nhưng nhìn lại, tôi lại không dám chắc. Thật là khó để có thể nói chuyện với những người như Carl.”

“Những người như Carl ư?”

“Ông ta là một kẻ phạm tội cưỡng hiếp trẻ vị thành niên. Chẳng ai có thể nói dối được như họ. Họ luôn là những kẻ nói dối số một. Không có một nghệ sĩ lừa gạt nào trên đời này có thể nói dối bằng một kẻ cưỡng hiếp trẻ em.”

Tôi nhìn vào Collins một cách rỗng tuếch, tỏ ý muốn ông ấy nói rõ hơn.

“Những kẻ lạm dụng tình dục trẻ em là những tên quái vật ở xung quanh chúng ta. Những kẻ giết người, trộm cắp, kẻ cướp, buôn bán ma túy, họ luôn luôn có thể biện minh cho những gì mình đã làm. Phần lớn các vụ án xảy ra vì những cảm xúc đơn giản như tham lam, giận dữ hoặc ghen tuông. Mọi người có thể hiểu được những cảm xúc đó. Chúng tôi không chấp nhận điều đó, nhưng chúng tôi hiểu nó. Mọi người đều có những cảm xúc khác nhau vào lúc này hay lúc khác. Thật quái quỷ, hầu như mọi người, nếu họ thành thật, sẽ chấp nhận mang danh tội phạm trên đầu mình, thừa nhận họ là kẻ giết người, và hối cải. Tất cả mọi người trong ban bồi thẩm đoàn

đã cảm thấy tức giận hoặc ghen tị. Họ được những xúc cảm cơ bản dâng sau mỗi một tội phạm, ví dụ như với một kẻ sát nhân, và họ sẽ trừng phạt kẻ đó vì tội không thể kiểm soát cảm xúc bản thân.”

“Cháu cũng nghĩ vậy,” tôi nói.

“Bây giờ, cậu hãy nghĩ đến một tội phạm lạm dụng tình dục trẻ em. Anh ta có mong muốn có quan hệ tình dục với những đứa trẻ. Ai sẽ hiểu và thông cảm cho anh ta đây? Cậu không thể biện minh cho những gì cậu đã làm. Không ai có lời giải thích cho họ, họ là những con quái vật, và họ biết rõ điều đó. Tuy nhiên, họ lại không thể thừa nhận điều đó, thậm chí thừa nhận nó với chính bản thân mình. Do đó, họ giấu giếm sự thật, chôn vùi nó thật sâu tận đáy lòng, sâu đến nỗi họ bắt đầu tin vào những gì họ đang nói dối.”

“Nhưng sẽ có một vài người vô tội, phải không?” Tôi hỏi.

“Tôi có một trường hợp với một anh chàng...” Collins ngả mình về phía trước, chống cả hai khuỷu tay lên bàn. “Ông ta bị buộc tội đã cưỡng bức một đứa trẻ mười tuổi. Người đàn ông này đã làm cho tôi tin rằng người vợ cũ của ông ta đã đem đặt những chuyện này vào đầu của đứa trẻ. Ý tôi là tôi đã tin anh ta hoàn toàn. Tôi đã chuẩn bị một bài kiểm tra chéo tàn khốc để phơi bày từng chi tiết mà đứa trẻ đã bịa đặt. Sau đó, khoảng một tháng trước khi phiên tòa xét xử bắt đầu, cuốn băng video làm bằng chứng đã được khôi phục lại. Các công tố viên gọi tôi đến văn phòng của họ để cho tôi xem một đoạn video mà kẻ ngốc nghếch đó đã dựng lên toàn bộ câu chuyện, chính xác những gì mà đứa trẻ đó đã khai. Khi tôi đưa đoạn video đó cho khách hàng của mình, anh ta đã khóc như mưa, nấc lên như một đứa trẻ, không phải vì anh ta đã cưỡng bức đứa trẻ đó và bị bắt, mà bởi vì anh ta đã thề đó không phải là anh ta. Công tố viên đã phát hiện ra một kẻ chết giẫm trong đoạn video, khuôn mặt hằn, giọng nói của hằn, những hình xăm của hằn, vậy mà hằn muốn tôi tin rằng đó là một người trông giống hằn ta.”

“Vì vậy mà ông giả định rằng những khách hàng của ông, những người bị buộc tội hiếp dâm trẻ em đang nói dối?”

“Không, không phải tất cả.”

“Liệu ông có cho rằng Carl đã nói dối?”

Collins dừng lại để suy nghĩ về câu hỏi của tôi. “Đầu tiên tôi đã muốn tin tưởng Iverson. Tôi cho rằng khi đó, tôi không có nhiều kinh nghiệm như bây giờ. Nhưng những bằng chứng đã nói rằng ông ta giết cô bé đó. Ban bồi thẩm đã thấy được điều đó, và đó là lý do tại sao Iverson phải vào tù.”

“Liệu những gì họ nói về những kẻ lạm dụng tình dục trẻ em khi ở trong tù là sự thực?” Tôi hỏi. “Rằng họ đập phá và làm loạn mọi thứ?”

Collins mím môi và gật đầu. “Đúng, đó là sự thật. Nhà tù có chuỗi phân cấp của riêng mình. Khách hàng phạm tội lái xe trong tình trạng say rượu của tôi sẽ hỏi rằng “Vì sao lại bắt giữ tôi? Tôi chẳng ăn cướp cái gì của ai cả”. Những kẻ trộm cắp thì nói rằng “Tôi chẳng hề giết ai cả.” Những gã như Iverson chẳng còn lại cái cớ nào để biện minh cho mình. Không ai xấu xa hơn họ, và điều đó đã đặt họ vào chốn đường cùng. Để làm mọi thứ trở nên tồi tệ hơn, ông ta đã chôn vùi quãng thời gian còn lại của mình tại nhà tù Stillwater. Đó có lẽ là nơi xứng đáng với những kẻ như ông ta.”

Tôi đã bỏ cuộc trong việc cố gắng tìm được một tư thế ngồi thoải mái trên chiếc ghế bị hỏng lò xo, và nhận ra rằng chiếc ghế này có lẽ đã được thiết kế đặc biệt dành cho những vị khách như tôi - một cách khéo léo để rút ngắn quãng thời gian ghé thăm. Tôi đứng dậy và xoa bóp hai bên đùi. Collins cũng đứng dậy đi quanh bàn. Ông ấy nhặt hai tập hồ sơ ra khỏi chiếc hộp đựng rồi đưa chúng cho tôi. Một tập hồ sơ được gắn mác lựa chọn của bồi thẩm đoàn, tập còn lại gắn nhãn tuyên án. “Cậu có thể mang chúng đi,” ông ấy nói. “Tôi nghĩ tôi cũng có thể đưa cho cậu bản tường trình của buổi xử án.”

“Bản tường trình ngày xử án ư?”

“Đúng, các trường hợp giết người cấp độ 1 có một sức hấp dẫn tự nhiên. Các phóng viên tòa án luôn chuẩn bị một bản tường thuật của phiên xét xử, tất cả mọi điều được nói ra, từng câu, từng chữ. Họ sẽ có những bản sao của biên bản này tại tòa án tối cao, vì vậy cậu có thể giữ bản sao của chúng tôi ngay bây giờ.” Collins bước tới chỗ chiếc hộp tài liệu, lấy ra sáu tập tài liệu, và xếp chúng lần lượt vào tay tôi, tạo nên một chồng tài liệu dày đến hơn ba mươi xen-ti-mét. “Những thứ này chắc hẳn sẽ làm cậu rất bận rộn.”

Tôi nhìn vào chồng tài liệu và hồ sơ trong tay mình, cảm thấy sức nặng của nó, trong khi Collins dẫn tôi ra ngoài. Tôi quay người lại nơi cánh cửa. “Cháu sẽ tìm thấy gì trong đống tài liệu này?” Tôi hỏi. Collins thở dài, xoa xoa cằm mình một lần nữa, và nhún vai. “Có lẽ chẳng có gì hơn những điều mà cậu đã biết cả.”

CHƯƠNG 11

Trong khi ngồi trên xe bus trở về nhà, tôi lật xem qua sáu file tường trình và thậm chí rửa trong đầu. Tôi đã xoay xở để có thời gian đọc tài liệu cho bài tập này hơn tổng toàn bộ thời gian tôi dành cho các lớp học khác. Đã quá muộn để bỏ lớp học này mà không có điểm GPA^{19*}.

^{19*} GPA (viết tắt của *Grade Point Average*): là điểm trung bình đánh giá sinh viên theo hệ thống giáo dục Mỹ. GPA cụ thể hơn là một chỉ số để đánh giá một học sinh hoặc sinh viên. Chỉ số này được tính bằng cách cộng các điểm trung bình của các môn học rồi chia đều ra để lấy số trung bình.

Những dòng phỏng vấn và chương mở đầu cho tiểu sử của Iverson sẽ sớm đến hạn - đây là phần mở đầu cho tất cả các bài tập tiểu luận mà tôi phải làm - và tôi có thể thấy trước rằng mình không thể hoàn thành nó đúng hạn.

Sau một đoạn đường dài từ trạm xe bus trở về khu căn hộ nơi tôi ở, những tập tài liệu trong ba lô của tôi nặng như những hòn đá. Tôi lấy chìa khóa rồi bắt đầu mở cửa, nhưng chợt dừng lại khi nghe thấy giai điệu của một bản nhạc guitar Tây Ban Nha phát ra từ căn hộ của Lila. Giai điệu ấy cho tôi một cái cớ để ghé qua nhà cô ấy và mở lời chào. Có lẽ lí do này là hoàn toàn hợp lí cho tất cả những đóng góp của cô ấy cho dự án nghe có vẻ to tát này. Bên cạnh đó, tôi thực sự muốn gặp lại cô ấy một lần nữa. Có điều gì đó về thái độ cô ấy để tôi lại một mình đã thôi thúc tôi. Lila ra mở cửa, với đôi chân trần, cô ấy đang mặc một chiếc áo bóng chày quá khổ cùng chiếc quần soóc ngắn giấu sau đuôi áo dài thượt. Tôi không thể điều khiển đôi mắt mình khỏi việc nhìn cô ấy từ đầu đến chân, tuy chỉ là một cái liếc vội vã cũng đủ làm cô ấy nhận ra. Cô ấy nhìn tôi và nhướn chân mày. Không phải câu “Xin chào”, cũng chẳng phải câu hỏi lạnh lùng “Có chuyện

gì?”. Mà chỉ là một cái nhướn mày. Điều đó thực sự làm tôi cảm thấy bối rối.

“Tôi... ừm... hôm nay đã đến văn phòng của luật sư,” tôi lắp bắp. “Tôi có bản tường trình của phiên tòa.” Tôi với từ trong ba lô, đưa ra bằng chứng cho lời nói của mình.

Cô ấy vẫn đứng trân trân ở bậc cửa, nhìn tôi, không mời tôi vào nhà, cũng chẳng phản ứng ngoài cái nhướn mày. Thay vào đó, cô ấy nhìn tôi như thể đang dò xét hành vi xâm nhập “bất hợp pháp” của tôi, rồi nhún vai, rồi bước vào căn hộ của mình, để mặc cho cánh cửa cột kẹt đang mở toang phía sau lưng. Tôi lẻo đẻo theo chân cô ấy vào căn hộ, nơi có mùi phấn rôm hòa lẫn với vani thoang thoảng.

“Anh đã đọc chúng chưa?” Cô ấy lên tiếng hỏi. “Tôi chỉ vừa mới có chúng.” Tôi thả tập tài liệu đầu tiên lên bàn, tạo nên một tiếng sầm thể hiện trọng lượng của nó. “Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu với mớ tài liệu này.”

“Hãy bắt đầu với lời tuyên bố đầu tiên.” Cô ấy nói. “Cái gì cơ?”

“Lời tuyên bố đầu tiên.”

“Cái đó có lẽ ở ngay gần phần mở đầu, phải không?” Tôi hỏi, trong khi nhe răng ra cười. Cô ấy nhặt lên một trong những bản tường trình và bắt đầu lật qua, lật lại các trang.

“Làm sao cô lại biết về lời tuyên bố mở đầu và những thứ này? Cô là sinh viên luật dự bị ư?”

“Có lẽ là vậy,” cô ấy nói, với tông giọng thể hiện sự nghiêm túc. “Tôi đã có mặt tại một phiên tòa giả tại trường trung học. Vị luật sư, người đã huấn luyện chúng tôi nói rằng lời tuyên bố mở đầu sẽ thuật lại những gì đã diễn

ra trong vụ án - kể lại chúng như thể anh đang ngồi nói chuyện với bạn bè trong phòng khách vậy.”

“Cô đã tham gia một phiên tòa giả ư?”

“Phải,” cô ấy thì thầm, liếm ngón tay và lật qua các trang tiếp theo.

“Nếu mọi thứ đều ổn thỏa, tôi chắc sẽ theo học tại một trường luật trong nay mai.”

“Còn tôi vẫn chưa quyết định chuyên ngành của mình, nhưng tôi đang nghĩ đến ngành báo chí. Chỉ là...” “Nó đây rồi.” Cô ấy đứng dậy, gấp nếp những trang phía sau làm dấu. Cô ấy đứng đối diện với tôi và đọc qua một vài dòng trích dẫn với vai trò là một người có mặt tại phiên tòa hôm đó. Rồi cô ấy đứng thẳng, vươn người ra phía trước, hai vai đưa về đằng sau, và bắt đầu nói. Trong khi cô ấy đang diễn lại phiên tòa, tôi chứng kiến hình ảnh một nàng tiên trong cô ấy dần biến mất, thay vào đó là một người phụ nữ tự tin và đĩnh đạc, thu hút mọi sự chú ý của toàn bộ ban bồi thẩm đang bước ra từ cái bóng của nàng tiên kia.

“Thưa quý ông, quý bà đang có mặt trong phiên tòa ngày hôm nay, những bằng chứng trong vụ án này chỉ ra rằng vào ngày 29 tháng 10 năm 1980, bị cáo, “Lila vẫy cánh tay với thái độ như đang tham gia vào một gameshow, chỉ vào một chiếc ghế trống phía trước trong góc nhà, “Carl Iverson, đã cưỡng bức và giết hại một bé gái mười bốn tuổi có tên Crystal Marie Hagen.” Lila bước đi chậm rãi ngay trước mắt tôi trong khi đọc, liên tục nhìn lên nhìn xuống biên bản tường trình, và giao tiếp với tôi bằng ánh mắt như thể tôi cũng là một thành viên thực thụ trong bồi thẩm đoàn.

“Vào năm ngoái, khi Crystal Hagen là một cô bé mười bốn tuổi đầy hạnh phúc, hoạt bát, một đứa trẻ xinh đẹp, được gia đình yêu thương và cảm thấy vui sướng khi được vào đội cổ vũ của trường trung học Edison.” Lila dừng lại và hạ thấp giọng mình để gây sự chú ý. “Nhưng, thưa quý vị, mọi người

sẽ nhận ra rằng, không phải tất cả mọi chuyện đều tuyệt vời đối với cuộc đời của cô bé. Quý vị sẽ thấy, trong nhật ký của cô bé, nơi cô bé dành những dòng lưu bút của mình viết về người đàn ông có tên Carl Iverson, người đàn ông sống trong ngôi nhà bên cạnh nhà Crystal Hagen. Quý vị cũng sẽ thấy rằng, trong cuốn nhật ký của mình, nơi cô bé này đã gọi Carl Iverson là “người đàn ông hàng xóm hư hỏng”, cô bé viết rằng Carl Iverson đã nhìn chăm chăm vào cô bé qua khung cửa sổ, và quan sát cô bé khi cô bé đang luyện tập bài cổ động trong sân vườn.

“Từ cuốn nhật ký đó, cô bé này sẽ kể cho quý vị về một sự cố khi cô bé đang ở với bạn trai mình, một cậu thanh niên trẻ mà cô ấy gặp trong lớp tin học, một anh chàng có tên Andy Fisher. Vào một đêm, khi cô bé và Andy đang đỗ xe cuối con hẻm phía sau nhà Crystal và cũng là nhà của Carl Iverson, để né tránh những con mắt tò mò, và những câu chuyện được đồn đặt mà những đứa trẻ vẫn hay làm. Đó cũng là lúc bị cáo, Carl Iverson bước lại gần chiếc xe hơi như một tên quái vật trong một bộ phim kinh dị và nhìn vào họ trừng trừng qua cửa sổ. Ông ta đã nhìn thấy Crystal và Andy đang... Ồ hãy nói là họ đang có những trải nghiệm đầu đời về giới tính bên nhau... Chỉ như những đứa trẻ đang đùa nghịch. Và Carl Iverson đã nhìn thấy chúng, ông ta quan sát chúng.

“Thực ra điều đó không có gì là tệ, nhưng đối với Crystal Hagen, chuyện này giống như ngày tận thế. Quý vị có thể thấy, Crystal có một người cha dượng, một người sùng đạo tên là Douglas Lockwood. Ông ấy sẽ là người chứng thực trong phiên tòa này. Ông Lockwood đã không chấp thuận cho Crystal tham gia vào đội cổ động. Và ông ấy cũng không muốn cô bé hẹn hò ở cái tuổi mười bốn. Vì vậy ông ấy đã đặt ra một vài quy định đối với Crystal - những quy định để bảo vệ danh tiếng gia đình và sự ngoan ngoãn của Crystal. Ông ấy đã nói rằng nếu cô bé không sống theo những quy tắc mà ông ấy đã đặt ra thì sẽ không được tiếp tục tham gia vào đội cổ động. Và nếu sự vi phạm của cô bé quá mức cho phép, ông ấy sẽ gửi cô bé đến một ngôi trường tôn giáo tư thục.

“Thưa quý vị, những gì mà cô bé đó đã làm trong chiếc xe hơi kia với Andy Fisher vào đêm đó đã phá vỡ những quy tắc này.

Bằng chứng cho thấy rằng, Carl Iverson sử dụng những điều mà ông ta đã nhìn thấy trong con hẻm nhỏ vào cái đêm ấy để tống tiền Crystal, để ép buộc cô bé phải làm... ừm... làm nô lệ cho ông ta. Quý vị có thể thấy, ngay sau cái đêm trong con hẻm nhỏ đó, Crystal đã viết vào cuốn nhật ký của mình rằng người đàn ông kia đã ép buộc cô bé làm những điều mà cô bé không muốn - nô lệ tình dục. Ông ta đã nói với cô bé rằng nếu cô ấy không làm theo những điều mà ông ta muốn, ông ta sẽ phơi bày những bí mật của cô bé. Giờ đây, Crystal không trực tiếp nói rằng chính Carl Iverson là kẻ đã đe dọa cô bé, nhưng khi quý vị nhìn thấy từng câu chữ cô bé viết ra trong cuốn nhật ký, thì quý vị sẽ chẳng còn chút nghi ngờ về người mà cô bé đang nhắm tới.”

Lila nói chậm lại, chùng giọng xuống chỉ còn to hơn tiếng thì thầm, nhằm gây ấn tượng. Hai cánh tay tôi di chuyển từ phía sau chiếc ghế dài đặt lên hai đầu gối trong khi ngả người về phía trước để lắng nghe.

“Vào buổi chiều mà cô bé bị giết hại, Andy Fisher lái xe đưa Crystal về nhà sau giờ học. Họ trao nhau những nụ hôn tạm biệt, và Andy rời đi. Crystal chỉ còn lại một mình trong ngôi nhà ngay sát vách với Carl Iverson. Sau khi Andy lái xe đi, chúng ta biết rằng Crystal đã kết thúc cuộc đời mình trong căn nhà của Carl Iverson. Có lẽ cô bé đã tới đó để đối đầu với ông ta. Như các vị thấy đấy, Crystal Hagen đã gặp cố vấn của mình tại trường vào ngày chiều hôm đó, và nhận thức được rằng những điều mà Carl Iverson đang làm với cô bé có thể khiến ông ta phải ngồi tù. Hoặc có lẽ, cô bé đến đó ngay lúc cấp bách, bởi vì vào buổi sáng cái ngày mà Crystal chết, chúng ta biết rằng Carl Iverson đã mua một khẩu súng ngắn của quân đội. Chúng tôi không chắc chắn được rằng làm cách nào mà Crystal lại có thể ở trong nhà của Iverson, nhưng chúng tôi biết rằng cô bé đã ở đó vì những chứng cứ mà tôi vừa mới có trong tay. Và một khi cô bé

ấy có mặt tại nhà của ông ta, chúng ta biết điều đó sẽ trở nên tồi tệ thế nào cho Crystal Hagen. Cô bé đã có một kế hoạch trả đũa Iverson - và đưa ông ta vào tù nếu ông ta không dừng những hành động hăm dọa và lạm dụng của mình lại. Và tất nhiên, Carl Iverson có một kế hoạch khác.”

Lila ngừng lại, không còn trong vai trò là một công tố viên. Cô ấy ngồi xuống chiếc ghế bành ngay bên cạnh tôi, đôi mắt cố định trên biên bản tường trình.

Khi cô ấy tiếp tục, cô ấy nói như thể bản thân đang bị tấn công bởi một nỗi buồn sâu sắc.

“Carl Iverson cưỡng bức Hagen. Và khi ông ta đã xong việc - sau khi ông ta đã lấy đi tất cả những gì có thể từ cô bé - ông ta đã cướp đi tính mạng cô ấy. Ông ta đã siết cổ cô bé bằng một sợi dây điện. Thưa quý vị, phải mất một khoảng thời gian khá lâu để có thể siết cổ một người cho đến chết. Đó là một cái chết từ từ và kinh khủng. Carl Iverson phải quấn sợi dây xung quanh cổ Crystal Hagen, siết chặt và giữ nó trong ít nhất hai phút. Và khi thời gian trôi qua thật chậm theo từng giây, ông ta vẫn có khả năng thay đổi quyết định của mình. Nhưng không, thay vào đó, ông ta tiếp tục siết chặt sợi dây và giữ nó thật chắc quanh cổ nạn nhân cho đến khi ông ta chắc chắn rằng cô bé không chỉ bị bất tỉnh, mà đã ngưng thở hoàn toàn.”

Lila ngừng đọc và nhìn tôi với gương mặt đau khổ, như thể bằng cách nào đó, tôi là một phiên bản mở rộng của Carl, như thể đang có một vài mầm mống của những hành động quái dị tồn tại trong tôi. Tôi lắc đầu. Cô ấy lại bắt đầu quay trở lại với “công việc” của mình.

“Crystal vật lộn để giành giật lấy cuộc sống. Chúng ta biết điều này vì một trong những chiếc móng tay giả của cô bé đã bị vỡ trong suốt cuộc chống cự. Chiếc móng tay đó đã được tìm thấy trên những bậc thềm cầu thang trên lối dẫn vào nhà Iverson; có lẽ là do ông ta kéo lê thi thể của cô bé vào kho chứa đồ. Ông ta vứt thi thể cô bé xuống sàn như thể vứt một

đồng rác. Và rồi, để giấu giếm hành vi tội lỗi của mình với thế giới, ông ta đã khai hỏa căn nhà kho, tin rằng sức nóng và ngọn lửa sẽ chôn vùi mọi bằng chứng về những tội ác mà ông ta đã làm. Sau khi phóng hỏa kho chứa đồ cũ kĩ của mình, ông ta quay trở lại căn nhà và nốc cạn một chai rượu whiskey cho đến khi ngất đi.

Ngay khi xe cứu hỏa tới hiện trường, khu nhà kho đã toàn toàn bị nhấn chìm trong biển lửa. Sau khi cảnh sát tìm thấy thi thể của Crystal trong đồng đồ nát đang cháy âm ỉ, họ gõ cửa nhà Iverson, nhưng ông ta không trả lời. Họ cho rằng không có ai ở nhà vào thời điểm đó. Thám tử Tracer quay trở lại hiện trường vào sáng hôm sau với lệnh khám nhà, và tìm thấy Iverson vẫn nằm bất tỉnh vì say khướt trên chiếc ghế dài, trong khi vỏ chai whiskey nằm trong một tay, và một khẩu súng lục 45 - caliber nằm gần tay còn lại.

Thưa quý vị, các vị sẽ được xem những bức ảnh sẽ khiến quý vị cảm thấy buồn nôn. Tôi xin được ngỏ lời xin lỗi trước về những gì quý vị sẽ xem sau đây, nhưng điều này là thực sự cần thiết để giúp quý vị có thể hiểu được những gì đã diễn ra với Crystal Hagen.

Ngọn lửa đã thiêu rụi nửa thân dưới gần như hoàn toàn đến nỗi một số bộ phận đã bị biến dạng. Mái tôn của nhà kho đã rơi vào người cô bé, và đã che chắn được nửa thân trên khỏi đám lửa. Và đó, ngay dưới ngực cô bé, các vị có thể thấy cánh tay trái còn lại - không bị thiêu rụi. Phía bên tay phải, các vị có thể thấy bộ móng giả mà cô bé đã rất tự hào, bộ móng mà cô bé đã để dành cho ngày hội khai trường đầu tiên với Andy Fisher. Các vị có thể nhìn thấy một trong những chiếc móng đó bị thiếu, chiếc móng mà cô bé đã làm vỡ trong khi chống cự với Carl Iverson.

Thưa quý ông, quý bà, sau khi các vị đã tận mắt xem qua tất cả những bằng chứng trong vụ án này, tôi xin quay trở lại và nói với quý vị một lần nữa, và tôi sẽ yêu cầu quý vị đưa ra một lời phán quyết cho tội ác giết người này ở mức độ cao nhất chống lại Carl Albert Iverson.”

Lila đặt bản tường trình lên đùi, để cho dư âm trong giọng nói của mình rơi vào im lặng. “Thật là một tên khốn, bệnh hoạn,” cô ấy lên tiếng. “Tôi không thể tin rằng anh lại có thể ngồi nói chuyện với ông ta và không hề muốn băm vằm ông ta ra. Họ đáng lẽ không nên để ông ta ra khỏi tù. Ông ta nên kết thúc cuộc đời mục nát của mình sau những xà lim tăm tối, nhớp nháp nhất.”

Tôi hơi ngả người về phía Lila, bắt chước tư thế giống như cô ấy, và để tay trên đệm ngay bên cạnh chân cô ấy. Nếu tôi duỗi những ngón tay của mình ra, tôi đã có thể chạm vào cô ấy. Suy nghĩ đó đã xóa đi tất cả những suy nghĩ khác ra khỏi đầu tôi, nhưng cô ấy không hề để ý đến nó.

“Nó sẽ như thế nào nhỉ... khi anh nói chuyện với ông ta ấy?” Lila lên tiếng hỏi.

“Ông ấy đã quá già,” tôi nói. “Ông ấy đang ốm và rất yếu, mỏng manh, chỉ còn da bọc xương. Thật khó để hình dung ra một người như ông ấy trong câu chuyện mà cô vừa đọc.”

“Khi anh viết về ông ta, hãy chắc chắn rằng anh sẽ thuật lại toàn bộ câu chuyện. Đừng chỉ viết về một ông già yếu đuối đang chết dần chết mòn vì căn bệnh ung thư. Hãy kể cho mọi người biết về người đàn ông say xỉn, suy đồi, người đã thiêu cháy một cô bé mới mười bốn tuổi.”

“Tôi đã thực hiện một lời hứa là sẽ chỉ viết sự thật,” tôi nói. “Và tôi sẽ làm như vậy.”

CHƯƠNG 12

Tháng 10 trôi qua nhanh như một cơn gió. Một trong những người phục vụ ở quầy rượu quán bar Molly phải nghỉ việc vì người chồng đã có lần bắt gặp cô ta tán tỉnh những gã đàn ông trong quán vì tiền tip. Molly đã yêu cầu tôi đảm đương luôn vị trí đó cho đến khi cô ấy tìm được người thay thế. Tôi không thể chối từ vì tôi cần phải tiết kiệm đủ số tiền 3.000 đô la bù lại chi phí bảo lãnh của mẹ. Vì vậy, hầu hết cả buổi tối trong tháng từ thứ ba đến thứ năm tôi làm việc tại vị trí quầy bar, còn các tối cuối tuần tôi làm việc ở lối vào. Nhưng điều quan trọng hơn cả là tôi có bài kiểm tra giữa kỳ cho hai môn Kinh tế học và Xã hội học.

Tôi đã bị sa vào thói quen chỉ đọc những dòng được in đậm trong sách giáo khoa - những cuốn sách cũ của những người đi trước, và hy vọng rằng sẽ có đủ thời gian chuẩn bị cho bài kiểm tra.

Tôi tìm thấy một tài liệu trong tập tài liệu tuyên án của Carl Iverson mà tôi cho rằng nó là “của trời cho”. Đó là một bản tóm tắt kỹ lưỡng về cuộc đời của Carl Iverson từ khi lớn lên ở South St.Paul, bao gồm tất cả các thông tin về gia đình, những tội lỗi nhỏ nhặt, sở thích, và quá trình học tập của ông ta. Bản tóm tắt này còn chạm tới một khoảng thời gian ngắn ngủi khi ông ta thực hiện nghĩa vụ quân sự, bản báo cáo đề cập rằng Carl đã được xuất ngũ sau khi tham gia phục vụ cuộc chiến tranh Việt Nam, và đã được trao hai huân chương Purple Heart^{20*} và một huân chương Silver Star^{21*}. Tôi tự làm một bản ghi chép đi sâu hơn về quá trình phục vụ trong quân đội của Carl. Tôi đến thăm Carl hai lần trong tháng 10, chỉ ngay trước khi đến hạn nộp chương mở đầu và phần khung nội dung chính. Tôi xoay xở để cố hoàn thiện chương đầu tiên bằng những thông tin thu thập được từ các bản báo cáo với những chi tiết từ bản ghi chép của mình - thêm thắt quyền được sáng tạo có đôi chút tùy tiện của riêng tôi.

20* *Huân chương Purple Heart: một huân chương của quân đội Mỹ trao tặng dưới tên của Tổng thống cho những binh sĩ bị thương hay bị giết trong khi đang phục vụ hay phục vụ trong quân đội sau thời điểm ngày 4/5/1917.*

21* *Huân chương Silver Star: huân chương hạng ba dành cho những thành viên trong Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ. Bất kỳ ai phục vụ trong quân đội cũng sẽ nhận được huân chương này, nhằm biểu dương cho sự dũng cảm.*

Sau khi nộp bài tiểu luận cho giáo viên hướng dẫn, tôi cũng không quay trở lại Hillview cho đến sau ngày lễ Halloween, một kỳ nghỉ mà tôi chẳng còn mấy mặn mà từ lâu. Tôi hóa trang như một kẻ phá phách và hư hỏng vào ngày lễ Halloween, như cái cách mà tôi đã làm trong vòng bao năm qua kể từ khi tôi bước sang tuổi mười tám, và làm việc tại lối vào của quán bar Molly. Tôi đã có một lần nổi xung lên, khi một người hóa trang thành Superman đưa tay sàm sờ bộ mông của Raggedy Ann - nếu trong trường hợp Raggedy Ann vẫn còn là một vũ nữ thoát y, thì chuyện đó chẳng có vấn đề gì - làm cho anh chàng bạn trai của cô nàng, Raggedy Andy, đánh gã đàn ông này và khiến gã phải nằm đo ván. Tôi xô Raggedy Andy ra khỏi cửa. Còn Raggedy Ann theo ngay sau chúng tôi, nở một nụ cười rụt rè khi cô ấy đi qua, như thể cuộc đánh lộn này đã nằm trong kế hoạch có sẵn của cô nàng, một sự công nhận rằng cô nàng mong đợi điều này xảy ra khi cô ả nhét thân hình “phì nhiêu” và có phần xôi thịt của mình vào bộ đồ nhỏ xíu và kệch cỡm kia. Tôi ghét Halloween.

Thời tiết lạnh kéo đến một cách ồ ạt vào những ngày đầu tiên của tháng 11, ngày tôi trở lại Hillview. Nhiệt độ hầu như không có nơi nào vượt quá 30 độ (F), lá rụng xuống thành đụn trên những khúc quanh của các tòa nhà và xung quanh những thùng đựng rác, nơi những cơn gió thổi tung chúng thành những xoáy tròn luẩn quẩn. Tôi gọi điện tới đó vào buổi sáng để chắc chắn rằng Carl có thể sẵn sàng cho cuộc ghé thăm của tôi, chứ không phải để hỏi dò xem căn bệnh ung thư của ông ấy phát triển ra sao. Tôi thấy Carl vẫn ngồi ở vị trí thường ngày của mình, nhìn chăm chú ra ngoài cửa sổ. Vắt ngang trên đùi ông ấy là một chiếc chăn len phủ giường, chân đi tất len dày

và dép bông đi trong nhà, thân hình mỏng manh của ông ấy khoác một chiếc áo choàng màu xanh thắt đai quanh hông. Ông ấy đã mong chờ tôi đến và yêu cầu một trong những y tá chuyển một chiếc ghế êm ái đặt ngay bên cạnh chiếc xe lăn ông đang ngồi. Theo phản xạ, hoặc có thể gọi đó là thói quen, tôi bắt tay ông ấy và ngồi xuống, những ngón tay gầy gò, lạnh ngắt và mềm nhũn như rong biển chết của ông ấy trượt khỏi tay tôi.

“Tôi nghĩ là cậu đã quên tôi,” ông ấy lên tiếng. “Học kỳ này cháu rất bận,” tôi trả lời, lấy ra một chiếc máy thu âm từ trong túi. “Ông không thấy phiền nếu cháu sử dụng cái này chứ? Cái này sẽ dễ dàng hơn là việc ngồi viết lại những gì ông đang nói.”

“Đấy là việc của cậu. Tôi chỉ đang giết thời gian của mình thôi.” Ông ấy cười khùng khục trước giá treo cổ hài hước của mình.

Tôi bật chiếc máy ghi âm lên và hỏi Carl về cuộc nói chuyện lần trước chúng tôi đang dừng lại ở đâu. Trong khi Carl kể về những câu chuyện của mình, tôi tự cảm thấy mình đang tách rời chúng thành những thông tin rời rạc, trải chúng ra xung quanh như những mảnh ghép trong một trò chơi xếp hình và đặt chúng trên bàn. Rồi sau đó, tôi đã cố lắp ráp các mảnh ghép ấy lại với nhau theo cái cách mà sẽ giải thích tường tận từ những ngày một “con quái vật” được sinh ra cho đến hết cuộc đời của nó. Thời thơ ấu của người đàn ông này đã xảy ra những chuyện gì, thời niên thiếu của ông ấy ra sao, để rồi một hạt mầm được ươm xuống đất lớn lên, và phát triển đến một ngày nó lại trở thành một kẻ giết người tên Carl? Đây liệu có phải là một ẩn số?

Một biến cố gì đó chắc hẳn đã xảy ra với Carl Iverson khiến ông ta trở nên khác biệt với phần còn lại của nhân loại, khác biệt với tôi. Ông ấy đã cho tôi một bài giảng về sự trung thực trong những ngày đầu tiên khi chúng tôi gặp nhau, và giờ đây, ông ấy lại đang kể cho tôi về những sự giáo dục hỗn độn của ông ấy, trong suốt thời gian khi những sự tiếp xúc đen tối, chẳng mấy tốt đẹp đã kéo thế giới của ông ấy vào một trục quay mà tất cả

chúng ta đều không thể hiểu được. Tôi muốn mếu máo vì những thứ nhảm nhí này. Nhưng thay vào đó, tôi lại gật đầu, thôi thúc, và chăm chú lắng nghe khi ông ấy tô điểm cho cái thế giới hình vỏ trứng của mình một màu trắng tinh khiết.

Trong suốt quãng thời gian của canh giờ thứ hai chúng tôi nói chuyện với nhau, ông ấy đã nói với tôi rằng, “Và đó là quãng thời gian chính phủ Mỹ phái tôi đến Việt Nam”. Cuối cùng, tôi nghĩ, đây có lẽ là một sự kiện mà tôi có thể giải nghĩa được hai chữ “quái vật” trong người đàn ông này. Carl đã khá mệt sau suốt khoảng thời gian trò chuyện với tôi, vì vậy ông ấy đặt hai bàn tay lên đùi, rồi từ từ dựa vào lưng ghế, và nhắm mắt lại. Tôi nhìn thấy một vết sẹo trên cổ khi máu chảy qua động mạch cảnh của ông ấy.

“Đây có phải là vết sẹo mà việc tham dự cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam đã để lại cho ông không?” Tôi hỏi.

Ông ấy chạm vào vết sẹo dài trên cổ mình. “Không, tôi có nó khi ở trong tù. Đó là những kẻ bị biến thái nhân cách Aryan Brother^{22*} đã cố cắt cổ tôi.”

^{22*} *Aryan Brotherhood, còn có tên gọi khác là AB hay The Brand: một băng đảng của người da trắng, với số lượng khoảng 200.000 thành viên kể cả trong và ngoài các nhà tù ở châu Mỹ. Mặc dù không phải là băng đảng lớn mạnh nhất nhưng AB nổi tiếng bởi đã sát hại quá nhiều tù nhân. Theo một nguồn số liệu thống kê, có đến 26% các vụ giết người trong các nhà tù ở Mỹ là do băng nhóm này gây ra. AB được chia thành hai nhóm, những người trong nhà tù liên bang và các thành viên khác trong các nhà tù nhỏ hơn, hầu hết ở tiểu bang California. Để tham gia Aryan Brotherhood, họ bắt buộc phải giết người trước mặt các thành viên khác. Bất kỳ ai cố gắng rời khỏi băng nhóm này, thường bị hành hung hoặc bị sát hại không thương tiếc. Các thành viên của AB thường có hình xăm “Aryan Brotherhood”, “AB”, “SS”, “666” hay biểu tượng phát xít. Đây là một nhóm tội phạm*

nguy hiểm với nhiều tội danh như tống tiền, mại dâm, buôn bán ma túy và giết thuê.

“Aryan Brother ư? Đó có phải là băng đảng của những người da trắng?”

“Chính là họ,” ông ấy trả lời.

“Cháu đã từng nghĩ là cùng sắc tộc sẽ bênh vực lẫn nhau khi ở trong tù chứ.”

“Không, khi cậu bị buộc tội quấy rối trẻ em - cái tội mà tôi đang gánh. Các băng nhóm khác nhau sẽ có những “trò chơi biến thái” đối với những người bị buộc tội đó trong chính chủng tộc của mình.”

“Trò chơi biến thái ư?”

“Những người bị buộc tội cưỡng hiếp hay lạm dụng tình dục là những thành phần nhơ bẩn nhất, cặn bã nhất trong đám rác rưởi của nhà tù. Nếu cậu chẳng may vác cái tội đó lên mình, cậu phải “gột rửa” được tội danh đó; Nếu cậu cần một hình xăm của giọt nước mắt, để chứng tỏ rằng mình răn rỗi, thì cậu phải giết chết một kẻ mang tội danh tương tự khác; còn cậu muốn hình một con chó cái... có lẽ cậu sẽ được tặng cho cả một bức tranh lên người.”

Tôi rùng mình và cảm thấy co rúm người vì sự ghê rợn này nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh để ông ấy không thấy sự thay đổi trong cảm xúc của tôi.

“Vào một ngày, khoảng ba tháng sau khi tôi đến Stillwater, tôi đang trên đường đi ăn tối. Đó là khoảng thời gian nguy hiểm nhất trong một ngày. Chúng đưa tới hai trăm gã trong băng đảng đến cùng một lúc làm náo loạn cả đại sảnh. Trong đám đông đó, những người mang dao găm bắt đầu xuất hiện. Chẳng có sự phân biệt nào về việc ai làm gì với ai.”

“Chẳng lẽ không có ai hay nơi nào có thể giúp ông tách ra khỏi cái đám hỗn độn đó ư? Ồ... Cái được gọi là gì nhỉ... cái ngục hay cái gì đó đại loại như vậy.”

“Phòng cách ly,” ông ấy nói. “Phòng cách ly thì chỉ có hạn thôi. Đúng vậy, tôi có thể yêu cầu được cách ly, nhưng tôi đã không làm như vậy.”

“Tại sao?”

“Bởi vì vào thời điểm đó, cuộc sống không có ý nghĩa gì lắm đối với tôi.”

“Thế làm thế nào mà ông lại có vết sẹo đó?”

“Có một con ‘khỉ đột’ to lớn tên là Slattery, người đã cố biến tôi thành... à, hãy nói rằng hắn ta cảm thấy cô đơn vì một vài mối quan hệ. Hắn nói rằng hắn sẽ cắt cổ tôi nếu tôi không đưa cho hắn thứ mà hắn muốn. Tôi đã nói với hắn rằng hắn sẽ phải làm cho tôi một việc.”

“Và sau đó, hắn đã cắt cổ ông?”

“Không. Đó không phải là cách mà hắn đã làm. Hắn là một ‘ông chủ’, không phải là bọn tay sai. Hắn có bọn ‘tay chân’ làm việc đó, một vài đứa trẻ ranh mong đợi làm điều này để được ghi danh với gã. Tôi còn không buồn xem nó xảy ra như thế nào với mình.

Tôi cảm thấy có một dòng chất lỏng nóng ẩm chảy xuống vai. Tôi đưa tay lên cổ và cảm thấy máu đang bắn ra tung tóe từ đó. Tôi dường như sắp chết. Sau khi họ cầm máu và khâu vá vết thương lại cho tôi, họ buộc tôi phải vào phòng cách ly. Và tôi đã ở đó trong suốt quãng thời gian còn lại của ba mươi năm tù giam: ồn ào, bị vây quanh bởi những tảng bê tông kiên cố gần như 24/24 giờ mỗi ngày. Điều này có thể khiến cho một người trở nên phát điên.”

“Đó có phải là nơi ông đã gặp “người anh em” của mình?” Tôi hỏi.

“Người anh em ư?”

“Virgil - có phải tên ông ấy không nhỉ?”

“À, Virgil.” Ông ấy hít một hơi thật sâu, như muốn thở dài, và một làn sóng của cơn đau dội đến khiến ông giật mình, cứng đờ người lại trên chiếc xe lăn. Máu dường như rút cạn trên những ngón tay bấu chặt trên hai thành ghế. “Tôi nghĩ...”, ông ấy thều thào trong những hơi thở dốc, ngắn ngủi, như thể ông ấy đang trong cơn đau đê, chờ đợi cho cơn đau qua đi. “Câu chuyện đó sẽ... sẽ phải chờ đợi... vào một ngày khác.”

Tôi vẫy tay gọi y tá đến, hỏi thuốc cho ông ấy. “Tôi e rằng... tôi sẽ phải ngủ một lát...”

Tôi cảm ơn ông ấy vì đã dành thời gian cho tôi, rồi vội lấy chiếc ba lô, chiếc máy ghi âm, và đi ra khỏi nơi đó. Tôi có nán lại đôi chút chỗ chiếc bàn phía trước để tìm chiếc ví trong túi, và tìm tấm card mà Virgil Gray đã đưa cho tôi.

Đã đến lúc tôi nên nghe từ một người trong thế giới này, người đã tin rằng Carl vô tội, tiếng nói duy nhất chống lại kết luận của tôi rằng Carl Iverson đáng bị trừng phạt. Trong khi tôi lục tung đồng card của mình lên, Janet dựa vào chiếc bàn lễ tân và thì thào, “Ông ấy đã không dùng thuốc giảm đau trong ngày hôm nay. Ông ấy muốn đầu óc của mình được minh mẫn khi anh đến. Ông ấy có thể cũng sẽ không dùng đến nó cho cả ngày mai.”

Tôi đã không đáp lại bà ấy, vì tôi cũng không biết nên nói gì.

CHƯƠNG 13

Đã được vài tuần kể từ khi tôi nhận được cuộc gọi từ văn phòng luật sư công thông báo rằng những tài liệu còn lại của Carl đã sẵn sàng để đưa cho tôi. Tôi cảm thấy thật tồi tệ vì điều đó. Tôi thấy tệ vì tôi còn chưa hề tạt qua để lấy nó. Nếu như Virgil Gray không gợi ý rằng sẽ gặp tôi trong thị trấn, thì chiếc hộp đó có lẽ vẫn ở lại văn phòng luật sư công. Tiểu luận mà tôi đang làm tốn thời gian đến nỗi tôi còn không có đủ thì giờ để đọc tất cả những tài liệu chất cao ngất đến đầu gối mình. Nhưng khi tôi gọi Virgil, ông ta lại gợi ý rằng chúng tôi sẽ gặp nhau tại một khoảng sân nhỏ bên ngoài cơ quan chính phủ trong trung tâm thành phố Minneapolis.

Và đó là nơi tôi tìm thấy ông ta, đang ngồi trên một chiếc ghế đá trong một góc công viên, chiếc ba toong nằm tựa vào phía bên chân còn lạnh lặn của ông ta. Ông ta thấy tôi khi tôi đang đi qua quảng trường nhưng không vẫy tay gọi hay tỏ ra là nhận ra tôi.

“Ông Gray.” Tôi vẫy tay; ông ta gật đầu với một sự nhiệt tình có thể ví như cái gật đầu mà bạn đang thể hiện rằng mình đã sẵn sàng với một miếng bông cải xanh còn thừa lại trên đĩa. “Cháu rất lấy làm biết ơn vì ông đã đến gặp cháu.”

“Vì sao cậu lại muốn chọn câu chuyện này để viết?” Virgil hỏi thẳng thừng. Ông ta không hề nhìn vào tôi khi nói chuyện, đôi mắt ông ta tập trung vào đài phun nước nằm chính giữa khoảnh sân nhỏ.

“Xin lỗi, sao cơ ạ?” Tôi hỏi.

“Tại sao cậu lại viết câu chuyện của ông ấy? Nó có lợi ích gì cho cậu?”

Tôi ngồi vào chiếc ghế bên cạnh Gray. “Cháu đã nói với ông rằng đó là một bài tiểu luận tiếng Anh.”

“Đúng, nhưng tại sao lại là ông ấy? Vì sao lại là Carl? Cậu có thể viết về bất cứ ai mà. Thật là quái quỷ, cậu có thể bịa ra một câu chuyện tùy thích. Giáo viên của cậu đâu có biết đấy là đâu đâu?”

“Vì sao lại không phải là Carl?” Tôi hỏi lại. “ Ông ấy có một câu chuyện rất hấp dẫn.”

“Cậu đang chỉ lợi dụng ông ấy mà thôi,” Virgil nói. “Carl là người đáng thương nhất, ông ấy bị đối xử không công bằng hơn bất cứ người nào trên thế giới này. Ta không nghĩ việc này là đúng, cậu đang làm cái quái gì vậy!”

“Ồ, nếu ông ấy bị đối xử không công bằng như ông đã nói, thì chẳng phải là sẽ rất tốt nếu có một ai đó viết về câu chuyện của ông ấy hay sao?”

“Thế nên cậu đang làm gì vậy?” Ông ta nói, những lời lẽ của ông ta nhỏ giọt đầy sự mỉa mai. “Đó là câu chuyện mà cậu sẽ kể sao? Cậu đang viết về việc Carl đã bị đối xử không công bằng như thế nào ư, và rằng ông ấy đã bị kết án cái tội mà ông ấy không công nhận ư?”

“Cháu vẫn chưa viết gì về câu chuyện đó cả. Nhưng cháu vẫn cố để mừng tượng ra nội dung câu chuyện mà cháu sẽ viết. Đó là lý do tại sao cháu lại đến gặp ông. Ông đã nói rằng ông ấy vô tội.”

“Ông ấy vô tội.”

“Ồ, từ trước cho đến nay, ông là người duy nhất nói điều đó. Ban bồi thẩm, các công tố viên, cái khỉ gió gì đi nữa, cháu nghĩ kể cả luật sư của ông ấy, đều nghĩ rằng ông ấy có tội.”

“Điều đó chẳng nói lên được sự thật.”

“Ông đã không đứng lên bảo vệ Carl trong phiên xét xử của ông ấy. Ông đã không đứng lên làm chứng.” “Họ không để cho ta làm chứng. Ta muốn

làm chứng, nhưng họ đã không cho phép ta làm vậy.”

“Ai đã không để cho ông đứng ra làm chứng?” Virgil nhìn lên bầu trời xám xịt như màu tro của lò sưởi. Những cây cối xung quanh khoảnh sân nhỏ đã khoác lên mình bộ đồ hình xương cong queo của mùa đông, và những cơn gió lạnh càn quét qua những viên sỏi trải đường rồi thổi bung lên sau gáy tôi. “Luật sư của ông ấy,” Virgil nói, “Họ không muốn tôi nói với bồi thẩm đoàn về ông ấy. Họ nói với tôi rằng nếu tôi làm chứng, thì đó sẽ phải là một bằng chứng thuyết phục. Tôi nói thẳng vào mặt họ rằng tôi là một bằng chứng thuyết phục. Họ cần phải biết Carl thực sự là người như thế nào, không phải là những lời nói dối trá mà các công tố viên đang bới móc. Họ nói nếu tôi nói về tính cách của Carl, các công tố viên cũng có thể nói về bản chất của ông ấy, về việc ông ấy đã nốc rượu mỗi ngày như thế nào, và đã không thể giữ được công việc của mình, và tất cả những điều đó thật ngu ngốc.”

“Vậy thì, ông sẽ nói gì nếu ông là nhân chứng?” Virgil quay lại, nhìn vào mắt tôi, và nhìn tôi từ đầu đến chân thêm một lần nữa, sự lạnh lùng trong đôi mắt màu xám của ông ta phản chiếu những đám mây đang tụ lại với nhau trên bầu trời. “Tôi đã gặp Carl Iverson ở Việt Nam vào năm 1967. Chúng tôi đều là những lính trẻ vừa rời khỏi trại huấn luyện lính thủy mới tuyển. Chúng tôi đã cùng nhau băng qua rừng - làm nhiều việc, nhìn thấy nhiều thứ mà chúng tôi không thể giải thích được với những con người chưa từng có mặt tại đó.”

“Và sau chuyến đi đó, ông đã biết về ông ấy rõ tới mức có thể khẳng định rằng ông ấy không giết Crystal Hagen ư? Liệu ông ấy có phải là một trong những người theo chủ nghĩa hòa bình không?”

Virgil thu hẹp cái nhìn của mình lại như thể ông ta đã sẵn sàng để đâm vào mặt tôi một đòn chí mạng. “Không,” ông ta nói. “Carl Iverson không phải là người theo chủ nghĩa hòa bình.”

“Tức là ông ấy đã giết người ở Việt Nam?”

“Đúng vậy, ông ấy đã giết người. Mà còn là rất nhiều người.”

“Cháu có thể hiểu tại sao luật sư bào chữa không muốn ông đứng ra làm nhân chứng.”

“Đó là chiến tranh. Cậu sẽ giết người khi xảy ra chiến tranh.”

“Cháu vẫn không hiểu là làm cách nào mà việc nói với tòa về việc Carl đã giết người trong chiến tranh lại có thể bảo vệ cho ông ấy. Cháu sẽ nghĩ rằng nếu cháu đang có mặt trong một cuộc chiến và buộc phải giết người - theo những gì mà ông vừa nói... rất nhiều người - thì việc giết chóc đó có thể dễ dàng hơn đối với cháu.”

“Có rất nhiều thứ mà cậu không hiểu được.”

“Vậy thì hãy làm cho cháu hiểu đi,” tôi nói, và trở nên bức bối. “Đó là lý do vì sao cháu lại ở đây.”

Virgil nghĩ ngợi một lát rồi cúi xuống, dùng hai tay kéo ống quần kaki bên phía chân bị mất lên đến gần đầu gối, để lộ ra chiếc chân giả bằng kim loại sáng bóng mà tôi đã có lần nhìn thấy từ ngày đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Chiếc chân giả kéo dài từ phần giữa đùi nối với xương bánh chè bằng nhựa trắng bao phủ một khớp nối hình lò xo, to bằng một bàn tay. Virgil vỗ vỗ vào bên cạnh chân kim loại của mình và nói. “Thấy không?” Ông ta hỏi. “Đây là những gì mà Carl đã làm.”

“Carl là lý do tại sao ông lại bị mất một bên chân ư?” “Không.” Ông ta mỉm cười. “Carl là lý do tại sao tôi lại có thể ở đây để kể cho cậu về chiếc chân bị cụt này. Carl là lý do tại sao tôi vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay.” Virgil tuột ống quần xuống, nhào người về phía trước, chống hai khuỷu tay lên đùi. “Đó là vào tháng 5 năm 1968. Chúng tôi đang đóng quân tại một căn cứ hỏa lực nhỏ trên một sườn núi phía tây bắc thung lũng Quế

Sơn. Bọn tôi nhận được lệnh đánh úp một khu làng, một khu làng nào đó không tên với những túp lều. Theo thông tin tình báo thì đã phát hiện được Việt cộng đang hoạt động trong khu vực này, vì thế cấp trên cử trung đội của chúng tôi xuống địa bàn để kiểm tra. Tôi đang đi bộ cùng với ông bạn này...”

Một nụ cười hoài cổ thoáng qua trên khuôn mặt Virgil. “Tater Davis. Một người đồng đội bị câm thường theo tôi mọi lúc mọi nơi như một con chó săn.” Virgil ngưng lại một lúc, hồi tưởng lại quá khứ trước khi tiếp tục. “Vì thế trong khi tôi và Tater đang đi trinh sát...”

“Trinh sát ư?” Tôi hỏi. “Có phải giống như việc đi thăm dò địa điểm trước không?”

“Phải. Họ sắp xếp một hoặc hai người tiên phong đi phía trước. Đó là trinh sát. Và đó là một kế hoạch chết tiệt. Nếu mọi thứ chuyển biến xấu, quân đội sẽ chỉ mất đi hai binh sĩ chứ không phải là toàn bộ trung đội.”

Tôi nhìn vào chân Virgil. “Cháu nghĩ mọi chuyện đã đi theo chiều hướng xấu phải không?”

“Đúng vậy,” ông ta trả lời. “Chúng ta đi qua một sườn dốc nhỏ, nơi con đường mòn cắt qua gò đá. Từ phía sườn dốc, cây cối mọc thưa hơn, đủ để có thể nhìn thấy ngôi làng phía trước. Tater tiến nhanh hơn khi anh ta nhìn thấy ngôi làng, nhưng có cái gì đó không ổn. Tôi không thể nói là tôi đã nhìn thấy bất cứ cái gì đặc biệt, có thể đó là một ảo giác, hoặc có lẽ trong tiềm thức, tôi đã nhìn thấy cái gì đó, nhưng bất kể nó là cái gì đi chăng nữa, tôi biết có điều gì đó không ổn. Tôi ra hiệu cho trung đội giữ nguyên vị trí. Tater nhìn tôi và lên súng sẵn sàng.

Tôi một mình bước về phía trước, có lẽ là hai, ba mươi bước. Tôi đã định dừng lại để báo hiệu “không có chướng ngại phía trước” ngay khi từ phía rừng nổ ra tiếng súng. Có một điều gì đó, tôi đã kể với cậu. Phía trước tôi,

đăng sau tôi, bên cạnh tôi, chết tiệt, khu rừng đột nhiên sáng lên với những tia đạn bắn ra từ khắp mọi nơi.“

“Viên đạn đầu tiên tôi phải gánh chịu đã làm vỡ xương bả vai của tôi. Vào cùng lúc đó, hai viên đạn khác bắn thẳng vào chân tôi. Một viên làm vỡ tan đầu gối, và viên kia trúng vào xương đùi. Tôi bỏ chạy mà không kịp bắn một phát đạn nào. Tôi nghe thấy một binh sĩ ra lệnh, cái tên thối tha đó tên là Gibbs, yêu cầu cả trung đội quay trở lại trên gò đá để vào vị trí phòng thủ. Tôi mở mắt ra chứng kiến những người đồng đội của mình chạy vụt qua, bỏ tôi lại phía sau, họ chạy tán loạn, nấp sau những khe đá và bụi rậm. Tater đang chạy với tất cả sức lực của mình để trở lại với trung đội. Và khi đó, tôi nhìn thấy Carl đang chạy về phía tôi.”

Virgil ngừng lại trong khi ông ta hồi tưởng lại những hình ảnh trong quá khứ dội lại qua những giọt nước mắt đã đông đầy hai bên mắt. Ông ta thò tay vào túi, lấy ra một chiếc khăn tay, và chấm nó vào hai bên khóe mắt với đôi bàn tay run rẩy.

Tôi quay mặt đi để Virgil có chút riêng tư. Mọi người trong bộ vest phẳng phiu lướt qua trước mắt chúng tôi, ra vào tòa nhà trung tâm chính phủ, chẳng hề để ý đến một người đàn ông bị cụt chân đang ngồi kể bên tôi. Tôi kiên nhẫn chờ đợi để ông ta có thể tự kiểm chế bản thân mình với những dòng cảm xúc đang dâng trào, khi đã thấy khá hơn, ông ta tiếp tục.

“Carl chạy lên đường mòn, la hét như một người điên, bắn xối xả về hướng những tia đạn đang phóng ra từ những lùm cây. Tôi có thể nghe thấy tiếng trung sĩ Gibbs đang la hét vào Carl, ra lệnh cho anh ấy phải nằm xuống. Khi Tater nhìn thấy Carl, anh ấy không bỏ chạy nữa mà núp đằng sau một cái cây. Carl tiến tới chỗ tôi và khụy một chân xuống, đặt thân mình che chắn cho tôi giữa khoảng bốn mươi khẩu AK-47. Anh ấy cố thủ tại đó, bắn súng khẩu súng trường trên tay liên tiếp, cho đến khi gần hết đạn.”

Virgil hít một hơi thật sâu, và lại một lần nữa không cầm được nước mắt. “Cậu nên chứng kiến cảnh tượng đó. Anh ấy cầm khẩu súng trường của tôi lên với bàn tay trái trong khi anh ấy lên nòng bằng đạn cuối cùng từ khẩu súng trường của mình, rồi dùng cả hai khẩu súng để bắn cùng lúc. Rồi anh ấy thả khẩu M-16 của mình ngang ngực tôi và dùng duy nhất khẩu của tôi mà bắn. Tôi nhanh tay nạp một băng mới vào khẩu súng trường của anh ấy và đưa trở lại cho anh ấy ngay khi tôi lại nạp băng đạn tiếp theo cho khẩu của mình.

“Carl có bị trúng đạn không?”

“Anh ấy bị trúng một phát vào bắp tay trái, một viên khác chỉ đủ sức làm lõm một vết trên mũ bảo hiểm, và một viên khác nữa làm gót giày của anh ấy bật ra. Nhưng anh ấy không mảy may đến chuyện đó. Thật là một cảnh tượng khó quên.”

“Cháu cũng cá là như vậy,” tôi nói.

Virgil lần đầu tiên nhìn thẳng vào tôi, kể từ khi ông ta bắt đầu kể câu chuyện của mình.

“Cậu đã bao giờ xem những bộ phim cũ kỹ về chiến tranh chưa,” ông ta hỏi, “bộ phim với hình ảnh những người đồng đội hứng đạn cho bạn mình và hò hét bạn mình phải tiếp tục tiến lên tự cứu lấy bản thân, để mặc anh ấy lại đằng sau.”

“Vâng,” tôi trả lời.

“Ồ, tôi chính là người anh em kia. Tôi đã trúng đạn và cảm thấy mình không còn cầm cự được nữa, và tôi biết điều này. Tôi mở miệng muốn nói với Carl rằng hãy để mặc tôi ở đó và tự bảo vệ mình, vậy mà những điều tôi nói ra lại là “Đừng bỏ mặc tôi lại đây.” Virgil nhìn vào những đầu ngón tay đang được đặt gập lại trên đùi mình. “Tôi đã quá sợ hãi,” ông ta nói, “có thể nói là khoảnh khắc đó sợ hãi hơn bất cứ điều gì tôi đã trải qua suốt cuộc

đời mình. Về mặt quân sự mà nói, Carl đã làm mọi thứ sai nguyên tắc, vậy đó. Nhưng anh ấy đã cứu cuộc đời tôi. Anh ấy sẵn sàng hy sinh vì tôi, và tất cả những gì tôi có thể làm chỉ là nói với anh ấy rằng “đừng bỏ tôi lại đây.” Tôi chưa bao giờ cảm thấy hổ thẹn như vậy.”

Tôi muốn nói điều gì đó để an ủi, hoặc chỉ là cái vỗ nhẹ vào vai ông ta, để ông ta hiểu rằng mọi chuyện vẫn ổn, nhưng đó sẽ là một sự xúc phạm. Tôi không hề có mặt ở đó. Và dĩ nhiên, tôi cũng không quyền nói những gì đã xảy ra là ổn hay không ổn.

“Khi trận chiến rơi vào thế tòi tệ nhất,” ông ta nói, “toàn bộ trung đội bị bắn tơi tả. Hai bên Việt cộng và quân đội Mỹ chống trả lại nhau một cách ác liệt, trong khi đó tôi, Tater và Carl nằm ngay giữa trận địa. Tôi nhìn lên, nhìn những xác lá tơi tả và nhìn những mảnh vụn từ cây rơi xuống như hoa giấy, những viên đạn dọc ngang bay vèo vèo trên đầu - màu đỏ từ súng của chúng tôi, màu xanh từ súng của họ - tiếng ồn, khói và bụi bay tứ tung. Thật đáng ngạc nhiên là tôi như chẳng hề liên quan đến những gì đang diễn ra. Cơn đau đã biến mất, nỗi sợ hãi cũng không còn. Tôi đã sẵn sàng để chết. Tôi nhìn qua và thấy Tater đang nấp sau một cái cây, bắn đạn nhiều nhất có thể. Anh ta đã hết đạn và lấy tay với một ổ đạn mới. Ngay sau đó, anh ta trúng một viên vào giữa đầu và qua đời. Đó là hình ảnh cuối cùng mà tôi còn nhớ được trước khi bất tỉnh.”

“Ông đã không biết chuyện gì xảy ra sau đó ư?” Tôi hỏi.

“Tôi đã được kể lại rằng, quân đội phía ta đã nhận được quân cứu trợ từ trên không. Không lực Mỹ đã thả bom napan lên vị trí của Việt cộng. Carl đã như một tấm chắn che chắn cho tôi. Nếu cậu nhìn kĩ, cậu có thể vẫn còn thấy những vết sẹo phía sau cánh tay và cổ ông ấy từ những vết bỏng mà ông ấy đã phải chịu đựng.”

“Đó có phải là dấu chấm hết cho cuộc chiến tranh xâm lược cho ông và Carl không?” Tôi hỏi.

“Đó chỉ là sự kết thúc cho tôi mà thôi,” Virgil nói, rồi hắng giọng.

“Đầu tiên chúng tôi kiên cố lại các căn cứ hỏa lực rồi rút về Đà Nẵng. Họ gửi tôi đến Seoul, nhưng Carl thì không bao giờ thoát khỏi nhiệm vụ tại Đà Nẵng. Anh ấy có một khoảng thời gian chờ phục hồi các vết thương và phải quay lại với binh đoàn.”

“Ban bồi thẩm chưa bao giờ nghe tới những công trạng này ư?” Tôi hỏi.

“Không một lời nào.”

“Thật là một câu chuyện tuyệt vời,” tôi nói thêm. “Với tôi, Carl Iverson là một anh hùng - một vị thần sống - quá tuyệt vời. Anh ấy sẵn sàng hy sinh mạng sống của mình vì tôi. Anh ấy không phải là một người mang tội cường hiếp. Và anh ấy chắc chắn đã không giết cô bé đó.”

Tôi có đôi chút do dự trước khi nói ra suy nghĩ của mình. “Nhưng... câu chuyện đó không chứng minh được rằng Carl vô tội.”

Virgil ném cho tôi một cái nhìn lạnh lùng khiến tôi cảm thấy rùng mình, tay ông ta ghì chặt lấy chiếc ba toong như thể đang chuẩn bị đánh tôi vì sự xấc láo này. Tôi không hề động đậy hay nói bất cứ một lời nào trong khi chờ đợi cơn thịnh nộ đằng sau ánh mắt kia đang muốn trút giận vào tôi. “Cậu ngồi đây trong khung cảnh hoàn toàn an toàn và ấm áp,” ông ta cười khẩy. “Vì vậy, cậu đâu có biết thế nào là đối mặt với cái chết của chính mình.”

Ông ta đã sai. Tôi đâu có cảm thấy ấm áp; và với những ngón tay đang chuyển dần sang màu trắng nhợt do nắm chặt vào cây ba toong kia, tôi đặc biệt không hề cảm thấy an toàn, mặc dù ông ta có một lợi thế về việc đã từng cận kề với cái chết. “Con người có thể thay đổi,” tôi vớt vát.

“Một người đàn ông đã từng có lúc băng ra trước mưa bom, bão đạn sẽ không bao giờ lại ra tay hãm hại một cô bé,” ông ấy nói.

“Nhưng ông đâu có ở cạnh ông ấy trong suốt quãng thời gian còn lại của cuộc chiến tranh, phải không? Ông đã trở về nhà và ông ấy thì vẫn ở lại đó. Có thể điều gì đó đã xảy ra, một điều gì đó đã thay đổi tâm trí của ông ấy - khiến cho ông ấy trở thành một kẻ có thể giết cô bé kia. Chính ông đã nói Carl là một kẻ giết người khi còn ở Việt Nam.”

“Đúng vậy, ông ấy đã từng là một kẻ giết người ở Việt Nam, nhưng chuyện này hoàn toàn khác với việc giết cô bé đó.”

Những lời lẽ của Virgil quay trở lại với giọng điệu từ lần đầu tiên tôi gặp Carl, suy nghĩ của ông ấy thật nhùng nhằng giữa hai khái niệm giết người và sát hại. Tôi nghĩ Virgil có thể giúp tôi hiểu ra được vấn đề này, vì vậy tôi đã lên tiếng hỏi, “Carl đã nói rằng có sự biệt giữa giết người và sát hại. Vậy là ông ấy có ý gì?”. Tôi nghĩ là tôi đã biết được câu trả lời cho câu hỏi này, nhưng tôi vẫn muốn nghe nó từ Virgil trước khi tôi nói với Carl về nó.

“Nó là như thế này,” ông ta nói. “Cậu giết một người lính đối phương trong rừng, và cậu chỉ đơn giản là giết. Nó không giống với việc sát hại. Điều này như thể là có sự thỏa thuận ngầm giữa các lực lượng quân đội, rằng việc chúng ta tiêu diệt lẫn nhau là chuyện đương nhiên. Điều này được cho phép. Đó là điều mà cậu nghiêm nhiên phải làm. Carl đã giết người ở Việt Nam, nhưng anh ta không hề sát hại cô bé kia. Cậu hiểu những gì tôi nói chứ?”

“Cháu có thể hiểu rằng ông đã nợ Carl Iverson một mạng, và rằng ông phải trả ơn ông ấy bằng bất cứ giá nào. Nhưng Carl đã nói với cháu rằng ông ấy là cả hai loại người đó. Ông ấy vừa giết người, lại vừa sát hại. Ông ấy nói rằng ông ấy chịu cả hai tội đó.”

Virgil cúi gằm, khuôn mặt trở nên nhẹ bẫng với một vài suy nghĩ vẫn vơ dường như đang mắc kẹt trong đầu. Rồi, với ngón tay trỏ, ông ấy xoa xoa hàng râu cằm và gật đầu như thể vừa đi đến một kết luận ngầm. “Có một câu chuyện khác,” ông ta nói.

“Cháu đang rất sẵn sàng để nghe đây,” tôi nói. “Đó là một câu chuyện mà tôi không thể kể cho cậu biết,” ông ta tiếp tục. “Tôi đã thề với Carl rằng sẽ không bao giờ kể nó cho bất cứ ai. Tôi chưa bao giờ thất hứa, và sẽ không bao giờ làm như vậy.”

“Nhưng nếu điều này giúp làm sáng tỏ mọi chuyện...” “Nó không phải là câu chuyện của tôi để có thể kể cho cậu, đó là câu chuyện của Carl. Đây là quyết định của ông ấy. Ông ấy chưa bao giờ kể cho bất cứ ai, kể cả luật sư của ông ấy, và cả bồi thẩm đoàn. Tôi đã cầu xin ông ấy nói về nó trong phiên tòa của mình, nhưng ông ấy đã từ chối.”

“Có phải chuyện này cũng xảy ra ở Việt Nam không?” “Đúng vậy,” ông ta nói.

“Và câu chuyện sẽ chứng minh điều gì?”

Virgil khựng lại trước câu hỏi của tôi. “Vì một vài lý do nào đó, Carl dường như cảm thấy muốn nói chuyện với cậu. Tôi không hiểu nổi điều này, nhưng tôi nhận thấy ông ấy có lẽ rất sẵn lòng kể cho cậu hay. Có lẽ ông ấy sẽ nói cho cậu biết chuyện gì đã xảy ra với ông ấy khi ở Việt Nam. Nếu ông ấy thực sự kể về chuyện đó, thì cậu sẽ tự nhận thấy, không có lý do gì để Carl Iverson có thể sát hại cô bé kia.”

CHƯƠNG 14

Sau cuộc gặp mặt với Virgil, tôi ghé qua văn phòng của các luật sư công để lấy nốt chỗ tài liệu còn lại, vác chúng trở về nhà, với những suy nghĩ vẫn vơ về khía cạnh những vấn đề về câu chuyện của Carl Iverson. Xét về một mặt mà nói, Carl là người đàn ông đã từng xông pha nơi chiến trận, đỡ lấy những viên đạn cho đồng đội của mình. Nhưng xét về mặt khác, ông ta lại đóng vai là một tên khốn bệnh hoạn có khả năng cướp đoạt mạng sống của một cô gái trẻ chỉ để thỏa mãn nỗi ham muốn thể xác lệch lạc của mình - hai bộ mặt, của cùng một con người. Ở một nơi nào đó trong đống tài liệu đang nằm trên vai tôi, chắc hẳn sẽ phải có một lời giải thích cho việc làm thế nào mà người ở nước của ông ta được coi là anh hùng kia lại bỗng chốc trở thành một kẻ sát nhân bệnh hoạn. Chiếc hộp tài liệu dường như trở nên nặng không tưởng trong khi tôi lết từng bước trên những bậc cầu thang dẫn tới căn hộ.

Khi vừa mới đặt chân lên bậc trên cùng của dãy cầu thang, Lila chợt mở cửa, nhìn tôi, chỉ tay vào chiếc hộp trên vai tôi và lên tiếng, “Cái gì vậy?”

“Đây là sổ tài liệu còn lại của vụ án,” tôi nói. “Tôi vừa mới mang nó về đây.”

Đôi mắt cô ấy sáng lên đầy phấn khích. “Tôi có thể xem nó không?” Cô ấy hỏi.

Kể từ khi Lila đọc phần diễn văn khai mạc của công tố viên trong bản tường trình vụ án, trường hợp của Carl đã trở nên hấp dẫn đối với tôi, nó như một cái cớ khiến Lila tới lui căn hộ của tôi thường xuyên hơn và vì vậy tôi sẽ có những khoảng thời gian cạnh cô ấy. Sẽ là nói dối nếu tôi nói rằng sự quan tâm của tôi tới việc tìm hiểu sâu hơn về vụ án của Carl Iverson không có tác dụng gì nhiều trong việc thu hút sự chú ý của Lila.

Chúng tôi cùng ngồi trong căn hộ của tôi và bắt đầu đào bới chiếc hộp tài liệu, nơi chứa vài chục thư mục tài liệu dày mỏng khác nhau, với những cái tên của các nhân chứng khác nhau, hay được dán nhãn như Giám định pháp y, hoặc Hình ảnh hoặc là Tài liệu nghiên cứu.

Lila lôi ra một tập tài liệu được dán nhãn “Nhật ký”, tôi lôi ra được một tập tài liệu khác với dòng chữ “Ảnh khám nghiệm tử thi” được ghi bên ngoài. Tôi nhớ đến những lời cảnh báo của công tố viên trong lời diễn văn khai mạc của mình về mức độ rùng rợn của những bức ảnh.

Tôi cũng nhớ những lời lẽ của vị luật sư bào chữa cho Carl, Berthel Collins, và sự phản ứng của ông ta khi lần đầu tiên nhìn thấy những tấm hình này. Tôi nhất thiết phải xem những bức ảnh này - không phải vì mục đích của bài tiểu luận; tôi cần phải hiểu chuyện gì đã xảy ra với Crystal Hagen. Tôi cần phải nhận diện được khuôn mặt, và thể xác của cô bé ấy. Tôi cũng cần phải kiểm tra dũng khí của mình, và xem liệu tôi có thể xử lý nó hay không.

Thư mục ảnh khám nghiệm tử thi là một trong những tập tài liệu mỏng nhất trong hộp tài liệu, chỉ có khoảng vài chục tấm ảnh cỡ 8x10cm. Tôi hít một hơi sâu, nhắm mắt lại, chuẩn bị tinh thần cho những điều tệ nhất. Tôi kéo nhanh tấm giấy bọc tài liệu, như đang xé toạc một miếng băng dính, và mở mắt ra để nhìn thấy hình ảnh một cô gái trẻ, xinh đẹp, đang nở một nụ cười với mình. Đó là hình ảnh cô bé Crystal Hagen, đang là học sinh năm nhất của trường trung học. Mái tóc dài màu vàng, rẽ ngôi giữa, khiến hai bầu tóc ôm trọn lấy khuôn mặt cô bé, bắt chước lại phong cách diễn viên Farrah Fawcett^{23*}, một phong cách thịnh hành nhất thời bấy giờ. Cô bé nở một nụ cười hoàn hảo, với hàm răng trắng bóng sau đôi môi mềm mại, đôi mắt lấp lánh pha chút tinh nghịch. Cô bé là một nữ sinh xinh đẹp, kiểu con gái mà bất cứ một anh chàng trẻ tuổi nào cũng muốn được yêu và bất cứ một người đàn ông thực thụ nào cũng muốn được che chở. Đây có lẽ là bức hình mà các công tố viên cố tình sắp đặt đưa ra trước bồi thẩm đoàn để làm

họ cảm thấy thương cảm cho nạn nhân. Sau đó chắc hẳn phải có một bức ảnh khác, ông ta sử dụng để khiến bồi thẩm đoàn cảm thấy khinh thị bị cáo.

^{23*} *Mary Farrah Leni Fawcett (2/2/1947 – 25/6/2009): diễn viên và nghệ sĩ nổi tiếng người Mỹ. Bốn lần được đề cử giải thưởng Emmy Award và sáu lần được đề cử giải thưởng Quả Cầu Vàng. Danh tiếng Fawcett vươn ra toàn thế giới sau khi bà cho ra bức poster của mình đang mặc một bộ áo tắm màu đỏ - tấm poster đã trở thành bức ảnh người đẹp được bán chạy nhất trong lịch sử.*

Tôi nhìn chăm chăm vào bức hình của Crystal trong vài phút. Tôi cố tưởng tượng ra hình ảnh cô bé ấy khi đang còn sống, bước chân tới trường, lo lắng về điểm số, hay các chàng trai, hoặc vô số những việc vụn vặt khác mà dường như có vẻ hơi choáng ngợp với một cô bé tuổi “teen”, và thật nhàm chán với một người trưởng thành. Tôi cố gắng tưởng tượng ra cô bé như một người lớn - “già hóa” cô bé từ một thành viên trong đội cổ vũ năm nhất cho tới hình ảnh một bà mẹ trung tuổi với mái tóc theo phong cách “thực tế” hơn trên một chiếc xe hơi cỡ nhỏ. Tôi cảm thấy tiếc rằng cô bé ấy đã không còn nữa.

Quay sang tấm hình kế tiếp, thở hổn hển như trái tim mình đang bị bóp nghẹt trong lồng ngực, tôi đóng sập tập tài liệu trên tay cho đến khi hơi thở của mình quay trở lại.

Lila đang đọc tài liệu - tập nhật ký - vì vậy nó đủ hấp dẫn để cô ấy vô tình không để ý đến sự choáng váng của tôi. Tôi nhìn bức hình chỉ trong một vài giây, nhưng đủ lâu để nó đọng lại hình ảnh sau mí mắt. Tôi mở lại tập tài liệu một lần nữa. Tôi nghĩ mái tóc của cô bé ấy đã bị biến mất, nhưng ngọn lửa đã không đủ sức để thiêu rụi nó. Điều tôi không mong đợi ở đây là đôi môi của cô bé ấy đã bị cháy rụi.

Hàm răng trắng bóng trong bức hình chụp chung với cả lớp của cô bé giờ đây nhô ra từ hai bên xương hàm và nhuộm màu vàng của lửa. Cô bé nằm ở

tư thế nghiêng về phía bên phải, phơi ra những mô thịt đang bị biến đổi, những vị trí mà trước đây là tai, má và cánh mũi trái của cô bé.

Khuôn mặt cô bé không có gì hơn một chiếc mặt nạ màu đen xám xịt của da thịt bị cháy. Trong khi những cơ cổ cháy đen bị co rút lại, làm khuôn mặt cô bé bị vẹo sang phía vai trái mô phỏng lại một tiếng thét lồ bịch. Chân cô bé bị uốn cong lại trong tư thế một bào thai, trong khi các mô thịt phần đùi và bắp chân bị biến dạng, dính chặt với những khớp xương, cháy đen và teo lại như mớ thịt khô. Cả hai bàn chân bị thiêu rụi hoàn toàn và cụt lùn. Các ngón của bàn tay phải co quắp lại vào phía cổ tay, gập về bắp tay và phần ngực. Tất cả các khớp xương đã teo đi vì sức nóng của đám cháy làm các khớp sụn và dây chằng co lại. Tôi có thể nhìn thấy một tấm thiếc đã phủ lên người của cô bé, giúp bảo vệ một phần cơ thể từ sức nóng tàn bạo của ngọn lửa. Họng tôi nghẹn lại rồi tiếp tục lật tới trang tiếp theo, bức hình ghi lại hình ảnh cô bé nằm lật úp, thân cô bé được đông lạnh trong tư thế co cụm. Các bác sĩ pháp y giữ lấy cổ tay phía bên trái của Crystal bằng một bàn tay đeo găng y tế. Vùng da bên tay trái của cô bé được bảo vệ tốt hơn, vì bị mắc kẹt dưới toàn bộ cơ thể của mình. Hình ảnh ở một bàn tay pháp y đi găng khác, nắm giữa ngón tay cái và ngón trỏ, ông ta giữ chiếc móng tay giả bị vỡ, ghép nó với những chiếc móng giả khác phía bàn tay trái. Đó là chiếc móng giả mà họ đã tìm thấy trên những bậc thang dẫn từ nhà của Carl tới khu nhà kho.

Tôi đóng tập tài liệu lại.

Liệu gia đình của Crystal đã nhìn thấy những tấm hình này chưa? Họ chắc hẳn đã xem chúng. Họ đã có mặt tại phiên tòa. Những bức ảnh này chính là đối tượng “trưng bày” tại phiên tòa và được phóng to vừa đủ để tất cả mọi người có mặt tại phiên tòa có thể chứng kiến. Cảm giác sẽ như thế nào khi phải ngồi trong phòng xử án đó, và chứng kiến những bức hình này, những phần thân thể không còn nguyên vẹn của cô con gái xinh đẹp của mình? Làm sao họ có thể chịu đựng để không nhảy bổ qua tấm rào

chặn ngăn cách trong phòng xử án để “tính sổ” với gã đàn ông kia? Chắc hẳn sẽ phải cần đến hơn một nhân viên cảnh sát được trang bị dùi cui để ngăn tôi lại nếu chuyện này xảy ra với chính em gái tôi.

Hít một hơi thật sâu, mở lại bức ảnh chụp ở trường của Crystal. Tôi cảm thấy nhịp tim mình dịu xuống, và hơi thở của tôi trở lại trạng thái bình thường.

Oa, tôi nghĩ. Tôi chưa bao giờ có một phản ứng bản năng như vậy trước một bức ảnh. Những hình ảnh liên tiếp của một nữ sinh cổ động xinh đẹp, tràn đầy sức sống và hình ảnh một xác chết cháy đen khiến tôi cảm thấy mãn nguyện rằng Carl đáng phải chịu án phạt tù chung thân, và nó cũng làm tôi cảm thấy thật tiếc nuối rằng Minnesota đã cấm không ban hành án tử hình với các phạm nhân. Nếu những hình ảnh đó ít nhiều cũng có tác động đến tôi thì chúng chắc hẳn cũng sẽ có tác động tương tự tới bồi thẩm đoàn. Như vậy thì chẳng còn cách nào để Carl có thể bước ra căn phòng xử án đó dưới danh nghĩa là một người tự do. Đó ít nhất cũng là việc mà bồi thẩm đoàn có thể làm để trả thù cho cái chết của Crystal.

Ngay sau đó, tiếng điện thoại reo lên, cắt ngang dòng suy nghĩ trong tôi. Tôi nhận ra mã vùng 507 từ Austin, nhưng không phải là số điện thoại quen thuộc kia.

“Alo?” Tôi lên tiếng.

“Joe phải không?” Tiếng một người đàn ông ở đầu dây bên kia.

“Vâng, tôi là Joe.”

“Tôi là Terry Bremer.”

“Vâng, chào ông Bremer.” Tôi mỉm cười khi nghe thấy cái tên quen thuộc. Terry Bremer là chủ sở hữu của căn nhà chung vách mà mẹ tôi và

Jeremy đang sống, và cũng là nơi tôi đã từng sống. Trong suy nghĩ đó, nụ cười trên môi tôi bỗng biến mất. “Có chuyện gì thế ạ?”

“Chúng ta có chút rắc rối ở đây,” ông ta nói. “Em trai cậu đang cố làm nóng một miếng pizza trong lò nướng bánh mì.”

“Nó có sao không ạ?”

“Nó ổn, ta nghĩ là vậy. Việc này đã làm kích hoạt hệ thống báo cháy. Bà Albers từ bên hàng xóm đã qua đây để kiểm tra vì chuông báo cháy không hề dừng lại. Bà ấy thấy em trai cậu đang nằm cuộn tròn trong phòng. Thằng bé đang thực sự cảm thấy sợ hãi. Nó liên tục lắc đầu và cọ hai bàn tay vào nhau.”

“Mẹ cháu đâu ạ?”

“Không thấy ở đây,” Bremer nói. “Em trai cậu đã nói gì đó về việc mẹ cậu đang đi dự một cuộc họp vào ngày hôm qua. Và bà ấy vẫn chưa trở về.”

Tôi thực sự muốn đập phá một thứ gì đó. Tôi cuộn chặt bàn tay mình thành một nắm đấm và cố thủ ra phía sau, mắt hướng về một mảng tường có vẻ mềm mại và chuẩn bị đấm một cú thật mạnh. Nhưng tôi biết việc này sẽ chẳng ích gì ngoài những vết bầm tím trên các đốt ngón tay và một khoản tiền đền bù cho những thiệt hại mà tôi đã mang lại. Nó cũng chắc chắn không làm cho mẹ tôi có thể “mọc” lên ở đâu đó. Và điều này cũng không giúp Jeremy thoát khỏi trạng thái hoảng loạn. Tôi hít lấy một hơi thật sâu, cúi đầu, và thả lỏng bàn tay đang nắm chặt.

Tôi quay về phía Lila, người đang nhìn tôi với vẻ mặt lo lắng. Cô ấy đã nghe thấy cuộc điện thoại của tôi, đủ để mừng tượng ra những gì đang xảy ra. “Đi thôi”, cô ấy giục. Tôi gật đầu, vợ vội lấy chiếc áo khoác, chìa khóa và tiến thẳng ra cửa.

CHƯƠNG 15

Terry Bremer đứng trên đôi chân khuỳnh, mang theo một hộp thuốc lá cuộn phía túi sau, một người đàn ông lớn tuổi và tốt bụng, đang sở hữu một khu bowling, hai quán bar, một vài chục căn hộ ở Austin. Ông ấy là một trong những người có thể đứng đầu một tập đoàn đa quốc gia gồm những thành viên tốt nghiệp Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh của Harvard thay vì trường trung học Austin. Khi không phải dưới vai trò là một chủ nhà, ông ấy là một người đàn ông tốt bụng, niềm nở và có trách nhiệm. Ông ấy đã cho tôi một công việc đầu tiên là làm bảo vệ ở một trong những quán bar nhỏ bé mà ông ấy sở hữu có tên gọi là Piedmont Club. Chuyện này xảy ra vào một vài tuần sau khi tôi chính thức bước sang tuổi mười tám. Ông ấy đang đi loanh quanh để thu tiền thuê nhà - món tiền mà mẹ tôi đã tiêu sạch sẽ cho chuyến “du lịch” tại một sòng bạc tại Ấn Độ ngay một tuần trước.

Thay vì la hét, chửi bới, hay dọa dẫm tổng cổ chúng tôi ra khỏi khu căn hộ, ông ấy đã thuê tôi làm công việc canh gác, dọn bàn, và kéo thùng bia lên từ tầng hầm. Đối với tôi, đây là một thỏa thuận hời vì nó sẽ đổ tiền vào hai chiếc túi rỗng của tôi, và dạy tôi cách đương đầu với những kẻ say xỉn và ngu xuẩn. Đây đồng thời cũng là một thỏa thuận không tồi cho ông ấy, vì nếu mẹ tôi có lỡ tiêu tán số tiền thuê nhà hàng tháng, thì ông ấy chỉ cần đơn giản, lấy nó từ những đồng lương của tôi.

“Mẹ cháu đã quay về chưa?” Tôi lên tiếng hỏi khi bước vào căn hộ.

Ông Bremer đứng ngay phía trong cửa giống như một lính canh đang chờ đợi để được đối gác. “Chưa,” ông ấy trả lời, “và theo như quan sát thì, bà ấy đã không có mặt ở đây từ ngày hôm qua.” Ông ấy bỏ chiếc mũ lưỡi trai của mình ra, đưa tay lên gãi vào mảng da đầu trọc lốc và mìn màng của

mình. “Ta phải nói thế này, Joe, bà Albers đang định gọi cho các cơ quan chức trách. Jeremy đã rất có thể biến nơi này thành một tháp lửa.”

“Cháu biết ạ. Nó sẽ không...”

“Ta không muốn bị kiện, Joe, mẹ của cậu đã để lại thằng bé một mình như thế này. Nếu thằng bé đốt khu nhà này, ta sẽ phải ra hầu tòa. Mẹ của cậu không thể để một đứa trẻ tật nguyền ở nhà một mình như thế này được.”

“Nó không phải là đứa trẻ tật nguyền,” tôi ngắt lời. “Nó bị mắc chứng tự kỷ.”

“Ta không có ý gì cả khi nói như vậy, Joe. Nhưng cậu biết ta đang muốn nói gì mà. Giờ cậu đang theo học đại học, vì vậy chẳng có ai ở đây để giữ cho mọi thứ ổn định được.”

“Cháu sẽ nói chuyện với bà ấy,” tôi nói.

“Ta không thể để chuyện này xảy ra một lần nữa, Joe. Nếu thêm một lần nào nữa thì ta sẽ yêu cầu họ ra khỏi đây.”

“Cháu sẽ nói chuyện với bà ấy,” tôi kiên nhẫn nhấn mạnh lại thêm một lần nữa. Ông Bremer khoác áo, và nấn ná như thể muốn tiếp tục cuộc trò chuyện với tôi, để quán triệt quan điểm của mình, nhưng có lẽ ông ấy chắc hẳn đã thay đổi ý định nên đi thẳng ra phía cửa.

Tôi thấy Jeremy đang ngồi trong phòng. “Này, anh bạn,” tôi gọi. Jeremy ngược nhìn tôi, mỉm cười, nhưng rồi lại tắt lịm, đôi mắt thẳng bé rơi vào một góc phòng và lông mày thẳng bé lại trở về trạng thái lo lắng vẫn thường thấy mỗi khi cuộc sống trở nên thật khó hiểu với nó. “Anh nghe mọi người kể rằng em đã có một cuộc thử nghiệm hay ho tối nay phải không?” Tôi tiếp tục.

“Chào anh Joe,” thằng bé đáp lại.

“Em đã thử tự nấu cho mình bữa tối ư?” “Có lẽ em đã thử làm một chút pizza.”

“Em biết là chúng ta không thể làm pizza bằng máy nướng bánh mì phải không, em trai?”

“Có lẽ em không được phép dùng lò nướng khi mẹ không ở nhà.”

“À, nhân tiện nói về chuyện đó, mẹ đâu rồi?” “Có lẽ mẹ đang có một cuộc họp.”

“Bà ấy nói thế sao? Bà ấy đã nói với em là bà ấy đang đi họp sao?”

“Có lẽ mẹ đã nói là mẹ đang đi họp với Larry.” “Larry, Larry là ai?”

Jeremy lại gửi gắm ánh mắt của mình trở lại góc tường. Đó là tín hiệu rằng tôi đã hỏi một câu hỏi mà thằng bé không thể trả lời. Tôi thôi không hỏi nữa. Bây giờ đã gần mười giờ. Jeremy có thói quen đi ngủ vào lúc mười giờ, vì vậy tôi bảo thằng bé đánh răng và chuẩn bị đi ngủ. Khi Jeremy cởi chiếc áo len ra khỏi người, tôi chợt nhìn thấy một vài vết bầm lằn trên lưng thằng bé.

“Chờ chút, em cứ giữ thế nhé, anh bạn,” tôi nói, tiến lại gần hơn để xem cho rõ những gì tôi vừa thấy. Các vết bầm tím, dài khoảng mười lăm xen-ti-mét và rộng bằng một chiếc cán chổi, chạy dài từ xương bả vai tới cột sống của thằng nhóc. “Cái gì đây?”

Jeremy một lần nữa lại nhìn vào góc nhà, và im lặng. Cảm thấy máu trên má mình bắt đầu nóng bừng lên, tôi hít một hơi thật sâu, và biết rằng Jeremy sẽ im lặng khi tôi giận dữ.

Tôi mỉm cười với thằng bé, để nó biết rằng không có vấn đề gì với nó. “Làm thế nào mà em lại có những vết bầm này?” Tôi hỏi. Thằng bé tiếp tục nhìn vào góc nhà, chẳng hề mở lời. Tôi ngồi ở góc giường, cạnh Jeremy, đặt khuỷu tay lên đầu gối và dừng lại một chút để giữ bình tĩnh. “Jeremy,” tôi lên tiếng. “Việc này rất quan trọng, anh và em không được giữ bí mật với nhau. Anh là anh trai của em. Anh ở đây là vì em. Em sẽ không gặp bất cứ phiền toái nào cả. Nhưng em không được giữ bí mật với anh. Em phải nói cho anh chuyện gì đã diễn ra.”

“Có lẽ...”, đôi mắt thằng bé lảng ra một điểm cố định khác trong khi trong tâm trí đang vật lộn để quyết định mình nên làm gì. “Có lẽ Larry đã đánh em.”

Tôi nắm chặt tay, nhưng khuôn mặt vẫn giữ vẻ bình tĩnh. “Thấy không,” tôi nói, “em không làm chuyện gì sai cả. Em cũng không gặp rắc rối gì đúng không. Ông ta đã đánh em như thế nào?”

“Có lẽ ông ta đã đánh em bằng chiếc điều khiển từ xa.”

“Ông ta đã đánh em bằng chiếc điều khiển ư? Chiếc điều khiển tivi ư? Tại sao?”

Một lần nữa Jeremy lại ngoảnh mặt đi. Tôi đã đặt quá nhiều câu hỏi cho thằng bé. Tôi đặt một tay lên bờ vai thằng bé chỉ để nó hiểu rằng mọi thứ vẫn ổn, như bạn không thể làm khác với Jeremy. Tôi mỉm cười với Jeremy và nói rằng nó cần phải ngủ và sẽ có những giấc mơ đẹp. Tôi bật bộ phim yêu thích của thằng bé lên, tắt điện và đóng cửa lại. Bất kể Larry là ai đi chăng nữa - ông ta và tôi sẽ phải nói chuyện với nhau.

CHƯƠNG 16

Hôm sau là thứ bảy. Tôi thức dậy trước Jeremy và làm bánh. Sau khi ăn sáng, chúng tôi cùng đi vào thị trấn để mua cho Jeremy một chiếc điện thoại cầm tay, một trong số những chiếc rẻ nhất, thứ có thể giúp bạn tiết kiệm thời gian khi cần. Khi chúng tôi quay trở lại khu căn hộ, tôi lưu số điện thoại của mình vào danh sách liên lạc của thằng bé, và cũng là số điện thoại duy nhất trong danh sách đó. Tôi hướng dẫn cho thằng bé cách gọi điện cho tôi, làm thế nào để bật nó lên, làm thế nào để tìm được số của tôi, và làm thế nào để nhấn gọi. Jeremy chưa bao giờ có điện thoại riêng, vì vậy chúng tôi phải luyện tập việc này với nhau. Tôi bảo thằng bé giấu điện thoại sau tủ quần áo. Rồi tôi để thằng bé đánh bại mình trong hai ván cờ để đánh lạc hướng thằng bé khỏi chiếc điện thoại mới. Và rồi tôi lại yêu cầu Jeremy tìm lại chiếc điện thoại và gọi cho tôi, để chắc chắn rằng thằng bé nhớ được các thao tác. Thằng bé đã làm được.

“Nếu bất cứ ai làm tổn thương em...”, tôi nói. “Nếu Larry đánh em hay làm bất cứ việc gì giống như vậy, em hãy gọi điện cho anh. Em đã có điện thoại của riêng mình rồi. Hãy gọi điện cho anh, được chứ, Jeremy?”

“Có lẽ em sẽ gọi điện cho anh bằng chiếc điện thoại mới này của em,” thằng bé đáp lại với một nụ cười đầy tự hào.

Sau bữa trưa, chúng tôi chơi một vài ván cờ nữa và cùng xem một bộ phim, dĩ nhiên, đó là bộ phim mà Jeremy thích. Trong khi Jeremy xem phim, tôi ngóng ra đường chờ đợi mẹ tôi lái xe trở về. Tôi cũng xem đồng hồ liên tục, vì tôi phải làm việc tại quán Molly vào lúc 7 giờ. Lần cuối cùng khi tôi xin nghỉ phép ở Molly, bà chủ quán đã cảnh cáo tôi rằng tôi sẽ không được phép nghỉ thêm một lần nào nữa, và nếu tôi không chứng minh được điều này, tôi sẽ bị đuổi việc. Mẹ tôi đã để điện thoại trong ngăn kéo tủ quần áo; tôi biết điều này vì đó là nơi chuông điện thoại reo lên khi tôi gọi

cho bà. Để đến thành phố Twin cho kịp giờ, tôi cần phải rời Austin từ lúc bốn giờ ba mươi phút. Khi nhìn đồng hồ đã quá ba giờ chiều, tôi hỏi Jeremy, “Mẹ có nói rằng khi nào mẹ quay trở về không, Jeremy?”

Jeremy khó khăn kéo sự tập trung của mình rời khỏi bộ phim, đôi mắt thẳng bé chuyển hướng, chăm chăm như đang đọc một dòng chữ trên trang giấy.

“Có lẽ mẹ đã không nói gì cả,” thẳng bé trả lời.

Tôi tìm thấy một bộ bài và bắt đầu chơi trên chiếc bàn cà phê. Tôi mất ba lượt chơi một cách nhanh chóng, vì một lẽ tôi không thể rời sự tập trung chú ý của mình tới bất cứ điều gì khác ngoài con đường ngoài kia. Khi kim đồng hồ đã sắp chạm mốc bốn giờ, tôi bắt đầu lướt qua các sự lựa chọn này lên trong đầu mình. Tôi có thể đưa Jeremy quay trở lại căn hộ của tôi, nhưng trong khi tôi đang đi làm hoặc trong lớp học, thẳng bé rất có thể sẽ gặp rắc rối tương tự như ở đây. Tôi có thể nhờ đến sự giúp đỡ của Lila để trông chừng thẳng bé, nhưng đó không phải là trách nhiệm của cô ấy - và dù rằng thẳng bé cũng không phải là trách nhiệm của tôi. Tôi có thể để thẳng bé ở lại đây, một mình, nhưng nếu chuyện tương tự xảy ra thêm một lần nữa, Bremer sẽ làm theo lời cảnh báo của mình, đẩy họ ra khỏi nhà. Hoặc tôi có thể lại xin nghỉ ở Molly thêm một lần nữa, và đồng nghĩa với việc đánh mất công việc này. Tay trái những tấm bài, tôi bắt đầu một ván mới.

Năm phút sau khi đồng hồ điểm bốn giờ đúng, mẹ tôi xuất hiện trên con đường dẫn vào nhà. Tôi vặn to tiếng tivi lên để át đi tiếng la hét sẽ dội lại từ phía sân trước nhà, và tiến thẳng ra phía cửa.

“Mẹ đã ở đâu vậy?” Tôi quăng từng từ qua hàm răng nghiến chặt.

Không biết là do tôi nói với tông giọng này, hay sự hiện diện của tôi tại căn hộ của bà, hay tại một vài li vodka mẹ tôi vừa dùng từ bữa trưa mà bà

nhìn chòng chọc vào tôi như thể bà vừa mới tỉnh dậy từ một giấc ngủ sâu.

“Joey,” bà ấy lên tiếng. “Mẹ đã không nhìn thấy xe của con.” Một người đàn ông cao lớn với mái tóc màu xám dưới thân xác giống như một trái bowling đứng ngay đằng sau mẹ tôi, đang cuộn lại chiếc môi trên của mình để phát ra một tiếng gầm gừ. Tôi nhận ra Larry. Tôi đã có lần tổng cổ gã ra khỏi Piedmont khoảng một năm trước vì tội say rượu, gây gỗ và giơ tay đánh một người phụ nữ.

“Mẹ đã để lại Jeremy một mình ư?” Tôi nói. “Nó đã gần như đốt cháy toàn bộ khu nhà này. Mẹ đã ở nơi quái quỷ nào vậy?”

“Nào, giờ thì cậu bình tĩnh lại đi,” Larry nói, đứng chen lên phía trước mẹ tôi. “Đừng có nói chuyện với mẹ cậu như...”, Larry giơ tay phải mình lên, như thể muốn xô vào ngực tôi. Đó chính xác là một hành động sai lầm của gã.

Trước khi chỉ một ngón tay của gã có thể chạm tới tôi, tôi chặn tay mình trước ngực, tóm lấy phía sau tay gã và cuộn những ngón tay của tôi quanh lòng bàn tay hồng hào của gã. Trong một cái xoay chớp nhoáng, tôi gỡ tay hắn ra khỏi ngực tôi, xoay nó theo chiều kim đồng hồ và hạ Larry quỳ xuống phía đầu gối mình. Động tác này được gọi là “chiêu khóa cổ tay”. Một trong những chiêu thông dụng nhất tôi vẫn hay dùng ở Piedmont, một viên cảnh sát tên là Smiley đã chỉ cho tôi cách này. Và nó luôn là một trong những chiêu mà tôi thích nhất. Bằng một lực rất nhỏ, tôi đã có thể cuộn tròn Larry trong tư thế một quả bóng, khuôn mặt ông ta chỉ cách đất vài xen-ti-mét với đôi cánh tay bị khóa ngược ra phía sau lưng, ông ta cố giật mạnh tay mình về phía trước, cố thoát khỏi tôi. Việc này đã làm hỏng mọi thứ, tôi không định đối xử với hắn ta như vậy. Cúi xuống bên cạnh hắn, tôi nắm lấy một búi tóc của Larry. Đôi tai hắn đỏ lựng, và nét mặt nhăn nhó như thể đang chịu đựng một sự đau đớn. Phía sau, mẹ tôi đang rời rít giải thích với những ngôn từ vô nghĩa rằng đây chỉ là một tai nạn, và rằng Larry thực chất là một người rất tốt. Những lời bào chữa của mẹ bỗng chốc bốc

hơi thành mây khói đối với tôi, chẳng còn nghe thấy gì ngoài những tiếng ồn của xe cộ vọng lại từ đằng xa. Tôi nhấn mũi và trán của Larry lên những viên sỏi trên lối vào. “Tôi biết ông đã làm những gì với em trai tôi.” Tôi nói.

Larry không đáp, vì vậy tôi tiếp tục nhấn mạnh và siết chặt tay ông ta thêm nữa và ông ta bắt đầu rên rỉ.

“Để tôi nói rõ với ông nhé,” tôi nói. “Nếu ông chỉ cần động vào Jeremy thêm một lần nữa, tôi sẽ vui đập ông theo cái cách mà ông chưa từng bao giờ phải nếm trải đâu. Không ai được động đến em trai tôi. Ông hiểu chứ?”

“Chết tiệt,” ông ta phản ứng.

“Ông trả lời sai rồi,” tôi nói, kéo đầu ông ta lên khỏi mặt bê tông rồi nhấn mạnh trở lại, đủ mạnh để tạo nên một “dấu ấn” và khiến ông ta phải chảy chút máu. “Tôi nói: ông đã hiểu chưa?”

“Rồi,” ông ta nói.

Tôi giật Larry đứng lên và đẩy mạnh ông ta về phía đường. Ông ta bước xuống lề đường, tay giữ lấy chiếc mũi và trán đang chảy máu của mình, nói cái gì đó trong hơi thở hỗn hển mà tôi không thể nghe rõ. Tôi chuyển sự chú ý về phía mẹ.

“Ông Bremer đã gọi cho con.”

“Ta và ông ấy chỉ đến sòng bạc,” bà nói. “Chúng ta mới đi một vài ngày thôi.”

“Mẹ đang nghĩ gì vậy? Mẹ không thể để thằng bé lại một mình trong một vài ngày được.”

“Giờ nó đã mười tám tuổi rồi,” bà nói.

“Nó không phải mười tám tuổi,” tôi nói, “Nó sẽ không bao giờ là mười tám tuổi. Đây mới là điểm mấu chốt. Kể cả khi nó bốn mươi tuổi, thì nó vẫn là một đứa trẻ mới bảy tuổi mà thôi. Mẹ biết điều này mà.”

“Nhưng ta cũng phải có quyền được thư giãn chứ, phải không?”

“Mẹ là mẹ của nó, Chúa đã định rồi.” Sự khinh bỉ đang sục sôi trong những lời nói của tôi. “Mẹ không thể tùy ý làm mọi điều mà mẹ muốn.”

“Và con cũng là anh trai nó,” bà trả đũa, cố gắng chiếm ưu thế trong cuộc tranh luận này, “nhưng điều này đâu có ngăn cản con làm những điều mà con muốn, phải không? Anh chàng sinh viên đại học bánh chọe?”

Tôi dừng lại không nói cho đến khi sự nóng giận trong lồng ngực tôi giảm xuống, tôi ném về phía mẹ một cái nhìn lạnh lẽo như băng.

“Bremer nói rằng ông ấy sẽ ném mẹ ra khỏi nhà nếu ông ấy nhận được cuộc gọi như vừa rồi một lần nữa.” Tôi quay lại và đi về phía xe của mình, mắt tôi nhìn Larry khi tôi đi ngang qua hắn, chờ đợi một cái cớ để tấn công hắn ta thêm lần nữa. Trong khi đang lái xe ra khỏi lề đường, tôi trông thấy Jeremy đứng ở cửa sổ phía trước. Tôi vẫy tay với nó, nhưng nó không hề vẫy lại. Thằng bé chỉ đứng đó nhìn tôi. Đối với phần còn lại của thế giới, nó có thể trông có vẻ vô cảm, nhưng tôi biết nhiều hơn thế. Vì nó là em trai tôi, và tôi cũng chính là nó, và chỉ có tôi mới có thể thấy được nỗi buồn ẩn đằng sau đôi mắt xanh trông có vẻ bình yên kia.

CHƯƠNG 17

Sáng ngày hôm sau, tôi được lôi ra khỏi một giấc mơ tồi tệ bằng những tiếng gõ cửa.

Trong giấc mơ đó, tôi thấy mình quay trở lại trường học, vật lộn ở một giải đấu, đang cố gắng thực hiện một động tác thoát thân đơn giản. Trong khi tôi đang cố thoát khỏi sự kìm kẹp từ bàn tay cơ bắp của một gã đang giữ lấy bụng tôi, thì một bàn tay khác lại kẹp lấy ngực tôi, và lại thêm một bàn tay nữa kéo cánh tay tôi. Tôi cứ cố gỡ được một cánh tay thì lại có thêm hai cánh tay khác ghì chặt vào tôi, giống như một con rắn nhiều đầu vậy. Chẳng bao lâu sau, tôi chỉ còn có thể vùng vằng và la hét dưới sự tấn công của những đôi bàn tay đang ra sức kéo và xâu xé tôi. Và đó là lúc tôi nghe thấy tiếng động đánh thức mình dậy. Phải mất một lúc để có thể đẩy lùi những đám mây đen tối của giấc ngủ khó hiểu đó ra khỏi đầu. Tôi ngồi dậy trên giường, không chắc chắn về những tiếng động mà mình đã nghe, vì vậy tôi chờ đợi, và ngay sau đó là những tiếng gõ cửa khác vang lên. Không phải là tôi đã mơ thấy nó. Mặc vội chiếc quần soóc và chiếc áo len, tôi chạy ra mở cửa và thấy Lila đang đứng một bên, tay cầm hai tách cà phê và một tập tài liệu.

“Tôi đã đọc cuốn nhật ký,” cô ấy nói, bước qua tôi, và đưa cho tôi một tách cà phê. “Anh uống được cà phê, phải không?”

“À, vâng tôi uống được,” tôi nói. Vội chộp lấy một chiếc mũ bóng chày từ một chiếc móc trên tường, tôi che chắn cho phần đầu giường của mình và đi theo Lila đến chỗ chiếc ghế dài. Tôi đã để lại hộp tài liệu với Lila trong căn hộ của mình hai ngày trước khi tôi phải quay trở về Austin. Cô ấy đã mang một vài tài liệu về nhà, bao gồm cả tập tài liệu ghi nhãn “Nhật ký” để nghiên cứu trong khoảng thời gian không có tôi ở đây.

“Tôi đã đọc cuốn nhật ký vào đêm qua,” cô ấy nói. “Của Crystal ư?”

Lila nhìn tôi như thể tôi là một thằng đàn. Với sự ngại biện của mình, tôi vẫn còn ngái ngủ. Cô ấy trở lại với suy nghĩ trong đầu. “Cuốn nhật ký bắt đầu được viết từ tháng 5 năm 1980,” Lila nói, và đặt những ghi chép của mình lên chiếc bàn cà phê trước mặt tôi. “Trong một vài tháng đầu cuốn sổ này ghi lại những câu chuyện vặt vãnh của một thiếu niên bình thường. Cô bé ấy cảm thấy hào hứng trong buổi học đầu tiên tại trường và bắt đầu cảm thấy lo sợ vào những ngày sau. Hầu hết đều cho thấy cô bé là một đứa trẻ rất hạnh phúc. Cô bé có khoảng mười lăm bài viết về Carl vào thời gian khoảng giữa tháng 6 đến tháng 9, và thường xuyên nhắc tới ông ta như một gã hàng xóm bệnh hoạn, hay với cái tên Creepy Carl^{24*}.”

^{24*} *Creepy: ghê tởm.*

“Cô bé ấy đã nói gì về ông ta?” Tôi hỏi.

Lila đã nhấn đậm một vài dòng trong tập tài liệu bằng bút nhớ màu vàng. Cô ấy quay lại trang đầu tiên trong cuốn nhật ký, có ghi ngày 15 tháng 6:

Ngày 15 tháng 6 - Mình đang tập luyện ở sân sau thì thấy Creepy Carl đang nhìn mình từ phía cửa sổ. Mình đã trỏ ngón tay “thối” vào ông ta mà ông ta vẫn đứng đó. Thật là một kẻ bệnh hoạn.

“Cũng giống như các công tố viên đã nói,” Lila bình luận, chuyển sang dòng tiếp theo. “Ông ta lại nhìn mình. Ông ta nhìn chăm chăm vào mình trong khi mình đang thực hiện công việc theo thói quen.”

“Còn đây nữa...” Cô ấy chuyển sang trang tiếp theo của cuốn nhật ký và dò tới đoạn được đánh dấu, “Nó đây rồi.”

Ngày 8 tháng 9 - Creepy Carl lại đang nhìn mình qua cửa sổ. Ông ta đang không mặc áo. Mình cá là ông ta cũng chẳng mặc quần.

Lila nhìn tôi như mong đợi một sự phản ứng.

Tôi nhún vai. “Tôi có thể thấy lý do tại sao các công tố viên lại thích cuốn nhật ký.” Tôi nghĩ Lila muốn một phản ứng khác mạnh mẽ hơn từ tôi, nhưng tôi tiếp tục. “Cô còn gì khác nữa không?”

“Hầu hết các lưu bút trong khoảng thời gian tháng 8 chẳng có gì đáng lưu tâm,” Lila nói. “Khi kỳ học bắt đầu, cô bé đã gặp anh chàng kia, Andrew Fisher, trong lớp học đánh máy. Cô bé viết tất cả mọi kế hoạch của mình để Andy mời cô bé đến buổi tiệc khai trường - và cậu ấy đã làm như vậy. Rồi sau đó vào khoảng giữa tháng 9, những bài viết trở nên khó hiểu hơn. Hãy đọc cái này nhé.”

Ngày 19 tháng 9 - Đổ xe trong hẻm cùng với Andy. Ngay khi mọi việc bắt đầu trở nên thú vị, Creepy Carl lại đi tới, và nhìn qua cửa kính cửa sổ trong bộ dạng có vẻ lão đảo, hay một kiểu tương tự như vậy. Mình muốn đào lỗ mà chui xuống.

“Một lần nữa, điều này lại giống như những gì mà công tố viên đã nói với bồi thẩm đoàn,” tôi nói. “Carl tóm được khi chúng đang tình tứ với nhau ở trong hẻm.” “Hai ngày sau, cô bé này bắt đầu viết về điều gì đó rất kinh khủng đang xảy ra, nhưng cô bé chỉ viết ra một vài mã số.”

“Mã số ư?”

“Ừm. Có một vài đoạn cô bé đã sử dụng mã số để viết - anh biết đấy, kí tự chữ số thay vì các chữ cái.” Lila kéo một ngăn các trang nhật ký ra khỏi tập tài liệu. Cô ấy đã đánh dấu các ký tự chữ số này bằng bút màu xanh. “Hãy nhìn vào chỗ này.”

Ngày 21 tháng 9 - Hôm nay là một ngày thật tồi tệ. 7,22,13,1,14,6,13,25,17,24,18,1 1,1. Mình cảm thấy sợ hãi. Điều này rất rất tệ.

“Nó có nghĩa là gì?” Tôi hỏi.

“Tôi đã nhắc đến những mã số này chưa nhỉ?” Lila hỏi. “Có lẽ đây là cách mà Crystal muốn chắc chắn rằng nếu cha dượng mình tìm được cuốn nhật ký, thì cô ấy cũng sẽ không bị chuyển đến một trường tư thực.”

“Ừm, nhưng nó là mật mã của một cô bé mới mười bốn tuổi,” tôi nói. “Cô đã thử kết nối các con số với các chữ cái chưa?”

“Ý của anh là: A tương đương với số 1, B tương đương với số 2,... theo cách đó ấy hả?” Lila tròn mắt và lôi ra một tờ giấy để thực hiện việc kết nối các con số với bảng chữ cái. “Tôi đã thử bắt đầu từ những chữ cái đầu tiên và những chữ cái cuối cùng của bảng, tôi cố gắng chuyển đổi để A tương ứng với số 2, sau đó là số 3 và tương tự như vậy. Tôi đã cố gắng ghép con số xuất hiện thường xuyên nhất tương ứng với chữ cái E hoặc T bởi vì đây là những chữ cái được sử dụng thường xuyên hơn cả so với tất cả các chữ cái còn lại trong bảng chữ cái. Tôi nhìn vào những manh mối trong cuốn nhật ký. Tôi chẳng nghĩ ra được gì ngoài hai từ “vô nghĩa”. ”

“Cô đã thử tra cứu qua mạng chưa?” Tôi hỏi. “Tôi nghĩ sẽ có website giúp giải mã những ký hiệu này.”

“Tôi cũng nghĩ tới điều đó,” cô ấy nói. “Crystal đã không để lại khoảng trống giữa các từ, vì vậy nó giống như một dãy số. Tôi chẳng tìm được gì trên mạng có thể giúp giải quyết vấn đề này. Có khoảng tám tỉ cách kết hợp giữa các con số và chữ cái với nhau.”

“Tám tỉ ư?” Tôi kinh ngạc. “Trời đất ơi!”

“Chính xác. Chắc hẳn cô bé đó phải có một chìa khóa nào đó bị giấu đi, hoặc có lẽ cô bé đó đã học thuộc lòng cách ghép chữ cái với các con số. Dù bằng cách nào đi nữa, thì tôi cũng không thể tìm ra nó.”

Lila rải các trang giấy trên bàn. “Chỉ có bảy bài viết được mã hóa, bài viết cuối cùng được ghi lại vào ngày mà cô bé bị giết. Tôi đã xếp chúng lại với nhau,” cô ấy nói, đặt danh sách của mình lên trên cùng.

Ngày 21 tháng 9 - Hôm nay là một ngày thật tồi tệ. 7,22,13,1,14,6,13,25,17,24,18,1 1,1. Mình cảm thấy sợ hãi. Điều này rất tồi tệ.

Ngày 30 tháng 9- 6,25,6,25,25,16,12,6,1,2,17,24,2,22, 13,25. Mình ghét ông ta. Mình thấy thật ghê tởm.

Ngày 8 tháng 10 - 25,16,12,11,13,1,26,6,20,3,17,3,17, 24,26,21,22,19,19, 3,19,9,22,7,8. Ông ta vẫn tiếp tục đe dọa mình. 2,3,12,22,13,1,19,17,3,1,11 ,5,19,3,17,24,17,11,5,1,2.

Ngày 17 tháng 10 - 5,16,17,22,25,3,17,3,25,11,6,1,22, 26,22,6,13,2,3,12,2 2,19,10,11,5,26,2,6,1,2,5, 10,1.

Ngày 29 tháng 10 – 6,1,19,10,22,18,3,25,16,19,10,22, 18,6,13,26,17,3.

Bà Tate đã nói như vậy. Bà ấy nói rằng độ tuổi là khác nhau, vì vậy ông ta chắc chắn sẽ bị đi tù. Ngày hôm nay chuyện này sẽ dừng lại. Và mình cảm thấy thật hạnh phúc.

“Ngày 29 tháng 10 là ngày cô bé bị giết,” Lila nói. “Làm thế nào mà chúng ta biết được là cô bé đang nói về Carl?”

“Có hàng tá các trang cô bé nói về Carl như một kẻ hư hỏng, kẻ đã quan sát cô bé từ cửa sổ nhà mình,” Lila nói. “Ông ta đã nhìn trộm khi cô bé đang âu yếm Andy. Đây không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên rằng những sự đe dọa bắt đầu ngay sau khi xảy ra chuyện này.”

“Những mật mã này có thể làm thay đổi mọi thứ.”

“Có những bài viết không hề có ký tự mật mã,” cô ấy nói. “Hãy nhìn bài này, được viết từ ngày 22 tháng 9, một ngày sau cái ngày “tồi tệ” đó, khi mà cô bé bị bắt gặp với Andy Fisher.”

Ngày 22 tháng 9 - Nếu họ biết được, họ sẽ trừng phạt tôi. Họ sẽ gửi tôi đến trường học Công giáo. Tạm biệt đội cổ vũ, tạm biệt cuộc sống.

“Cô có thấy rằng bài viết này có làm quá đôi chút không?” Tôi nói. “Ý của tôi là, các trường Công giáo cũng có đội cổ vũ của riêng mình mà, phải vậy không?”

Lila ném một cái nhìn hoài nghi về phía tôi. “Anh rõ ràng chẳng hiểu gì về suy nghĩ của một cô bé tuổi vị thành niên cả. Tất cả mọi thứ này đối với cô bé giống như ngày tận cùng của thế giới vậy. Cảm xúc của những cô bé này giống như việc phải tự vẫn vậy.” Cô ấy chợt dừng lại như thể bị phân tâm bởi một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu, rồi tiếp tục. “Một vài thứ có thể thực sự được nhìn nhận như ngày tận cùng của thế giới.”

“Bà Tate là ai?” Tôi hỏi, trong khi nhìn vào bài viết cuối cùng.

“Anh vẫn chưa đọc bản tường trình của phiên tòa phải không?” Lila nói, giọng đầy bức tức.

“Tôi đã đọc qua chúng,” tôi nói. “Nhưng tôi không nhớ bà Tate là ai cả.”

“Bà ấy chính là giáo viên hướng dẫn ở trường.” Lila lôi ra một trong những bản tường trình từ chiếc hộp tài liệu và bắt đầu lật các trang giấy cho tới khi tìm thấy lời khai của bà Tate. “Đây rồi.” Cô ấy đưa bản tường trình cho tôi và tôi bắt đầu đọc:

Hỏi: Và khi bà gặp Crystal Hagen vào ngày hôm đó, nạn nhân đã đề cập đến vấn đề gì, cô bé đã nói gì?

Đáp: Cô bé rất ngây ngô. Cô bé muốn biết rằng quan hệ bằng miệng có phải là quan hệ tình dục không. Ý tôi là, cô bé muốn biết nếu ai đó ép buộc bạn phải có quan hệ tình dục bằng miệng thì liệu đó có được gọi là hiếp dâm không?

Hỏi: Cô bé có nói cho bà biết rằng tại sao cô bé lại muốn biết điều này không?

Đáp: Không, cô bé không nói. Cô bé cứ liên tục nói rằng cô bé đang hỏi cho một người bạn. Chuyện này cũng thường hay xảy ra với tôi khi làm việc với các học trò. Tôi cố gắng khơi gợi để cô bé nói thêm với tôi. Tôi hỏi cô bé rằng liệu đã có ai ép buộc cô bé phải quan hệ bằng miệng không? Cô bé không trả lời. Rồi cô bé hỏi tôi rằng nếu người đó yêu cầu bạn phải làm điều này bằng việc đe dọa sẽ nói ra bí mật của bạn thì liệu hành động này có phải là ép buộc không?

Hỏi: Và bà đã nói gì với nạn nhân?

Đáp: Tôi nói đó có thể được coi là hành vi cưỡng chế. Rồi sau đó cô bé hỏi tôi, “Nếu người đó lớn tuổi hơn thì sao?”

Hỏi: Và bà đã trả lời thế nào?

Đáp: Với vai trò là một tư vấn viên của trường, chúng tôi đã được đào tạo về luật pháp liên quan đến những vấn đề như thế này. Tôi nói với cô bé rằng với độ tuổi của cô bé hiện giờ, nếu một người chỉ cần hơn cô bé hai tuổi, thì dù có ép buộc hay không, và sự đồng ý của người bị hại cũng không có ý nghĩa gì. Một người lớn hơn có quan hệ tình dục với một người mới mười bốn tuổi, thì đó là tội hiếp dâm. Tôi nói với cô bé rằng nếu một điều gì đó tương tự như vậy xảy ra thì cô bé cần phải nói với tôi, hoặc nói với cảnh sát, hoặc bố mẹ của cô bé. Tôi cũng nói với cô bé rằng nếu điều gì tương tự như vậy xảy ra thì người đàn ông kia sẽ phải vào tù vì tội này.

Hỏi: Và cô bé đã phản ứng thế nào về chuyện này?

Đáp: Cô bé chỉ cười, một nụ cười rất tươi. Rồi cô bé ấy cảm ơn tôi và rời khỏi văn phòng.

Hỏi: Và bà có chắc chắn rằng cuộc nói chuyện này diễn ra vào ngày 29 tháng 10 năm ngoái?

Đáp: Cuộc nói chuyện này xảy ra vào ngày đó, cái ngày cô bé bị giết. Tôi chắc chắn về điều này.

Tôi gấp bản tường trình lại. “Vậy thì, Crystal đã trở về nhà, viết nhật ký, và sau đó đến nhà Carl để đối đầu với ông ta?”

“Có thể lắm, hoặc cô bé cũng có thể đã mang cuốn nhật ký tới trường,” Lila nói. “Suy luận này nghe có vẻ hợp lý, phải vậy không? Crystal biết rằng cô bé có ưu thế trong chuyện này. Điều đó có nghĩa là cuộc đời của người đàn ông kia sẽ bị hủy hoại, chứ không phải là cô bé.”

“Vậy thì vào cùng ngày hôm đó, trong khi cô bé đang lên kế hoạch cho việc đánh một dấu chấm hết cho chuyện này, thì Carl ra ngoài mua súng sao?”

“Có thể ông ta cũng đã lên kế hoạch cho chuyện này rồi.” Lila nói.

“Có thể kế hoạch của ông ấy chỉ là giết cô bé vào ngày hôm đó.”

Tôi nhìn chăm chăm vào những dòng nhật ký bị mã hóa, cảm nhận những bí mật đang sau chúng đang trêu ngươi tôi. “Tôi ước gì chúng ta có thể giải được những mật mã này,” tôi nói. “Tôi không thể tin được rằng luật sư của ông ấy đã không hề nỗ lực trong việc giải mã chúng.”

“Ông ấy có làm,” cô ấy nói. Lila lôi ra một mẫu giấy từ tập tài liệu và đưa cho tôi. Đó là bản sao của một bức thư gửi cho Bộ Quốc phòng.

Ngày tháng ghi trên bức thư đó chỉ ra rằng nó được viết khoảng hai tháng trước khi phiên tòa diễn ra. Nó được ký tên bởi luật sư của Carl, John Peterson. Trong bức thư, John Peterson đã yêu cầu Bộ Quốc phòng giúp giải mã cuốn nhật ký.

“Bộ Quốc phòng có trả lời thư của ông ta không?” Tôi hỏi.

“Chắc là không, nếu có thì tôi đã có thể tìm thấy nó ở đâu đó,” cô ấy nói.
“Không có một tài liệu nào nhắc đến việc các ký tự được giải mã.”

“Cô có nghĩ rằng họ sẽ làm mọi cách để giải mã cuốn nhật ký trước khi phiên tòa diễn ra không?”

“Trừ khi...” Lila nhìn tôi và nhún vai. “Trừ khi gì cơ?”

“Trừ khi Carl đã biết được cuốn nhật ký đó nói gì. Có thể ông ta không muốn những ký tự kia được giải mã vì ông ta biết rằng đó sẽ là chiếc đinh cuối cùng đóng ván cho chiếc quan tài của mình.”

CHƯƠNG 18

Ngày hôm sau, tôi gọi cho Janet để đặt một cuộc hẹn với Carl trong buổi chiều hôm đó. Tôi muốn ông ấy biết về cuốn nhật ký và những ký tự kia. Tôi muốn hỏi tại sao một nguồn thông tin quan trọng như vậy của bên nguyên lại không bị bác bỏ. Tôi muốn nhìn thấy khuôn mặt Carl khi ông ấy nói với tôi rằng mình biết hay không những điều mà Crystal Hagen viết trong cuốn nhật ký của cô bé rằng việc này “sẽ dừng lại vào ngày hôm nay”. Tôi muốn kiểm tra sự thành thực của ông ấy. Nhưng điều đầu tiên tôi cần phải làm là nói chuyện với Berthel Collins. Việc này đã khiến tôi phải thử tìm cách liên lạc với ông ta nhiều lần, và để lại tin nhắn mỗi lần thất bại. Và khi cuối cùng ông ta gọi lại cho tôi, tôi đã trên đường lái xe tới Hillview.

“Tôi có thể giúp gì được cho cậu, Joe?” Ông ta hỏi.

“Cám ơn vì đã gọi lại cho tôi, ông Collins,” tôi nói.

“Tôi tình cờ phát hiện ra một thứ lặt vặt về tài liệu xử án mà tôi đang muốn hỏi ông.”

“Vụ án này đã xảy ra quá lâu rồi, tôi đã cố gắng hết sức để đưa cho cậu toàn bộ những gì mà tôi có,” ông ta đáp.

“Có một cuốn nhật ký, nhật ký của Crystal Hagen. Trong đó có những ký tự mật mã. Ông có nhớ không?” Collin ngừng lại phía đầu dây bên kia, và với một giọng chậm chậm và có đôi chút thiếu não, ông ta đáp, “Ừm, tôi có nhớ nó.”

“Ồ, tôi tìm thấy một lá thư gửi tới Bộ Quốc phòng, nơi ông Peterson đã cố gắng nhờ họ giải mã. Chuyện gì đã xảy ra với lá thư này vậy?”

Lại một sự ngập ngừng nữa ở phía đầu dây bên kia, và rồi Collins lên tiếng trả lời. “Peterson đã ký vào bức thư đó, nhưng tôi đã viết nó. Đó là một đóng góp của tôi vào vụ án. Chúng tôi đã không có máy tính cá nhân kể từ năm 1980 trở về trước, ít nhất thì không có điều kiện giống như bây giờ. Chúng tôi nghĩ rằng Bộ Quốc phòng sẽ có cách hoặc công nghệ nào đó để có thể giải mã được nó, vì vậy Peterson giao cho tôi nhiệm vụ liên lạc với Bộ Quốc phòng. Tôi đã mất hàng giờ đồng hồ để tìm lấy một người nhận cuộc điện thoại của tôi. Sau vài tuần kiên nhẫn chờ đợi, tôi tìm ra một người của phía bên đó nhận lời rằng anh ta sẽ xem xét xem anh ta có thể làm được gì.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra sau đó? Ông có nhận được câu trả lời nào không?”

“Không. Mọi thứ diễn ra quá nhanh, có thể so với tốc độ của ánh sáng cho đến phút cuối, nhưng việc liên hệ với Bộ Quốc phòng giống như cậu đang bơi trong một viên thạch vậy. Tôi không biết là cậu có thấy nó trong tập tài liệu không, nhưng Iverson đã yêu cầu được xét xử nhanh.”

“Xét xử nhanh ư? Điều này có nghĩa là gì?”

“Bị đơn có thể yêu cầu phiên tòa của mình được xét xử trước dự định 60 ngày. Chúng tôi rất hiếm khi gặp những trường hợp như vậy vì việc xử án càng kéo dài, thì càng có lợi cho việc bào chữa. Chúng tôi có thể tìm hiểu sâu hơn, có thêm thời gian để tự mình làm một cuộc điều tra kỹ lưỡng hơn, như vậy chúng ta không còn phải phụ thuộc nhiều vào lời khai từ nhân chứng nữa. Chẳng có lý do gì để Iverson yêu cầu đẩy nhanh tiến độ của phiên tòa, nhưng ông ta đã làm như vậy. Tôi cũng đã có mặt ở đó khi Peterson cố gắng thuyết phục ông ta rút lại yêu cầu. Chúng tôi cần thêm thời gian để chuẩn bị. Chúng tôi cần phải có câu trả lời từ phía Bộ Quốc phòng. Iverson không buồn quan tâm. Cậu có nhớ là tôi đã kể với cậu rằng ông ta chẳng hề giúp ích gì cho vụ án của chính mình, ông ta ngồi trong

phiên tòa chỉ như đang xem một bộ phim truyền hình? Đó là những gì tôi muốn nói ở đây.”

“Vậy chuyện gì đã xảy ra với Bộ Quốc phòng? Vì sao họ không giải mã các con số đó?”

“Đối với họ, chúng ta không phải là đối tượng thuộc diện ưu tiên. Chuyện này xảy ra vào thời điểm trước khi cậu được sinh ra, nhưng vào năm đó, 1980, Iran đã bắt giữ năm mươi hai lính Mỹ làm con tin. Đó cũng là năm diễn ra bầu cử. Mọi người đều tập trung vào cuộc khủng hoảng, tôi không thể yêu cầu ai đó nói chuyện với tôi hay gọi lại cho tôi được. Và do đó, bưu kiện mà tôi gửi cho họ cũng biến mất vào một hố đen nào đó. Sau phiên tòa, tôi đã gọi điện cho họ để thông báo rằng đã quá muộn, và họ không cần phải giải mã đoạn nhật ký đó nữa. Họ cũng chưa tìm ra được rằng đoạn mật mã đó nói lên điều gì.”

“Công tố viên đã bao giờ cố gắng lý giải đoạn mã hóa đó chưa?”

“Tôi không nghĩ vậy. Ý của tôi là, vì sao ông ta phải làm như thế? Các kết luận đều nghiêng về phía bất lợi cho Iverson. Ông ta không cần thiết phải giải mã chúng. Ông ta biết rằng ban bồi thẩm sẽ nghĩ theo chiều hướng mà ông ta nói với họ.”

Tôi lái xe vào bãi đỗ xe của Hillview và đỗ xe tại đó, tựa đầu vào lưng ghế. Tôi có một câu hỏi cuối cùng, nhưng tôi lại chần chừ, liệu có nên hỏi hay không. Một phần trong tôi muốn tin rằng ông ta không phải là một con quái vật như công tố viên đã nói. Nhưng tôi muốn biết sự thật. “Ông Collins, một người bạn của tôi nghĩ rằng Carl không muốn những điều bí mật trong cuốn nhật ký được tiết lộ. Cô ấy nghĩ rằng ông ta biết rằng nó sẽ là mũi dao chĩa thẳng vào ông ấy. Liệu điều này có đúng không?”

“Bạn của cậu là người rất sâu sắc đấy,” Collins đáp, có vẻ trầm ngâm. “Chúng tôi cũng đã có cuộc thảo luận tương tự như vậy vào ba mươi năm

trước. Tôi nghĩ John Peterson có cùng quan điểm với bạn cậu. Tôi thì lại có cảm giác là John không thực sự muốn những mật mã đó được tìm ra, và đó là lý do tại sao ông ta lại đưa chúng cho ta. Tôi hỏi đó chỉ là một nhân viên quèn. Tôi nghĩ John muốn ghi lại những gì mà chúng ta đã cố gắng làm, nhưng ông ta không thực sự muốn nhận lại kết quả bởi vì... Ừm..." Collins thở dài. "Sự thật là, đôi khi rất khó, để có thể bảo vệ cho một người mà cậu biết rằng người đó đã ra tay sát hại nạn nhân."

"Ngài đã bao giờ hỏi Carl về những mật mã trong cuốn nhật ký chưa?"

"Có chứ. Như tôi đã nói, John đã cố gắng thuyết phục Carl rút lại yêu cầu đẩy nhanh tiến độ xét xử. Đó là một trong những tranh cãi của chúng tôi - điều này sẽ giúp chúng tôi có được các chứng cứ rõ ràng hơn từ việc giải các mật mã đó."

"Carl đã nói gì với ngài?"

"Thật khó để giải thích cho cậu hiểu. Hầu hết bị cáo sẽ chấp nhận một sự thỏa thuận tốt về mức án mình gánh chịu. Nhưng ông ta lại từ chối tội danh giết người cấp độ hai. Và hầu hết mọi bị cáo, những người thực sự vô tội sẽ muốn trì hoãn phiên tòa càng lâu càng tốt để có thể chuẩn bị tốt cho phần bào chữa của mình. Nhưng ông ta lại yêu cầu được xử nhanh. Chúng tôi đã cố gắng giải mã những ký tự đó, và có vẻ như là ông ta muốn chống đối lại việc làm này của chúng tôi. Tôi muốn nói với cậu rằng, Joe, đối với tôi mà nói, thì Carl Iverson muốn được ngồi tù."

CHƯƠNG 19

Tôi bước đến bên Carl và ngồi vào chiếc ghế salon bên cạnh, một cái liếc nhẹ là sự ra hiệu duy nhất mà ông ấy dành cho tôi khi biết tôi đến.

Rồi sau một vài giây, ông ấy lên tiếng, “Một ngày thật đẹp.”

“Vâng,” tôi đáp. Tôi có chút do dự trước khi bắt đầu cuộc nói chuyện với ông ấy. Tôi đã không bắt đầu từ những gì mình còn bỏ lửng từ buổi phỏng vấn hôm trước - về cái ngày mà ông ấy nhận được bản thông báo. Thay vào đó, tôi muốn nói về lý do tại sao ông ấy lại muốn đẩy nhanh thời gian diễn ra phiên tòa xét xử, và tại sao ông ấy lại không muốn những ký tự trong cuốn nhật ký kia được giải mã. Tôi nghi ngờ rằng sự lựa chọn chủ đề phỏng vấn ngày hôm nay của mình sẽ làm hỏng chuỗi thời gian còn lại ngày hôm nay của Carl, vì vậy tôi cố gắng mở đầu cuộc nói chuyện một cách nhẹ nhàng hơn. “Hôm nay, cháu đã nói chuyện với Berthel Collins,” tôi mở lời.

“Ai cơ?”

“Berthel Collins, ông ấy là một trong những luật sư bào chữa cho ông.”

“Luật sư của ta là John Peterson,” ông ấy tiếp lời. “Và ông ấy đã mất từ vài năm trước, hoặc chí ít đó là những gì ta nghe được.”

“Collins hồi đó làm việc dưới vai trò là một nhân viên thư ký trong vụ án của ông.”

Carl suy nghĩ trong giây lát, dường như đang cố gắng nhớ ra Collins, sau đó ông nói, “Tôi có nhớ một thằng nhóc ngồi trong góc phòng trong một vài lần tôi ghé qua. Cũng đã lâu lắm rồi. Giờ anh ta đang làm luật sư à?”

“Ông ấy đang là quản lý của văn phòng luật sư công tại Minneapolis,” tôi nói.

“Ồ, thật là tốt,” ông ấy nói. “Và vì sao cậu lại nói chuyện với ông Collins đó?”

“Cháu đang cố gắng giải mã cuốn nhật ký của Crystal Hagen.”

Ánh mắt của ông ấy chưa bao giờ rời khỏi dãy hành lang ban công của khu nhà phía bên kia đường. Ông dường như cũng không hề lay chuyển trước việc tôi nhắc đến cuốn nhật ký, và đối xử với thông báo của tôi chỉ với một cái ợ vô nghĩa. “VẬY LÀ,” ông ấy nói, “bây giờ cậu đang đóng vai trò là một thám tử, đúng không?” “Không,” tôi nói, “nhưng cháu có lẽ đang giải một câu đố khá thú vị. Và nút thắt này thực sự là một thử thách.”

“Cậu thích một câu đố hấp dẫn ư?” Ông ấy nói. “Hãy xem toàn bộ những bức ảnh.”

Đó không phải là chủ đề mà tôi muốn trong buổi trò chuyện ngày hôm nay. “Cháu đã xem những bức ảnh,” tôi nói, trong khi những hình ảnh về thi thể của Crystal Hagen đang lướt qua trong bộ nhớ của mình. “Chúng làm cháu cảm thấy buồn nôn. Cháu không có hứng thú muốn xem lại chúng.”

“À... không. Không phải những bức hình đó,” ông ấy tiếp tục, xoay người lại về phía tôi lần đầu tiên kể từ khi tôi đến. Một vẻ xanh xao ốm yếu hiển hiện trên khuôn mặt ông ấy. “Tôi... tôi xin lỗi cậu vì đã khiến cậu phải xem những bức hình đó.” Tôi có thể nói thẳng vào mặt ông ấy rằng ông ấy chắc hẳn vẫn còn nhớ những hình ảnh kinh khủng ấy ở phiên tòa sau gần ấy năm, và nét mặt giờ đây của ông ấy sẽ được thay thế bởi khuôn mặt vô cảm cách đây ba mươi năm. “Những bức hình đó thật kinh khủng. Mọi người không nên nhìn thấy chúng. Không, ta đang nói đến những bức hình chụp về đám cháy, trước khi cảnh sát đến. Cậu đã xem chúng chưa?”

“Chưa ạ,” tôi đáp. “Những bức ảnh đó thì sao ạ?” “Khi còn nhỏ, cậu đã bao giờ đọc tạp chí Highlights chưa?”

“Highlights ư?”

“Đúng vậy, cậu sẽ tìm thấy chúng ở các phòng nha và trong phòng đợi của các bác sĩ. Chúng là những quyển tạp chí dành cho trẻ em.”

“Cháu không thể khẳng định rằng cháu đã từng đọc qua,” tôi trả lời.

Carl mỉm cười và gật đầu. “Ồ, trong những quyển tạp chí đó chứa các bức tranh, hai bức tranh cùng xuất hiện gần như giống nhau, nhưng giữa chúng có những sự khác biệt nho nhỏ. Trò chơi đó yêu cầu tụi nhỏ phải tìm ra được những điểm khác biệt.”

“Chắc chắn rồi,” tôi nói. “Cháu đã từng chơi trò như thế này ở trường tiểu học.”

“Nếu cậu thích giải đố và ghép các mảnh ghép, hãy tìm những bức hình được chụp trước và sau khi cơ quan phòng cháy chữa cháy đến. Hãy nhìn vào chúng và chơi trò chơi này. Xem xem cậu có nhận ra được sự khác thường hay không. Rất khó để nhận ra chúng. Nó đã làm tôi mất hàng năm trời để tìm ra - nhưng một lần nữa, tôi không có điểm khởi đầu giống như cậu bây giờ. Tôi sẽ cho cậu một gợi ý, cái mà cậu đang nhìn cũng có thể đang nhìn cậu.”

“Ông có được những bức hình đó khi đang ở trong tù ư?”

“Luật sư của tôi đã gửi các bản sao của hầu hết các tài liệu trong phiên tòa. Tôi có cả núi thời gian để đọc chúng sau khi họ kết tội tôi.”

“Vì sao ông không có một chút hứng thú nào về vụ án của mình trước khi họ buộc tội ông?” Tôi hỏi. Carl nhìn tôi như thể ông ấy đang nhìn vào

một nước cờ ở thế bí. Có lẽ ông ấy đã nhận ra được mục đích của tôi qua câu hỏi này - một sự chuyển hướng không được tinh tế cho lắm.

“Ý cậu là sao?”

“Collins đã nói rằng ông yêu cầu được xét xử sớm.” Ông ấy suy nghĩ trong giây lát rồi nói, “Điều này là sự thật.”

“Tại sao?”

“Đó là một câu chuyện rất dài,” ông ấy nói. “Collins đã nói rằng họ muốn có thêm thời gian, nhưng ông lại muốn đẩy nhanh thời gian xét xử.” “Đúng, tôi đã làm như vậy.”

“Ông ấy nghĩ rằng ông thực sự muốn vào tù.” Carl không nói gì, đưa ánh mắt mình trở lại với khung cửa sổ quen thuộc.

Tôi hồi thúc. “Cháu muốn biết tại sao ông lại không đấu tranh mạnh mẽ hơn để thoát khỏi tội danh này?”

Ông ấy có đôi chút do dự trước khi lên tiếng trả lời. Rồi ông nói, “Ta đã nghĩ đó như một cơn ác mộng trong cơn lạng.”

Giờ thì tôi nghĩ cuộc nói chuyện này giữa chúng tôi chẳng đi tới đâu. “Cơn ác mộng ư?”

Tôi quan sát Carl khi ông ấy ngừng thở và nuốt nước bọt một cách khó nhọc. Và rồi, với một giọng trầm và điềm tĩnh, một giọng nói xuất phát từ nơi nào đó sâu thẳm trong tâm hồn, ông tiếp tục, “Tôi đã làm một vài chuyện... một vài chuyện mà tôi nghĩ tôi có thể sống với nó... nhưng tôi đã lầm.”

“Đây là lời trắng trối của ông,” tôi nói, cố gắng xen vào dòng suy nghĩ của ông ấy, hy vọng có thể khuyến khích ông ấy nói ra. “Đây là lý do tại

sao ông lại kể cho cháu câu chuyện của mình, để có thể giúp nó giải thoát khỏi cõi lòng của ông.” Tôi nhìn thấy sự đầu hàng trong con mắt người đàn ông bên cạnh, niềm khao khát được nói ra câu chuyện của chính mình. Tôi muốn hét vào mặt ông ấy để ông ấy phải thú nhận, nhưng trái lại tôi lại thì thào từng từ một, trong một niềm hy vọng rằng nó sẽ không làm ông ấy phải lo sợ mà không nói ra. “Cháu sẽ nghe ông nói. Cháu hứa cháu sẽ không phán xét gì cả.”

“Cậu đến đây là để gán tội cho tôi, phải không?”

Ông ấy nói trong tiếng thì thào.

“Không phải,” tôi nói. “Nhưng việc kể với cháu những gì đã xảy ra có thể có ích. Người ta nói rằng lời thú nhận bao giờ cũng tốt cho tâm hồn.”

“Họ nói thế sao?” Sự chú ý của ông ấy chuyển hướng vào tôi. “Và cậu cũng đồng ý với những gì họ nói chứ?” Ông ấy hỏi.

“Chắc chắn rồi ạ,” tôi nói. “Cháu nghĩ rằng nếu ông đang có một điều gì đó làm mình cảm thấy phiền lòng... nói với ai đó về nó là một điều rất hữu ích.”

“Có lẽ chúng ta có nên thử không nhỉ,” ông ấy nói. “Liệu chúng ta có nên thử nghiệm ý tưởng này không?”

“Cháu nghĩ chúng ta rất nên thử,” tôi đáp.

“Vậy thì hãy kể cho tôi về ông ngoại của cậu đi.” Tôi cảm thấy một tiếng đập mạnh trong lồng ngực làm tôi choáng váng. Ánh mắt tôi lảng tránh khỏi ông ấy trong khi tôi cố gắng trấn tĩnh lại ký ức của mình. “Điều gì về ông cháu cơ?” Tôi hỏi.

Carl cúi đầu xuống, vẫn nói bằng chất giọng điềm tĩnh và mềm mại đó, ông ấy nói, “Vào ngày đầu tiên chúng ta gặp nhau, tôi đã nhắc đến ông ấy,

chỉ là điếm qua thôi. Tôi đã hỏi ông ấy chết như thế nào, và cậu đã gần như bị đóng băng. Một điều gì đó rất nặng nề đã thoáng qua trong thâm tâm cậu. Tôi có thể nhận thấy điều đó trong đôi mắt của cậu. Hãy kể cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?”

“Ông đã mất khi cháu mới mười một tuổi. Vậy thôi.” Sau một hồi khá lâu, Carl im lặng, để cho sự đạo đức giả đè nặng trên vai tôi. Rồi ông ấy thở dài và nhún vai. “Tôi hiểu,” ông ấy nói. “Tôi chỉ muốn làm một vài thí nghiệm nho nhỏ như ở trường học của cậu thôi.”

Một giọng nói bất an bắt đầu vây lấy tâm trí tôi, nó được nuôi dưỡng bởi cảm giác tội lỗi của chính mình, một giọng nói thì thầm với tôi, thúc giục tôi nói với Carl bí mật này. Tại sao lại không kể cho ông ấy biết, giọng nói lên tiếng. Ông ấy sẽ mang theo bí mật của tôi xuống mồ chỉ trong một vài tuần ngắn ngủi nữa. Bên cạnh đó, đây cũng sẽ là một sự công bằng đối với ông ấy, cho những lời thú nhận mà ông ấy sẽ kể cho tôi nghe. Nhưng sau đó, một giọng nói khác lại vang lên, một giọng nói nhỏ nhẹ hơn, nói với tôi rằng lời cam kết đó chẳng có nghĩa lý gì, vậy thì tại sao mình lại phải nói cho Carl biết bí mật của mình. Tôi thực sự muốn kể cho ông ấy biết. Carl nhìn xuống đôi bàn tay mình và tiếp tục. “Cậu không cần phải kể cho tôi hay,” ông ấy nói. “Điều này cũng chưa bao giờ là thỏa thuận giữa hai chúng ta...”

“Cháu đã chứng kiến ông cháu ra đi,” tôi buột miệng. Những lời nói ấy thoát ra khỏi não bộ của tôi và bắn ra từ miệng trước khi tôi có thể ngăn chúng lại. Carl nhìn tôi, giật mình bởi sự chen ngang này. Giống như một người nhảy từ vách đá, phó mặc sự an toàn cho số phận, và với khoảnh khắc ngắn ngủi của lòng dũng cảm hay là sự liều lĩnh, một hành động mà tôi không thể vớt vát lại được bộc phát. Giờ đây, ánh mắt của tôi lại hướng ra ngoài khung cửa sổ, như cái cách mà tôi đã nhìn Carl làm rất nhiều lần, và bắt đầu thu thập lại toàn bộ những chi tiết còn lại trong bộ nhớ của mình.

Khi những ký ức đã đủ rõ ràng, tôi tiếp tục. “Cháu chưa bao giờ nói với ai về chuyện này,” tôi nói, “nhưng ông ngoại cháu chết là do lỗi của cháu.”

CHƯƠNG 20

Những gì tôi nhớ nhất về ông ngoại Bill là đôi bàn tay, một đôi bàn tay chắc khỏe với những ngón tay ngắn và dày dặn như những chiếc bu lông, những ngón tay chắc nịch, nhanh thoăn thoắt khi ông sửa chữa những động cơ nhỏ bé. Tôi vẫn nhớ đôi bàn tay ấy đã nắm lấy tay tôi khi còn nhỏ, và cái cảm giác “mọi chuyện rồi sẽ ổn” mà nó mang lại cho tôi khi ấy. Tôi vẫn nhớ cái cách mà ngoại đối xử với cả thế giới với sự kiên nhẫn tuyệt đối, đặt mọi sự chú ý và tập trung của mình vào từng công việc mà ông làm, dù chỉ là việc lau cặp kính mắt của mình, hay đỡ dần mẹ tôi đi qua những ngày đông bão của cuộc đời. Ngoại vẫn ở đó vì mẹ, trong những ký ức đầu tiên trong đời tôi, ngoại thì thầm bên tai mẹ, vượt qua cả những tiếng la hét, đôi bàn tay rắn chắc đặt lên vai bà có thể xoa dịu cơn dông tố. Mẹ luôn luôn trong trạng thái tâm thần lưỡng cực - đó không phải là trạng thái sức khỏe mà bạn bỗng nhiên gặp phải như bệnh cúm - nhưng khi ngoại còn sống, những cơn sóng dữ dằn của hội chứng đó không bao giờ có thể nổi dậy.

Ngoại thường kể cho tôi những câu chuyện về việc câu cá tại sông Minnesota, gần Mankato, nơi ông đã lớn lên, về việc chuyên chở cá da trơn và loài cá walleye bằng ghe, tôi đã mơ ước về một ngày mình có thể đi câu cá cùng ông. Và rồi, khi tôi mười một tuổi, cái ngày tôi mong đợi ấy cũng đã đến. Ngoại tôi mượn một chiếc thuyền câu từ một người bạn, chúng tôi bắt đầu khởi hành từ bờ phía Judson, để thuyền xuôi theo dòng sông êm đềm nhưng cũng đầy mạnh mẽ, lịch trình này đã được lên kế hoạch sẽ kết thúc tại một công viên ở Mankato trước khi trời tối.

Vào mùa xuân đó, con sông dường như bị tràn bờ bởi những cơn nước chảy xiết, nhưng vào tháng 7, thời điểm chúng tôi đi câu cá, dòng sông đã có vẻ lặng sóng hơn. Cơn lũ đã để lại đằng sau một tán cây lá phong chết nhô lên từ đáy sông, các nhánh cây đâm chằng chịt trên mặt nước giống

như những ngón tay xương xẩu. Ngoại Bill đã giữ động cơ của chiếc xuồng nhỏ chúng tôi đang ngồi chạy tự động, vì vậy chúng tôi có thể lái vòng quanh những cái cây khi cần. Thi thoảng, tôi có nghe thấy tiếng rít của sự chà xát của cành cây ẩn hiện dưới mặt nước vào mạn thuyền nhôm, hoặc đang cạ vào thân thuyền. Những âm thanh đó thoát đầu khiến tôi sợ hãi, nhưng ngoại Bill lại tỏ ra rất bình thường, coi chúng như những tiếng gió xào xạc quanh chúng tôi. Điều đó giúp tôi cảm thấy an toàn.

Tôi đã câu được một chú cá ngay trong giờ câu đầu tiên, mắt tôi sáng lên như thể đó là món quà Giáng sinh. Trước đó, tôi chưa bao giờ bắt được cá, và cái cảm giác bắt được con cá đó, con cá đang giãy giụa dưới cần câu của tôi, con cá đang được ngoại nhấc bổng lên từ mặt nước bắn tung tóe, đã khiến tôi thực sự thích thú và hồi hộp. Tôi là một ngư dân chính hiệu. Hôm đó là một ngày chúng tôi vờ vẩn dưới bầu trời trong xanh, ngoại bắt được vài con cá và tôi bắt được ít hơn.

Tôi nghĩ rằng thi thoảng ngoại đánh cá mà không cần đến mồi chỉ để cho tôi có thể có thành tích cao hơn ngoại. Đến trưa, chúng tôi đã bắt được một mẻ cá kha khá. Ông bảo tôi thả neo để chúng tôi có thể giữ yên thuyền tại chỗ trong khi chúng tôi dùng bữa trưa. Chiếc neo, thứ đang được gắn vào chiếc thuyền ngay nơi tôi ngồi - được thả xuống và kéo dọc nơi đáy sông cho đến khi cuối cùng nó được neo chặt lại và giữ thuyền chúng tôi cố định giữa sông. Chúng tôi rửa tay bằng nước được trữ trong bi đông, ngoại Bill lôi ra khỏi chiếc túi nilon một vài chiếc bánh sandwich kẹp giăm bông, phô mai. Chúng tôi đã ăn những chiếc bánh sandwich ngon nhất mà tôi từng thấy, nuốt chúng vào bụng bằng những lon bia lạnh đến thấu xương. Đó quả là một bữa ăn tuyệt diệu ngay giữa lòng sông trong buổi trưa của một ngày đẹp hoàn hảo.

Khi ngoại Bill đã ăn xong, ông gấp chiếc túi đựng bánh thành một nắm nhỏ và cẩn thận đặt nó lại trong chiếc túi nilon vừa xong, chiếc túi giờ đã trở thành túi đựng rác của chúng tôi. Rồi sau đó, uống cạn lon bia trên tay,

ông cũng lặp lại hành động tương tự với chiếc vỏ lon kia. Ông đưa túi cho tôi để tôi có thể làm theo hướng dẫn của ông. “Cháu luôn luôn phải giữ thuyền thật sạch sẽ,” ông nói. “Đừng vứt rác hay những vỏ lon lung tung, nó sẽ gây ra tai họa khôn lường.” Tôi nghe bằng một tai trong khi nhắm nháp ngụm bia trên tay mình.

Rồi khi tôi đã uống cạn phần thức uống ấy, ngoại Bill yêu cầu tôi nhổ neo - lại một việc nữa mà tôi chưa từng thực hiện trong đời. Ông đã chuyển sự chú ý của mình trở lại với động cơ, bơm một quả bóng nhỏ trong ống khí gas và sẵn sàng quay trở lại cuộc hành trình. Ngoại đã không nhìn thấy khi tôi để chiếc lon rỗng trên mặt sàn của chiếc thuyền. Mình sẽ vứt nó sau, tôi tự nói với bản thân. Tôi nắm chặt sợi dây thừng kết bằng nilon, thứ đang giữ chúng tôi với chiếc neo, và kéo. Chiếc neo không hề nhúc nhích. Tôi kéo mạnh hơn và cảm thấy lực ngược dòng bên mé thuyền, chiếc neo vẫn không hề di chuyển. Mũi thuyền là một mặt phẳng hình cánh cung, vì vậy tôi dốc hết sức mình đạp chân vào mũi thuyền và bắt đầu kéo, tay nọ nối tiếp tay kia, chiếc thuyền từ từ bị kéo lại về phía vị trí chiếc neo cho đến khi không thể tiến xa hơn được nữa. Ngoại Bill nhìn thấy sự vật lộn của tôi và hướng dẫn tôi kéo dây về bên trái rồi lại qua bên phải, để nới lỏng chiếc neo, nhưng mọi việc không trở nên dễ dàng hơn.

Sau đó, từ phía sau, tôi nghe tiếng ngoại đang chuyển động tại nơi đang ngồi. Tôi cảm thấy chiếc thuyền đang rung chuyển. Khi ngoảnh lại, tôi thấy ông ngoại đang xoay xở để đi về phía tôi. Trong khi ngoại bước qua một băng ghế dự bị ngăn cách giữa chúng tôi, ông vô tình đặt chân lên chiếc vỏ lon rỗng của tôi khi này. Mắt cá chân ông bị treo, bẻ cong bàn chân sang một bên. Ông nghiêng ngả và ngã xuống phía sau, đùi ông đập vào mạn thuyền, đôi tay huơ vào không trung, phần thân trên bị văng mạnh và lật úp xuống mặt sông khi ông ngã. Nước bắn tung tóe vào người tôi khi con sông đang dần nuốt chửng lấy ngoại.

Tôi hét toáng tên ngoại khi ông biến mất trong làn nước âm u. Tôi gọi tên ông thêm hai lần nữa trước khi ông trôi lên khỏi mặt nước, vùng vẫy để cố bám lấy mạn thuyền, tay ngoại chỉ còn cách mạn thuyền bằng đúng đường kính của một đồng xu. Ngoại thậm chí còn không có cơ hội chống chọi đến lần thứ hai. Dòng nước đã nuốt trọn ông, nó đẩy ông ra xa khỏi tôi trong khi tôi chỉ biết ngồi đó, giữ chặt lấy sợi dây neo ngu ngốc, mà không nhận ra rằng nếu tôi thả sợi dây ra, chiếc thuyền sẽ trôi theo dòng nước, và tiến về phía ngoại, ít nhất là thêm được khoảng sáu mét hoặc hơn thế. Ngay khi có thể tự giữ thăng bằng được, ngoại sẽ có thể di chuyển ra ngoài tầm với của chiếc thuyền, ngay cả khi tôi đã thả dây neo.

Tôi la hét, cầu nguyện và van xin để ông có thể tiếp tục bơi. Nhưng tất cả diễn ra quá nhanh. Rồi khi mọi chuyện đã lên đến đỉnh điểm của sự tuyệt vọng, ngoại Bill bắt đầu giãy giụa trong làn nước, hai cánh tay vùng vẫy, chộp lấy mặt nước, đôi chân dường như bị ghim chặt vào một chỗ bởi một thứ gì đó bí ẩn nằm dưới làn nước đen tối kia. Rồi sau đó, cảnh sát trưởng đã nói với mẹ tôi rằng chiếc ủng của ngoại bị mắc kẹt vào một nhánh của tán cây lá phong ngay dưới mặt nước.

Tôi đã chứng kiến ông mình vật lộn để có thể ngoi lên khỏi mặt nước trong khi dòng nước lại đang nhấn chìm ông xuống. Ông đã không kéo khóa chiếc áo phao cứu sinh, khiến nó trôi ngược về phía hai cánh tay, lưng nhùng phía trên đầu, phần thân trên của ngoại giật mạnh, cố thoát khỏi chiếc ủng bị mắc kẹt. Chỉ khi tâm trí tôi chợt bừng tỉnh, tôi mới nhận ra mình phải thả sợi dây thừng đang giữ chặt. Tôi thả nó ra và dùng tay chèo thuyền cho đến khi sợi dây căng ra, và chỉ còn cách chỗ ông ngoại tôi khoảng mười mét về phía thượng lưu. Tôi có thể nhìn thấy ngoại đang cào cẩu và xé toạc chiếc áo phao cứu sinh để cố thoát khỏi nó. Tôi không thể nhúc nhích. Tôi cũng không thể suy nghĩ được gì. Tôi chỉ đứng đó, mở to mắt ra nhìn, và la hét cho đến khi ngoại bất động và lập lờ trôi theo dòng nước.

Tôi đã kể cho Carl nghe câu chuyện của mình, ghen ngào trong nước mắt, và tôi đã phải liên tục dừng lại cho mình được bình tĩnh. Mãi cho đến khi câu chuyện đã được kể hết, tôi mới phát hiện ra rằng Carl đã đặt tay lên vai tôi để an ủi. Trước sự ngạc nhiên của mình, tôi đã không hề chối từ việc làm này của ông ấy. “Cậu biết đấy, đó không phải là lỗi của cậu,” ông ấy nói.

“Cháu không biết gì cả,” tôi nói. “Đó là một lời nói dối trong suốt mười năm qua, khi cháu cứ phải liên tục tự nói với bản thân mình. Đáng lẽ cháu đã có thể vứt chiếc vỏ lon đó vào túi rác. Đáng lẽ cháu có thể thả chiếc dây thừng đó khi ông cháu ngã. Cháu có một chiếc dao găm trong hộp sơ cứu; đáng lẽ cháu có thể cắt sợi dây đó và cứu ông. Hãy tin cháu đi, cháu đã nghĩ đi nghĩ lại điều này đến cả triệu lần. Cháu có thể làm hàng trăm cách để cứu ông ngoại. Nhưng cuối cùng cháu đã chẳng làm gì cả.”

“Hồi đó cậu mới chỉ là một đứa trẻ,” Carl an ủi tôi. “Cháu đã có thể cứu ông cháu,” tôi nói. “Cháu đứng giữa hai sự lựa chọn, một là giương mắt lên nhìn, hai là cố gắng. Và cháu đã sai lầm. Nó đã mang lại kết cục đau đớn này.”

“Nhưng...”

“Cháu không muốn nói về nó thêm nữa,” tôi ngắt lời.

Janet vỗ vào vai tôi và tôi quay người lại như một kẻ ngớ ngẩn. “Tôi xin lỗi, Joe,” bà ấy nói, “nhưng đã quá giờ thăm nom rồi.”

Tôi nhìn vào chiếc đồng hồ trên tường, bây giờ là tám giờ mười phút. Tôi đã nói chuyện trong suốt quãng thời gian thăm nuôi, và tôi cảm thấy cổ họng mình khát khô. Tâm trí tôi quay cuồng khi chuỗi ký ức về cái ngày đen tối đó như một cơn lốc, ủa về không chút ràng buộc đầu óc tôi, chỉ vì sự tác động của Carl Iverson. Tôi có đôi chút cảm giác như bị lừa gạt vì giữa tôi và Carl chưa bao giờ có cuộc trò chuyện như thế này về chính cuộc

đời ông ấy. Và, cùng lúc đó, tôi cũng cảm thấy thật nhẹ nhõm vì đã nói ra được bí mật của mình với một ai đó.

Tôi đứng dậy và xin lỗi Janet vì sự quá giờ của mình. Rồi tôi quay lại, gật đầu với Carl thay cho lời tạm biệt và bước ra ngoài. Khi đi ngang qua khu hành lang, tôi chợt ngừng lại để quay lại nhìn Carl. Ông ấy vẫn ngồi bất động, đối mặt với hình ảnh phản chiếu của mình sau tấm kính đen, đôi mắt Carl nhắm chặt như thể đang cố kìm nén một nỗi đau đớn sâu sắc trong lòng, và tôi tự hỏi rằng liệu đó là cơn đau của căn bệnh ung thư, hay chẳng vào lúc này, nó lại là một điều gì khác.

CHƯƠNG 21

Để bình tĩnh lại, tôi phát những bản nhạc rock kinh điển qua bộ loa “đồ sộ” trong xe mình trên đường trở về nhà. Tôi đã hát trong khi trong lòng còn rối bời một chuỗi những bản nhạc one-hit wonders^{25*} cho đến khi tôi có thể tự xoay xở để thoát ra khỏi những suy nghĩ tăm tối trong đầu mình, thay thế bởi những suy nghĩ về các mảnh ghép mà Carl đã đề cập đến. Chắc chắn rồi, ý tưởng về một câu đố thực sự hấp dẫn đối với tôi, nhưng nó còn tuyệt vời hơn khi điều này lại trở thành một lý do khác để tôi có thể ở cạnh Lila, suy nghĩ đó làm tôi cảm thấy mọi việc trở nên khá hơn. Khi quay trở lại căn hộ, tôi lục lọi trong chiếc hộp tài liệu và tìm thấy hai file có chứa những bức ảnh được chụp khi khu nhà kho bị cháy. Tôi dành tới hơn một giờ đồng hồ để đảm bảo rằng chúng là những bức hình tôi cần tìm rồi gói ghém chúng lại trong tập tài liệu trên tay và tiến thẳng tới căn hộ của Lila.

^{25*} *Những ca sĩ chỉ nổi nhờ một ca khúc trong đời.*

“Cô thích chơi game không?” Tôi hỏi Lila.

“Cũng còn tùy,” cô ấy nói. “Anh đang nghĩ gì vậy?” Phản ứng của cô ấy làm tôi mất cảnh giác, và trong giây phút đó, tôi nghĩ rằng mình vừa phát hiện ra một nụ cười tán tỉnh. Nó gần như làm tôi quên mất lý do tại sao tôi lại có mặt ở đây. Tôi cười đáp lại và cố gắng vượt qua sự càm dỗ đó. “Tôi có một vài bức hình,” tôi nói.

Cô ấy trông có vẻ hơi bối rối, và rồi dẫn tôi đến bàn ăn với một cái gật đầu. “Hầu hết các anh chàng khác khi đến đây đều mang theo hoa,” cô ấy nói.

“Tôi không giống như những anh chàng kia,” tôi nói “ Tôi là một người đặc biệt.”

“Không còn gì để bàn!” Cô ấy chống trả.

Tôi rải một seri bảy bức ảnh lên bàn. Trong bảy bức đó, có ba bức đầu tiên cho thấy ngọn lửa đang hoành hành ngoài tầm kiểm soát và không có một nhân viên cứu hỏa nào có mặt tại hiện trường. Những bức hình đó có nước ảnh rất kém, lộn xộn trong việc sử dụng ánh sáng, và một trong số chúng còn kinh khủng đến nỗi không hề có bố cục chính. Tập ảnh thứ hai cho thấy các nhân viên cứu hỏa đang thực hiện nhiệm vụ và được chụp lại bởi một thợ ảnh có tay nghề hơn. Bức đầu tiên cho thấy các nhân viên cứu hỏa đang kéo vòi phun nước ra khỏi thùng xe, và hình nền là khu nhà kho đang bốc lửa ngùn ngụt. Một bức khác chụp lại hình ảnh những đợt nước đầu tiên từ vòi cứu hỏa đang xối vào căn nhà kho. Hai bức còn lại ghi lại hình ảnh các lính cứu hỏa đang xịt nước vào đồng lửa từ hai góc khác nhau. Một trong những bức hình còn lại này chính là bức tôi đã nhìn thấy trong bài báo ở thư viện.

“Thế trò chơi này là gì vậy?” Cô ấy hỏi.

“Những bức hình này...”, tôi nói, chỉ vào ba bức ảnh đầu tiên. “Chúng nằm trong tập tài liệu của một nhân chứng tên là Oscar Reid. Ông ta sống phía đối diện nhà Carl và Lockwood. Ông ta nhìn thấy vụ hỏa hoạn và đã gọi 911. Trong khi chờ lực lượng cứu hỏa tới, ông ta đã chụp lấy chiếc máy ảnh tự động và chụp vài bức hình.”

“Thay vì... ồ, tôi cũng không biết diễn tả sao nữa... thay vì chụp lấy một cái vòi phun nước ư?”

“Ông ấy đã nói với thám tử rằng ông ấy nghĩ ông ấy sẽ có thể bán được một tấm cho các nhà báo.”

“Một người theo chủ nghĩa nhân đạo thực thụ,” cô ấy nói. “Còn những bức hình này?” Cô ấy chỉ vào bốn tấm khác.

“Những bức này được chụp bởi một phóng viên ảnh thực thụ, Alden Cain. Ông ấy đã nghe thấy tiếng gọi cứu hỏa qua một chiếc máy scan và chạy tới đó để chụp một vài bức hình.”

“Ok,” cô ấy nói. “Vậy chúng ta đang tìm cái gì?” “Cô có nhớ hồi còn học tiểu học, các giáo viên thường đưa ra các bức tranh trông rất giống nhau, nhưng lại không hoàn toàn như vậy chứ? Và cô phải tìm ra những điểm khác biệt giữa chúng?”

“Là trò đó sao?” Cô ấy hỏi.

“Đúng, chính là nó,” tôi nói, xếp các tấm ảnh nằm cạnh nhau. “Cô có phát hiện ra điều gì không?”

Chúng tôi nghiên cứu chúng một cách cẩn thận. Trong những bức ảnh đầu tiên, ngọn lửa bùng phát ra từ một chiếc cửa sổ nhà kho, đối diện với ngõ vào và người chụp ảnh. Mái nhà kho vẫn còn nguyên vẹn, khói đen dày đặc cuộn lên từ những thanh gỗ lợp trên mái nhà. Trong những bức ảnh phía sau, ngọn lửa đã bốc lên thành đường xoắn ốc, giống như một cơn lốc xuất hiện từ một lỗ hổng trên mái nhà. Các nhân viên cứu hỏa đã đến và chỉ vừa mới bắt đầu dùng nước dập tắt ngọn lửa. Cain có mặt trong khá nhiều bức ảnh tại cùng một vị trí, cũng giống như Reid vì các góc chụp và hình nền của các bức ảnh rất giống nhau.

“Tôi không nhận ra bất cứ điều gì khác biệt cả,” tôi nói. “Chẳng có điều gì khác biệt ngoài vị trí của các nhân viên cứu hỏa đang di chuyển xung quanh đám cháy.”

“Tôi cũng chẳng tìm thấy gì,” Lila nói.

“Carl nói rằng khi nhìn vào toàn bức ảnh thì mọi thứ sẽ giống nhau, vì vậy đừng nhìn vào ngọn lửa vì nó sẽ thay đổi khi ngọn lửa bùng phát.”

Chúng tôi nhìn vào từng bức ảnh một cách cẩn thận hơn, tìm kiếm mọi thứ thay đổi dù nhỏ nhất ở mọi góc ngách của hình nền phía sau. Không có gì ngoài việc ngọn lửa đang ngày một cháy to hơn, ngôi nhà của Carl trông vẫn như vậy trong tất cả các bức ảnh. Rồi tôi nhìn vào nhà Lockwood trong tấm ảnh của Reid: đó là một căn nhà hai tầng, của tầng lớp những người lao động, với một mái hiên nhỏ, một bộ ba cửa sổ nằm trên tầng cao nhất, và một chiếc cửa sổ phía cửa sau ở cùng một phía. Tôi nhìn vào nhà của Lockwood trong tấm hình của Cain. Lại một lần nữa, khung hình trở nên sáng hơn vì ngọn lửa, tuy nhiên vẫn chẳng có gì thay đổi. Tôi quay trở lại và rà từng bức ảnh một, băn khoăn rằng liệu Carl có đang giở trò đùa cợt với mình không.

Rồi Lila đã phát hiện ra nó. Cô ấy nhắc hai tấm ảnh lên khỏi mặt bàn, một tấm của Cain và tấm còn lại của Reid và kiểm tra chúng. “Đây,” cô ấy nói, “đằng sau chiếc cửa sổ phía bên phải của lối cửa sau nhà Lockwood.”

Tôi cầm lấy hai bức ảnh từ tay cô ấy và nhìn vào trong khung cửa sổ, nhìn đi nhìn lại giữa hai bức ảnh của Reid và Cain cho đến khi nhận ra những gì mà cô ấy nói. Chiếc cửa sổ phía bên phải của cửa sau đó có một bộ rèm cửa đang che phủ toàn bộ mặt kính. Trong bức ảnh mà Reid chụp được, những chiếc rèm bị đã được hạ thấp xuống tới chân cửa sổ. Trong bức ảnh phía trước, bức ảnh được chụp lại bởi Cain, chiếc rèm đã được nâng lên một vài xen-ti-mét. Tôi kéo tấm hình lại gần hơn và nhìn thấy một thứ gì đó giống hình dạng của một cái đầu, có lẽ là một khuôn mặt đang thập thò nhìn qua khe cửa.

“Cái quái gì đây?” Tôi hỏi. “Ai vậy nhỉ?”

“Đó là một câu hỏi rất hay,” cô ấy nói. “Trông có vẻ như có ai đó đã nhìn trộm từ khe cửa sổ.”

“Có ai đó đang ở trong nhà?... Và xem vụ hỏa hoạn ư?”

“Đó là những gì tôi đang nghĩ.” “Là ai cơ chứ?”

Tôi có thể nhận thấy Lila đang lục lọi trong trí nhớ của mình về những lời khai của gia đình Lockwood. “Chỉ có một số ít các khả năng.”

“Giống như một người đứng ngoài chỉ tay năm ngón ư?”

“Một người chỉ tay năm ngón?”

“Cô biết đấy... cô ấy bị mất đi một vài ngón tay... vì vậy các khả năng cũng trở nên ít đi,” tôi cố nặn ra một nụ cười trừ.

Lila tròn trĩnh mắt và quay trở lại với công việc. “Cha dượng của Crystal, Douglas Lockwood, đã nói rằng ông ta và con trai mình đang ở trong xưởng sửa chữa ô tô vào chiều hôm đó. Ông ta đang xử lý một số công việc giấy tờ, còn con trai thì đang sửa một chiếc xe. Ông ta nói họ không hề trở về nhà cho đến sau khi vụ hỏa hoạn xảy ra.”

Tôi thêm vào. “Mẹ của Crystal lúc đó đang làm ca cuối cùng tại quán cà phê Dillard.”

“Chính xác,” Lila thêm vào, như thể đang khoe khả năng ghi nhớ đến từng chi tiết của mình. “Ông chủ quán cà phê, Woody đã xác nhận điều này.”

“Ông chủ của bà ấy là Woody? Cô đang bịa ra đấy à?”

“Nhìn đi.” Cô ấy cười.

“Vậy là chỉ còn lại bạn trai của cô bé đó, tên anh ta là gì nhỉ?”

“Andrew Fisher,” cô ấy trả lời. “Anh ta đã khai rằng mình đưa Crystal trở về nhà sau giờ học, chỉ lái xe qua con ngõ và thả cô ấy ở đó rồi rời đi.”

“Vậy thì chúng ta còn lại ai?” Tôi hỏi.

Lila suy nghĩ một phút rồi bắt đầu đếm ngón tay. “Tôi thấy có bốn khả năng: thứ nhất, chưa chắc đã có người đang nhìn lên từ cửa sổ, nhưng tôi phải tin vào những gì mà tôi nhìn thấy, vì vậy tôi loại bỏ khả năng này.”

“Tôi cũng nhìn thấy người đó,” tôi nói. “Khả năng thứ hai, đó là Carl Iverson...”

“Vì sao Carl lại có thể giết cô bé trong nhà mình rồi lại nhìn đám cháy thông qua nhà của Lockwood được?” “Tôi không nói khả năng này có đủ xác suất - chỉ là khả năng thôi mà. Có thể Carl đã đi đến nhà Lockwood sau khi khai hỏa. Có lẽ ông ta biết về cuốn nhật ký và muốn tìm nó. Mặc dù việc ông ta bắt đầu khai hỏa trước khi tìm cuốn nhật ký không hợp lý cho lắm.”

“Chẳng hợp lý tẹo nào.” Tôi nói.

“Thứ ba, có một người bí ẩn, một người nào đó mà cảnh sát chưa bao giờ nghĩ tới, một người nào đó không có tên trong chiếc hộp đựng tài liệu này.”

“Và khả năng thứ tư là gì?”

“Thứ tư, đã có ai đó nói dối cảnh sát.”

“Một người nào đó... giả dụ như Andrew Fisher?” “Đó cũng là một khả năng,” Lila nói với một cái thở dài thườn thượt.

Tôi có thể thấy rằng cô ấy muốn giữ vững niềm tin của mình rằng Carl Iverson đã sát hại Hagen, nhưng tôi cũng có thể nhìn thấy cô ấy đang cố gắng suy nghĩ về một sự lựa chọn khác, đi vào một khả năng rằng một điều gì đó đã bước một bước sai lầm vào hơn ba mươi năm trước. Chúng tôi ngồi trong im lặng một lúc lâu, không chắc chắn về những khám phá mới mẻ này, không ai trong chúng tôi đề cập đến sự lay động mà chúng tôi đang cảm nhận rõ rệt dưới chân mình. Điều này giống như việc cả hai chúng tôi đều nhìn thấy những vết rạn đang lấn dần trên mặt đất, nhưng lại không ai

hiếu được hậu quả của nó là gì. Sẽ chẳng bao lâu nữa vết nứt đó sẽ há toác ra, và bắt đầu tuôn dòng nước lũ xối xả.

CHƯƠNG 22

Ngay khi trở lại Hillview, tôi đã hoàn toàn “hồi phục” từ lời thú nhận về cái chết của ông ngoại mình, và tôi còn cảm thấy như mình trẻ lại bởi những bí ẩn của các bức hình. Carl còn nợ tôi một lời thú nhận - chí ít thì đó là cái cách mà tôi nhìn nhận nó. Tôi đã tự đánh mình vì kể cho ông ấy nghe về quá khứ của tôi, và giờ đây, ông ấy có nghĩa vụ phải trả lời một số câu hỏi thực sự của tôi.

Ông ấy trông có vẻ khỏe khoắn hơn những lần tôi gặp trước đó. Carl mặc một chiếc áo sơ mi vải flannel màu đỏ trong một chiếc áo choàng màu xanh rêu, hai gò má hốc hác dường như vừa mới được cạo sạch. Ông ấy nở một nụ cười ấm áp, một nụ cười mà bạn dùng khi chạy đến bên bạn gái cũ của mình trong một bữa tiệc. Tôi nghĩ ông ấy biết rằng hôm nay cuộc trò chuyện này sẽ đi tới đâu. Giờ sẽ là lúc tới lượt ông ấy mở lời với câu chuyện của mình. Bài tiểu luận của tôi đã đến hạn phải nộp một nửa nội dung; tôi bắt đầu phải viết nội dung chính về bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của Carl, và tôi cần phải nộp nó cho giáo sư trong một tuần nữa. Thời gian đang “khai quật” cái chết của ông ấy, và ông ấy biết rõ điều đó.

“Chào Joe.” Carl vẫy tay ra hiệu cho tôi ngồi vào chiếc ghế đặt cạnh ông ấy. “Nhìn kia,” ông ấy nói, chỉ tay ra ngoài cửa sổ. Tôi nhìn qua một lượt các ban công của khu căn hộ phía bên kia đường, chẳng thấy một sự thay đổi nào.

“Cái gì cơ ạ?” Tôi hỏi.

“Tuyệt,” ông ấy nói. “Tuyệt đang rơi rồi.”

Tôi đã nhìn thấy tuyết rơi nhẹ trên đường đi tới đây, nhưng tôi chẳng để ý gì đến nó hơn là việc bản khoản liệu xe của mình có tồn tại nổi đến một

mùa đông nữa ở Minnesota không. Thân xe của tôi đã hoen gỉ nặng, vì vậy nước từ đường phố ướt át đã làm ướt đầm những tấm thảm trên sàn xe sau mỗi trận mưa, gây ra một thứ mùi hôi rình của đồng khăn lau mặt đã cũ nồng nặc trong xe. May mắn thay, tuyết rơi không đủ dày để gây ra nỗi phiền toái đó cho tôi. “Ông thấy vui khi trời có tuyết sao?” Tôi hỏi.

“Tôi đã mất ba mươi năm trong tù, phần lớn thời gian trong đó tôi bị cách ly. Tôi rất ít khi được nhìn thấy tuyết rơi. Tôi yêu tuyết.” Ông ấy thả mình theo những xúc cảm riêng tư khi từng bông tuyết đang rơi ngoài cửa sổ, rồi chợt bay vút lên theo luồng gió, và rồi khi tiếp tục rơi xuống, chúng biến mất trong những thảm cỏ xanh. Tôi để cho ông ấy một vài phút bình yên, để ông ấy có thể tận hưởng khoảnh khắc tuyết rơi này. Cuối cùng, Carl lại chính là người mở đầu cuộc nói chuyện.

“Virgil đã ghé qua đây vào sáng nay,” ông ấy nói. “Ông ấy nói rằng cậu và ông ấy đã có một cuộc nói chuyện nho nhỏ.”

“Vâng ạ.”

“Thế Virgil đã nói những gì?”

Tôi lấy ra một chiếc máy ghi âm nhỏ từ trong ba lô và đặt nó trên tay ghế, ở một khoảng cách vừa đủ để có thể thu lại giọng nói của ông ấy. “Ông ấy nói rằng ông vô tội. Ông ấy nói ông không giết Crystal Hagen.”

Carl suy nghĩ về lời nói đó trong một lúc rồi hỏi. “Cậu có tin ông ta không?”

“Cháu đã đọc toàn bộ tài liệu xử án,” tôi nói.

”Cháu đọc bản tường trình của phiên tòa và cả cuốn nhật ký của Crystal.”

“Tôi biết,” Carl nói. Ông ấy không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa, mà thay vào đó, Carl nhìn chăm chăm vào tấm thảm tồi tàn trước mặt mình. “Virgil có nói cho cậu biết vì sao ông ấy lại tin rằng tôi vô tội không?”

“Ông ấy kể cho cháu câu chuyện ông đã cứu mạng ông ấy ở Việt Nam. Ông ấy kể rằng ông đã xông pha trong mưa đạn, quỳ xuống bên ông ấy trong khi đối phương đang tấn công về phía ông ấy. Ông ấy nói ông đã ở đó cho đến khi Việt cộng rút lui.”

“Nếu là cậu thì cậu cũng sẽ cảm thấy yêu quý cậu Virgil đó.” Carl cười khẽ trong hơi thở của mình. “Tại sao ạ?” Tôi hỏi.

“Ông ta sẽ phải đào mồ chôn niềm tin rằng tôi vô tội vì những gì đã xảy ra vào hôm đó, vì ông ta đã hiểu hoàn toàn sai về câu chuyện.”

“Ông đã không cứu mạng ông ấy ư?”

“Ồ, tôi cho rằng tôi thực sự đã cứu mạng ông ấy, nhưng đó không phải lý do tại sao tôi lại xông đến vị trí của Virgil khi đó.”

“Cháu không hiểu.”

Nụ cười của Carl đột nhiên bị che phủ bởi một cái bóng của nỗi u sầu khi nghĩ về cái ngày xa xưa khi ông ấy còn ở Việt Nam.

“Tôi là một người theo Công giáo,” ông ấy tiếp tục. “Theo như tôi được dạy, thì tự tử là một hình thức bị nghiêm cấm. Đó là một trong những tội lỗi mà không bao giờ có thể được tha thứ. Vị linh mục nói rằng nếu bạn tự kết liễu cuộc đời mình, thì linh hồn bạn sẽ đi thẳng xuống địa ngục, mà không có bất cứ một câu hỏi nào được đưa ra. Kinh thánh cũng nói rằng không có sự hy sinh nào vĩ đại hơn việc trao đi cuộc sống của mình cho một người anh em. Và Virgil chính là người anh em của tôi.”

“Vì vậy, khi ông nhìn thấy Virgil bị bao vây vào ngày hôm đó...”

“Tôi nhìn thấy đó là cơ hội. Tôi đã chạy ra trước Virgil, đón lấy những viên đạn đang nhắm thẳng vào anh ta, và thật là đáng thương cho anh ta. Việc này giống như ‘một mũi tên trúng hai đích’. Tôi vừa có thể cứu được mạng sống của anh ta lại vừa kết liễu cuộc đời mình cùng lúc.”

“Việc này có vẻ không đạt được hiệu quả như mong đợi, đúng không ạ?” Tôi nói, thúc giục ông ấy tiếp tục câu chuyện của mình.

“Đó là một sai lầm mở đầu cho tất cả,” ông ấy nói. “Thay vì lấy đầu của tôi, chính phủ lại trao huân chương cho tôi, một huân chương Purple Heart, một huân chương Silver Star. Tất cả mọi người đều nghĩ tôi thật dũng cảm. Tôi chỉ đơn giản là muốn chết. Cậu thấy đấy, Virgil tin tưởng vào tôi, lòng tin của anh ta trao cả cho tôi, mọi điều này đều chỉ phụ thuộc vào một lời nói dối.”

“Vì vậy người duy nhất tin rằng ông vô tội lại mắc sai lầm ư?” Tôi hỏi, dễ dàng liên hệ vào mục đích của cuộc nói chuyện ngày hôm nay một cách tinh tế. Tuyết bên ngoài đã rơi dày hơn, từ những bông tuyết rơi lác đác đã trở thành một cơn mưa tuyết, những bông tuyết to và ẩm ướt, tương đương với những hạt bông ngô đang xoáy tung thành những vòng tròn.

Tôi đã đưa ra câu hỏi mà tôi thực sự muốn và nhận lại sự im lặng thay vì một câu trả lời. Vì vậy, tôi đành ngồi ngẫm nghĩ những bông tuyết, quyết định không hỏi lại một lần nữa, để cho Carl một khoảng thời gian cần thiết để sắp xếp lại những suy nghĩ trong lòng và tìm ra câu trả lời.

“Cậu hỏi ta liệu tôi có phải là người đã sát hại Crystal Hagen,” cuối cùng thì ông ấy cũng lên tiếng. “Cháu đang hỏi rằng liệu có phải ông đã giết cô bé ấy, hay sát hại, hay bất cứ việc làm nào khiến cô ấy không còn sống được nữa. Vâng, đó là những gì cháu đang muốn hỏi.”

Tôi có thể nghe tiếng kim đồng hồ tích tắc ở một nơi nào đó phía sau lưng đánh dấu những giây đồng hồ khi ông ấy im lặng một lần nữa.

“Không,” ông ấy nói, giọng nói gần như đang thì thầm. “Tôi không làm chuyện đó.”

Tôi cúi đầu trong sự thất vọng. “Ngày cháu gặp ông - ngày mà ông đã giảng giải cho cháu tất cả những điều khi gió về sự trung thực - ông nói với cháu rằng ông vừa là kẻ giết người, vừa là kẻ sát hại. Ông nhớ chứ? Ông đã nói giết người không giống với hãm hại họ, và ông đã làm cả hai việc đó. Cháu nghĩ đó là lời sám hối cuối cùng của ông, cơ hội để ông làm rõ mọi thứ. Và giờ, ông lại nói với cháu rằng, ông không gây ra cái chết của cô bé ấy bằng bất cứ cách nào?”

“Tôi đã không hy vọng cậu sẽ tin tưởng tôi,” ông ấy nói. “Thật là quái quỷ, chẳng ai thêm tin tôi, kể cả luật sư của tôi.”

“Cháu đã đọc tài liệu, Carl. Cháu cũng đã đọc cả cuốn nhật ký. Ông đã mang theo súng vào ngày hôm đó. Cô bé ấy gọi ông là một kẻ đồi bại vì ông luôn luôn theo dõi cô bé ấy.”

“Tôi biết rõ bằng chứng đó là gì, Joe,” ông ấy tiếp tục, nói ra từng từ với sự bình thản như một dòng sông băng. “Tôi biết những gì họ đã sử dụng để chống lại tôi tại tòa. Tôi đã cảm thấy nhẹ nhõm về những gì họ kể về câu chuyện của tôi mỗi ngày trong suốt ba mươi năm qua, nhưng điều đó không thể thay đổi được sự thật là tôi không giết cô bé đó. Tôi không có cách nào có thể chứng minh được điều này cho cậu hay cho bất cứ ai. Và tôi thậm chí còn chẳng buồn cố gắng chứng minh nó. Tôi sẽ nói cho cậu sự thật. Cậu có thể tin hay không thì tùy. Nó chẳng có nghĩa lý đối với tôi nữa cả.”

“Thế câu chuyện khác đã xảy ra ở Việt Nam thì sao?” Tôi hỏi. Carl ném cho tôi một cái nhìn đầy bất ngờ, rồi như thể bắt được sự tháu cáy của tôi, ông ấy nói, “Câu chuyện đó là như thế nào ư?”

“Virgil đã nói rằng đó là câu chuyện của chính ông, vì vậy ông mới là người kể ra chúng. Ông ấy nói rằng nó chứng minh rằng ông đã không giết

Crystal Hagen.”

Carl lại dựa mình lọt thỏm vào chiếc xe lăn. Ông ấy đặt một ngón tay lên bờ môi, bàn tay ấy có đôi chút run rẩy. Thực sự đã có một câu chuyện khác xảy ra, tôi có thể nhận ra được điều này, vì vậy tôi hồi thúc. “Ông nói rằng ông sẽ nói với cháu sự thật mà. Một nửa câu chuyện chưa hẳn đã là sự thật, thưa ông. Cháu muốn biết tất cả mọi thứ.”

Một lần nữa, Carl lại nhìn ra ngoài cửa sổ, xuyên qua những bông tuyết đang rơi ngoài kia, và xuyên qua cả những ban công phía bên kia. “Tôi sẽ kể cho cậu câu chuyện đã xảy ra ở Việt Nam,” ông ấy nói. “Cậu có thể tự quyết định xem liệu nó có thể giúp chứng minh như Virgil đã nói hay không. Nhưng tôi hứa với cậu, những gì tôi kể hoàn toàn là sự thật.”

Trong hai giờ đồng hồ sau đó, tôi không hề mở miệng ra nói; tôi gần như ngừng thở. Tôi nghe Carl Iverson kể lại về quá khứ của mình ở Việt Nam. Khi ông ấy đã kể hết cho tôi mọi chuyện, tôi đứng dậy, bắt lấy tay ông ấy và nói lời cảm ơn. Sau đó, tôi trở về nhà và viết phần đó vào câu chuyện của Carl như một dấu mốc cho sự thay đổi số phận của ông ấy.

CHƯƠNG 23

Họ tên: Joe Talbert

Lớp: Tiếng Anh 317

Bài tập viết Tiểu sử: Tiểu luận - Bước ngoặt cuộc đời

Ngày 23 tháng 9 năm 1967, binh nhất Carl Iverson đã đặt bước chân đầu tiên trong đời lên một vùng đất ngoại quốc, từ khi bước chân ra khỏi con tàu Lockheed C-141 cập cảng tại Đà Nẵng, Việt Nam. Trong một doanh trại quân đội tạm thời, anh ta gặp Virgil Gray, một binh nhất đến từ Baudette, Minnesota. Vì Carl đến từ phía Nam St.Paul, nên họ có thể xem nhau như là những người láng giềng, mặc dù khoảng cách giữa vùng phía Nam St.Paul tới Baudette tương đương với việc lái xe qua sáu quốc gia trên bờ biển phía Đông. May mắn thay, họ được điều động vào cùng một trung đội và cùng một biệt đội hỏa lực đóng quân trên một đỉnh đồi bụi bặm, ở rìa phía Tây Bắc của thung lũng Quế Sơn.

Đội trưởng của Carl, một tên lùn, tục tĩu mang cái tên Gibbs, đang che giấu những vết sẹo về mặt tâm lý rất nghiêm trọng sau một chiếc mặt nạ độc ác. Ông ta lúc nào cũng hùng hổ, tỏ ra khinh miệt với cấp dưới, và các binh nhì, luôn chỉ trích các mệnh lệnh và đối xử với các binh nhất không khác gì với những con chuột đang mang trên mình một căn bệnh truyền nhiễm. Hẳn ta dồn sức nặng của sự tàn bạo của mình lên những người Việt Nam mà hẳn gọi họ là: Những người da vàng. Đó là nguồn gốc của mọi điều hiểm ác tồn tại trong hẳn, và một nửa những biện pháp được thực hiện bởi sự vô liêm sỉ của hẳn đều nhằm tới việc xóa sổ Người da vàng, những ai làm vướng mắt hẳn.

Khi Carl và Virgil được phân về “ngôi nhà mới”, Gibbs gọi họ ra một bên và giải thích rằng Cuộc chiến tranh trường kỳ của tướng Johnson có nghĩa là “Chúng ta phải giết được nhiều quân đối phương hơn số lượng đối phương giết ta.” Đó là một chiến lược dựa vào cách đếm xác chết. Các tướng nháy mắt với các đại tá, họ trao cho trung sĩ một cái huých tay; và những người đội trưởng, họ thì thào vào tai các phụ tá, rồi các phụ tá sẽ trao cho trung sĩ một cái gật đầu, những người này sẽ lần lượt được ra lệnh đứng vào hàng và lắng nghe những mệnh lệnh đó. “Nếu cậu nhìn thấy một tên da vàng đang bỏ chạy,” Gibbs nói, “Hắn là Việt cộng hoặc một người giác ngộ Việt cộng. Dù thế nào đi nữa thì đừng có đứng ở đó mà thề thốt, hãy bắn tên khốn đó không chút ngần ngại.”

Sau bốn tháng chinh chiến, Carl đã cảm nhận quá đủ về chiến tranh cho phần còn lại của cuộc đời. Anh ta đã từng phục kích, nhìn những người lính Việt cộng bị hòa vào những “cơn mưa máu” khi những người lính phía anh ta kích ngòi nổ quả mìn Claymore^{26*}, anh ta cũng đã từng thương cảm nắm lấy tay của một anh chàng, mà anh ta không biết tên, trong khi anh ta đang trút hơi thở cuối cùng, chân của anh ta cũng bị rách toạc bởi một quả mìn Bouncing Betty^{27*}.

^{26*} Mìn đinh hương. ^{27*} Mìn cóc.

Carl đã khá quen với những tiếng vo ve liên tục của muỗi, nhưng không phải là những tiếng súng cối bất thành hình mà Charlie thường ném vào họ giữa đêm. Anh ta đã trải nghiệm lễ Giáng sinh không tuyết đầu tiên trong khi đang bò xuống miệng của một căn hầm.

Một sự tổn thương trong cuộc đời Carl, thứ đã khiến anh ta muốn chết tại Việt Nam, đã bắt đầu hé lộ vào một buổi sáng mùa đông yên bình đầu tháng 2 năm 1968. Những áng mây nhẹ bồng bênh che phủ phía chân trời trước thời điểm mặt trời mọc, sự yên tĩnh của quang cảnh xung quanh thung lũng dường như đang lừa dối về sự khủng khiếp của những sự kiện sắp diễn ra. Ánh sáng chói lòa của bầu trời hôm đó gợi cho Carl nhớ về một

buổi sáng anh ta đã ở cùng ông ngoại mình trong một khu rừng phía bắc, khi ý niệm về giết và bị giết chưa hề có chỗ đứng trong cuộc đời của Carl.

Cuộc chiến đè nặng lên Carl, khiến anh ta cảm thấy mình đã quá già. Anh ta dựa lưng vào một đồng bao cát, nén một nhúm thuốc lá vào một vỏ giấy và cuộn lại rồi châm lửa hút trong khi ngồi ngắm bình minh.

“Này, Hoss.” Virgil gọi trong khi nhảy xuống con đường đất.

“Này, Virg.” Carl vẫn hướng mắt về phía chân trời, ngắm nhĩa vạt ánh sáng màu hổ phách đang dần ló rạng.

“Anh đang xem cái gì vậy?” “Hồ Ada.”

“Cái gì cơ?”

“Tôi đang xem mặt trời mọc, giống như khoảnh khắc mà tôi đã từng nhìn thấy ở hồ Ada khi tôi mới mười sáu tuổi. Khi đó, tôi ngồi ở hiên nhà phía sau nhà của ông ngoại tôi. Tôi thề là bầu trời khi đó cũng có màu đỏ tương tự như ở đây.”

“Anh bạn, anh đang ở cách rất xa hồ Ada.”

“Kể cả thế đi chẳng nữa, theo mọi cách có thể, thì trông nó vẫn giống vậy.”

Virgil ngồi xuống cạnh Carl. “Đừng để nó ảnh hưởng đến mình, anh bạn. Chúng ta đã tiến quân được tám tháng rồi. Sẽ chẳng còn mấy thời gian nữa. Sau đó chúng ta sẽ thoát khỏi nơi này. Chúng ta sẽ được về mau thôi.”

Carl dựa lưng trở lại vào những bao cát, và tắt điếu thuốc trên tay. “Anh không thể cảm nhận thấy nó đâu Virg! Anh không thể cảm thấy mọi điều đang trở nên tồi tệ như thế nào đâu.”

“Thấy cái gì tồi tệ cơ, Hoss?”

“Tôi không biết nên giải thích cho anh thế nào,” Carl nói. “Nó giống như việc mỗi khi tôi đi vào khu rừng đó, tôi cảm giác như mình đang đứng trên một ranh giới, một ranh giới mà tôi biết rằng mình không nên vượt qua. Và tại nơi đó, có một tiếng la hét liên tục dội lên trong đầu tôi, giống như một nữ thần báo tử đang quay cuồng xung quanh tôi, đẩy tôi, giằng xé tôi để tôi phải bước chân qua ranh giới đó. Và tôi biết rõ rằng, nếu tôi bước qua, tôi sẽ lại là người giống như Gibbs. Tôi muốn nói rằng ‘mẹ kiếp’, họ chỉ là những người da vàng vô tội thôi mà, ‘mẹ kiếp’.”

“Ừm,” Virgil nói. “Tôi hiểu. Tôi cũng cảm thấy như vậy. Cái ngày Levitz mua lại trang trại, tôi đã muốn vứt những thứ cặn bã lên tất cả mọi nơi trong khu vực đó.”

“Levitz ư?”

“Ồ, là gã đã mặc cả xuống còn nửa giá tiền.” “Ô... đó là tên hăn ư? Tôi không biết đấy.”

“Nhưng Hoss, một khi anh đến đó, anh sẽ không muốn quay trở lại,” Virgil nói. “Một đứa trẻ mười sáu tuổi, đứng trên mái hiên nhà ông mình, và ngắm mặt trời mọc, điều đó sẽ không còn có thể quay trở lại được nữa.”

“Đôi khi, tôi tự hỏi mình rằng liệu ông tôi còn có ở đó nữa không.”

Virgil quay mặt lại để Carl có thể nhìn thấy sự nghiêm túc trong mắt của anh ta. “Chúng ta không có quyền được lựa chọn về việc chúng ta đang có mặt tại đây,” Virgil nói, “Và điều quan trọng nhất là chúng ta không có quyền lựa chọn cho việc chúng ta sẽ rời khỏi đây như thế nào. Nhưng chúng ta có quyền kiểm soát về việc chúng ta sẽ để lại bao nhiêu phần ký ức trong cái mớ hỗn độn này. Đừng bao giờ quên điều đó. Chúng ta vẫn còn có quyền có một số lựa chọn.” Carl đưa tay ra và Virgil nắm chặt lấy. “Anh đang có một người bạn đồng hành chí cốt đây.”

Carl nói. “Chúng ta cần phải rời khỏi đây với thân xác còn nguyên vẹn.”

“Đó là những gì chúng ta cần phải làm,” Virgil nói. Một đôi giày khác đang gõ nhịp trên con đường dẫn từ nhà vệ sinh về phía đụn bao cát mà họ đang ngồi.

“Này các cậu”, Tater Davis hét lên. Davis, một tình nguyện viên Tennessee^{28*} thực thụ, chỉ vừa mới gia nhập tiểu đội ngay sau lễ Giáng sinh và bám lấy Virgil như một chú vịt mồ côi. Như một người đồng đội bé nhỏ, Tater có làn da rám nắng, đầy những vết tàn nhang với đôi tai chìa ra giống hệt nhân vật đồ chơi Mr Potato Head^{29*}. Bố mẹ anh ta đặt tên cho anh ta là Ricky, nhưng Virgil đã gọi anh ta với cái tên Potato Head. Anh ta bị gán với cái tên này mãi cho đến khi Ricky giữ vững lập trường của mình trong một trận đánh hỏa lực tồi tệ, sau đó, anh ta chỉ là Tater.

^{28*} CHƯƠNG trình thể thao liên trường, được khởi xướng bởi trường Đại học Tennessee tại Knoxville, Tennessee. ^{29*} Ngài Đầu Khoai Tây (Mr Potato Head Toy): một loại đồ chơi phổ biến ở Mỹ, bao gồm một củ khoai tây bằng nhựa làm thân người, và rất nhiều các bộ phận khác để gắn lên. Những bộ phận này thường bao gồm tai, mắt, giày, mũ, mũi, và miệng. Đồ chơi này được sáng chế và phát triển bởi George Lerner vào năm 1949, lần đầu tiên được sản xuất và phân phối bởi Hasbro vào năm 1952.

“Đội trưởng nói chúng ta phải chuẩn bị để rời khỏi đây sớm,” anh ta nói.

“Đừng lo, Tater, họ sẽ không đi nếu không có cậu,” Carl nói.

“Phải rồi,” Virgil thêm vào, “vì đội trưởng biết rằng chúng ta sẽ không thể thắng trận nếu thiếu cậu.”

Tater nở một nụ cười ngốc nghếch, một nụ cười toe toét. “Đội trưởng có ý gì khi ông ấy nói rằng chúng ta đang gấp rút để đến khu vực Injun country trong ngày hôm nay?” Tater hỏi.

Carl và Virgil trao đổi với nhau một cái nhìn đồng cảm. “Cậu không học lịch sử ở trường sao?” Virgil hỏi.

“Tôi đã bỏ học. Cho đến khi họ nói rằng tôi cần phải đi học trở lại.”

“Cậu chưa từng nghe tới tướng Sheridan hay Mackenzie sao?” Carl hỏi.

Tater trả lời bằng một cái nhìn rỗng tuếch.

“Thế còn về Custer trước khi ông ta gặp phải một sự cố đáng tiếc tại Little Bighorn?” Virgil thêm vào.

Chẳng có chút khái niệm nào đọng lại trong tâm trí hẳn cả.

Carl nói, “Chà, hãy nói về chuyện này trước khi người phương Tây chúng ta thắng trận, vẫn còn một nhóm người sống ở đó, và chúng ta có nhiệm vụ đá dít họ ra khỏi đó.”

“Ừm, vậy đó là những gì chúng ta phải làm ở Việt Nam ư?” Tater hỏi.

“Chà, ngài đại tướng đã ra lệnh chúng ta cần phải mở rộng khu vực bắn phá tự do,” Virgil nói.

“Vấn đề duy nhất với kế hoạch này là có một ngôi làng - mà chúng ta gọi nó là Oxbow - chúng ta phải di chuyển ngôi làng đó ra khỏi khu vực bắn phá tự do. Ý tôi là cậu không thể để ngôi làng đó trong khu vực bắn phá. Đặc điểm quan trọng của khu vực bắn phá tự do là nó cho phép chúng ta bắn bất kỳ một vật gì đang di chuyển.”

“Vì vậy chúng ta sẽ phải di chuyển họ ra khỏi đó ư?” Tater hỏi.

“Chúng ta sẽ khuyến khích họ tìm một địa điểm khác cho làng mình,” Carl nói.

“Cũng giống việc chúng ta làm với người Ấn Độ,” Virgil thêm vào.

Carl hít một hơi cuối cùng từ điều thuốc trên môi, thả nó vào chiếc hộp sắt của mình rồi đứng dậy.

Ba người đàn ông khoác ba lô lên lưng, quàng qua vai khẩu M16, và tiến thẳng về phía có âm thanh động cơ của chiếc trực thăng đầu tiên đang phá vỡ sự yên bình của buổi sáng trong lành đó.

Các phi công nhanh chóng đưa các binh sĩ đến khu vực hạ cánh, lướt đi ở độ cao tương đối thấp và nhanh như chớp, chiếc trực thăng phanh lại trên mé một cánh đồng, nơi những con trâu nước đang đứng san sát bên những con bò vàng. Cách đó khoảng một trăm thước là một túp lều nhỏ lợp mái tranh. Cách đó thêm một trăm thước nữa là những túp lều san sát tạo nên một ngôi làng có cái tên mà chúng tôi gọi là Oxbow.

“Hai cậu đi theo tôi.” Gibbs chỉ vào Carl và Virgil. “Những người của đội hình đầu tiên hãy tiến vào bằng đường bộ. Dọn dẹp mọi thứ trên lối đi. Tập hợp tất cả bọn da vàng vào trung tâm của ngôi làng và chờ trung úy Maas tại đó.”

Gibbs đưa Carl và Virgil đến thẳng túp lều nằm giữa đồng, lập thành một đội đi theo người chỉ huy. Phần còn lại của trung đội đi xuống con đường đất dẫn đến làng Oxbow. Khi họ đi được nửa đường từ khu vực hạ cánh tới căn chòi, một đám cỏ voi nằm ở rìa cánh đồng chợt nghiêng ngả. Carl chuẩn bị sẵn sàng vũ khí, dựa báng súng vào vai và chĩa thẳng vào đám cỏ đang chuyển động kia.

“Bắn, Iverson!” Gibbs ra lệnh.

Carl vịn ngón tay vào cò súng nhưng rồi lại nhả ra. Cái bóng của một mái tóc đen chợt vụt qua đám cỏ cao, chạy về phía căn chòi.

“Hắn đang lẩn trốn!” Gibbs hét lên. “Chết tiệt, bắn!” Carl lại chuẩn bị bóp cò một lần nữa, nhưng lại một lần nữa lại nhả ra vì đó là một cô bé thiếu niên, chạy ra khỏi đám cỏ voi và đang cố về nhà.

“Đó chỉ là một cô bé thôi, Sarge,” Carl nói, hạ thấp vũ khí.

“Ta đã ra lệnh cho cậu!”

“Cô bé ấy chỉ là dân thường thôi.”

“Con bé đang chạy trốn, điều đó có nghĩa là con bé là Việt cộng.”

“Sarge, cô bé ấy đang chạy về nhà.”

Gibbs chỉ thẳng vào mặt Carl. “Iverson, ta đã ra mệnh lệnh cho cậu. Cậu không bao giờ được phép chống lại lệnh của ta thêm một lần nào nữa, ta sẽ nã một viên đạn vào chính giữa sọ của cậu. Cậu nghe rõ chưa?”. Bọt mép sùi ra từ khóe miệng của hắn ta khi hắn ta phỉ nhổ cơn giận dữ của mình vào Carl. Cô bé đó, có lẽ chưa đến mười lăm tuổi, đang chạy thực mạng về nhà, và Carl có thể nghe thấy cô bé đang nói chuyện với một ai đó trong căn chòi bằng cái giọng Việt Nam lạ lẫm mà anh ta đã nghe rất nhiều lần, giống như một bản nhạc quen thuộc với ca từ không thể nghe rõ. Gibbs chuyển hướng sự chú ý của mình tới căn chòi và xem xét nó trong một lát.

“Hai cậu đến và bắn chết những con bò kia đi,” Gibbs hét lên. “Sau đó thì thiêu rụi trắng cỏ này đi. Ta sẽ giải quyết căn chòi kia.”

Virgil và Carl nhìn nhau. Có một vài trang trong sách hướng dẫn đường như là vô dụng, ngoài việc dùng để kê móng. Nhưng lại có một vài hướng dẫn hay quy tắc trong cuốn sách đó cần sự tôn trọng. Một trong quy tắc cần phải tôn trọng đó là không bao giờ được xóa sổ một túp lều đơn độc.

“Sarge?” Virgil lên tiếng.

“Mẹ kiếp, lại gì nữa đây!” Gibbs “sửa” vào mặt Virgil. “Ta cũng sẽ không phạm phải sai lầm với cậu nữa, liệu có được không? Ta đã hạ lệnh cho cậu. Giờ thì đi mà bắn chết những con bò kia đi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Carl và Virgil đi giữa cánh đồng, nâng cao ngọn súng, và bắt đầu bắn vào đầu những con vật không chút mảy may nghi ngờ. Sau chưa đến một phút, những con bò đã chết hết, và Carl chuyển sự chú ý của mình về phía căn chòi. Từ phía đằng xa, anh ta có thể nhìn thấy đồng đội của mình đang kích động những người dân làng ra khỏi túp lều của mình, dẫn giải họ đi trên những con đường đất, tập hợp họ lại tại trung tâm ngôi làng. Chẳng còn nhìn thấy Gibbs ở đâu nữa.

“Có cái gì đó không ổn,” Carl nói. “Sarge đâu?” Virgil hỏi.

“Đó là điều tôi muốn nói đến. Việc đó đáng lẽ không lâu đến thế.”

Hai người đàn ông tiến lại gần căn chòi, khẩu M16 của họ đã sẵn sàng. Virgil nhanh nhẹn đứng vào một vị trí để che chắn cho Carl khi anh ta đang rón rén tiến đến cửa, cẩn thận bước lên cỏ mềm để tránh tiếng sột soạt của cát cọ lên nền đất cứng. Anh ta kiềm chế hơi thở của mình và lắng nghe những tiếng kêu như bị bóp nghẹt lại phát ra từ phía bên kia của bức tường lợp bằng rạ. Carl gật đầu tự báo hiệu trong khi đếm ngược từ 3 và bất ngờ đột kích qua cánh cửa.

“Chúa ơi!” Carl khựng lại, kéo họng súng của mình lên, và gần như ngã nhào người về phía sau qua cánh cửa đang mở. “Sarge! Cái quái gì thế này?”

Gibbs đè chặt cô bé xuống, đầu gối cô bé đặt trên ván sàn, thân mình ép xuống một chiếc giường tre ọp ẹp, hầu hết quần áo của cô bé đã bị xé toạc. Gibbs quỳ phía sau cô bé, đồng quần áo của hắn ta xếp lại thành đống trên đùi.

“Ta đang thẩm vấn một kẻ giác ngộ Việt cộng,” ông ta nói qua vai. Gibbs vặn và túm chặt cánh tay cô bé ra sau lưng, nắm lấy đôi cổ tay ấy bằng một tay, cả thân hình hắn dựa vào cô bé, tì chặt cô bé vào chiếc chõng tre bằng toàn bộ trọng lượng của mình. Cô bé chống cự, thở hỗn hển trong khi lồng

ngực bị đè chặt. Ở một góc của túp lều, một ông già nằm vô hồn hướng mặt về một bên, một rãnh sâu có kích thước bằng một phát súng cắt ngang qua sống mũi và xương gò má trái, máu nhỏ giọt từ hốc mắt vô hồn của ông.

Với một sự tức giận đang lên đến đỉnh điểm, Gibbs hoàn thành hành vi giao cấu đòi bại của mình. Cô bé không hề di chuyển.

“Tối lượt cậu,” hắn nói với Carl.

Carl không thể thốt lên lời, cũng không hề nhúc nhích. Gibbs bước một bước đến trước mặt Carl. “Iverson, tôi đang nói cậu phải “thăm vấn” kẻ giác ngộ Việt cộng này. Đây là mệnh lệnh.”

Carl chống chọi để giữ lại cơn buồn nôn đang dâng lên trong cổ họng. Cô bé ngẩng đầu lên, đủ để quay lại và nhìn vào Carl, đôi môi cô bé run rẩy vì sợ hãi, hoặc vì giận dữ, hoặc cả hai.

“Cậu có nghe thấy tôi nói gì không?” Gibbs hét lên, lôi khẩu súng lục từ chiếc bao da và lên nòng. “Ta nói đó là mệnh lệnh.”

Carl nhìn chăm chăm vào khuôn mặt của cô gái trẻ, vào đôi mắt tuyệt vọng của cô bé. Anh ta nghe thấy Gibbs đã lên ổ đạn vòng 45, nhưng Carl không thèm để ý.

Anh ta thách thức vị nữ thần báo tử, anh ta sẽ rời khỏi Việt Nam với linh hồn của mình, hoặc là chết với linh hồn còn nguyên vẹn.

“Không, thưa ngài,” Carl nói.

Đôi mắt Gibbs đỏ ngầu. Hắn ta chĩa họng súng vào một bên đầu Carl. “Cậu trực tiếp chống lại mệnh lệnh của tôi. Cậu là một kẻ đáng chết.”

“Sarge, ông đang làm gì vậy?” Virgil hét lên từ phía cửa. Gibbs nhìn vào Virgil, rồi lại nhìn vào Carl.

“Sarge, đây không phải là cách giải quyết,” Virgil nói. “Hãy nghĩ cho thông suốt đi.”

Gibbs chĩa súng vào thái dương Carl, hai cánh mũi hăn phập phồng như một con ngựa đang phi nước đại. Hăn bước về phía sau Carl, mũi súng vẫn chĩa thẳng vào đầu Carl. “Cậu nói đúng”, hăn lên tiếng. “Có một cách tốt hơn để xử lý chuyện này.” Hăn ta dứt súng trở lại bao đựng, và đồng thời rút ra một con dao găm từ chiếc bao trên đùi. Hăn ta quay về phía cô bé kia, người vẫn nằm trần trụi, một nửa trên giường, một nửa trên sàn nhà. Năm lấy tóc cô bé, hăn ta kéo lê cô bé trên đầu gối.

“Lần sau ta sẽ ra lệnh cho cậu bắn một tên da vàng...”, nói rồi, hăn ta rạch dao vào cổ họng cô bé, máu phọt lên, nhuộm đỏ giày Carl. Đôi mắt cô bé trợn ngược, và Gibbs đẩy thân xác mảnh khảnh của cô bé rũ xuống sàn nhà.

“Giờ thì hãy đốt căn chòi này đi.” Gibbs bước chân qua cái xác và gí sát mặt mình vào mặt Carl. “Đây là mệnh lệnh.” Gibbs rời khỏi căn chòi, nhưng Carl vẫn đứng bất động. “Nhanh lên, anh bạn”. Virgil kéo Carl ra khỏi túp lều từ phía sau. “Đây không phải là lỗi của chúng ta, chúng ta phải giữ mình nguyên vẹn khi trở về, nhớ chứ?”

Carl dụi nước mắt lên vạt tay áo sơ mi của mình. Virgil tiến về máng cỏ với chiếc bật lửa trên tay.

Trông về phía bắc, toàn bộ khu làng đã bị thiêu cháy, một đoàn dân làng, bây giờ là những người tị nạn, hành quân như những tù nhân bị kết án, đang đi theo con đường đất, dẫn họ ra khỏi khu vực bắn phá tự do.

Carl lấy chiếc bật lửa từ trong túi ra, gí nó vào một tán lá cọ khô và cỏ voi của túp lều. Trong vòng một vài giây, ngọn lửa đã nhấn chìm chiếc mái lá, khói bốc lên dày đặc như những vòi nước khổng lồ.

Carl bước lùi lại, nhìn căn lều giờ đây như một ngọn lửa cồn cào đang dần liếm xuống từ mái nhà và hai xác người đang nằm trên sàn. Đó là lúc anh ta thấy một điều gì đó nghẹn lại ở lồng ngực như những viên đá lạnh. Bàn tay cô bé kia đang mở ra, những ngón tay vươn ra như đang ra hiệu cho Carl. Họ run rẩy khi cô bé cố gắng vươn cánh tay mình về phía họ. Rồi họ chỉ kịp ngã sụp xuống giữ lấy lòng bàn tay cô bé khi mái nhà đang cháy ngùn ngụt rơi xuống, phủ lên thân hình bé nhỏ ấy.

CHƯƠNG 24

Tôi quan sát Lila khi cô ấy đọc bài tiểu luận của mình, khuôn mặt cô ấy nhăn lại khi đọc tới đoạn Gibbs cường bức cô bé kia, đôi mắt ngược lên nhìn tôi trong sự hoài nghi sau khi đọc về bàn tay vươn ra của cô bé khi mái nhà đang bốc cháy rơi vào người cô ấy.

“Cô có thể thấy vì sao Virgil lại rất kiên quyết rằng Carl vô tội,” tôi nói.

“Liệu thứ này có đúng không?” Cô ấy giơ bài tiểu luận của tôi lên.

“Từng từ,” tôi nói. “Virgil đã xác nhận lại chuyện này. Ông ấy cũng ở đó. Nói rằng Carl sẽ không bao giờ thay đổi sau ngày hôm đó.”

“Ồ,” Lila thì thầm. “Anh không để ý rằng cô bé người Việt Nam kia đã bị thiêu cháy trong túp lều của mình, rất giống với việc Crystal bị thiêu cháy trong khu nhà kho đó?”

“Đó là những gì cô suy luận sao?” Tôi nói.

“Có vẻ như hoàn toàn là ngẫu nhiên, anh không nghĩ như vậy sao?”

“Trung sĩ của Carl kê mũi súng vào đầu ông ấy. Ông ấy đã sẵn sàng đón nhận cái chết chứ không cường bức cô bé đó. Đó là nội dung chính của câu chuyện này. Làm sao mà người đàn ông đã từng ở Việt Nam lại giống với người đã giết Crystal Hagen chứ? Nếu ông ấy thực sự đã cường bức và sát hại cô bé, ông ấy hẳn đã rơi vào chiều hướng xấu xa khi ở Việt Nam.”

“Anh nghĩ là ông ta vô tội?” Lila hỏi, giọng điệu của cô ấy có phần tò mò hơn là lên án.

“Tôi không biết,” tôi nói. “Tôi bắt đầu... ý tôi là, cũng có thể lắm chứ, phải vậy không?”

Lila xem xét lại câu hỏi của tôi một hồi lâu trước khi trả lời, đọc lại phần cuối cùng của bài tiểu luận, phần mà Carl đã từ chối mệnh lệnh của Gibbs. Rồi cô ấy đặt bản thảo xuống. “Chúng ta hãy giả định, vì lợi ích của cuộc tranh luận này, rằng Carl không phải là kẻ giết người. Điều đó có nghĩa là gì?”

Tôi nghĩ về câu hỏi của cô ấy trong một lát. “Thế có nghĩa là phải có một kẻ nào khác làm chuyện này.”

“Tất nhiên là như vậy,” cô ấy nói. “Nhưng là ai cơ chứ?”

“Có thể là bất cứ ai,” tôi nói. “Nó có thể là một anh chàng nào đó ngẫu nhiên đi ngang qua và thấy cô bé ấy ở nhà một mình.”

“Tôi không nghĩ vậy,” cô ấy nói. “Tại sao không?”

“Cuốn nhật ký,” cô ấy tiếp tục. “Tôi cho rằng có thể có một anh chàng ngẫu nhiên nào đó giết cô bé. Nhưng nếu cuốn nhật ký còn nắm giữ một điều bí mật nào đó, thì Crystal đã bị đe dọa. Một anh chàng nào đó đã lợi dụng nó để ép buộc cô bé ấy làm những điều kinh khủng kia. Điều đó có nghĩa là Crystal biết kẻ tấn công mình.”

“Nếu đó không phải là Carl,” tôi nói, “và đó cũng không phải là một ai đó ngẫu nhiên, thì...”

“Nếu đó không phải là Carl,” Lila nói, “thì đó sẽ là một số lượng nghi phạm rất lớn, chúng ta còn lại Doug, người cha dượng, Danny, người anh kế, và Andy, người bạn trai.”

Cô ấy đếm tên trên những ngón tay mình. “Nhưng nó vẫn có thể là một người nào đó mà chúng ta không hề biết, một người nào đó mà Crystal biết

nhưng không hề viết trong nhật ký - trừ khi nó nằm trong những mật mã kia.”

“Chúng ta có tài liệu,” tôi nói. “Chúng ta cũng có tất cả các bằng chứng trong vụ án này. Có lẽ chúng ta có thể tìm ra nó.”

Lila xoay chiếc ghế lại đối diện với tôi, kiễng chân lên và nói. “Vụ án này đã được điều tra bởi cảnh sát, thám tử, những người làm việc này để kiếm sống. Chúng ta sẽ chẳng tìm ra được điều gì đâu. Đã ba mươi năm trôi qua rồi.”

“Theo giả thuyết mà nói,” tôi lên tiếng. “Nếu chúng ta nhìn vào một vụ giết người này, chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu?”

“Nếu đó là tôi,” Lila nói, “tôi sẽ bắt đầu với anh chàng bạn trai kia.”

“Andy Fisher?”

“Anh ta là người cuối cùng nhìn thấy Crystal khi cô ấy còn sống.”

“Chúng ta sẽ hỏi anh ta những gì?”

“Sao anh cứ nói là “chúng ta” vậy,” Lila nói, thoáng qua một nụ cười hoài nghi. “Không có chuyện “chúng ta” ở đây đâu nhé. Đây là việc của anh cơ mà.” “Tôi không biết sẽ thế nào nếu cô không tham gia vào vụ này, nhưng chúng ta đang có một người rất thông minh ở đây mà,” tôi mở lời trêu chọc.

“Vậy thì, anh là người xinh đẹp còn lại phải không?” Cô ấy đáp trả.

“Không không, cô chính là người đó luôn,” tôi nói, quan sát sự phản ứng của cô ấy - một nụ cười, hay có lẽ là một cái nháy mắt, một dấu hiệu cho thấy cô ấy đã cảm nhận được lời khen của tôi... Chẳng có dấu hiệu gì sất.

Tôi đã “múa máy” xung quanh Lila kể từ lần đầu tiên nhìn thấy cô ấy ở lối hành lang, cố gắng vượt qua bức tường mà cô ấy đã dựng nên, bức tường đã ngăn cản tôi tiếp xúc với cô ấy, bức tường mà cô ấy đã hạ xuống khi gặp Jeremy lần đầu tiên họ gặp nhau.

Tôi muốn nhìn thấy cô ấy cười, vui đùa với tôi như cô ấy đã làm với Jeremy. Nhưng trước tất cả những lời khen ngợi tinh tế và cả những nỗ lực pha trò của tôi, tôi lại thất bại như những tép pháo xịt. Tôi cũng đã thử một cách “tấn công” trực diện hơn, cách này sẽ đảm bảo cô ấy chỉ có thể có hai cách phản ứng; tôi đã ngỏ lời với cô ấy về việc hò hẹn. Trong lúc tôi đùa cợt khi khen cô ấy xinh, ý định đó đã chột nảy ra trong đầu tôi rằng chẳng còn có lúc nào tốt hơn lúc này. Tôi đứng lên và đi vào bếp, không có lý do nào để nói ra điều này hơn là việc thực hiện một chiến thuật có vẻ hơi hèn nhát.

Một khi có khoảng cách vừa đủ xa giữa tôi và cô ấy, tôi sẽ nói ra điều này.

“Cô biết đấy... tôi vừa mới nghĩ rằng... ý tôi là... tôi nghĩ chúng ta nên ra ngoài.” Tôi buột miệng nói ra, bắt gặp ánh mắt đầy kinh ngạc của cô ấy, đôi môi cô ấy mấp máy như muốn nói điều gì đó, nhưng bất chợt ngừng lại, như thể cô ấy không chắc chắn về điều mình sẽ nói ra.

“Giống như là, một buổi hẹn hò ư?” Cô ấy nói. “Chúng ta không nhất thiết phải gọi nó là một buổi hò hẹn.”

“Joe, tôi không...” Cô ấy nhìn xuống bàn cà phê, đôi vai đánh thông về phía trước, ngón tay mân mê chiếc quần thể thao của mình.

“Việc này cứ cho rằng nó chỉ giống với một bữa tối ăn spaghetti như lần trước thôi, cô còn nhớ không? Không có gì hơn.”

“Chúng ta có thể đến một nhà hàng Ý. Nó sẽ giống với một bữa tối với spaghetti hơn.”

Sự im lặng bao trùm khắp căn phòng. Tôi để ý rằng mình đã nín thở để chờ Lila phản ứng lại. Cuối cùng, cô ấy nhìn thẳng vào tôi và nói, “Tôi có thể có thêm một tấm vé nếu tôi đi xem một vở kịch của lớp Văn học Mỹ. Nó sẽ diễn vào cuối tuần của lễ Tạ ơn. Tôi có thể lấy được hai vé cho ngày thứ sáu đó. Đây không phải là buổi hẹn hò, chỉ là một vé mời thôi. Thỏa thuận vậy nhé, anh có đồng ý không?”

“Tôi thích những vở kịch,” tôi nói. Thực lòng mà nói, tôi chưa bao giờ thực sự xem một vở kịch ngoài những thể loại khác như tiểu phẩm mà hàng loạt các câu lạc bộ kịch đưa ra tại các cuộc trình diễn ở trường trung học. “Vở kịch đó tên là gì?”

“The Glass Menagerie,” cô ấy nói.

“Tuyệt,” tôi nói. “Đây sẽ là một buổi hẹn hò... ý tôi là... đây không phải là một buổi hẹn hò.”

CHƯƠNG 25

Chúng tôi tìm thấy Andy Fisher thông qua một thư mục sinh viên trên trang Facebook của trường trung học. Andy, giờ đã là một người đàn ông trưởng thành dưới cái tên Andrew, đã thừa hưởng một công ty bảo hiểm từ người cha của mình, và điều hành một văn phòng tại khu thương mại phía đông thung lũng Golden, bang Minnesota. Andrew Fisher trông có vẻ không già đi là mấy. Mớ tóc trẻ con của ông ta đã biến mất, thay thế bằng một khoảng hói bao phủ hầu khắp đỉnh đầu, lan rộng từ phía sau gáy lên phía trước, để lại một vạt tóc mỏng cong queo dọc trên trán như một cọc hàng rào đã cũ.

Vòng eo quá khổ của ông ta đè nặng lên chiếc thắt lưng da có vẻ như đã làm việc quá sức, và những quầng thâm dai dẳng đã hằn sâu dưới mắt. Ông ta ngồi trong một văn phòng ván gỗ rẻ tiền với những bức tường được trang trí với những giải thưởng câu cá và săn bắn.

Khi chúng tôi bước vào, Andrew bước vào khu vực lễ tân đang trống hoác để tiếp đón chúng tôi, tay ông ta đưa ra để bắt tay tôi. “Tôi có thể giúp gì được cho cậu?” Ông ta nói, với sự thích thú của một người bán hàng. “Không, chờ đã, để tôi đoán xem.”

Ông ta liếc nhìn ra khung kính của chiếc xe Accord đã hoen gỉ của tôi và mỉm cười.

“Cậu đang muốn tìm mua một chiếc xe hơi mới và cần báo giá bảo hiểm?”

“Thực ra thì,” tôi nói, “Chúng cháu đang hy vọng ông sẽ nói chuyện với chúng cháu về Crystal Hagen.”

“Crystal Hagen?” Nụ cười bỗng biến mất khỏi khuôn mặt ông ta. “Anh là ai?”

“Cháu là Joe Talbert. Cháu là sinh viên của trường U, và đây là... ừm...”

“Cháu là bạn cùng lớp của cậu ấy, Lila,” cô ấy nói. Tôi tiếp tục, “Chúng cháu đang viết một câu chuyện về cái chết của Crystal.”

“Tại sao?” Ông ta nói. “Chuyện này đã xảy ra quá lâu rồi.” Ông ta trông có vẻ buồn trong giây lát, rồi như giữ sạch tất cả quá khứ, ông ta tiếp tục. “Ta đã để lại tất cả mọi chuyện ở đằng sau. Ta không muốn nói về nó thêm nữa.”

“Điều này rất quan trọng.” Tôi nói.

“Nó quan trọng như thế nào?” Ông ta hỏi. “Đó là chuyện quá xưa rồi. Họ đã bắt một gã tên là Carl Iverson. Hắn ta sống ngay cạnh nhà cô ấy. Giờ ta nghĩ hai người nên rời khỏi đây.” Ông ta quay lưng lại với chúng tôi và bắt đầu bước chân vào văn phòng mình.

“Nếu chúng cháu nói với chú rằng chúng cháu nghĩ Carl Iverson vô tội...”

Lila nói, cô ấy thì thoảng lại bật ra những lời lẽ mà không cần phải suy tính trước. Chúng tôi nhìn nhau, và cô ấy nhún vai. Fisher dừng lại ở ngưỡng cửa văn phòng mình, hít một hơi thật sâu, nhưng không quay lại phía chúng tôi.

“Tất cả những gì chúng cháu muốn là một chút thời gian của ông,” tôi nói.

“Sao điều này lại cứ mãi đeo đẳng lấy mình?” Andrew thì thầm với chính mình khi ông ta đi nốt quãng đường còn lại dẫn vào văn phòng. Chúng tôi đã không rời đi. Ông ta ngồi vào bàn làm việc của mình, không

thèm nhìn chúng tôi, vây quanh ông ta là những chiếc đầu thú. Chúng tôi chờ đợi. Rồi, chẳng cần nhìn lên, ông ta giơ hai ngón tay lên và ra hiệu cho chúng tôi vào. Chúng tôi bước vào phòng, ngồi vào chiếc ghế dành cho khách, nằm ở phía đối diện, và cũng không biết phải bắt đầu từ đâu. Rồi ông ấy mở lời. “Có nhiều đêm ta thấy cô ấy trong giấc mơ của mình, đó là cái cách mà cô ấy trở lại bên ta - ngọt ngào... tươi trẻ. Rồi giấc mơ ấy trở nên tối tăm, và chúng ta đang ở trên một nghĩa địa. Cô ấy chìm dần xuống mặt đất và gọi tên ta. Đó là khi ta thức dậy, mồ hôi tuôn ra lạnh toát.” “Cô ấy gọi tên ông ư?” Tôi hỏi. “Tại sao? Ông có làm gì sai đâu? Phải không?”

Ông ta lạnh lùng nhìn tôi. “Vụ án đó đã làm khuấy đảo cuộc sống của ta.”

Tôi biết rằng mình nên tỏ ra cảm thông hơn, nhưng khi nghe gã đàn ông này rên rỉ hai chữ “khổ thân tôi” thì nó lại chèo lái tôi đi theo một con đường sai lầm. “Nó cũng cướp đi cuộc sống của Crystal nữa,” tôi nói. “Ông không nghĩ thế sao?”

“Này, con trai,” Andrew giơ ngón tay mình lên ra hiệu. “Cậu mà lại gần đây là tôi đá đít cậu ra khỏi đây rồi đấy!”

“Đó chắc hẳn đã là một khoảng thời gian khủng khiếp với ông,” Lila chen ngang, nói bằng một giọng an ủi, hiểu rõ rằng mặt ông thì luôn là thứ mà gấu thích nhất.

“Khi đó ta mới mười sáu tuổi,” Andrew nói. “Cho dù ta có không làm gì sai đi chăng nữa, thì mọi người vẫn luôn đối xử với ta như một con hủi. Mặc dù họ đã bắt giữ gã Iverson đó, nhưng luôn có những tin đồn nổi lên rằng ta đã giết cô ấy.” Những lớp cơ trên xương hàm Andrew giật giật như những tia xúc cảm vụt qua gò má. “Cái ngày mà người ta chôn cất cô ấy, ta đã đến bên và rải một nắm đất lên chiếc áo quan... sau khi họ đã hạ quan tài xuống huyệt đạo. Mẹ cô ấy ném cho ta một cái nhìn lạnh toát sống lưng - như thể cái chết của Crystal là lỗi của ta vậy.” Hai bên khóe môi Andrew

trùng xuống như thể ông ta sắp khóc. Ông ta lấy chút thời gian để giữ bình tĩnh. “Ta chưa bao giờ quên ánh mắt đó - một lời buộc tội trong mắt bà ấy. Đó là những gì ta nhớ nhất khi nghĩ về cái ngày họ chôn cất Crystal.” “Thế ra mọi người đã nghĩ ông là kẻ sát hại Crystal,” tôi nói.

“Mọi người thật ngu ngốc,” ông ta nói. “Bên cạnh đó, nếu ta giết bất cứ ai, thì ta cũng không cần gã luật sư biện hộ chết tiệt đó.”

“Luật sư biện hộ ư?”

“Ông ta là người đã tung ra các tin đồn rằng ta giết cô ấy. Ông ta nói với bồi thẩm đoàn rằng ta đã làm điều đó. Thật là một đồ chó cái. Nó được ghi rành rành trong giấy tờ. Ta hồi đó mới chỉ có mười sáu tuổi, vì Chúa.”

“Ông là người cuối cùng nhìn thấy cô ấy còn sống,” tôi nói. Andrew nheo mắt nhìn tôi và trong một giây suy nghĩ, tôi đã làm tới. “Chúng cháu đã đọc lời khai trong buổi thẩm vấn,” tôi thêm vào.

“Và vì thế, cậu biết rằng ta đã thả cô ấy ở trước cửa nhà và lái xe đi,” ông ta nói. “Cô ấy vẫn còn sống khi ta rời khỏi đó.”

“Đúng vậy,” Lila nói. “Ông đã thả cô ấy xuống, và nếu cháu nhớ không lầm thì, ông đã nói cô ấy ở nhà một mình.”

“Ta chưa bao giờ nói rằng cô ấy ở một mình; ta nói ta không nghĩ rằng có ai đó khác ở nhà. Nó rất khác nhau mà. Nơi đó trông có vẻ vắng vẻ đối với ta, vậy thôi.”

“Ông có biết cha dượng của cô ấy đang ở đâu không?” Lila hỏi. “Hoặc là anh trai kế?”

“Bây giờ thì làm sao mà ta biết được?” Ông ta nói. Lila nhìn vào tờ giấy ghi chép của mình, giả vờ như đang cố nhớ lại điều gì. “Ồ, theo như lời

khai của Doug Lockwood - cha dượng của Crystal - thì ông ấy và Danny lúc đó đang ở trong xưởng sửa chữa ô tô khi Crystal bị giết.”

“Nghe có vẻ đúng,” ông ta nói. “Người đàn ông đó sở hữu một bãi xe ô tô cũ. Ông ta đã cấp phép cho mẹ của Crystal và cả Danny với tư cách là người bán xe vì vậy họ có thể lái bất kỳ chiếc xe nào trong bãi xe đó. Tất cả những gì họ cần làm là chỉ việc dán nhãn của đại lý lên chiếc xe họ đi.”

“Vậy Danny cũng là một nhân viên bán hàng ư?”

“Chỉ trên giấy tờ thôi. Ngay khi anh ta đủ mười tám tuổi, anh ta sẽ được cấp giấy phép đó. Anh ta là một trong những đứa trẻ đang ở giai đoạn quá độ. Sinh nhật của anh ta rơi đúng vào ngưỡng mà anh ta có thể vừa làm một đứa trẻ nhỏ tuổi nhất trong lớp học của mình hoặc có thể giữ anh ta ở lại thêm một năm nữa và anh ta có thể trở thành đứa trẻ lớn tuổi nhất trong lớp. Và họ đã giữ anh ta lại.” Andrew dựa lưng vào ghế. “Theo cá nhân ta mà nói, ta luôn cho rằng Danny là một con lừa.”

“Tại sao?” Tôi hỏi.

“Ồ, bắt đầu thế nào nhỉ, gia đình đó đã cãi vã rất nhiều. Mẹ của Crystal và cha dượng của cô ấy liên tục cãi vã nhau, và thường là về Danny. Danny không thích bố anh ta kết hôn với mẹ Crystal. Theo cái cách mà Crystal kể với tôi, thì Danny luôn đối xử với mẹ cô ấy không ra gì - theo cái kiểu gây sự đánh nhau. Và sau đó là về những chiếc ô tô.”

“Những chiếc ô tô ư?” Lila hỏi.

“Vì cha của Danny sở hữu bãi xe đó, Danny được quyền chọn bất cứ chiếc xe nào trong bãi để lái đến trường. Khi Danny đã chính thức là một công dân, anh ta được cha mình trao cho một chiếc xe - chiếc Grand Prix màu anh đào - như một món quà Giáng sinh sớm.”

Đó là một chiếc xe rất tuyệt, nhưng... ý ta là...cậu trông sẽ rất ngầu trong chiếc xe đó nếu chính cậu là người mua nó và tự sửa chữa nó, bởi vì chiếc xe đó nói lên cậu là ai. Đó là xe của chính cậu - cậu tự kiếm tiền để mua nó. Nhưng hẳn ta lại lái chiếc xe đó đi xung quanh như một gã thộn. Ta không biết nói thế nào nữa. Theo cái cách đó, trông hẳn ta như một con lừa.”

“Thế còn người cha dượng thì thế nào?” Lila hỏi. “Một kẻ mộ đạo thực thụ,” Andrew nói. “Ông ta thường hành động theo tín ngưỡng, nhưng đối với ta mà nói thì ông ta thường dựa vào kinh thánh để chống trả lại bất cứ cuộc tranh cãi nào mà ông ta muốn. Có một lần, khi mẹ Crystal phát hiện ra người đàn ông đó đã đến câu lạc bộ thoát y. Hẳn nói cho mẹ cô ấy về việc chúa Jesus cũng từng đi chơi với gái và những người thu thuế - vì vậy, việc hẳn nhét những tờ đô la vào những chiếc quần lót kia là quá đồi bại thường.”

“Thế quan hệ giữa ông ấy và Crystal thì sao?” Tôi hỏi.

Andrew đã bất giác rung mình như thể ông ta vừa mới ăn phải một nồi cá hồi nấu chưa chín. “Cô ấy ghét hẳn,” ông ta nói. “Ông ta thường thu hẹp những tự do của cô ấy dựa vào quyển kinh thánh. Thường thì cô ấy không hiểu nổi ông ta đang nói gì. Một lần, ông ta nói với cô ấy rằng cô ấy nên biết ơn vì ông ta không phải là Jephthah^{30*}. Chúng ta đã tìm hiểu về điều đó.” “Jephthah... Nhân vật này có trong kinh thánh sao?” “Ừm, từ cuốn Book of Judges^{31*}. Ông ta đã hy sinh con gái mình cho Thiên Chúa để có thể giành chiến thắng trong một cuộc nội chiến. Ý tôi có nghĩa là, ai lại có thể kể những thứ như thế cho một cô bé ở tuổi thiếu niên cơ chứ?”

^{30*} Jephthah: vị quan xét thứ tám (trong số mười ba vị quan xét) được Đức Chúa Trời dùng để giải cứu dân Israel khỏi sự hà hiếp của dân Am-môn trong thời kỳ quan xét. Ông đã ra tay giết con gái mình để dâng lên làm lễ thiêu cho Chúa. ^{31*} Cuốn sách Thẩm phán.

“Ông đã bao giờ nói chuyện với Danny hay với Doug về những gì xảy ra vào ngày hôm đó chưa?” Lila hỏi.

“Ta chưa bao giờ nói với ai về chuyện này. Ta chỉ khai với cảnh sát và sau đó cố gắng giả vờ như chưa từng có chuyện gì xảy ra. Ta đã không hề nói về nó cho đến khi phiên tòa diễn ra.”

“Ông cũng dự phiên tòa ư?” Tôi hỏi.

“Không. Ta chỉ đến để họ lấy lời khai và bỏ đi.” Ông ta nhìn xuống chiếc bàn giống như Jeremy vẫn thường nhìn đi chỗ khác để lẩn trốn cái nhìn của tôi mỗi khi nó không muốn trả lời câu hỏi tôi đưa ra.

“Ông không hề quay lại để xem một chút nào ư?” Tôi nhấn mạnh.

“Ta có xem phần kết thúc tranh luận,” ông ta nói.

“Ta nghỉ học ở trường để xem phần kết thúc của phiên tòa. Ta nghĩ ban bồi thẩm sẽ có một phán quyết ngay lập tức giống như trên truyền hình.”

Tôi cố gắng nhớ lại liệu mình đã từng đọc phần kết thúc tranh luận trong bản tường trình trước đó chưa. “Cháu cho rằng các công tố viên đã nói về cuốn nhật ký của Crystal trong phần bế mạc.”

Mặt cắt không một giọt máu, khuôn mặt Andrew chợt chuyển sang màu gạch vữa của những thợ sửa ống nước. “Ta nhớ cuốn nhật ký đó,” ông ta nói, giọng chùng xuống. “Ta thậm chí không biết Crystal đã giữ cuốn nhật ký đó cho đến ngày hôm đó, khi các công tố viên tổng kết lại tất cả những chứng cứ lên cho bồi thẩm đoàn.”

“Các công tố viên cho rằng ông Iverson đã ép buộc Crystal phải làm điều gì đó với ông ta... tình dục, bởi vì ông ta bắt gặp hai người... ông biết đấy.”

“Ta vẫn nhớ,” Andrew nói.

“Crystal đã bao giờ nói với ông về điều này chưa?” Tôi hỏi. “Về việc bị bắt gặp hoặc ông Iverson đã đe dọa cô ấy? Ý cháu là những điều đó... cháu không thể hiểu được. Các công tố viên cứ vin vào cái cớ đó. Bồi thẩm đoàn đã lấy nó làm chứng cứ, nhưng ông cũng có mặt ở đó. Liệu điều đó có thực sự là những gì đã diễn ra không?”

Andrew cúi người về phía trước, dụi hai lòng bàn tay vào mắt, những ngón tay của ông ta vươn dài tới đỉnh đầu trọc lốc. Ông ta từ từ vuốt ngón tay mình xuống mắt, xuống mắt và hai gò má, sau đó xếp chúng lại với nhau thành một góc vuông trên môi. Ông ta nhìn qua nhìn lại tôi và Lila, dự liệu cho chúng tôi biết những điều đang đè nặng trong tâm trí ông ta. “Hai người còn nhớ tôi đã kể rằng tôi thức dậy trong những giọt mồ hôi lạnh toát chứ?” Cuối cùng, ông ta cũng lên tiếng.

“Vâng,” tôi nói.

“Đó là vì cuốn nhật ký đó,” ông ta nói. “Các công tố viên đã sai lầm, ông ta đã sai về tất cả.”

Lila cúi thấp mình. “Hãy kể cho bọn cháu nghe đi,” cô ấy nói bằng một chất giọng ngọt ngào, an ủi và dễ dàng để Andrew trút bỏ mọi nỗi niềm trong tâm mình.

“Ta đã không nghĩ nó là quan trọng, ý ta là... nó có lẽ không quan trọng đến như vậy. Ta không biết gì cho đến khi ta đến phiên tòa và nghe ông ta kết thúc tranh luận, họ nói ông Iverson đã bắt gặp chúng ta: Crystal và ta...”, Andrew ngừng lại. Ông ta vẫn nhìn về phía chúng tôi, nhưng lại ngoảnh mặt đi như thể ông ta đang cảm thấy xấu hổ về bất cứ điều bí mật gì mà ông ta đang giữ trong lòng.

“Thế ông và Crystal thì sao?” Lila hỏi.

“Đó là sự thật,” Andrew nói. “Ông ta đã bắt gặp chúng ta. Crystal đã cảm thấy lo sợ vì điều đó. Nhưng trong phiên tòa, công tố viên đã có một kết luận sai lầm, ông ta nói rằng Crystal nghĩ rằng cuộc đời của cô ấy sẽ bị vùi dập bởi chúng ta bị bắt gặp khi đang... ừm, cậu biết đấy. Ông ta đã nói với ban bồi thẩm rằng cô ấy đã viết nhật ký vào ngày 21 tháng 9, và nói rằng cô ấy đã có một ngày thực sự tồi tệ. Ông ta nói cô ấy cảm thấy sợ hãi khi ông Iverson đã tổng tiền cô bé hay làm một điều gì đó tương tự. Cuốn nhật ký đó chẳng ghi gì về chuyện chúng ta bị bắt gặp khi đang thân mật với nhau.”

“Làm sao ông biết được điều đó?” Tôi hỏi.

“Ngày 21 tháng 9 là ngày sinh nhật của mẹ ta. Crystal gọi cho ta vào đêm hôm đó. Cô ấy muốn ta gặp cô ấy. Nhưng ta đã không làm vậy. Ta không thể làm như vậy. Chúng ta đã tổ chức một bữa tiệc sinh nhật cho mẹ. Crystal như bị mất trí.”

“Crystal có kể với ông tại sao cô ấy lại cảm thấy sợ hãi không?” Tôi hỏi.

“Có.” Andrew ngừng nói, quay ghế lại, lấy chiếc cốc và một chai rượu Scotch nhỏ ra khỏi chiếc kệ phía sau lưng, rót khoảng ba đốt rượu vào chiếc cốc và uống một nửa số rượu đó. Rồi ông ta đặt chiếc cốc và chai rượu xuống bàn, khoanh tay lại và tiếp tục.

“Cha dượng của Crystal có một vài chiếc xe thực sự tuyệt vời trong bãi của mình, một trong những số đó là chiếc 1970 Pontiac GTO màu đồng với một động cơ lướt gió phía sau. Đó là một chiếc xe rất đẹp.” Ông ta nhấp một ngụm rượu khác. “Một đêm vào khoảng giữa tháng 9, Crystal và ta đang nói chuyện về chiếc xe đó. Ta nói với cô ấy rằng ta đã mơ ước được lái chiếc xe giống như vậy, và cuộc sống của ta bắt công ra sao. Cậu biết đấy, những chuyện tầm phào của bọn trẻ trung học. Và cô ấy nói rằng bọn ta có thể lấy chiếc GTO đó và đi một vòng. Cô ấy biết nơi cha dượng mình giữ những chiếc chìa khóa dự phòng ở văn phòng và nơi chìa khóa của

chiếc xe đó được cất giữ. Tất cả những gì bọn ta cần làm chỉ là để lại mọi thứ nguyên vẹn trở về chỗ cũ. Vì vậy bọn ta đã lái chiếc xe Ford Galaxy 500 tồi tàn của ta đến bãi xe của cha dưỡng cô ấy, và mọi chuyện diễn ra như những gì cô ấy nói. Bọn ta tìm thấy chìa khóa của chiếc GTO và lấy nó đi một vòng.”

“Lúc đó ông mới là một học sinh cấp ba?” Lila nói. “Đúng. Ta cũng chỉ là một trong những đứa trẻ mới lớn đó, giống Danny. Ta vừa mới có bằng lái xe vào tháng 8 năm đó sau khi ta bước sang tuổi mười sáu.”

“Trộm xe ư?” Tôi nói. “Đó là những gì cô ấy cảm thấy phiền lòng ư?”

“Mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn,” ông ta tiếp tục. Ông ta hít một hơi thật sâu, và thở nó ra thành một tiếng thở dài. “Như ta đã nói, ta vừa mới chỉ có bằng lái xe khoảng một tháng trước, và ta chưa bao giờ lái chiếc xe nào với động cơ mạnh mẽ như vậy. Ta không thể ngừng chạy đua hết từ cột đèn đỏ này đến cột đèn đỏ khác. Chúng ta đã có quãng thời gian tuyệt đẹp cho đến khi...” Ông ta đã uống cạn cốc rượu, liếm láp những giọt cuối cùng còn đọng lại trên môi. “Ta đã bay trên Đại lộ Central, có lẽ là đi với tốc độ bảy mươi dặm một giờ - trời đất ơi, ta thật là ngu xuẩn. Một lớp xe bị nổ. Ta đã cố gắng để giữ chiếc xe lại, nhưng chúng ta đã vượt qua làn đường và va phải một bên của một chiếc xe khác - một chiếc xe của đội cảnh sát - hoàn toàn trống không - đổ ngay phía trước một tiệm bán đồ ăn. Sau đó, ta đã đọc báo và được biết rằng cảnh sát đang ở phía sau của tiệm ăn để giải quyết một vụ đột nhập, vì vậy họ không biết chúng ta đã đâm vào xe của họ.”

“Có ai bị thương không?” Lila hỏi.

“Chúng ta đã không thắt dây an toàn,” Andrew nói. “Cả hai chúng ta đều bị va đập mạnh. Ta bị thương nhẹ trên ngực vì đập vào vô lăng còn Crystal đã đập mặt vào bảng điều khiển. Và cô ấy bị vỡ kính...”

“Kính ư?” Tôi nói. “Crystal đeo kính ư? Tôi đã nhìn những bức hình trong phiên tòa. Cô ấy đã không hề đeo kính.”

“Cô ấy thường đeo kính áp tròng. Nhưng mắt cô ấy bị kích ứng, nên sau đó cô ấy đeo kính có gọng. Và đó là điều kinh khủng khiến cô ấy lo sợ. Một bên kính của cô ấy đã bị rơi ra trong vụ tai nạn.

Chúng ta đã không nhận ra được điều này mãi cho đến sau này. Cô ấy vợ lấy cặp kính mắt từ trên sàn sau vụ tai nạn, và chúng ta cứ thế lái xe nhanh nhất có thể. Ngay khi chúng ta nhận ra một bên kính mắt đã biến mất, đã quá trễ để quay lại. Chúng ta phải mất khoảng một giờ để quay lại xe của ta. Ta nảy ra suy nghĩ là phải phá cửa sổ ở bãi xe và làm nó trông giống như có một ai đó đột nhập và lấy trộm chìa khóa của chiếc GTO. Ngày hôm sau, câu chuyện này đã được phát lên báo đài và tivi. Đó là một vụ lớn vì chúng ta đã đâm phải xe cảnh sát.”

“Đó là những gì mà Crystal lo sợ ư?” Tôi hỏi. “Rằng họ sẽ có thể tìm thấy mắt kính của cô ấy?”

“Không chỉ có vậy,” Andrew nói. “Crystal đã giấu chiếc kính mắt bị vỡ. Chúng ta dự định sẽ mua một cặp kính mới cho cô ấy và muốn chắc chắn rằng chúng ta sẽ mua gọng kính giống hệt như chiếc cũ. Nhưng ngày hôm đó, khi cô ấy gọi cho ta - đúng vào ngày sinh nhật mẹ ta - Crystal nói rằng kính mắt của cô ấy đã bị mất. Cô ấy nghĩ có ai đó tìm thấy bằng chứng rằng chúng ta đã ăn trộm chiếc xe, gây ra vụ tai nạn rồi chạy trốn. Đó là lý do tại sao cô ấy lại lo sợ.”

“Cô ấy đã giấu chiếc kính ở đâu? Ở nhà hay ở trường?” “Thành thật mà nói, ta không biết. Cô ấy chưa bao giờ nói ra. Cô ấy đã rất lạ lùng sau chuyện đó, cô ấy buồn bã và xa cách. Cô ấy trông có vẻ như không muốn ở bên cạnh ta nữa.” Ông ta dừng lại, hít một hơi thật sâu để kiềm chế lại dòng cảm xúc đang dâng lên trong lồng ngực.

“Ta đã không nhận ra nó mãi cho đến khi kết thúc tranh luận - cho đến khi ta nghe thấy từng từ một trong cuốn nhật ký của cô ấy - rằng cô ấy đang bị... ừm... cậu biết đấy.”

“Và ông đã không hề nói chuyện này với bất cứ ai rằng cuốn nhật ký bị hiểu sai ư?” Lila nói.

“Không.” Andrew cúi gằm mặt xuống.

“Vì sao ông không nói chuyện này với luật sư của ông ấy?” Tôi hỏi.

“Gã đó đã nhuộm tên ta trong vũng bùn. Ta chỉ muốn nhổ nước bọt vào mặt hắn hơn là nói chuyện với hắn. Cậu không thể tưởng tượng được nó sẽ như thế nào khi cậu vừa mở một trang báo và nhìn thấy một số luật sư bào chữa buộc tội cậu tội cưỡng dâm và giết hại bạn gái của mình đâu. Ta đã phải đi gặp bác sĩ tâm lý vì tên khốn đó. Bên cạnh đó, ta đã chơi rất tốt để có thể giành được một học bổng về môn bóng rổ của trường Bang Mankato. Nếu ta nói chuyện này với bất cứ ai về việc lấy cắp chiếc xe đó, ta chắc hẳn sẽ bị bắt giữ, bị đình chỉ học, và bị đuổi ra khỏi đội. Ta sẽ mất mọi thứ. Đó là toàn bộ những điều khiến ta phải khốn đốn.”

“Ông là một tên khốn,” tôi nói, cơn giận trong tôi bắt đầu dậy sóng. “Vậy thì, để cháu làm rõ chuyện này nhé. Thay vì làm hỏng cái vỏ bọc của mình, ông đã để cho bồi thẩm đoàn tin vào một lời dối trá.”

“Có hàng nghìn chứng cứ chống lại gã Iverson đó,” Andrew nói. “Vậy thì việc họ hiểu sai về cuốn nhật ký thì cũng có hề hấn gì? Ta sẽ không đời nào thò cổ mình ra để bảo vệ cho gã. Ông ta đã giết bạn gái của ta... phải vậy không?”

Andrew nhìn qua nhìn lại hết Lila rồi đến tôi, và chờ đợi một trong chúng tôi lên tiếng. Chúng tôi đã không thể thốt lên được lời nào. Chúng tôi quan sát ông ta nuốt những nhoe bấn nơi đầu lưỡi. Chúng tôi đã chờ đợi trong khi lời nói của ông ta vang vọng ra khỏi những bức tường và đột ngột

quay trở lại, đập vào vai ông ta như trong truyện Lời thú tội của trái tim của Poe. Lila và tôi chờ đợi trong im lặng cho đến khi cuối cùng, ông ta nhìn xuống mặt bàn và nói. “Ta nên nói chuyện này với một ai đó. Ta biết điều đó. Ta luôn biết mình phải làm điều đó. Ta nghĩ ta đã phải chờ đợi một thời điểm thuận lợi để có thể tổng khứ những điều này ra khỏi đầu mình. Ta đã nghĩ tâm trí ta sẽ quên nó vào một ngày nào đó, nhưng ta đã không thể. Như ta đã nói, ta vẫn gặp phải những cơn ác mộng kia.”

CHƯƠNG 26

Trên truyền hình, người ta mặc quần áo đẹp khi đến các rạp hát, nhưng tôi lại không có bất kỳ bộ quần áo nào đẹp để cả. Tôi chuyển đến sống trong trường đại học chỉ với một chiếc túi đựng đồ thể thao đơn giản, bao gồm những chiếc quần jean, quần soóc, sơ mi và chủ yếu là áo phông không cổ. Vì vậy, tôi đã làm một chuyến ghé thăm đến một cửa hàng quần áo cũ ngay trong tuần đi xem kịch, tìm lấy một chiếc quần kaki và sơ mi có khuy cài để mặc. Tôi cũng tìm thấy một đôi giày bong, nhưng mũi chỉ phía bên ngón chân cái của chiếc giày phải đã bị bong. Tôi chọn một chiếc kẹp giấy qua các lỗ của đường may cũ rồi vá nó lại, và cắt đi phần chỉ thừa.

Khoảng sáu giờ ba mươi tôi đã sẵn sàng lên đường, mặc dù không thể ngăn cho lòng bàn tay mình liên tục đổ mồ hôi. Khi Lila mở cánh cửa căn hộ của mình, tôi đã rất ngạc nhiên. Một chiếc áo len màu đỏ ôm gọn lấy thân hình và vòng eo cô ấy, khoe đường cong mà tôi chưa từng biết đến sự tồn tại của nó, và một chiếc váy màu đen sáng bóng, vắt ngang qua hông, trượt xuống đùi, mượt mà như sô-cô-la tan chảy. Cô ấy trang điểm, điều mà tôi chưa từng thấy trước đây, đôi gò má, bờ môi và đôi mắt cô ấy, tất cả đều lặng lẽ thu hút sự chú ý của tôi. Nó giống như việc lau hết lớp bụi trên kính cửa sổ mà trước đây bạn không nhận ra rằng nó đang bị bẩn. Tôi đã cố gắng hết sức để không cười thành tiếng. Tôi muốn vồ lấy, ôm chặt và hôn cô ấy. Hơn tất cả, tôi muốn dành thời gian với cô ấy, đi dạo, nói chuyện và cùng xem một vở kịch.

“Ồ, anh trông có vẻ bảnh đấy”, cô ấy nói.

“Để tương xứng với cô chứ.” Tôi mỉm cười, cảm thấy hài lòng với bộ đồ second-hand mà mình tự kiếm được. “Chúng ta đi chứ?” Tôi nói, ra hiệu đi xuống hành lang. Đó là một buổi tối tuyệt đẹp cho một cuộc đi bộ, ít nhất là cho tiểu bang Minnesota vào những ngày cuối tháng 11 này - khoảng 6,2

độ C, trời quang đãng, không gió, không mưa, không mưa đá, không tuyết - đó là những điều vô cùng thuận lợi cho cuộc đi dạo từ khu nhà mười dãy tới Trung tâm Rarig Center để xem kịch. Con đường này buộc chúng tôi phải đi qua Northrop Mall, khu học xá lâu đời và vĩ đại nhất, và đi qua một cây cầu đi bộ bắc ngang sông Mississippi.

Hầu hết các sinh viên khác đã trở về nhà cho kỳ nghỉ lễ Tạ ơn. Tôi đã nghĩ về việc trở về nhà để xem tình hình Jeremy, nhưng những cái cớ để ở lại luôn lớn hơn. Tôi đã hỏi Lila vì sao cô ấy không trở về nhà trong kỳ nghỉ. Cô ấy chỉ lắc đầu mà không trả lời.

Tôi biết mình nên bỏ lại câu hỏi này. Bên cạnh đó, tôi chọn cách nhìn vào mặt tích cực - với khu học xá vắng tanh, điều này sẽ làm cho những buổi đi dạo của tôi trở nên có vẻ riêng tư hơn, có vẻ là hò hẹn hơn. Tôi đi bộ với hai tay đút vào túi áo, khuỷu tay của tôi sẽ nghiêng sang bên chỉ trong trường hợp Lila quyết định sẽ để tay vào cánh tay tôi. Nhưng cô ấy đã không làm như vậy.

Tôi không hề biết một chút gì về The glass menagerie trước đêm đó. Nếu có thì tôi có lẽ cũng đã quên - thậm chí điều đó cũng có nghĩa là tôi sẽ bỏ lỡ cơ hội hẹn hò của mình với Lila. Trong cảnh đầu tiên, một người tên Tom bước lên sân khấu và bắt đầu trò chuyện với chúng tôi. Chỗ ngồi của chúng tôi nằm phía bên phải ngay giữa rạp hát, và anh ta trông có vẻ như sẽ chọn tôi lên như một tâm điểm gây sự chú ý ban đầu. Đầu tiên, tôi nghĩ chuyện này rất thú vị, người nam diễn viên này đọc lời thoại của mình như thể anh ta đang nói chuyện riêng với tôi. Khi vở kịch tiếp diễn, chúng tôi gặp em gái anh ta, Laura, người bị suy nhược hướng nội, trông có vẻ quen thuộc một cách kì quặc với tôi, và mẹ anh ta, Amanda, người sống trong một thế giới ảo tưởng, đang chờ đợi một vị cứu tinh - một quý ông - đến và cứu vớt cuộc đời họ. Tôi cảm thấy những dòng mồ hôi đang xâm thành chuỗi trên ngực mình trong khi hình ảnh gia đình nhỏ bé của tôi đang hiển hiện trên sân khấu này.

Khi hoạt cảnh đầu tiên kết thúc, tôi nghe như có tiếng mẹ mình trên sân khấu, mà giờ là Amanda, đang rượt đuổi Tom và nói, “tự, tự, tự, có phải đó là tất cả những gì mà mày nghĩ không?” Tôi có thể thấy Tom đang đi tới đi lui trong chiếc lồng của chính mình - căn hộ mà anh ta đang sống - bị mắc kẹt tại nơi đó bởi tình thương dành cho em gái. Cả rạp hát dường như trở nên sôi nổi hơn với mỗi hoạt cảnh. Trong giờ giải lao, tôi cần một chút nước, vì vậy Lila và tôi đi về phía hành lang.

“Ừm... Anh nghĩ thế nào về vở kịch?” Cô ấy hỏi. Tôi có một cảm giác hơi buồn nôn trong lồng ngực, nhưng tôi cười lại một cách lịch sự. “Thật là tuyệt.” Tôi nói. “Tôi không biết họ đã làm thế nào, nhớ tất cả những lời thoại. Tôi chắc không bao giờ có thể làm một diễn viên được.”

“Còn nhiều điều về vở kịch hơn là những lời thoại,” cô ấy nói. “Anh không thích cái cách mà họ kéo anh vào ư, để giúp anh cảm nhận rõ hơn những cảm xúc của vở kịch đó?”

Tôi uống thêm một ngụm nước. “Nó thật tuyệt diệu,” tôi nói. Tôi còn có nhiều điều để nói về vở kịch hơn thế, nhưng tôi lại giữ những suy nghĩ đó cho riêng mình.

Khi ánh đèn sân khấu vụt tắt cho phần thứ hai của vở kịch, tôi để tay lên tay vịn ngăn cách giữa hai chúng tôi, lòng bàn tay ngửa lên, hy vọng cô ấy có thể muốn đặt tay vào đó - một niềm hy vọng đau khổ trong hoàn cảnh tốt nhất. Trong vở kịch, một người đàn ông lịch lãm đã xuất hiện, và tôi nuôi hy vọng cho một kết cục có hậu. Và tôi đã lầm; tất cả mọi thứ đã sụp đổ. Hóa ra, cái người được gọi là quý ông kia đã kết hôn với một người phụ nữ khác. Các hoạt cảnh bùng nổ trong sự tức giận và trả đũa, và Laura rút lui, trở lại với thế giới của những bức tượng thủy tinh nhỏ, một bày thú bằng thủy tinh xinh xắn. Người diễn viên đóng vai Tom đi tới trước sân khấu, xốc cổ áo lên, châm một điếu thuốc, và nói với khán giả về việc anh ta đã rời bỏ St.Louis, để lại mẹ và em gái mình ở lại phía sau như thế nào.

Tôi cảm thấy cổ họng và lồng ngực mình bị bóp nghẹt, và hơi thở của tôi trở nên vấp vấp. Nước mắt bắt đầu dâng đầy trong mắt tôi. Họ chỉ là những diễn viên thôi, tôi tự nói với bản thân mình. Đó chỉ là một anh chàng đọc thuộc những lời thoại mà anh ta ghi nhớ. Chỉ vậy thôi. Tôi than thở về cái cách mà anh ta vẫn nghe thấy giọng nói của Laura và nhìn thấy khuôn mặt cô bé trong tấm kính màu của lọ nước hoa. Khi anh ta nói, tôi lại thấy bóng dáng Jeremy đang đứng nhìn ra ngoài cửa sổ, hình ảnh cuối cùng về thằng bé trước khi tôi rời xe đi, không hề nhúc nhích, không vẫy tay chào tạm biệt, đôi mắt nó đang buộc tội tôi, cầu xin tôi đừng rời bỏ nó.

Rồi sau đó, tên diễn viên chết giấm kia nhìn thẳng vào tôi và nói, “Laura, anh đã cố để em lại phía sau, nhưng tình cảm của anh chân thành hơn những gì anh đã nghĩ.”

Tôi không thể ngăn lại dòng nước mắt đang chảy giàn giụa trên mặt. Tôi không thể đưa tay lên để lau chúng đi, vì điều đó sẽ vô tình lôi kéo sự chú ý của người khác về trạng thái của tôi lúc này. Vì vậy tôi cứ để chúng rơi xuống, một cách không kìm nén. Đó là khi tôi cảm thấy bàn tay Lila nhẹ nhàng quấn chặt vào ngón tay tôi. Tôi không nhìn cô ấy, tôi không thể. Và cô ấy cũng không nhìn tôi. Cô ấy chỉ đơn giản là nắm lấy tay tôi cho đến khi người đàn ông trên sân khấu kia ngừng nói và nỗi đau đớn trong lòng tôi dần nguôi ngoai.

CHƯƠNG 27

Sau khi đi chơi, Lila và tôi cùng đi tới Seven Corners, một trung tâm của những quán rượu và quán ăn bên mé phía tây trường. Trên đường tới đó, tôi nói với cô ấy về chuyến đi của tôi đến Austin, về việc để Jeremy lại với mẹ mình và Larry, về những vết bầm tím trên lưng Jeremy và máu ở mũi thằng bé. Tôi cảm thấy rằng mình cần phải giải thích vì sao tôi lại cảm thấy rối bời như vậy trước vở kịch.

Lila nói, “Anh có nghĩ là Jeremy sẽ được an toàn không?”

“Tôi không biết nữa,” tôi nói. Nhưng tôi nghĩ tôi biết. Đó thực sự là một vấn đề. Đó là lý do tại sao hoạt cảnh cuối cùng trong vở kịch lại giằng xé tôi đến như vậy.

“Tôi đã sai khi rời khỏi nhà ư?” Tôi hỏi. “Tôi đã sai khi đến trường đại học sao?”

Lila không trả lời.

“Ý tôi là, tôi không thể ở nhà mãi được. Không ai có quyền yêu cầu tôi làm điều đó. Tôi có quyền được sống cuộc đời của mình, liệu có đúng không?”

“Anh là anh của thằng bé,” cô ấy nói. “Dù có thích hay không, thì mối quan hệ này vẫn có một ý nghĩa nào đó.”

Đó không phải là những điều tôi muốn nghe. “Điều đó có phải là tôi phải từ bỏ trường học và tất cả mọi thứ tôi muốn?”

“Mỗi chúng ta đều có những nỗi niềm riêng phải giải quyết,” cô ấy nói. “Không ai có thể sống êm đẹp qua cuộc đời mình mà không bị tổn thương.”

“Nói như vậy thì dễ lắm,” tôi nói.

Cô ấy dừng bước, và nhìn thẳng vào mặt tôi với một thái độ mà người ta thường thấy giữa những cuộc cãi vã của các cặp tình nhân. “Không hề dễ dàng cho tôi khi nói ra những điều như vậy,” cô ấy nói. “Chẳng hề dễ chút nào.” Cô ấy quay lại và tiếp tục bước, đôi má cô ấy ửng hồng trong cái lạnh của tháng 11. Cái lạnh giá đang chờ đón chúng tôi ở phía trước - cái giá lạnh mà sẽ mở ra một chuỗi ngày chìm sâu trong băng giá. Chúng tôi bước đi trong cảm lạnh, được một lúc, cô ấy bỗng khoác tay tôi và siết thật chặt. Tôi nghĩ đó là cái cách mà cô ấy nói với tôi rằng cô ấy muốn thay đổi chủ đề của cuộc nói chuyện này, điều đó khiến tôi cảm thấy ổn hơn.

Chúng tôi tìm thấy một quán bar với một vài bàn còn trống và nhạc được mở ở mức vừa phải, nơi mà chúng tôi có thể dễ dàng nói chuyện. Tôi nhìn qua một lượt căn phòng, tìm kiếm một nơi tĩnh lặng nhất, và thấy một chỗ ngồi cách xa những tiếng ồn kia. Sau khi ngồi xuống, tôi tìm ra chủ đề cho một cuộc nói chuyện nho nhỏ.

“Vậy, cô là sinh viên năm nhất?” Tôi hỏi. “Không, tôi đã là sinh viên năm hai”, cô ấy nói. “Nhưng cô vẫn hai mươi một tuổi, phải không?” “Tôi nghỉ một năm trước khi vào đại học.”

Người phục vụ tới. Tôi yêu cầu một li Jack & Coca, Lila yêu cầu một 7Up. “Ồ, cô không uống được rượu, phải không?” Tôi hỏi.

“Tôi không uống,” Lila nói. “Tôi đã từng uống, nhưng giờ không uống nữa.”

“Tôi cảm thấy hơi là lạ khi uống một mình.”

“Tôi không phải là kiêng khem gì cả,” cô ấy nói. “Tôi chẳng có lý do gì để không uống. Nhưng đó chỉ là một sự lựa chọn của tôi mà thôi.”

Khi người phục vụ bần đặt đồ uống của chúng tôi lên bàn, một tiếng “gầm” lớn phun ra từ góc của quán bar, nơi một bàn đầy những gã say rượu đang cạnh tranh với nhau để được nghe thấy điều gì đó trong một cuộc tranh luận về bóng đá. Cô phục vụ trợn mắt tỏ vẻ chán nản. Tôi nhìn ra sau, vào đám người đang xô đẩy nhau theo cái cách tự nhiên nhất mà thường kết thúc bằng một vụ ẩu đả sau khi đã nốc quá nhiều. Người canh cửa quán bar cũng đã để ý đến họ. Tôi ngồi lại vào chỗ của mình.

Sau khi người phục vụ đi khỏi, Lila và tôi chuyển chủ đề bàn luận về vở kịch vừa rồi, mà phần chính là Lila nói. Cô ấy là một “fan bự” của Tennessee Williams. Tôi nhâm nhi đồ uống, nghe Lila cười nói.

Tôi chưa bao giờ thấy cô ấy vui vẻ và đam mê với bất cứ điều gì như vậy. Những lời nói của cô ấy đầy hào hứng và lạnh lốt, lượn lờ một cách duyên dáng và thi thoảng được hòa nhịp với những tiếng nhạc jazz sôi động.

Tôi đã không nhận ra mình đã lỡ mất nhịp của cuộc nói chuyện này như thế nào cho đến khi Lila đột ngột dừng lại khi đang nói dở chừng, cô ấy chăm chú nhìn về cái gì đó phía sau vai trái của tôi. Dù đó là bất cứ điều gì đi chăng nữa thì nó cũng đã làm cô ấy choáng váng và rơi vào im lặng.

“Ôi lạ Chúa tôi,” một giọng nói vọng lại từ phía sau tôi. “Nasty Nash?” Tôi quay lại để nhìn một trong số những anh chàng từ chiếc bàn ồn ào kia đang đứng cách bàn chúng tôi một vài bước, tay trái hắn cầm một chai bia đang bị lắc lên lắc xuống trong khi hắn đang đứng chấp chơi.

Hắn chỉ thẳng vào Lila với cánh tay còn lại, và bằng một giọng nói bùng nổ, hắn gọi cô ấy.

“Nasty Nash! Chết tiệt tao không thể tin vào mắt mình. Nhớ anh không?” Khuôn mặt Lila tái nhợt. Cô ấy nhìn chăm chăm vào li nước của mình, nơi những ngón tay cô ấy đang run rẩy.

“Hử? Không nhớ anh sao? Có lẽ cái này sẽ giúp em nhớ lại đấy.” Hân đặt bàn tay mình xuống vùng cấm nơi dừng quần, lòng bàn tay quay xuống như thể hân đang giữ một quả bóng bowling. Rồi sau đó hông hân bắt đầu động tác lên xuống. Hân xuýt xoa, cắn môi dưới rồi ngả đầu ra phía sau.

“Oh yeah! Oh yeah! Em khiêu khích anh đi!”

Lila bắt đầu run sợ - dù có là giận dữ hay sợ hãi thì tôi cũng không biết nữa.

“Em đã nói gì chưa, về những cuộc “chơi” của chúng ta ấy?” Gã đàn ông kia lên tiếng, nhìn tôi và mỉm cười. “Tôi không ngại ngần gì khi chia sẻ những điều này cho anh bạn đâu, anh chỉ cần hỏi cô ấy thôi.”

Lila đứng dậy và chạy khỏi quán. Tôi không biết nên chạy theo cô ấy hay để cô ấy được một mình. Đó là khi gã đàn ông thối tha kia làm nhầm lại một lần nữa, và lần này là đến lượt tôi.

“Anh tốt nhất nên giữ lấy cô ta, chàng công tử bột ạ, ả ngon lắm đó.”

Tôi cảm nhận bàn tay phải của mình đang nắm chặt và sẵn sàng đâm vào mặt hân ta. Nhưng rồi tôi lại buông lỏng. Khi lần đầu tiên làm việc cho quán bar Piedmont, một anh bạn đồng nghiệp Ronnie Gant đã chỉ cho tôi một chiêu mà anh ta gọi là chiêu “dựa dây”^{32*} của anh ta, giống như chiến thuật của các nhà ảo thuật, dựa vào cách đánh lạc hướng người xem.

^{32*} *Chiêu “dựa dây”: Một chiêu trong đấm bốc.*

Tôi đứng dậy, nhìn vào gã thối tha kia, và mỉm cười, một nụ cười nồng nhiệt. Anh ta chỉ cách tôi ba bước chân. Tôi tiến tới chỗ anh ta, bước đúng ba bước với một tốc độ rất bình tĩnh, có một vài gã nói “xin chào” với tôi, cánh tay tôi dang ra trong một cử chỉ thân thiện. Anh ta mỉm cười đáp lại, như thể chúng tôi vừa ngầm ý chia sẻ với nhau một câu chuyện cười. Để hân lơ là sự phòng thủ của mình.

Bước thứ hai, tôi giơ ngón tay cái của mình lên biểu thị sự hài lòng, lôi kéo hẳn vào trò đùa của mình, nụ cười của tôi đã “giải giới” hẳn, làm cho hẳn mất tập trung. Hẳn ta cao hơn tôi đến cả chục phân, và có lẽ nặng hơn tôi đến hai mươi cân, nhưng hầu hết sức nặng của hẳn tập trung ở vùng bụng ngấn mỡ. Tôi cố tình tập trung sự chú ý của hẳn vào gương mặt của tôi, tâm trí đầy men bia rồi bởi của hẳn dồn cả vào sự kết nối rõ ràng này. Hẳn không hề nhận thấy bàn tay phải của tôi đang lén nắm chặt phía thắt lưng và khuỷu tay hơi co lại.

Bước chân thứ ba, tôi tấn công vào vùng hạ bộ của hẳn, đặt gón bàn chân phải của mình giữa hai chân hẳn. Tôi dùng tay trái của mình chộp lấy phần nách dưới bên phải của hẳn, nắm lấy áo phía sau xương bả vai hẳn, nghiêng cánh tay phải của mình trở lại, và với tất cả sức lực của mình, tôi giáng cho hẳn một đòn chí tử vào bụng. Cú đấm của tôi “hạ cánh” xuống phần bụng trơn mềm mà tất cả những người đàn ông đều sở hữu ngay dưới lồng ngực của mình. Tôi đấm hẳn ta mạnh đến nỗi tôi có thể cảm nhận những khúc xương sườn của hẳn ta quần quanh khớp ngón tay mình. Hơi thở hẳn từ ngực, phổi, bùng lên như một quả bóng. Tôi muốn dúm thêm cho hẳn ta một quả nữa, tôi nắm lấy áo và xương bả vai của hẳn ta bằng bàn tay trái và kéo hẳn lại gần. Đầu gối hẳn bắt đầu khuỷu xuống, và tôi có thể nghe thấy lá phổi hẳn đang giành giật lấy từng chút không khí.

Chiêu “dựa dầy” của Ronnie này thật sự là tinh tế. Nếu tôi khóa hàm hẳn, hẳn sẽ ngã ra phía sau và la lối om sòm. Những anh bạn của hẳn ngồi ở chiếc bàn đó sẽ rất có thể chộp lấy tôi trong chớp mắt. Một vài người bạn của hẳn ta đã quan sát tôi. Nhưng với một người ngoài cuộc, tôi trông giống như một vị thánh Samaritan đang giúp đỡ một kẻ say xỉn tìm đến chỗ ngồi của mình. Tôi dẫn kẻ ngớ ngẩn này về nơi tôi và Lila đã ngồi, chúng tôi ngồi phịch xuống vừa kịp lúc xem hẳn ta nôn ọe.

Hai người bạn của hẳn bắt đầu tiến tới chỗ chúng tôi. Nhân viên bảo vệ quán bar cũng đã để ý tới tôi. Tôi làm vẻ điệu bộ như đang xử lý những

triệu chứng do uống quá nhiều đối với hân: ngón cái và ngón út kéo dài ra, mô phỏng hình ảnh tay cầm một ca uống bia và ngón cái gần môi anh ta đang vẩy lên xuống. Người bảo vệ quán bar gạt đầu và bắt đầu lại gần để đối phó với gã say xỉn nôn ọe. Tôi lau mồ hôi trong lòng bàn tay lên đùi và bước ra khỏi cửa, bình tĩnh và giữ trật tự, như thể tôi đã chán nản với buổi tối này.

Vừa bước chân ra khỏi cửa, tôi bắt đầu chạy. Gã to con kia sẽ sớm đủ sức trở lại để mở mồm ra nói với bạn bè của hân về những gì đã diễn ra. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, họ sẽ kéo đàn kéo lũ theo sau tôi để đòi lại công bằng. Tôi cầm đầu chạy thẳng tới cây cầu Washington Avenue, cây cầu nối giữa bờ phía tây với bờ phía đông khu học xá.

Trước khi tôi có thể biến mất vào một góc khuất nào đó, có hai gã bước ra khỏi quán bar và trông thấy tôi. Tôi đang ở vị trí cách họ khoảng hơn một khối dây nhà. Một trong hai gã đó có dáng vẻ to con như một người chuyên đi giải quyết các rắc rối, cao to, mạnh mẽ và chắc nịch. Gã còn lại, bạn của hân ta, trông có vẻ rất hăng máu, có lẽ trong vị trí tấn công hoặc vị trí phòng ngự trong đội bóng của trường trung học. Hân la hét cái gì đó mà tôi không thể nghe ra qua tiếng rít của gió và tiếng đập thành thịch của mạch máu trong tai.

Tôi thấy ngay rằng mình sẽ không thể nào thoát khỏi gã “phòng ngự” kia nếu đi qua lối cầu đi bộ. Hơn nữa, bây giờ Lila sẽ có thể đang ở trên cầu. Nếu chúng đã nhìn thấy cô ấy trong quán bar, chúng sẽ nhận ra cô ấy và sẽ đi theo cô ấy, thay vì truy đuổi tôi. Tôi chạy quanh một cụm các tòa nhà xung quanh lối thư viện Wilson, đến tòa nhà đầu tiên, Humphrey Center, lúc đó tôi chỉ cách gã “phòng ngự” kia khoảng ba mươi mét. Tôi đã nán lại một chút, chỉ một chút khi tôi đang chạy, để hân nghĩ rằng tôi chỉ có thể chạy nhanh đến thế. Khi tôi rẽ ở ngã rẽ đầu tiên, tôi tăng tốc, chạy quanh co, lạng lách xung quanh tất cả các tòa nhà, tôi đã đếm hết thấy chúng, xung quanh hội trường Heller, rồi đến hội trường Blegen, rồi lại chạy xung

quanh tòa nhà Khoa học xã hội và thư viện Wilson. Ngay khi tôi chạy qua tòa nhà Khoa học Xã hội lần thứ hai, tôi không còn nhìn thấy gã “phòng ngủ” kia ở đâu nữa hay nghe bất cứ tiếng bước chân nào của hắn.

Tôi tìm thấy một bãi đậu xe và nấp đằng sau một chiếc xe tải nhỏ để chờ đợi, hai lá phổi của tôi thở phập phồng và nóng ran khi chúng đang dùng xẻng để xúc oxy từ ngoài vào trong và ngược lại. Tôi nằm vật trên mặt đường nhựa để thở và lấy sức lại sau vụ tẩu thoát, chăm chú quan sát từ vị trí dưới gầm xe tải nhìn qua bãi đậu xe gần như trống không và tìm kiếm kẻ săn đuổi kia. Sau mười phút, tôi trông thấy gã “phòng ngủ” kia đang ở cách tôi khoảng một dãy nhà, đang đi trên đường Nineteenth Avenue, trên đường quay trở lại Seven Corners và quán bar kia. Khi hắn đã đi, tôi hít một hơi thật sâu, đứng dậy và phúi bụi bặm trên quần áo mình, rồi đi thẳng tới cây cầu đi bộ, rồi căn hộ của Lila, hy vọng rằng, cô ấy sẽ đang chờ đợi tôi ở nơi đó.

CHƯƠNG 28

Tôi có thể nhìn thấy ánh sáng mờ mờ phát ra từ căn hộ của Lila khi tôi đến gần tòa nhà.

Tôi dừng lại trên hiên để chuẩn bị tâm thế cho mình và hít thở sau một chuyến đi bộ đường dài trở về nhà. Rồi tôi bước lên lối cầu thang chật hẹp, đi qua dãy hành lang và nhẹ nhàng gõ cửa nhà Lila. Không ai lên tiếng. “Lila,” tôi gọi, qua cánh cửa. “Tôi, Joe đây.” Vẫn không ai lên tiếng. Tôi gõ cửa lại một lần nữa, và lần này, tôi nghe thấy tiếng cạch không thể nhầm lẫn vào đâu của chốt cửa được bật ra. Tôi chờ cánh cửa mở ra, nhưng nó đã không diễn ra như thế, vì vậy tôi đành tự mở; cách cánh cửa một vài bước, tôi thấy Lila ngồi nghiêng một bên trên ghế, lưng quay lại phía tôi và hai đầu gối co lại trước ngực. Cô ấy đã thay bộ áo len và váy khi nãy bằng một bộ quần áo thể thao. Tôi bước vào, cẩn trọng đóng lại cánh cửa phía sau lưng.

“Cô không sao chứ?” Tôi hỏi. Cô ấy không trả lời. Tôi đến bên chiếc ghế và ngồi phía sau cô ấy, để một tay lên sau ghế, tay còn lại nhẹ nhàng chạm lên vai Lila. Cô ấy khẽ rùng mình dưới cái chạm của tôi.

“Anh còn nhớ không?” Cô ấy nói, với chất giọng run rẩy và yếu ớt, “Về việc tôi đã nói với anh rằng tôi đã lỡ một năm trước khi bắt đầu học đại học?” Cô ấy hít một hơi thật sâu, cố kìm nén trước khi tiếp tục. “Tôi đã có những vết nhơ trong cuộc đời mình. Một số chuyện không đâu đã xảy ra khi tôi học trung học, một số chuyện chẳng có chút tự hào gì.”

“Cô không cần phải...”

“Tôi thuộc một dạng con gái...”ngông cuồng” khi đang học trung học. Tôi thường say xỉn trong những buổi tiệc, và làm những việc ngu ngốc. Giá

như tôi có thể kể cho anh nghe về chuyện đó, vì tôi đã thực sự rơi vào một vũng bùn nhơ bẩn, nhưng điều đó lại không thể. Đầu tiên, những điều ngớ ngẩn tôi làm chỉ là nhảy múa trên bàn hoặc ngồi vào lòng các anh chàng khác. Anh biết đấy - theo kiểu ve vãn, tán tỉnh nhau. Tôi cứ nghĩ rằng mình thích cái cách mà mọi người nhìn vào tôi.” Cô ấy ngừng lại, lấy hết can đảm, hít một hơi thật sâu và thở ra một cách run rẩy vì kích động. “Rồi... những điều đó tiến xa hơn cả những trò tán tỉnh ban đầu. Hồi tôi là học sinh cuối cấp, tôi đã đánh mất “cái ngàn vàng” của mình cho một anh chàng, người đã khen tôi xinh đẹp. Rồi anh ta nói với tất cả mọi người rằng tôi là một đứa con gái dễ dãi. Sau đó lại có thêm nhiều gã khác, và có thêm nhiều câu chuyện đơm đặt về tôi.”

Sự run rẩy của cô ấy lớn dần đến nỗi không thể kiểm soát. Tôi vòng tay qua người cô ấy rồi kéo vào lòng. Cô ấy không kháng cự, nhưng thay vì quay mặt cô ấy vào vai áo tôi để cô ấy khóc nức nở, thì tôi lại đặt má mình lên mái tóc cô ấy và ôm cô ấy. Sau khi đã dần bình tâm trở lại, cô ấy hít một hơi thật sâu. “Khi tôi học phổ thông, họ gọi tôi là Nasty Nash. Không phải nói thẳng vào mặt tôi, mà tôi nghe họ gọi tôi như vậy. Và điều đáng buồn là... điều đó không làm tôi dừng lại. Tôi đã đến các buổi tiệc tùng, đã uống rượu, và sẵn sàng qua đêm với một vài anh chàng, hoặc làm chuyện đó ở ghế sau xe hơi. Rồi khi đã thỏa mãn, họ chỉ việc đá tôi vào lề đường.” Cô ấy dụi hai lòng bàn tay vào nhau, nhào nặn nó theo cái cách mà Jeremy đã làm khi thằng bé cảm thấy buồn. Cô ấy ngừng lại một lần nữa để xoa dịu giọng nói run rẩy của mình xuống trước khi tiếp tục.

“Rồi, vào cái đêm ngày tôi tốt nghiệp, tôi đã vướng vào một sai lầm lớn tại một bữa tiệc. Có ai đó đã bỏ thứ gì vào đồ uống của tôi. Tôi tỉnh dậy vào sáng hôm sau trong ghế sau xe hơi của mình, đang nằm giữa một cánh đồng trống trải. Tôi không thể nhớ chút gì. Không một chút gì hết. Tôi đau đớn. Tôi biết rằng tôi đã bị cưỡng bức, nhưng tôi không hề biết ai và bao nhiêu gã đã làm điều đó. Cảnh sát tìm thấy một chất có tên Rohypnol trong cơ thể tôi. Đó là một loại thuốc kích dục. Khi chất này phát huy tác dụng, nó sẽ

làm anh không thể kháng cự lại, và đồng thời xóa sạch mọi ký ức của anh. Và cũng không ai nhớ bất kỳ điều gì. Không ai trong bữa tiệc đó có thể kể cho tôi biết tôi đã rời khỏi đó như thế nào, và tôi đã ở cùng ai. Tôi không nghĩ họ tin rằng tôi đã bị cưỡng bức.”

“Một tuần sau, có ai đó gửi thư cho tôi, đó là một bức hình từ một tài khoản email giả mạo.” Lila lại bắt đầu run rẩy, hơi thở dần cạn kiệt. Cô ấy nắm chặt tay tôi như một cách để ổn định lại tinh thần. “Đó là hình ảnh của tôi... và hai anh chàng khác... họ đang... họ...”, cô ấy vỡ òa, khóc nức nở.

Tôi muốn nói một điều gì đó để cô ấy có thể xóa đi những nỗi đau, một nhiệm vụ mà tôi biết tôi không thể hoàn thành. “Em không phải nói thêm gì nữa,” tôi nói. “Nó không quan trọng với anh.” Cô ấy lấy tay áo lau nước mắt và nói, “Em phải chỉ cho anh cái này.” Cô ấy lo lắng, giơ tay lên, nắm lấy cổ chiếc áo rộng quá khổ trên người mình, và kéo nó xuống, phơi bày những vết sọc sẹo thẳng tắp, hệ quả của những lưỡi dao cạo cửa trên vai. Cô ấy dùng những ngón tay dẫn những vết sẹo để tôi có thể nhìn rõ. Sau đó, cô ấy cúi đầu về phía mặt sau của chiếc ghế như thể muốn để mặt mình ở xa tôi nhất có thể. “Cái năm đó, cái năm em phải bỏ dở trước khi bắt đầu học đại học... em đã phải dành thời gian để điều trị. Như anh thấy đấy, Joe,” cô ấy nói, đôi môi giật giật lên tạo thành một nụ cười sợ hãi. “Em có vấn đề.”

Tôi cọ má mình vào mái tóc mềm mại kia, rồi sau đó vòng tay qua eo cô ấy, cánh tay khác vòng dưới đầu gối, và nhắc bổng cô ấy lên khỏi chiếc ghế đang ngồi. Tôi bế cô ấy vào phòng ngủ, đặt cô ấy lên giường, đắp một chiếc chăn lên người cô ấy, rồi cúi xuống, hôn lên má cô ấy với một nụ cười nhẹ.

“Anh không sợ những vấn đề,” tôi nói, để cho những lời nói của mình chùng xuống trước khi đứng dậy ra về, mặc dù trở về nhà là điều cuối cùng tôi muốn làm. Đó là khi tôi nghe cô ấy nói, bằng một giọng nói gần như vừa đủ để tôi có thể nghe thấy, “Em không muốn ở lại một mình.”

Tôi nuốt chửng nỗi ngạc nhiên của mình, chỉ do dự đôi chút trước khi bước đến bên kia của chiếc giường.

Tôi cởi đôi giày đang đi, nằm xuống, và nhẹ nhàng ôm cô ấy trong vòng tay mình. Cô ấy siết chặt tay tôi, kéo nó lên đến ngực, và giữ nó trong lòng như một con gấu bông. Tôi nằm phía sau cô ấy, hít hà mùi hương trên tóc, và cảm nhận nhịp đập chậm chạp của trái tim cô ấy trên mạch những ngón tay, cuộn cơ thể mình dọc theo cơ thể cô ấy. Và mặc dù sự có mặt của tôi trên chiếc giường này là vì những nỗi đau và sự buồn bã của cô ấy đang phải chịu đựng, nhưng nó vẫn khiến tôi có một cảm giác kỳ lạ của sự hạnh phúc, một cảm giác được thuộc về nhau, một cảm giác mà tôi chưa từng có trước đó, một cảm giác rất tinh tế mà biên giới của nó lại là những sự đau đớn về thể xác lẫn tâm hồn. Tôi đê mê trong cảm giác đó cho đến khi ngủ thiếp đi.

CHƯƠNG 29

Tôi tỉnh dậy sáng ngày hôm sau vì âm thanh của chiếc máy sấy tóc từ phòng tắm của Lila.

Tôi vẫn ở trên giường cô ấy, vẫn mặc chiếc quần kaki và áo sơ mi, và vẫn không chắc chắn về những chuyện xảy ra giữa chúng tôi. Tôi ngồi dậy, kiểm tra khoe miệng của mình vì nước dãi, bò ra khỏi giường và đi theo hương thơm của cà phê tươi đang vẫy gọi. Trước khi vào được đến phòng bếp, tôi dừng lại trước một khung ảnh để kiểm tra lại diện mạo mình trước tấm kính. Tóc tôi chĩa ra từ đỉnh đầu theo mọi hướng, giống như tôi vừa bị liếm láp bởi một con bê cái say xỉn. Tôi vẩy một chút nước từ vòi khu nhà bếp lên đầu để vuốt lại mớ tóc rối lung tung của tôi, vừa đúng lúc Lila bước ra khỏi phòng tắm.

“Em xin lỗi,” cô ấy nói. “Em đã đánh thức anh dậy à?” Cô ấy đã thay một chiếc áo quá khổ khác kết hợp với chiếc quần lụa pyjama màu hồng.

“Không vấn đề gì,” tôi nói. “Em ngủ ngon chứ?” “Vâng,” cô ấy nói. Cô ấy bước đến bên tôi, đặt một bàn tay lên má, nhón chân và hôn lên môi tôi, một nụ hôn mềm mại, chậm rãi và ấm áp, nhưng có chút gì đó đau đớn. Khi kết thúc, cô ấy lùi lại một vài bước, nhìn vào mắt tôi và nói, “Cám ơn anh.”

Trước khi tôi có thể thốt lên được bất kỳ một lời nào, cô ấy quay lại phía tủ bếp, mang lên hai tách cà phê. Cô ấy đưa cho tôi một chiếc và xoay xoay chiếc còn lại trên những ngón tay trong khi chúng tôi chờ đợi chiếc máy cà phê hoàn thành khả năng kỳ diệu của nó. Liệu cô ấy có thể nói rằng hương vị nụ hôn khi nãy vẫn còn đọng lại trên môi tôi, má tôi vẫn còn râm ran nơi những ngón tay cô ấy vừa chạm vào, và làn hương trên da cô ấy kéo tôi lại gần như một trọng lực khó cưỡng lại của trái đất? Cô ấy dường như không

bị ảnh hưởng bởi những điều đó, những điều đang khiến tôi cảm thấy tê dại.

Chiếc máy cà phê kêu lên những tiếng báo hiệu sự “thành công” của mình, và tôi đổ đầy cà phê vào các cốc, lần lượt từ chiếc cốc của cô ấy rồi đến tôi. “Vậy, bữa sáng chúng ta sẽ ăn gì?” Tôi hỏi.

“À, bữa sáng,” cô ấy nói. “Chúng ta đang ở gần cửa hàng Chez Lila, họ đang có một thực đơn thật tuyệt vời cho bữa sáng. Món đặc biệt cho ngày hôm nay là Cheerios^{33*}. Hoặc em có thể yêu cầu đầu bếp phục vụ một món K đặc biệt.”

^{33*} *Cheerios: bột ngũ cốc ăn sáng.*

“Cái gì, không có món bánh pancake sao?” Tôi hỏi. “Và nếu anh muốn thêm sữa cho món Cheerios, anh sẽ phải chạy đến các cửa hàng và mua chúng.” “Em có quả trứng nào không?” Tôi hỏi.

“Em có vài quả, nhưng không có thịt xông khói hoặc xúc xích để ăn cùng.”

“Mang trứng sang nhà anh đi,” tôi nói. “Anh sẽ làm một vài chiếc bánh pancake.”

Lila vợ lấy vài quả trứng trong tủ lạnh và đi theo sang nhà tôi.

Trong khi tôi lấy chiếc bát trộn bột và các nguyên liệu ra khỏi tủ bếp, cô ấy đến bên bàn trà, nơi những tài liệu của Carl Iverson nằm chất đống trên bàn.

“Vậy, anh sẽ viết về ai tiếp theo?” Lila hỏi trong khi cô ấy lật qua lật lại chồng tài liệu, không nhìn vào bất cứ điều gì đặc biệt.

“Anh nghĩ chúng ta nên viết về gã đàn ông xấu xa,” tôi nói.

“Và đó là ai vậy?”

“Anh không biết nữa,” tôi nói trong khi đong bột vào bát trộn. “Khi anh nhìn vào những việc kinh hoàng đó, anh cảm thấy rất đau đớn.”

“Ồ, chúng ta đều biết Crystal đã bị sát hại vào một lúc nào đó giữa thời điểm cô ấy rời khỏi trường với Andrew Fisher và lúc lực lượng cứu hỏa đến nơi xảy ra hỏa hoạn. Và chúng ta đều biết rằng các bài viết trong cuốn nhật ký đó là về chiếc xe bị đánh cắp chứ không phải về việc Carl đã bắt gặp Crystal và Andy Fisher trong con hẻm. Vì vậy, dù là ai đã gửi thư tố tụng Crystal đi chẳng nữa thì người này chắc hẳn phải biết về vụ va chạm của chiếc xe GTO.”

“Đó là một danh sách hạn chế.”

“Tất nhiên Andrew biết điều này,” cô ấy nói. “Đúng vậy, nhưng ông ta không hề nói với chúng ta là liệu ông ta có phải là người duy nhất trong cuốn nhật ký đó không. Bên cạnh đó, cuốn nhật ký còn gợi ý rằng có một ai đó khác đã biết được điều bí mật này.”

“Cha dượng Doug của cô ấy sở hữu bãi xe,” cô ấy nói, “Có lẽ ông ta đã không mua tất cả những chiếc xe bị đánh cắp.”

“Cũng có thể là Andrew đã khoe khoang điều này với ai đó, có lẽ anh ta đã để lộ chuyện ra rằng anh ta và Crystal là người đã đâm vào chiếc xe của cảnh sát. Ý anh là nếu chúng ta có là những người khoe khoang như vậy, thì chúng ta cũng sẽ không ngứa mồm mà kể điều đó cho bạn của mình. Anh ta rất có thể sẽ trở thành vua đưa chuyện ở trường.”

“Không, em cũng không nghĩ có sự trùng hợp như vậy.”

“Ừm, anh cũng thế,” tôi nói.

“Phải có một điều gì đó trong những dấu mốc này.” “Có chứ,” tôi nói.

“Có ư?” Cô ấy nhào người về phía trước trên chiếc ghế dài.

“Chắc chắn. Chúng ta sẽ giải mã cuốn nhật ký đó.” “Thú vị đấy,” cô ấy nói.

Một tiếng gõ cửa cắt ngang cuộc trò chuyện của chúng tôi, tôi quay lại, vặn nhỏ lửa bếp. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là gã đàn ông tối qua ở quán bar muốn đến tính sổ với tôi, hoặc một trong những người bạn của hắn đang truy lùng tôi. Tôi lấy ra một chiếc đèn pin từ ngăn kéo nhà bếp, giữ chặt nó trong lòng tay phải của mình, rồi rón rén lại đằng sau cánh cửa, chừa ra khoảng mười lăm phân để thoát thân. Lila nhìn tôi như thể tôi đang bị mất trí. Tôi chưa hề nói với cô ấy về việc mình tấn công anh chàng ở quán bar ấy, và về hai người bạn của hắn đã rượt đuổi tôi.

Tôi mở cửa và nhìn thấy Jeremy đang đứng ngoài sảnh.

“Này, anh bạn...”, tôi đẩy rộng cửa và nhìn thấy mẹ tôi đang đứng kế bên. “Mẹ?”

“Chào con, Joey,” mẹ tôi nói, đẩy nhẹ Jeremy qua cánh cửa.

“Mẹ cần con trông nom Jeremy trong một vài ngày.” Bà nhẹ quay người như thể định rời đi, nhưng bất chợt dừng lại khi nhìn thấy Lila đang ngồi trên ghế, mặc bộ quần áo trông giống bộ pyjama đó.

“Mẹ! Mẹ không thể xuất hiện ở đây được...”

“Giờ thì ta đã hiểu,” bà ấy nói. “Ta đã thấy có chuyện gì diễn ra ở đây.” Lila đứng dậy để chào mẹ tôi. “Con đang lêu lổng với một cô bé xinh đẹp này ở đây ư, để mặc em trai và mẹ mình phải tự xoay xở ư?” Lila ủ rũ quay trở lại chiếc ghế. Tôi túm lấy mẹ, người đang ở vị trí nửa trong nửa ngoài căn hộ của tôi, buộc bà quay trở lại khu hành lang, đóng cánh cửa phía sau lưng chúng tôi lại.

“Mẹ đang nói với giọng gì vậy?”- Tôi bắt đầu. “Ta là mẹ của con.”

“Điều đó không có nghĩa là mẹ có quyền lăng mạ bạn con.”

“Bạn ư? Đó là cái cách mà họ gọi những cô ả này ngày nay ư?”

“Cô ấy sống ở cạnh căn hộ của con và... và con không nợ mẹ một sự giải thích nào ở đây hết.”

“Được thôi,” bà nhún vai. “Con cứ làm bất cứ điều gì mà con muốn, nhưng mẹ cần con chăm sóc cho Jeremy.”

“Mẹ không thể chỉ xuất hiện ở đây và để thằng bé lại như thế này được. Thằng bé không phải là một đôi giày cũ mà mẹ muốn vứt ở đâu thì vứt.”

“Đó là những gì con nhận được vì không nhận điện thoại của mẹ,” bà nói, và quay lưng đi.

“Mẹ sẽ đi đâu?”

“Chúng ta đang đến Treasure Island Casino,” bà nói.

“Chúng ta ư?”

Bà do dự. “Larry và ta.” Bà tiến thẳng xuống cầu thang trước khi tôi có thể tổng khứ bà ra khỏi nơi mình ở. “Ta sẽ quay trở về vào chủ nhật,” bà hét qua vai mình. Tôi hít một hơi thật sâu để bình tĩnh lại và quay về căn hộ của mình với một nụ cười giả tạo - vì lợi ích của Jeremy.

Tôi đã làm xong bánh cho cả ba người, và chúng tôi cùng nhau thưởng thức chúng trong phòng khách. Lila pha trò với Jeremy, gọi tôi là Jeeves the Butler^{34*} khi tôi phục vụ bữa điểm tâm cho họ. Mặc dù ý nghĩ về việc mẹ tôi đã vứt bỏ Jeremy cho tôi mà không hề báo trước khiến tôi phát điên lên, nhưng tôi không thể phủ nhận được niềm vui khi có Jeremy ở đây, đang ngồi với Lila và tôi, đặc biệt là sau cảm giác tội lỗi vì vở kịch ngày hôm

qua. Tôi thường trợn ngược mắt khi mọi người nói với tôi rằng họ đang nhớ nhà. Ý nghĩ về việc nhớ nhung căn hộ ẩm ướt của mẹ cũng khó hiểu như việc đưa một chiếc đinh qua mắt cá chân tôi chỉ vì một trò đùa. Nhưng vào sáng hôm đó, khi tôi quan sát Jeremy cười đùa với Lila, gọi tôi là Jeeves, ăn những chiếc bánh tôi vừa làm, tôi lại nhận ra một lỗ hổng lớn trong lòng mình về một nỗi nhớ nhà, không phải nhớ căn hộ mà mẹ và Jeremy đang ở, mà là nhớ người em trai của tôi.

^{34*} *Một nhân vật hư cấu trong loạt truyện cười và tiểu thuyết của tiểu thuyết gia người Anh P. G. Wodehouse (1881–1975).*

Sau bữa sáng, Lila trở về căn hộ của mình lấy máy tính xách tay và làm một số bài tập về nhà. Tôi không có bất kỳ chiếc đĩa DVD nào cả, hay bất kỳ một bàn cờ nào, vì vậy Jeremy và tôi cùng chơi trò Go Fish với một thẻ bài tự chế, cùng ngồi trên ghế, và sử dụng chiếc đệm giữa chúng tôi làm bàn.

Có lúc, Lila gõ bàn phím máy tính nhanh và điêu luyện như một nghệ sĩ piano đang trình diễn trong buổi hòa nhạc. Jeremy ngừng lại và quan sát cô ấy, có vẻ như thằng bé đang bị mê hoặc bởi những tiếng lách cách phát ra từ tổ hợp phím. Sau một vài phút, Lila ngừng gõ phím và ngược lên nhìn Jeremy.

“Có lẽ em nghĩ chị là một người đánh máy rất cừ, Lila”, thằng bé nói.

Lila mỉm cười với Jeremy. “Cám ơn em. Thật là một lời khen ngọt ngào. Em có biết đánh máy không?” “Có lẽ em đã học một lớp học đánh máy với thầy Warner,” Jeremy nói.

“Em thích đánh máy chứ?” Cô ấy hỏi.

“Em thấy thầy Warner rất thú vị.” Jeremy cười, một nụ cười rạng rỡ. “Có lẽ thầy Warner đã giúp em đánh máy được “The quick brown fox jumps

over the lazy dog^{35*}”. Jeremy cười nắc nẻ và Lila cũng vậy, điều đó cũng khiến tôi bật cười.

^{35*} *Tạm dịch: Con cáo nâu nhanh nhẹn nhảy qua con chó lười biếng, là một pangram của tiếng Anh. Pangram là một câu hoặc cụm từ có chứa tất cả chữ cái trong tiếng Anh. Nó thường được dùng để kiểm tra các font chữ khi đánh máy và trong một số cách sử dụng khác liên quan đến tất cả các chữ cái trong tiếng Anh. Nó vừa ngắn gọn vừa súc tích, nên được dùng rộng rãi và được nhiều người biết đến.*

“Đúng vậy,” Lila nói. “Đó là tất cả những gì em phải gõ. The quick brown fox jumps over the lazy dog.” Jeremy thậm chí còn cười lớn hơn khi Lila nói ra điều này.

Lila quay trở lại công việc của mình trên máy tính, Jeremy quay trở lại với cuộc chơi của chúng tôi, và hỏi lại đúng tên một thẻ bài y chang nhau hết lần này đến lần khác cho đến khi tôi rút được nó ra từ xấp bài trên tay. Và thằng bé sẽ làm tương tự như vậy với lá bài tiếp theo.

Sau một vài phút, Lila ngừng đánh máy, đầu cô ấy nảy lên như vừa bị một con bọ cắn hoặc kiểu bị “nhập” bởi một năng lực siêu nhiên nào đó. “Nó có tất cả các chữ cái của bảng chữ cái trong đó,” cô ấy nói.

“Cái gì có cái gì cơ?” Tôi hỏi.

“The quick brown fox jumps over the lazy dog. Họ dùng câu đó trong lớp học đánh máy bởi vì nó có tất cả các chữ cái của bảng chữ cái trong câu nói đó.”

“Ừm...?” Tôi nói.

“Crystal Hagen bắt đầu sử dụng những mã số từ tháng 9 năm 1980... năm đầu tiên theo học tại trường trung học... khi cô ấy vừa mới học một lớp đánh máy với Andy Fisher.”

“Em không nghĩ là ...” Tôi nói.

Lila lôi ra một tập giấy ghi chép và viết câu đó xuống, gạch đi những chữ cái xuất hiện lần thứ hai trong câu vừa rồi. Và đặt các con số dưới mỗi chữ cái.

Tôi tìm thấy cuốn nhật ký của Crystal và trao cho Lila trang đầu tiên có ghi dãy mã số tôi vừa gỡ ra, ngày 28 tháng 9. Lila bắt đầu ghép các con số với các chữ cái. D-J-F-O... tôi nhún vai; lại là một ngõ cụt, tôi nghĩ... U-N-D-M... tôi nhướn người lên một chút, và phát hiện ra ít nhất một từ hoàn chỉnh... Y-G-L-A-S-S-E-S.

“DJ tìm thấy kính của tôi!” Cô ấy reo lên, đẩy tập giấy về phía tôi. “Nó nói rằng DJ tìm thấy kính của tôi. Chúng ta đã làm được - Jeremy đã làm được. Jeremy, em đã giải được các mã số.” Cô ấy nhảy cẫng lên, và nắm lấy tay Jeremy, kéo thẳng bé ra khỏi ghế. “Em đã giải được cái mã số, Jeremy!” Cô ấy nhảy tưng tưng, điều đó khiến cho Jeremy cũng nhảy lên xuống, cười hả hê, trong khi cũng chẳng biết tại sao mình lại hào hứng đến vậy.

“Ai là DJ?” Tôi hỏi. Lila dừng lại, và cả hai chúng tôi hướng tới chiếc hộp tài liệu cùng lúc, kéo ra những bản tường trình. Cô ấy nắm lấy bản tường trình về lời khai của Douglas Lockwood và tôi lấy lời khai của Danny. Ở đoạn đầu tiên mỗi lời khai của các nhân chứng, họ đều được hỏi họ tên đầy đủ, ngày tháng năm sinh, và cách đánh vần tên của họ. Tôi điên cuồng lật qua các trang giấy cho đến khi phát hiện bài kiểm tra trực tiếp của Danny.

“Daniel William Lockwood,” tôi đọc. Tôi đóng tập tài liệu trên tay lại và nhìn Lila. “Tên đệm của hắn là William. Không phải Danny,” tôi nói.

“Douglas Joseph Lockwood,” cô ấy nói, khuôn mặt rạng rỡ, gần như không thể giấu nổi sự phấn khích của mình. Chúng tôi nhìn nhau, cố gắng

nắm bắt được tầm cỡ của sự quan trọng mà chúng tôi vừa đọc được. Cha dượng của Crystal Hagen có tên viết tắt là DJ, là người đã tìm thấy chiếc kính bị vỡ của Crystal Hagen.

Người tìm thấy chiếc kính của cô ấy đã ép buộc cô ấy phải có quan hệ tình dục với mình. Và người đã ép buộc cô ấy phải có quan hệ tình dục ấy chính là người đã ra tay sát hại cô bé. Đó là một cách suy diễn đơn giản. Chúng tôi đã tìm ra kẻ giết người theo suy luận của mình.

CHƯƠNG 30

Vì chúng tôi phải chăm sóc cho Jeremy, Lila và tôi phải đợi đến ngày thứ hai của tuần kế tiếp để tiết lộ thông tin đã tìm được cho cảnh sát. Trong thời gian đó, cả ba chúng tôi đã cùng ăn mừng Lễ Tạ ơn trong căn hộ nhỏ bé của chính mình, một bữa tiệc hoàn hảo với khoai tây nghiền, việt quất, bánh bí ngô, và món gà nướng mà tôi bảo Jeremy đó là gà tây loại mini. Đó có lẽ là buổi lễ Tạ ơn tuyệt vời nhất của cả tôi và thằng bé từ trước tới giờ. Vào buổi chiều chủ nhật hôm đó, sau khi đã ngốn hết sạch tiền ở sòng bạc, mẹ tôi qua để đón Jeremy. Tôi có thể nói rằng, thằng bé không hề muốn rời đi. Thằng bé ngồi trên chiếc ghế, lơ đãng sự xuất hiện của mẹ cho đến khi cuối cùng bà phải thể hiện sự nghiêm khắc của mình và yêu cầu thằng bé đứng dậy. Sau khi họ rời đi, Lila và tôi sắp xếp lại các ghi chú của cuốn nhật ký và những bản dịch mà chúng tôi sẽ mang tới sở cảnh sát vào ngày hôm sau, sau buổi học. Chúng tôi dường như không thể kiềm chế sự phấn khích của mình.

Văn phòng Cảnh sát Thụ lý các vụ giết người Minneapolis có một trụ sở tại Minneapolis City Hall, một tòa nhà cũ kỹ nằm giữa lòng thành phố. Những đường nét hoa văn hình mái vòm mang lại cho lối vào tòa nhà một phong cách kiến trúc Richardsonian cổ điển trước khi dẫn vào lối hành lang có lối kiến trúc của một nhà tắm thời kỳ La Mã hơn là theo phong cách Richardsonian thời kỳ Phục hưng. Những bức tường ở đây đều được lát bằng những phiến đá cẩm thạch cao khoảng mét rưỡi. Phía trên, có ai đó đã sơn những bức tường thành một màu thạch cao giống như màu của cây hoa vân anh trộn lẫn với nước cà chua. Các hành lang chạy theo chiều dọc của khối nhà, rẽ qua trái, và đi đến một nửa dãy tòa nhà khác hoặc tương tự như vậy trước khi chúng tôi có thể đến phòng 108, trụ sở thụ lý các vụ án giết người Homicide Division.

Lila và tôi cung cấp tên cho một nhân viên ở quầy lễ tân, người đang ngồi phía sau một tấm kính chống đạn, rồi sau đó chúng tôi ngồi ở dãy ghế dành cho khách và chờ đợi. Khoảng hai mươi phút sau, một người đàn ông đi vào khu vực dành cho khách chờ, một khẩu Glock 9mm đeo bên hông phải ông ấy và một huy hiệu được gắn lên thắt lưng phía bên trái. Ông ấy rất cao, với khuôn ngực dày dặn và bắp tay cuồn cuộn như thể ông ấy có thể bẻ được những song sắt trong sân nhà tù. Nhưng ông ấy lại có một đôi mắt từ bi, khiến cho vẻ bề ngoài của ông ấy trở nên nhẹ nhàng hơn, và một giọng nói rất nhẹ nhàng, có lẽ nhẹ hơn khoảng hai hay ba quãng mà tôi từng nghĩ. Lila và tôi là hai người duy nhất đang ngồi ở khu vực ghế chờ. “Joe? Lila?” Ông ấy hỏi đồng thời đưa tay ra. Chúng tôi lần lượt bắt tay ông ấy. “Vâng thưa ngài.” Tôi nói.

“Tôi là thám tử Max Rupert,” ông ta nói. “ Tôi được thông báo là các bạn có thông tin về một vụ án giết người?”

“Vâng, thưa ngài,” tôi nói. “Đó là về vụ án giết Crystal Hagen.”

Viên thám tử Rupert nhìn ra chỗ khác như thể ông ấy đang tìm cái tên đó trên một danh sách xuất hiện trong đầu mình. “Cái tên đó không hề gây ấn tượng đối với ta.”

“Cô ấy đã bị giết vào năm 1980,” Lila nói.

Rupert khó khăn chớp mắt một vài lần, nghiêng đầu sang bên như một chú cún chợt nghe được một âm thanh bất ngờ. “Cô nói là năm 1980 ư?”

“Cháu biết ngài có thể nghĩ chúng cháu là những người có suy nghĩ lập dị, nhưng hãy cho chúng cháu chỉ hai phút thôi. Nếu ngài nghĩ chúng cháu toàn nói những chuyện tào lao sau hai phút, thì chúng cháu xin phép rời khỏi đây. Nhưng câu chuyện của chúng cháu làm cho ngài hiểu ra vấn đề, thậm chí dù chỉ một chút thôi, thì có thể ngoài kia đang có một kẻ giết người vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật.”

Rupert nhìn vào đồng hồ của mình, thở dài và búng ngón tay, vẫy chúng tôi đi theo ông ấy. Chúng tôi đi qua một căn phòng nhỏ và rồi bước vào một căn phòng với một chiếc bàn làm bằng vật liệu đơn giản và bốn chiếc ghế gỗ xung quanh. Lila và tôi ngồi một bên chiếc bàn đó và mở những tập tài liệu mà chúng tôi mang theo.

“Hai phút,” Rupert nói và chỉ vào đồng hồ của mình. “Bắt đầu.”

“Ừm... ừm...,” tôi đã không nghĩ rằng ông ấy sẽ chỉ cho chúng tôi đúng hai phút, và điều này khiến tôi có chút bối rối. Tôi tập trung suy nghĩ và bắt đầu. “Vào tháng 10 năm 1980, một nữ sinh mười bốn tuổi tên là Crystal Hagen đã bị cưỡng bức và giết hại. Thi thể của cô ấy đã bị cháy trong một căn nhà kho trong khu nhà của người hàng xóm tên là Carl Iverson, người đã bị buộc tội giết cô ấy. Một trong những chứng cứ quan trọng của vụ án này là một cuốn nhật ký.” Tôi chỉ vào tập tài liệu được buộc trong chiếc dây màu đỏ, và Lila lấy cuốn nhật ký ra. “Đây là nhật ký của Crystal,” Lila nói, đặt tay mình lên trên xấp tài liệu.

“Công tố viên khi ấy đã sử dụng một số trích đoạn từ cuốn nhật ký này và cho thấy rằng Carl Iverson đã rình rập cô bé và ép buộc cô bé phải quan hệ tình dục với mình. Ông ta đã sử dụng cuốn nhật ký này làm bằng chứng để buộc tội Iverson. Nhưng trong cuốn nhật ký này lại có một vài dòng mật mã.” Lila mở cuốn nhật ký tới đoạn được mã hóa đầu tiên.

“Hai người lấy thứ này ở đâu?” Rupert nhặt những tờ giấy về cuốn nhật ký lên và lật qua chúng. “Hãy nhìn vào những con số này?” Ông ấy chỉ tay vào những con số được đóng dấu bên dưới cùng của mỗi trang giấy. “Những trang này đều đã được đóng dấu,” ông ấy nói. “Đây là chứng cứ trong vụ án này.”

“Đó là những gì mà chúng cháu đã trình bày với ngài,” tôi nói. “Chúng cháu lấy nó từ luật sư của Iverson. Chúng đều có mặt trong phiên tòa xử ông ấy.”

“Hãy nhìn vào những mật mã này,” Lila nói, chỉ cho Rupert những trang nhật ký có mật mã. “Vào tháng 9 năm 1980, Crystal bắt đầu viết những mật mã này.

Không có quá nhiều, chỉ thi thoảng. Họ chưa bao giờ giải mã chúng để đưa ra trong phiên xét xử.”

Rupert đọc qua cuốn nhật ký trong giây lát, cho tới những trang bị mã hóa.

“Được rồi... và sao nữa?” Ông ấy hỏi.

“Và...” Tôi nhìn vào Lila. “Chúng cháu đã giải mã được chúng.Ồ thực tế là chính cô ấy đã giải mã chúng.” Tôi chỉ vào Lila, người đang lấy ra những tờ giấy từ tập tài liệu của mình với tất cả các bài viết được mã hóa, tiếp theo là các văn bản giải mã, cô ấy rải các tờ giấy ra trước mặt thám tử Rupert.

Ngày 21 tháng 9 - Hôm nay là một ngày tồi tệ - 7,22,13,1,14,6,13,25,17,24,26,21,22,19,19,3,19. Mình đang rất sợ hãi. Điều này thực sự rất rất tồi tệ.

Ngày 21 tháng 9 - Hôm nay thật là một ngày tồi tệ – Mình không thể tìm ra chiếc kính. Mình đang rất sợ hãi. Điều này thực sự rất rất tồi tệ.

Ngày 28 tháng 9 - 25,16,14,11,5,13,25,17,24,26,21,22, 19,19,3,19. Nếu mình không làm theo những gì ông ta muốn, ông ta sẽ nói chuyện này với tất cả mọi người. Ông ta sẽ vui dập cuộc sống của mình.

Ngày 28 tháng 9 - DJ tìm thấy kính của mình. Nếu mình không làm theo những gì ông ta muốn, ông ta sẽ nói chuyện này với tất cả mọi người. Ông ta sẽ vui dập cuộc sống của mình.

Ngày 30 tháng 9 - 6,25,6,25,25,16,12,6,1,2,17,24,2,22, 13,25. Mình ghét ông ta. Mình cảm thấy thật kinh tởm.

Ngày 30 tháng 9 - Mình đã làm chuyện ấy với DJ, bằng tay. Mình ghét ông ta. Mình cảm thấy thật kinh tởm.

Ngày 8 tháng 10 - 25,16,12,11,13,1,26,6,20,3,17,3,17, 24,26,21,22,19,19, 3,19,9,22,7,8. Ông ta vẫn tiếp tục dọa nạt mình. 2,3,12,22,13,1,19,17,3,1,11,5,19,3,17,24,17,11,5,1,2.

Ngày 8 tháng 10 - DJ không trả lại kính cho mình. Ông ta vẫn tiếp tục dọa nạt mình. Ông ta muốn mình dùng miệng.

Ngày 9 tháng 10 - 6,26,22,20,3,25,16,12,2,22,1,2,3,12, 22,13,1,3,25. Ông ta ép mình. Mình muốn chết. Mình muốn giết ông ta.

Ngày 9 tháng 10 - Mình đã cho DJ thứ mà ông ta muốn. Ông ta ép mình. Mình muốn chết. Mình muốn giết ông ta.

Ngày 17 tháng 10 - 25,16,17,22,25,3,17,3,25,11,6,1,22, 26,22,6,13,2,3,12,22,19,10,11,5,26,2.6,1,2,5,10,1.

Ngày 17 tháng 10 - DJ bắt mình phải làm chuyện đó một lần nữa. Ông ta thật thô bạo. Đau quá.

Ngày 20 tháng 10 - 6,1,19,10,22,18,3,25,16,19,10,22,18,6,13,26,17,3. Điều này có nghĩa là hành vi cưỡng bức. DJ đã cưỡng bức mình. Bà Tate đã nói với mình như vậy. Bà ấy nói rằng độ tuổi khác nhau thì có nghĩa là ông ta chắc chắn sẽ phải vào tù. Hôm nay, chuyện đó sẽ chấm dứt ở đây. Mình thật hạnh phúc.

“Câu chuyện về chiếc kính bị mất là như thế nào?” Ruper hỏi.

Tôi giải thích câu chuyện của chúng tôi về Andrew Fisher, về việc ông ta và Crystal đã lấy cắp chiếc xe, làm hỏng nó, và để lại bằng chứng về hành động của mình qua một bên mắt kính từ chiếc kính mắt của Crystal. “Ngài thấy đấy,” tôi nói, “Bất cứ ai tìm thấy mảnh kính mắt đó chắc hẳn đều phải biết về vụ ăn cắp xe và chiếc kính. Ông ta biết ông ta có bằng chứng để kiểm soát cô ấy, làm đòn bẩy để cô ấy... ông biết đấy, thực hiện những hành vi kia.”

Rupert tựa vào sau chiếc ghế, nhìn lên trần nhà. “Vì vậy ông Carl bị kết tội dựa vào một phần của cuốn nhật ký này?”

“Vâng”, tôi nói. “Công tố viên đã nói với bồi thẩm đoàn rằng Iverson bắt gặp Crystal trong một trạng thái nhạy cảm với bạn trai, và ông ta đã sử dụng nó để buộc Crystal có quan hệ tình dục với mình.”

Lila nói thêm. “Nếu không giải mã được những mã số này, sẽ chẳng có cách nào biết chắc chắn được ai là người đã cưỡng bức cô ấy.”

“Hai người có biết DJ là ai không?” Ông ấy hỏi. “Đó là cha dượng của cô bé,” Lila nói. “Tên ông ấy là Douglas Joseph Lockwood.”

“Và hai người nghĩ rằng đó chính là ông ta chỉ vì tên ông ta là Douglas Joseph?” Rupert nói.

“Đúng vậy,” tôi nói, “Và trên thực tế, ông ta đã quản lý một bãi xe nơi Crystal ăn cắp chiếc xe đó, vì vậy ông ta chắc hẳn sẽ biết về chiếc kính. Nhân viên cảnh sát điều tra về vụ trộm chắc hẳn đã không hề nhắc tới vấn đề này khi đến bãi xe đó.”

“Chúng cháu còn có những bức ảnh này,” Lila nói và lấy ra hai tấm ảnh, một bức cho thấy tấm rèm cửa đang được đóng lại và bức còn lại cho thấy có ai đó đang nhìn trộm ra ngoài trong khi đáng lẽ sẽ không có một ai ở trong nhà theo lời khai của nhân chứng.

Rupert nghiên cứu hai bức ảnh, lấy ra một chiếc kính lúp từ trong ngăn kéo tủ để xem kỹ hơn từng bức ảnh. Rồi ông ta đặt lại những bức hình xuống bàn, xếp hai tay lại với nhau, đối nhau theo từng đầu ngón tay, và vỗ vỗ chúng trong khi nói. “Hai người có biết Iverson đang ở trong nhà tù nào không?” Ông ấy hỏi. “Ông ấy không còn ngồi tù nữa,” tôi nói. “Ông ấy đang chết dần vì căn bệnh ung thư, vì vậy họ đã ân xá y tế cho ông ấy đến một viện dưỡng lão ở Richfield.”

“Thế thì hai người không phải đang cố gắng giúp ông ấy ra khỏi tù ư?”

“Ngài Rupert,” tôi nói. “Carl Iverson có thể sẽ qua đời trong một vài tuần nữa. Cháu muốn giải oan cho ông ấy trước khi ông ấy chết.”

“Theo nguyên tắc thì chúng ta không thể làm như vậy.” Rupert nói. “Tôi không biết các bạn là ai. Tôi cũng không hề biết về vụ án này. Các bạn bước tới đây với câu chuyện về cuốn nhật ký và những mã số kia, và các bạn muốn tôi phải bào chữa cho anh chàng Iverson này. Tôi không phải là Đức Giáo hoàng. Một người nào đó sẽ đào bới những tập tài liệu của chúng tôi ra khỏi nơi cất giữ, xem qua nó, và xác minh rằng những gì hai người đang nói gần đúng với sự thật. Và rồi, kể cả nó có đúng đi chăng nữa, ai sẽ đảm bảo rằng hai người đã đúng về người có tên là DJ này. Tôi không biết một chút gì về những bằng chứng khác. Có thể cuốn nhật ký chẳng liên quan gì ở đây cả. Có lẽ sẽ có một lời giải thích khác cho những bức ảnh này. Các bạn đang yêu cầu tôi mở lại cuộc điều tra đã cách đây ba mươi năm, khi mà một anh chàng bị buộc tội bởi một ban bồi thẩm, khi chẳng còn nghi ngờ nào. Không chỉ có vậy, người đàn ông kia không còn phải ở tù nữa, ông ta đang sống trong một nhà dưỡng lão.”

“Nhưng nếu những gì chúng cháu nói là đúng,” tôi nói, “thì sẽ có một kẻ giết người vẫn nhón nhơ ở ngoài kia suốt ba mươi năm nay.”

“Các bạn có hay đọc báo không?” Rupert hỏi. “Các bạn có biết có bao nhiêu vụ giết người mà chúng tôi có trong năm nay không?”

Tôi lắc đầu.

“Chúng tôi có đến ba mươi bảy vụ từ đầu năm cho tới giờ: ba mươi bảy vụ án giết người trong năm nay. Chúng tôi đã có mười chín tất cả vào năm ngoái. Chúng tôi không có đủ nguồn lực để giải quyết các vụ giết người đã xảy ra ba mươi ngày trước chứ không nói đến là ba mươi năm trước.”

“Nhưng chúng cháu đã phá án rồi,” tôi nói. “Tất cả việc ngài phải làm là chỉ việc xác nhận nó thôi.”

“Không dễ thế.” Rupert bắt đầu xếp các chồng giấy tờ vào với nhau như thể thông báo rằng cuộc nói chuyện của chúng tôi đã kết thúc. “Các bằng chứng phải đủ sức thuyết phục lãnh đạo của tôi để cho mở lại vụ án này. Sau đó lãnh đạo của tôi phải thuyết phục văn phòng luật sư thành phố rằng họ đã hơi nhầm lẫn và luận tội sai cho một người vào ba mươi năm trước. Sau đó, cậu phải đi tới tòa án và thuyết phục thẩm phán tuyên án lại. Giờ thì cậu nói là Iverson chỉ còn lại vài tuần để sống. Thậm chí, nếu tôi có thực sự tin vào cậu - Và tôi không nói là tôi sẽ làm - chẳng có cách nào để tuyên án lại một lần nữa trước khi ông ấy chết.”

Tôi không thể tin vào tai mình những gì vừa nghe thấy. Lila và tôi đều đã cảm thấy rất hào hứng khi chúng tôi giải được mật mã. Sự thật đó đã nhảy ra khỏi trang giấy và hét vào mặt chúng tôi. Chúng tôi biết rằng Carl vô tội. Tôi nghi ngờ rằng thám tử Rupert cũng hiểu rõ sự thật này, sự thật mà khiến ông ấy phải thốt lên rằng “Chúng tôi đang rất bận” để làm cái cớ để bỏ qua vụ án khó nuốt trôi này. Tôi hiểu rõ về hồ sơ của Carl, đủ để hiểu những nguồn tài liệu không lồ mà họ đã ném vào vụ án này khi họ nghĩ rằng Carl có tội.

Nhưng giờ đây - giờ đây khi chúng tôi có thể chứng minh rằng ông ấy vô tội - toàn bộ hệ thống pháp luật này đã trở nên quá đổi “gì sét”. Và có vẻ như thật không công bằng chút nào. Rupert đưa lại cho tôi tập tài liệu. “Được rồi,” tôi nói. “Cháu không quá rảnh việc để đến đây và kể cho ngài

biết rằng ông ấy vô tội bởi vì cháu đã thấy một điều viển vông trong một cái bát đựng ngũ cốc hay nghĩ mình đang nói chuyện với một vật vô tri. Chúng cháu sẽ mang những chứng cứ này đi. Và ngài sẽ chẳng phải làm bất cứ điều gì hết vì ngài đang bị thiếu nguồn lực ư? Thật là nhảm nhí.”

“Nào, chờ đã...”

“Không. Ngài cứ chờ đi,” tôi nói. “Nếu ngài đã nghĩ rằng chúng cháu chỉ là lũ nói ra những điều tầm bậy, và đuổi chúng cháu ra khỏi đây, thì chúng cháu sẽ hiểu. Nhưng ngài đã không buồn nhìn nhận nó chỉ bởi vì ngài đang bận ư?”

“Đó không phải là những gì ta đã nói...” “Vậy thì ngài sẽ xem xét nó ư?”

Rupert giơ tay lên ra hiệu cho tôi ngậm chặt miệng lại. Ông ấy xem xét tập tài liệu trước mặt tôi, rồi đặt tay và cúi xuống bàn. “Hãy làm điều này,” ông ấy nói. “Tôi có một người bạn làm cho một “dự án vô tội” tên là Innocence Project.” Rupert thò tay vào túi áo, lấy ra một tấm danh thiếp, và viết một cái tên vào phía đằng sau tấm danh thiếp đó. “Tên anh ta là Boady Sanden. Anh ta là một luật gia tại trường đại học luật Hamline.” Rupert đưa nó cho tôi. “Tôi sẽ lục ra những tài liệu trong kho, trong trường hợp nó vẫn còn ở đó, và cậu liên hệ với Boady. Có thể anh ta sẽ giúp đỡ. Tôi sẽ làm những gì có thể ở phần cuối của vụ án, nhưng đừng có quá hy vọng. Nếu người đàn ông đó thật sự vô tội, Boady có thể giúp đưa những bằng chứng đó trở lại tòa.”

Tôi nhìn vào tấm danh thiếp với tên của Rupert nằm ở một mặt và tên của luật gia Sanden nằm ở mặt còn lại. “Hãy nói Boady gọi cho tôi,” Rupert nói. “Tôi sẽ nói cho anh ta biết rằng chúng ta có những tài liệu gì ở đây, bất cứ thứ gì.”

Lila và tôi đứng dậy để ra về.

“Và này Joe,” Rupert nói. “Nếu đây là một cuộc rượt đuổi ngỗng hoang, thì tôi sẽ gọi cho cậu. Tôi không thích bị tóm áo chạy quanh vì những thứ vớ vẩn. Rõ chưa?”

“Crystal.” Tôi nói.

CHƯƠNG 31

Carl đã không mong đợi chuyến thăm của tôi vào ngày hôm đó. Sau cuộc gặp với thám tử Rupert, tôi đã đưa Lila về khu học xá và lái thẳng xe tới Hillview để thông báo với Carl tin tốt này. Tôi đã nghĩ rằng sẽ gặp ông ấy đang ngồi trên chiếc xe lăn cạnh cửa sổ, nhưng ông ấy không có ở đó. Ông ấy đã không ra khỏi giường cả ngày hôm nay, bởi vì ông ấy không còn đủ sức để làm được việc đó. Các triệu chứng của bệnh ung thư đã chuyển biến xấu đi đến mức ông ấy phải thở bằng bình oxy và phải truyền dinh dưỡng qua đường máu.

Bà Lorngren ban đầu rất miễn cưỡng để cho tôi gặp Carl, nhưng bà ấy mỉm cười sau khi tôi nói với bà ấy về bước đột phá của chúng tôi. Tôi thậm chí đã cho bà ấy xem những dòng nhật ký viết bằng mật mã và các bản ghi chép nội dung giải mã. Khi tôi giải thích sự vô tội của Carl với bà ấy, bà ấy bắt đầu cảm thấy buồn rầu. “Tôi e rằng mình không phải là một con chiên tốt của Chúa,” bà ấy nói.

Bà ấy đã để Janet qua chỗ Carl để xem ông ấy có muốn gặp tôi hay không. Một phút sau, họ chỉ tôi đến cửa căn phòng Carl đang nằm. Căn phòng của ông ấy bao gồm một chiếc giường, một chiếc bàn, một chiếc ghế gỗ, một tủ quần áo tích hợp, và có một cửa sổ duy nhất không có rèm che. Hầu hết các bức tường trong phòng khoác lên mình một màu rêu căn cổ, và không có bất kỳ một hình ảnh trang trí nào ngoài một bảng hướng dẫn giữ gìn vệ sinh. Carl đang nằm trên giường, một ống thở bằng nhựa thông vào hai bên mũi và một ống truyền được cố định trên cánh tay.

“Cháu xin lỗi vì phải làm phiền ông trong khi ông mệt như thế này,” tôi nói, “nhưng cháu tìm ra một ẩn số mà cháu nghĩ ông nên biết.”

“Joe,” ông ấy nói. “Thật là tốt khi được gặp cậu. Tôi đã nghĩ trời sẽ có tuyết vào hôm nay?”

“Cháu không nghĩ vậy,” tôi nói, nhìn trộm ra ngoài cửa sổ, hướng lên những nhánh cây đã chết của bụi tử đinh hương nhếch nhác đang chắn ngang cửa sổ phòng ông ấy. “Hôm nay, cháu đã đi gặp một thám tử.”

“Tôi đã ước trời có tuyết,” ông ấy nói. “Một điều tuyệt vời nhất trước khi tôi chết.”

“Cháu biết ai đã giết Crystal Hagen,” tôi nói.

Carl ngừng nói và nhìn vào tôi như thể ông ấy đang cố gắng thay đổi dòng suy nghĩ của mình. “Tôi không hiểu,” ông ấy nói.

“Ông còn nhớ cuốn nhật ký mà một công tố viên đã sử dụng để kết tội ông chứ?”

“À, có,” ông ấy trả lời, với một nụ cười buồn. “Cuốn nhật ký. Tôi luôn nghĩ rằng cô bé ấy là một cô bé rất ngọt ngào, luôn luôn luyện tập những động tác cổ vũ ở sân sau, và tất cả những lần đó, cô bé đều nghĩ tôi là một kẻ hư hỏng - một kẻ quấy rối trẻ em. Ừm, tôi nhớ cuốn nhật ký đó.”

“Ông có nhớ những dòng có chữ số không? Những mật mã? Cháu đã tìm ra nó - ừm - chúng cháu đã giải mã nó - chính em trai cháu, cháu và một cô bạn tên là Lila.”

“Ồ, thật vậy sao?” Carl mỉm cười. “Chẳng phải cậu rất thông minh sao? Và cuốn nhật ký ấy đã nói gì?” “Tất cả những điều mà cô ấy nói, về việc bị ép buộc phải quan hệ tình dục và bị đe dọa, cô ấy đã không hề nói một chút gì về ông. Cô ấy đã nói về một người tên là DJ.”

“DJ?” Ông ấy lên tiếng.

“Douglas Joseph... Lockwood,” tôi nói. “Cô ấy đã nói về cha dượng của mình, chứ không phải là ông.”

“Cha dượng cô bé ấy ư? Thật là một cô bé tội nghiệp.”

“Nếu cháu có thể thuyết phục cảnh sát mở lại vụ án, cháu sẽ có thể giải oan cho ông,” tôi nói. “Và nếu họ không nhìn vào những gì đã thực sự xảy ra - thì cháu sẽ tự làm.”

Carl thở dài, dựa đầu mình chìm sâu hơn vào chiếc gối, và hướng sự chú ý của mình trở lại phía cửa sổ nhỏ và bụi tử đinh hương đã chết. “Đừng làm vậy,” ông ấy nói. “Tôi không muốn cậu mạo hiểm bất cứ điều gì trên danh nghĩa của tôi. Bên cạnh đó, tôi luôn biết mình đã không giết cô bé đó. Và giờ thì cậu cũng đã biết. Thế là quá đủ đối với tôi.”

Phản ứng của ông ấy khiến tôi mất cảnh giác. Tôi không thể tin rằng ông ấy có thể bình tĩnh đến như vậy. Tôi đã gào thét và nhảy múa trong bộ đồ ngủ của mình. “Ông không muốn mọi người biết rằng ông đã không hề sát hại cô bé ấy sao?” Tôi nói. “Giải oan? Để tất cả mọi người biết rằng công tố viên đã sai trong việc đưa ông vào tù?”

Ông ấy nở một nụ cười ấm áp. “Cậu có nhớ tôi đã nói với cậu rằng cuộc sống của tôi chỉ còn có thể đếm bằng giờ không?” Ông ấy nói. “Còn lại bao nhiêu giờ nữa mà tôi lại lo lắng về những chuyện đã xảy ra cách đây ba mươi năm?”

“Nhưng ông đã dành tất cả thời gian của mình chỉ để ở trong tù vì một tội ác mà ông đã không hề làm,” tôi nói. “Đó chỉ là một sai lầm.”

Carl quay sang tôi, chiếc lưỡi nhợt nhạt của ông ấy đang liếm đôi môi nứt nẻ của mình, đôi mắt của ông ấy đặt cả vào tôi. “Tôi không thấy hối tiếc vì bị bắt, và bị tống vào tù. Nếu họ không bắt giữ tôi vào đêm hôm đó, có lẽ tôi đã không ở đây hôm nay.”

“Ý ông là gì?” Tôi hỏi.

“Cậu biết khẩu súng mà tôi đã mua vào cái ngày Crystal bị giết. Tôi đã mua nó là để sử dụng cho mình, không phải để cho cô bé tội nghiệp kia.”

“Cho ông ư?”

Giọng nói của ông ấy trở nên yếu ớt, và ông ấy hắng giọng trước khi tiếp tục.

“Tôi không có ý định tự vẫn vào đêm đó. Đó chỉ là một tai nạn. Tôi đã đặt súng lên cổ họng mình hai hoặc ba lần, nhưng tôi không có đủ can đảm để bóp cò. Tôi lấy một chai rượu whisky ra khỏi tủ rượu. Tôi định uống một chút trước khi tự kết liễu đời mình - chỉ là một vài ngụm nhỏ để làm tăng thêm lòng dũng cảm. Nhưng tôi lại uống quá nhiều. Tôi nghĩ tôi cần nhiều sự can đảm hơn là mình nghĩ. Và tôi đã ngất đi. Khi tỉnh dậy, hai viên cảnh sát to lớn đang kéo tôi ra khỏi nhà. Tôi đã có thể hoàn thành ý định của mình nếu họ không bắt tôi.”

“Ông đã không tự giết mình khi còn ở Việt Nam bởi vì ông không muốn phải xuống địa ngục. Ông còn nhớ chứ?”

“Ngay khi tôi mua khẩu súng đó, Chúa trời và tôi đã không còn có chung tiếng nói. Tôi đã sẵn sàng xuống địa ngục. Tôi chẳng còn quan tâm đến điều đó nữa. Nó chẳng có vấn đề gì. Tôi không thể sống với những điều mình đã làm. Tôi không thể sống với chính bản thân mình thêm một ngày nào nữa.”

“Tất cả chỉ vì ông không thể cứu được người con gái kia ở Việt Nam?”

Carl không nhìn vào tôi. Tôi có thể nhìn thấy hơi thở của ông ấy đang thoi thóp trong lồng ngực. Ông ấy lại liếm một môi lần nữa với chiếc lưỡi khô khốc, dừng lại để sắp xếp lại suy nghĩ trong đầu, rồi nói. “Đó không phải là tất cả. Đó là khi mọi thứ bắt đầu, đúng vậy, nhưng nó không phải là

phần kết thúc của câu chuyện.” Tôi không nói gì. Tôi nhìn ông ấy trong im lặng, chờ đợi một lời giải thích. Ông ấy yêu cầu tôi rót cho mình một chút nước, và tôi đã làm theo. Ông ấy nhấp một chút để thấm ướt môi.

“Tôi sẽ kể cho cậu một vài chuyện,” ông ấy nói bằng một giọng nói mềm yếu và đều đều. “Một vài chuyện mà tôi chưa bao giờ kể cho bất cứ ai. Tôi đã nói là tôi sẽ không giữ lại bất cứ điều gì.” Ông ấy chỉnh lại tư thế trên chiếc gối, đôi mắt nhìn chăm chăm lên trần nhà. Tôi nhìn như thể nỗi đau của những ký ức nhàu nhĩ và khủng khiếp đang đi qua khuôn mặt ông ấy. Một phần trong tôi muốn cứu ông ấy khỏi nỗi đau đó - nói với ông ấy rằng ông ấy có thể giữ lại bí mật này cho mình - nhưng tôi lại không thể. Tôi muốn được nghe. Và tôi cần được nghe.

Ông ấy lấy hết sức mạnh còn lại và tiếp tục. “Sau trận chiến đó, cả hai chúng tôi, Virgil và tôi đều bị thương, họ đưa Virgil về nhà, còn tôi đã có một tháng chữa trị và hồi phục tại Đà Nẵng trước khi được trả về với đơn vị. Việt Nam có vẻ ổn đối với tôi khi có Virgil và Tater bên cạnh, nhưng khi không có họ... ừm, tôi không nghĩ mình có bất cứ từ nào có thể miêu tả sự thảm hại của mình khi đó. Và rồi, chỉ khi tôi nghĩ tình hình không thể tồi tệ hơn được nữa, thì nó lại xảy ra.”

Đôi mắt ông ấy mất đi sự tập trung khi một lần nữa, tâm trí ông ấy trở lại với những ngày ở Việt Nam. “Chúng ta đang trong chiến dịch tìm và diệt vào tháng 7 năm 1968, phá tung một vài ngôi làng nhỏ không tên, tìm kiếm thức ăn và đạn dược, loại thông thường. Đó là một ngày nóng rẫy, nóng đến mức một người đàn ông cũng không thể chịu đựng nổi, với những con muỗi to như những con chuồn chuồn, có thể hút khô máu bất cứ ai. Trong điều kiện đó, cậu sẽ tự hỏi tại sao người ta lại có thể sống tại một nơi hoang vắng đến như vậy, hoặc tại sao có những người lại chiến đấu vì nó. Trong khi chúng ta đang lật tung khu làng này, tôi trông thấy một cô gái chạy xuống một con đường mòn và núp vào một túp lều, rồi tôi thấy Gibbs đã

nhìn thấy và đi theo cô ấy, một mình hướng thẳng về phía cô gái đó. Và chuyện lại diễn ra tương tự như ở Oxbow.”

Đôi môi Carl run lên khi nhấp thêm một ngụm nước khác trước khi tiếp tục. “Tại thời điểm đó, cuộc chiến tranh xung quanh tôi dường như biến mất. Tất cả những chuyện tào lao, tiếng la hét, sức nóng, và tất cả những điều phải trái của nó - đều tan chảy, để lại riêng mình tôi và Gibbs. Điều duy nhất mà tôi quan tâm là làm thế nào để ngăn Gibbs lại. Tôi không thể để chuyện như ở Oxbow xảy ra thêm một lần nữa. Tôi tiến đến căn lều, Gibbs đã tụt quần xuống. Ông ta đã đánh cô gái đó chảy máu và đã kề con dao vào cổ họng cô ấy. Tôi chĩa súng vào ông ta, ngay giữa trán. Ông ta nhìn vào tôi, nhổ nước bọt lên giày tôi, và nói rằng sẽ xử lý tôi trong vài giây nữa. Tôi đã nói ông ta dừng lại, nhưng ông ta không làm theo. “Bắn đi, thẳng hèn”, hắn nói với tôi như vậy. “Bắn tao đi, và họ sẽ lôi mày ra để xử tử.”

“Hắn ta đã đúng. Tôi đã sẵn sàng để chết ở Việt Nam - chắc chắn là như vậy - nhưng không phải theo cách đó. Khi tôi hạ súng xuống, Gibbs cười vào mặt tôi, thế đó, cho đến khi hắn ta nhìn thấy tôi rút con dao của mình ra. Đôi mắt hắn mở to như hai quả trứng gà khi tôi đâm hắn, vào chính giữa tim, tôi đã nhìn hắn chảy máu cho đến chết trong tay tôi. Hắn trông rất ngạc nhiên, vì không tin vào mắt mình.”

Giọng nói của Carl đều đều, nhẹ nhàng và bình tĩnh như một chiếc máy bay đang tránh ra khỏi cơn bão. “Cậu thấy đấy, Joe, tôi đã giết trung sĩ Gibbs. Giết hắn trong máu lạnh.”

Tôi không biết phải nói gì. Carl ngừng lại. Ông ấy đã đi đến cuối câu chuyện của mình. Ông ấy đã nói với tôi toàn bộ sự thật. Sự im lặng đã chèn ép và đè nặng lên ngực tôi cho đến khi tôi nghĩ rằng trái tim của mình có lẽ đã ngừng đập, nhưng tôi chờ Carl tiếp tục.

“Tôi đã giúp cô gái đó mặc đồ trở lại, đẩy cô ấy ra khỏi cửa, và nói cô ấy phải chạy - phải “di di mau” - trốn vào trong rừng. Rồi sau đó, tôi chờ đợi trong giây lát và bắn một vài phát vào không trung để đánh động những người lính khác. Tôi đã nói với họ rằng tôi nhìn thấy một ai đó chạy về phía rừng.” Ông ấy lại ngừng lại và nhìn vào tôi. “Và, cậu thấy đấy Joe, sau tất cả, tôi đã giết người.”

“Nhưng ông đã cứu cô gái kia,” tôi nói.

“Tôi không có quyền cướp đi cuộc sống của Gibbs,” Carl nói. “Hắn ta còn một người vợ và hai đứa con nhỏ đang chờ đợi ở nhà, và tôi đã sát hại hắn. Tôi đã giết nhiều người Việt Nam... Tôi đã sát hại Gibbs, và cũng như việc tôi đã nhắc đến, tôi đã sát hại cô gái kia. Khi họ bắt giữ tôi vì tội giết Crystal Hagen... Chà, tôi nghĩ một phần trong tôi cho rằng đó là khoảng thời gian tôi phải trả món nợ của mình. Trước khi vào tù, tôi thường mơ thấy những ngón tay của cô ấy đang vươn ra, van xin tôi đến bên để cứu cô ấy. Dù tôi có uống bao nhiêu rượu đi chăng nữa, tôi cũng không thể quên được ký ức đó.” Carl nhắm mắt lại và lắc đầu khi nhớ lại. “Chúa ơi, tôi đã uống nhiều như thế nào. Tôi chỉ muốn những nỗi đau đó có thể dừng lại.”

Tôi có thể thấy sức lực đang cạn dần trên khuôn mặt của ông ấy khi ông ấy nói, những lời nói của ông ấy thả ra từ đôi môi khô khốc của mình. Ông ấy nhấp thêm một ngụm nước nữa và chờ đợi cho đến khi hơi thở ngừng run rẩy. “Tôi nghĩ rằng, bằng cách vào tù, tôi mới có thể làm dịu đi sự xấu xa trong tôi - chôn vùi phần đời đó của mình, những điều tôi đã làm ở Việt Nam. Nhưng rồi cho đến cuối cùng, chẳng có cái hố nào đủ sâu cả.” Ông ấy nhìn tôi. “Dù cậu có cố đến đâu, vẫn có những thứ cậu không thể chạy trốn khỏi nó.”

Một điều gì đó trong đôi mắt ông ấy nói với tôi rằng ông ấy có thể nhìn thấy gánh nặng tội lỗi của chính tôi. Tôi xoay người một cách không thoải mái trong chiếc ghế đang ngồi trong khi sự im lặng của Carl vây lấy tôi. Rồi Carl nhắm mắt lại, bụng quặn thắt, và nhăn mặt đau đớn. “Chúa ơi, căn

bệnh ung thư quái ác này có thể làm tổn thương người ta một cách khốn nạn.”

“Ông có muốn cháu gọi ai đó không?” Tôi hỏi.

“Không,” ông ấy rên lên qua hàm răng nghiến chặt. “Nó qua rồi.”

Carl nắm chặt tay lại, gồng mình nằm im cho đến khi hơi thở trở nên đều đặn hơn, với một nhịp điệu rất nông. “Cậu có muốn biết chi tiết sự việc thực ra là như thế nào không?” Ông ấy hỏi.

“Chắc chắn rồi ạ.” Tôi nói.

“Sau quãng thời gian tôi chờ đợi để được chết, cố gắng để chết, nhà tù đã làm cho tôi có cảm giác muốn được sống.”

“Ông thích ở tù sao?” Tôi hỏi.

“Tất nhiên là không,” ông ấy cười khùng khục trong cơn đau. “Không ai thích nhà tù hết. Nhưng tôi bắt đầu đọc, suy nghĩ, và cố gắng hiểu được chính mình và cuộc đời mình. Rồi đến một ngày, tôi đang nằm trên giường, suy nghĩ về câu nói của Pascal.”

“Câu nói của Pascal ư?”

“Đó là một nhà triết gia có tên là Blaise Pascal nói rằng, nếu bạn có một lựa chọn là tin hay không tin vào Chúa, thì việc bạn đặt niềm tin vào đó sẽ là một canh bạc lớn. Bởi vì nếu bạn tin vào Chúa và bạn phạm sai lầm - chà, chẳng có gì xảy ra cả. Bạn chỉ chết và biến vào hư vô của vũ trụ. Nhưng nếu bạn không tin vào Chúa, và bạn mắc sai lầm, rồi sau đó, bạn phải xuống địa ngục mãi mãi, ít nhất là một số người đã nghĩ vậy.”

“Đó không phải là một lý do để đi theo tôn giáo,” tôi nói.

“Không phải một chút nào,” ông ấy nói. “Tôi đã bị bao vây bởi hàng trăm người cũng đang chờ đợi ngày cuối cùng của cuộc đời mình, chờ đợi cho một điều gì đó có lẽ tốt đẹp hơn sẽ đến với họ sau cái chết. Tôi cũng cảm thấy y như vậy. Tôi muốn tin rằng có một điều gì đó tốt đẹp hơn đang chờ đợi mình ở thế giới bên kia. Tôi đã giết thời gian khi ở trong tù, chờ đợi ngày đó đến. Và đó là khi triết lý của Pascal nảy ra trong đầu tôi, nhưng chỉ với một thay đổi nho nhỏ trong suy nghĩ của tôi. Vậy sẽ ra sao nếu tôi đã nghĩ sai? Sẽ ra sao nếu chẳng có gì khi ở thế giới bên kia? Sẽ ra sao, nếu như trong tất cả các kiếp của cõi đời này, đây là thời gian duy nhất mà tôi còn có thể tồn tại. Tôi sẽ sống thế nào nếu vụ án kia vẫn còn đó? Có hiểu ý tôi không? Sẽ ra sao nếu đây là tất cả những gì mà cuộc sống đang có?” “Vâng, cháu đoán sẽ có rất nhiều linh mục đã qua đời phải thất vọng,” tôi nói.

Carl cười khùng khục. “Ừm, có lẽ là có điều đó,” ông ấy nói. “Nhưng điều này không có nghĩa đây chính là thiên đường của chúng ta. Những điều kỳ diệu của cuộc sống luôn vây quanh chúng ta mỗi ngày, những điều tuyệt diệu mà có những lúc ta không thể hiểu được, và chúng ta chỉ đơn giản là coi nó như một món quà. Tôi đã quyết định rằng ngày đó, cái ngày mà tôi sẽ sống cuộc sống của chính mình - chỉ đơn giản là không tồn tại. Nếu tôi chết và khám phá ra thiên đường đang tồn tại ở thế giới bên kia, chà, đó sẽ là một nơi rất tốt và tuyệt vời. Nhưng nếu tôi không sống cuộc sống của tôi như thể tôi đã ở trên thiên đường, rồi tôi chết đi và nhận thấy rằng thế giới bên kia là một điều không tưởng, chà... tôi chắc hẳn đã bỏ phí cuộc đời của mình. Tôi có lẽ đã bỏ phí một cơ hội của mình trong toàn bộ ký ức này để được sống.”

Carl im lặng, đôi mắt ông ấy đang dán chặt vào một chú chim bạc má đang nhảy nhót trên một nhánh thường xuân bên ngoài. Chúng tôi nhìn ngắm chú chim kia trong vài phút cho đến khi nó cất cánh bay, mang sự tập trung của Carl trở lại với tôi. “Tôi xin lỗi,” Carl nói. “Tôi có xu hướng suy nghĩ theo triết học mỗi khi nghĩ về quá khứ.”

Ông ấy giữ chặt lấy bụng mình một lần nữa, một tiếng thét đau đớn thoát ra khỏi đôi môi ông ấy. Ông ấy nhắm nghiền mắt lại, và nghiến chặt răng. Cơn đau thay vì trôi qua, lại ngày một nặng thêm. Ông ấy đã vượt qua được cơn đau khi nãy, nhưng tôi chưa bao giờ thấy cơn đau nào tồi tệ như thế này. Tôi chờ đợi trong vài giây, hy vọng cơn đau ấy sẽ mau qua, khuôn mặt ông ấy nhăn nhó, lỗ mũi nở to như cố gắng giành giật lấy từng hơi thở. Liệu cơn đau này sẽ kết thúc như thế nào? Ông ấy liệu có chết không? Tôi chạy ra ngoài sảnh, gọi y tá. Cô ấy chạy xộc vào phòng, cầm trên tay một mũi tiêm. Cô ấy làm sạch các mạch máu trên tay Carl rồi tiêm cho ông ấy một mũi morphine, và trong vài giây, những lớp cơ trên cơ thể ông ấy bắt đầu dần ra, hàm răng cũng thả lỏng dần, đầu vùi sâu lại vào gối. Ông ấy là một đứa trẻ bơ vơ, một người đàn ông đơn thuần, đã hoàn toàn cạn kiệt. Ông ấy thoi thóp với cuộc sống. Ông ấy cố gắng để tỉnh táo, nhưng không thể.

Tôi trông nom ông ấy cho đến khi ông ấy chìm vào giấc ngủ, và tôi cũng tự hỏi liệu còn bao nhiêu ngày nữa ông ấy còn tồn tại với cuộc sống này, còn bao nhiêu giờ nữa. Tôi băn khoăn liệu còn có bao nhiêu thời gian còn lại nữa để tôi có thể làm những gì cần phải làm.

CHƯƠNG 32

Khi trở về nhà, tôi lấy tấm danh thiếp của Max Rupert ra khỏi ví, tấm danh thiếp có tên của Giáo sư Boady Sanden ở mặt sau, và thực hiện một cuộc gọi. Giáo sư Sanden nghe có vẻ thân thiện qua điện thoại và sắp xếp một cuộc hẹn với tôi vào ngày hôm sau, lúc bốn giờ ba mươi. Lớp học của tôi vào ngày thứ ba đó là môn Kinh tế học, và tôi không thể ra ngoài cho đến ba giờ ba mươi. Nếu tôi biết trước rằng bài giảng ngày hôm đấy lấy nguyên văn từ sách giáo khoa, tôi đã trốn buổi học đó và đến trường đại học Hamline sớm hơn. Ngay khi xe bus trả tôi tại bến ở St.Paul, tôi phải đi qua chín dãy nhà nữa mà tôi chỉ còn có sáu phút còn lại để đến đó. Tôi đã chạy thực mạng qua bảy dãy nhà đầu tiên, và đi bộ qua hai dãy nhà còn lại trong khi khuy áo khoác mở toang, tạo điều kiện cho những cơn gió tê tái của mùa đông có thể làm khô đi những giọt mồ hôi đang tuôn ra trên người tôi. Tôi đến văn phòng của giáo sư Sanden vừa đúng giờ.

Tôi đã nghĩ rằng một giáo sư nghiên cứu về pháp luật sẽ là một người lớn tuổi, với mái tóc muối tiêu, đeo một chiếc thắt lưng chữ Y kiểu cổ điển, và mặc một chiếc áo khoác màu lông lạc đà, nhưng ngược lại, luật gia Sanden, người gặp tôi tại cửa văn phòng lại đang mặc một chiếc quần jean kiểu thợ mộc màu xanh, kèm theo một chiếc áo sơ mi flanel, và đi một đôi giày lười. Ông ấy có một hàng râu mỏng, một vài sợi tóc màu xám xen kẽ trong lớp tóc màu nâu trên thái dương, ông bắt tay tôi với sức mạnh của một công nhân xây dựng.

Tôi đã mang theo tập tài liệu - thứ mà tôi đã trình lên ngài thám tử Rupert. Luật gia Sanden dọn dẹp lại một khoảng trống trên chiếc bàn làm việc lộn xộn của mình và mời tôi một tách cà phê. Ngay lập tức, tôi đã cảm thấy mến ông ấy. Tôi đã không nói với ngài Sanden rằng Carl đã được tha

bỗng khỏi nhà tù, trong khi nhớ lại thông tin đó đã giết chết sự nhiệt tình của Max Rupert như thế nào.

Tôi không muốn ngài giáo sư bác bỏ những lập luận của tôi chỉ đơn giản vì Carl đã không còn phải ngồi tù nữa. Tôi bắt đầu bài thuyết trình của mình với những bức ảnh chụp cửa sổ của nhà Lockwood. “Thật là thú vị,” ông ấy thốt lên.

“Còn có thứ hay hơn,” tôi nói, lấy cuốn nhật ký ra khỏi tập tài liệu, đặt chúng ngay trước mặt ông ấy, dẫn dắt ông ấy qua những diễn biến trong các bài viết của cuốn nhật ký, giải thích làm thế nào mà công tố viên lại sử dụng chúng để vẽ ra một bức tranh giả và kết án Carl Iverson. Sau đó tôi chỉ cho ông ấy các tài liệu giải mã, với cái tên của kẻ giết người được nêu ra. Ông ấy nghiêng đầu sang một bên và mỉm cười khi đọc về DJ. “DJ: Douglas Joseph. Cái đó có vẻ logic đấy,” ông ấy nói. “Làm cách nào mà cậu lại tìm ra được mật mã?” “Đó là nhờ vào người em trai mắc chứng tự kỷ của cháu.” Tôi nói.

“Một thiên tài ư?” Giáo sư Sanden hỏi.

“Không ạ,” tôi nói. “Chỉ là may mắn thôi. Crystal Hagen đã tham gia vào lớp học đánh máy vào mùa thu năm đó và cô ấy dùng những ký tự của mình dựa vào một câu... ngài biết đấy, một câu mà trong đó có tất cả các chữ của bảng chữ cái.”

Ngài giáo sư Sanden lục lại trong bộ nhớ của mình. “Một câu gì đó về một “lazy dog” phải không?” “Đúng là câu đó,” tôi nói. “Đó là mật mã, điều bí ẩn của cô ấy. Khi chúng cháu tìm ra được chìa khóa cho những mật mã đó, câu trả lời xuất hiện, trắng đen rõ ràng. Cái cách mà tụi cháu suy luận là, Doug đã bắt Danny phải thuận theo những lời nói dối về việc họ đang ở cùng nhau tại xưởng sửa xe. Danny ghét mẹ kế của mình, vì chúng cháu biết được rằng cuộc hôn nhân này không mấy êm đẹp. Có lẽ Doug đã nói với Danny rằng ông ấy đang bao che cho một việc gì khác.”

“Như thế nào cơ?” Sanden hỏi.

“Theo như Andrew Fisher, là bạn trai của Crystal tại thời điểm đó, đã nói rằng ông Lockwood thường giấu giếm vợ lui đến câu lạc bộ múa thoát y,” tôi nói.

“Có lẽ Doug khiến Danny phải nói dối theo mình vì Danny đã nghĩ rằng anh ta đang bảo vệ cha mình khỏi những chuyện như thế. Bên cạnh đó, không một ai nghi ngờ Doug. Cảnh sát đã ngay lập tức coi Carl Iverson là nghi phạm. Tất cả mọi người đều nghĩ Carl đã làm chuyện đó.”

“Điều này có nghĩa là kẻ giết người chính là cha dượng của cô bé,” ông ấy nói.

“Vì sao lại như vậy?”

“Ông ta là người gần gũi với cô bé - cùng sống trong một nhà. Họ không phải cùng chung máu mủ, vì vậy điều này có thể thôi thúc những hành vi bốc đồng với cô bé. Ông ta đã sử dụng những bí mật mà mình phát hiện ra để tạo ra sức mạnh kiểm soát nạn nhân của mình. Một trong những chìa khóa thành công của một kẻ cưỡng dâm đó là tìm cách cô lập nạn nhân, làm cho cô ấy cảm thấy mình không thể nói chuyện với ai. Để cho cô ấy tin rằng điều này sẽ phá hủy cuộc đời và gia đình cô ấy, và rằng tất cả mọi người sẽ đổ lỗi cho cô ấy. Đó là cái cách mà ông ta đã làm. Ông ta đã bắt đầu với chiếc kính, sử dụng mối đe dọa từ vụ án đó để làm đòn bẩy đối với cô bé, để khiến cô bé phải chạm vào ông ta. Rồi sau đó, ông ta khiến cô bé phải tiến thêm nữa, vượt qua từng nấc ranh giới chỉ với những bước nhỏ. Điều đáng buồn ở đây là khả năng tự cứu lấy mình của Crystal, cô bé được học rằng mình có thể chống lại cha dượng mình, điều đó mang lại cái chết cho cô bé. Không có lý nào ông ta lại để cho cô bé nắm đằng chuôi như vậy được.”

“Vậy thì chúng ta làm thế nào để tóm được hắn?”

Tôi hỏi.

“Có bất cứ bằng chứng nào dựa trên giải phẫu học không? Máu, nước bọt, hay tinh dịch?”

“Các bác sĩ pháp y đã khám nghiệm và nói rằng cô ấy đã bị cưỡng bức, họ tìm thấy dấu vết của tinh dịch trong người cô ấy.”

“Nếu họ vẫn còn mẫu bằng chứng đó, chúng ta sẽ có thể kiểm tra DNA. Nhưng vấn đề duy nhất ở đây là: vụ án đã xảy ra cách đây ba mươi năm. Họ không thể kiểm tra DNA được nữa. Họ có thể đã không lưu lại mẫu vật, và nếu có, nó có thể không còn đủ chất lượng để thẩm định. Những mẫu vật ẩm ướt thường không được lưu trữ tốt. Nếu với một vết máu khô, thì DNA sẽ có thể tồn tại trong nhiều thập kỷ.” Giáo sư Sanden bấm vào nút loa ngoài và quay số điện thoại. “Hãy gọi cho Max và xem xem anh ta đang có những gì?”

“Boady!” Tiếng nói của Max Rupert vang lên. “Mọi chuyện thế nào rồi?”

“Anh biết tôi mà, Max, vẫn chiến đấu với những cuộc chiến. Còn anh thì sao?”

“Nếu tôi còn nhận được thêm một vụ án giết người nào nữa, tôi sẽ giết luôn ai đó,” ông ta nói và bật cười.

“Max, tôi đang bật loa ngoài. Tôi đang ở đây với một bạn trẻ tên là Joe Talbert.”

“Chào, Joe.” Những lời nói phát ra từ chiếc loa ngoài nghe như thể chúng tôi đã là những người bạn lâu năm.

“Xin chào... thám tử ạ.”

“Tôi mới xem qua các chứng cứ của Joe ở đây,” giáo sư Sanden nói, “Tôi nghĩ cậu ấy có điều gì đó...” “Anh luôn là như vậy, anh bạn,” Rupert nói. “Tôi sẽ mang theo tài liệu của mình từ tầng hầm lên và đã xem qua nó.”

“Có bất cứ chất lỏng nào không?” Saden hỏi.

“Thi thể của nạn nhân đã bị đốt cháy trong một kho chứa đồ hoặc nhà để xe, hoặc một nơi nào đó tương tự như vậy. Hai chân của nạn nhân gần như bị thiêu rụi, các chất lỏng trong cơ thể đã bị chín. Phòng thí nghiệm có thể xác nhận sự có mặt của tinh trùng, nhưng mẫu vật đã bị phá hủy quá nặng nề để có thể có bất cứ phát hiện nào vượt xa khỏi điều này. Kẻ giết người là một người không xuất tiết (Non-secretor^{36*}), vì vậy chúng ta không có máu trong tinh dịch. Theo như tôi vừa nói, chúng ta không có bất cứ một mẫu vật nào được bảo quản. Tôi đã gọi cho bên BCA, và họ cũng không có bất kỳ mẫu vật nào.”

^{36*} Về cơ bản, cơ thể người có khoảng bốn mươi sáu nhóm máu khác nhau (những nhóm chính là O, A, B và yếu tố Rhesus(Rh)), người ta mới phát hiện thêm trong mỗi nhóm máu có hai tiểu nhóm được gọi là: Xuất tiết (Secretor) và Không xuất tiết (Non-secretor), ví dụ trong loại xuất tiết thì chỉ cần xét nghiệm nước bọt cũng có thể xác định được nhóm máu, vì các kháng nguyên của nhóm máu đó tiết qua các dịch của cơ thể như nước bọt, chất nhầy và cả tinh dịch. Còn loại không xuất tiết đòi hỏi phải tiến hành xét nghiệm máu trực tiếp. Nói chung các loại xuất tiết có khả năng giúp cơ thể chống bệnh cao hơn và thích nghi dễ hơn với hoàn cảnh so với loại không xuất tiết. Trong hai tiểu nhóm này, mặc dù cùng thuộc một nhóm máu nhưng cũng có vài khác biệt trong việc lựa chọn thức ăn.

“BCA ư?” Tôi hỏi.

“Cục Hình Sự,” giáo sư Sanden nói.

“Hãy xem vụ này như một bộ phim trinh thám.” Ông ấy quay lại nói với chiếc điện thoại. “Không có vết máu, cũng không nước bọt?”

“Tất cả quần áo của cô ấy đều bị thiêu rụi trong ngọn lửa,” Max nói.

“Thế còn những móng tay thì sao?” Tôi hỏi. “Móng tay ư?” Giáo sư Sanden ngồi lên ghế.

“Móng tay gì cơ?”

Đột nhiên tôi thấy mình như thể là một phần của cuộc đàm thoại. “Những móng tay giả của nạn nhân. Họ tìm thấy một chiếc trên lối cổng sau của nhà Carl Iverson. Doug chắc hẳn đã phải đặt nó ở đó để đổ tội cho Carl.”

“Nếu nạn nhân mất đi móng tay giả của mình trong ngọn lửa, thì có thể sẽ còn lại tế bào da trên đó,” Sanden nói.

“Không có chiếc móng tay đó trong hồ sơ,” Rupert nói.

“Nó sẽ có trong B-vault,” Sanden nói. “B-vault ư?”

“Đó là một nơi mà tòa án lưu trữ các bằng chứng được dùng trong các cuộc thử nghiệm.” Sanden nói. “Đây là một vụ giết người, do đó họ sẽ giữ nó. Chúng ta sẽ cử một người đến đó để lấy mẫu vật từ Iverson và làm một yêu cầu gửi tới tòa án để lấy được mẫu móng tay đó. Nếu có bằng chứng DNA ở trên chiếc móng tay đó, nó vừa có thể chứng minh Iverson vô tội, vừa có thể cho chúng ta thêm bằng chứng để mở lại vụ án này.”

“Tôi sẽ gửi fax bảng kiểm kê các bằng chứng trên cho động thái của anh,” Rupert nói.

“Tôi đánh giá cao sự giúp đỡ của anh đó, Max,” Sanden nói.

“Không có gì, Boady,” Max nói. “Tôi sẽ soạn nó ra.”

“Hẹn gặp lại anh tại sông bài vào thứ sáu”, Sanden nói.

“Ok, hẹn gặp lại.”

Giáo sư Sanden ngắt kết nối. Tôi nghĩ mình đã hiểu những gì sẽ diễn ra tiếp theo, nhưng tôi muốn khẳng định lại nó. “VẬY là, thưa giáo sư Sanden...”

“Hãy gọi ta là Boady.”

“Ok, Boady, nếu chiếc móng tay giả đó có tế bào da trên đó - Họ có thể lấy mẫu DNA từ nó ư?”

“Tất nhiên, và có thể có luôn mẫu máu. Nghe có vẻ như nó vẫn được giữ khô ráo. Không có gì đảm bảo rằng họ sẽ tìm thấy DNA, nhưng nếu họ có thể - Và đó không phải của Carl Iverson - Chúng ta nên có đầy đủ các bằng chứng ở đây bao gồm cuốn nhật ký, và cả những thứ cậu tìm thấy sẽ giúp chúng ta hoàn thành xong bước thứ nhất của quá trình này và có lẽ hủy bỏ được lời buộc tội đối với ông ấy.”

“Còn bao lâu nữa chúng ta mới biết được điều đó?” “Chúng ta có lẽ sẽ phải chờ mất bốn tháng để có được mẫu kiểm tra DNA, và khoảng hai hoặc ba tháng để đưa những bằng chứng này ra tòa.”

Trái tim như bị chùng xuống, tôi gục đầu nói. “Ông ấy không thể cầm cự lâu được đến thế,” tôi nói. “Ông ấy đang chết vì căn bệnh ung thư. Ông ấy có lẽ không còn sống nổi trong bốn tuần nữa, hoặc ít hơn cả bốn tuần. Cháu cần giải oan cho ông ấy trước khi ông ấy qua đời.”

“Ông ấy là một người họ hàng của cậu sao?” “Không ạ. Ông ấy chỉ là một người mà cháu gặp.

Nhưng cháu cần phải làm được điều này.” Kể từ khi Lila giải mã được cuốn nhật ký đó, ký ức về ông ngoại tôi trên dòng sông ấy thường ghé thăm

tôi trong mỗi giấc ngủ, vượt qua tâm trí tôi bất cứ khi nào tôi để cho tâm trí mình được nghỉ ngơi. Tôi biết tôi chẳng thể thay đổi được quá khứ, nhưng điều đó không quan trọng. Tôi cần phải làm điều này. Cho Carl ư? Cho ông ngoại tôi ư? Hay cho tôi? Tôi cũng không biết. Nhưng tôi cần phải làm điều này.

“Chà, có vẻ khó đây.” Giáo sư Sanden gõ nhịp đầu ngón tay trên mặt bàn làm việc của mình trong khi suy nghĩ. “Chúng ta có thể sử dụng một phòng thí nghiệm tư, có thể nó sẽ nhanh hơn so với bên BCA, nhưng ngay cả với điều đó, thì cũng không có gì đảm bảo cả.” Ông ấy gõ nhịp nhanh hơn nữa. “Ta có thể cố gắng và dựa vào một vài sự giúp đỡ, nhưng đừng quá hy vọng.” Ông ấy chau mày nhìn tôi và nhún vai. “Ta đoán, tất cả những gì ta muốn nói là, ta sẽ làm những gì có thể.”

“Ngoài thử nghiệm DNA, liệu chúng ta còn có thể làm gì khác không, có thể là chỉ bằng cuốn nhật ký không thôi?” Tôi hỏi.

“Cuốn nhật ký rất tuyệt,” ông ấy nói, “Nhưng chưa đủ. Nếu muốn anh chàng Lockwood kia phải vào tù và thú tội, chúng ta có thể tiến hành nhanh hơn, nhưng éo le là, tất cả những gì chúng ta cần làm là chờ đợi kết quả DNA kia.”

“Lời thú tội...” Tôi nói những từ đó lặng lẽ với bản thân mình trong khi một suy nghĩ bắt đầu hình thành, một ý nghĩ đen tối và liều lĩnh, một ý nghĩ sẽ theo tôi về nhà và níu lấy tôi như một đứa trẻ hồn dỗi. Tôi đứng dậy và vươn tay qua bàn để bắt tay Boady. “Cháu không biết phải cảm ơn ngài thế nào cho đủ.”

“Đừng vội cảm ơn ta,” ông ấy nói. “Có rất nhiều việc còn phải làm ở phía trước.”

Trong vài ngày tới, tôi phải vật lộn để làm cho kịp bài tập về nhà của mình cho các lớp học khác. Tôi đã bị phân tâm bởi hai dòng suy nghĩ đang

quay vòng vòng trong đầu mình, chúng lật qua lật lại như một đồng xu đang bị tung hứng giữa không trung. Một mặt, tôi có thể đợi. Giáo sư Sanden sẽ khởi động lại vụ án của Carl và mọi chuyện sẽ tiếp tục tiến triển. Chiếc móng tay giả sẽ được gửi đi để làm xét nghiệm DNA. Nếu Crystal đã vật lộn với kẻ tấn công cô ấy, thì kết quả DNA sẽ thuộc về Doug Lockwood, và chứng cứ đó, thuộc về cuốn nhật ký kia, sẽ giải oan cho Carl. Nhưng con đường đó sẽ mất thời gian - khoảng thời gian mà Carl Iverson có lẽ không thể chờ đợi được. Tôi đã nhìn thấy những nỗ lực của giáo sư Sanden coi đó như một cơ hội cuối cùng. Và nếu ông ấy không thể có kết quả DNA kịp, Carl sẽ chết đi như một kẻ có tội - và tôi chắc chắn đã thất bại.

Trên một mặt khác của đồng xu kia đã lóe lên một ý tưởng. Tôi cần phải biết rằng tôi phải làm tất cả mọi thứ mình có thể để giúp Carl Iverson chết đi như một người vô tội. Tôi không thể chỉ đứng đó và nhìn ông ấy chết với một tội danh giết người trong khi tôi có thể thay đổi điều đó. Việc này sẽ không giúp tôi nhận được một điểm A trong bài tiểu luận của mình, nó thậm chí còn không là vấn đề niềm tin ngây thơ của tôi về sự đúng sai mà sẽ được cân nhắc khi kết thúc. Việc này có một phần nào đó là câu chuyện của chính tôi, về khoảng thời gian khi tôi mười một tuổi và khi tôi đứng đó nhìn ông ngoại mình qua đời. Tôi đáng lẽ có thể làm một điều gì đó, nhưng tôi lại không hề nhúc nhích. Đáng lẽ ra tôi ít nhất cũng nên cố gắng. Giờ, khi đối mặt giữa hai sự lựa chọn, một là chờ đợi, hai là hành động, tôi không còn sự lựa chọn nào khác, tôi phải hành động. Bên cạnh đó, chuyện gì sẽ xảy ra khi không có DNA trên chiếc móng tay giả kia? Rồi sau đó tất cả khoảng thời gian tôi phải chờ đợi đều trở nên vô nghĩa.

Một ý nghĩa nhỏ bé như hạt đậu tây bắt đầu nảy mầm và lớn lên trong đầu tôi, một hạt giống vô tình được gieo xuống bởi giáo sư Sanden. Nếu như tôi có thể nhận được lời thú tội của Lockwood thì sao?

Tôi bật máy tính, và bắt đầu tìm kiếm trên Internet cái tên Douglas Joseph Lockwood, và tìm thấy một hồ sơ cảnh sát thông báo bắt giữ ông ta vì DUI và một trang khác với một vài phút về cuộc họp của ủy ban thành phố, nơi một người tên là Douglas Joseph Lockwood đã được nhắc đến với việc bãi xe cũ của ông ta là một mối phiền toái cho người dân.

Cả hai website đều chỉ tới một địa chỉ ở ngoại ô thành phố Chicago, ngay phía bắc Minneapolis. Vụ về DUI đã đưa ra thông tin về độ tuổi của ông ta, và thông tin này vừa trùng hợp. Tôi viết xuống dòng địa chỉ và để nó trên quầy bếp. Trong ba ngày tôi thấy tim mình đập rộn ràng khi tôi tự nói với bản thân mình có nên tìm tới Doug Lockwood hay không? Cuối cùng, chính một biên tập viên dự báo thời tiết đã làm nên một chuyện lớn.

Tôi bật xem bản tin để giảm bớt không khí tẻ nhạt trong căn hộ của mình, trong khi tôi làm bài tập về nhà, tôi đã nghe thấy biên tập viên dự báo thời tiết đó đã thông báo rằng một trận tuyết kỷ lục đang trên đường tiến tới chỗ chúng tôi - lạy Chúa, anh ta đã nói rằng tuyết có thể rơi dày đến năm mươi xen-ti-mét. Chủ đề về tuyết khiến tôi nghĩ về Carl, về việc ông ấy khao khát như thế nào khi được nhìn thấy một trận tuyết cực lớn trước khi qua đời. Tôi muốn đi gặp ông ấy, để thấy được niềm vui lóe lên trong mắt người đàn ông ấy khi ngắm tuyết rơi. Nhưng tôi quyết định sẽ làm điều này trước khi đến gặp Carl, tôi sẽ theo dõi Douglas Lockwood và chụp đúng lúc để lấy được lời thú tội của hắn.

CHƯƠNG 33

Tôi bắt đầu thực hiện kế hoạch đến gặp Douglas Lockwood theo cái cách mà người ta sẽ dùng để tiếp cận một con bò mộng đang ngủ. Tôi đã do dự rất nhiều, nghĩ đi nghĩ lại ý tưởng này và cố gắng dồn hết can đảm của mình. Ngày hôm đó, ngồi trong lớp, chân tôi cứ rung lên bần bật. Tâm trí tôi lơ đãng không thể tập trung vào bài giảng.

Sau buổi học tôi ghé qua nhà Lila, để nói với cô ấy về quyết định của mình sẽ ghé qua chỗ Lockwood và có lẽ là để cho cô ấy cơ hội níu kéo tôi lại. Cô ấy không có ở nhà. Và hành động cuối cùng của tôi trước khi lên đường thực hiện kế hoạch của mình là gọi cho thám tử Rupert. Cuộc gọi của tôi được gửi vào hộp thư thoại, và sau đó, tôi để điện thoại mình trong ba lô. Tôi tự nói với bản thân mình rằng tôi chỉ đơn giản là lái xe đến nhà Lockwood - lái xe qua đó để xem liệu ông ta còn sống ở đó không? Sau đó tôi có thể sẽ báo cáo lại tình hình với Rupert và mặc dù tôi nghi ngờ Rupert sẽ chẳng buồn quan tâm tới chuyện đó. Ông ấy sẽ muốn chờ kết quả DNA. Ông ấy sẽ thực hiện theo đúng quy trình và sẽ chẳng đi tới đâu cho đến khi Carl chết. Vì vậy, vũ khí của tôi chính là chiếc máy ghi âm, ba lô và hoàn toàn không có kế hoạch nào rõ ràng cả, tôi thẳng tiến về hướng bắc.

Tôi nghe nhạc thật to trong khi lái xe, cố tình để âm nhạc lấn át đi những nghi ngờ trong lòng tôi. Tôi cố gắng không nghĩ về những gì tôi sẽ làm trong khi sáu làn đường nhựa tôi đang đi qua nhanh chóng biến thành bốn làn xe, rồi sau đó là hai và rồi cuối cùng, tôi rẽ vào con đường rải sỏi dẫn vào nhà Douglas Lockwood. Tôi lái xe đến đó chỉ trong khoảng ba mươi phút, tôi bắt đầu đi ra từ khu vực có những tòa nhà chọc trời bằng bê tông để đến một nơi có những cánh đồng và cây xanh bao phủ. Những áng mây mỏng màu xám xịt vẫn lơ lửng trên nền trời của buổi chiều tà và vầng mặt trời của tháng 12 đã bắt đầu cuộc hành trình của mình phía đằng tây. Một cơn

mưa phùn nhẹ đã chuyển dần sang mưa tuyết và nhiệt độ bắt đầu giảm mạnh khi một cơn gió từ phía bắc ập đến, báo trước sự xuất hiện của cơn bão tuyết sắp đến.

Tôi lái xe chậm chậm khi đi qua nhà Lockwood, một trang trại cũ đã ngả màu với thời gian cùng với những mảng gỗ mục đi lên từ phía mặt đất. Đám cỏ trong sân trước đã không được cắt từ mùa hè, nhìn nó giống như một khu vực bị bỏ hoang hơn là một bãi cỏ và một chiếc xe Ford Taurus đời cũ với một chỗ ngồi bằng nhựa phía cửa sau nằm gổ sệt ở một góc con đường rải sỏi.

Tôi quay lại lối vào đây cỏ đó và chỉ đi ngang qua căn nhà cũ kĩ kia, và rồi lại quay trở lại vài lần nữa. Khi đến gần lối vào, tôi nhìn thấy một bóng người di chuyển về phía cửa sổ phía trước. Một cơn ớn lạnh chạy ngang qua sống lưng. Người đàn ông đã giết Crystal Lockwood kia đang đi lại tự do phía sau cánh cửa đó. Một sự tức giận sôi sục lên trong lòng tôi khi nghĩ về những vết nhơ bẩn của tội lỗi mà hắn ta đã đổ lên đầu Carl. Tôi đã nhắc đi nhắc lại với bản thân mình rằng đây sẽ chỉ đơn giản là một chuyến đi ra khỏi thành phố, với một nhiệm vụ trình sát là tìm một ngôi nhà. Nhưng tận sâu thẳm trong lòng mình, tôi luôn biết rằng, chuyến đi này không chỉ đơn giản như vậy.

Tôi tiến thẳng qua lối vào của nhà Lockwood với tốc độ rùa bò và tiếng sỏi lạo xạo phía dưới bánh xe, lòng bàn tay đổ mồ hôi trong khi đang giữ chặt vô lăng. Tôi đậu xe phía sau chiếc Taurus đang hoen gỉ kia và tắt máy. Hiên nhà rất tối. Các nội thất khác trong căn nhà cũng xám xịt như vậy, chỉ có duy nhất một ánh đèn le lói phát ra từ sâu trong căn nhà. Tôi bật chiếc máy ghi âm lên, để nó vào trong túi áo sơ mi, bước lên mái hiên và gõ cửa. Đầu tiên, tôi không thấy bất cứ một sự chuyển động cũng như tiếng bước chân nào. Tôi gõ thêm lần nữa. Lần này, bóng người dần xuất hiện từ căn phòng phía sau đang được thắp sáng kia, đèn hiên được bật lên và cửa trước được mở.

“Ông là Douglas Lockwood?” Tôi hỏi.

“Đúng, là tôi,” ông ta nói, nhìn tôi một lượt từ đầu đến chân như thể tôi vừa bước qua một khu vực không được phép xâm nhập. Ông ta cao có lẽ gần hai mét, râu ria có lẽ đã đến ba ngày chưa cạo bao phủ khắp vùng cổ, cằm và má. Người ông ta nồng nặc mùi rượu, thuốc lá và mồ hôi.

Tôi hăng giọng. “Cháu là Joe Talbert,” tôi nói. “Cháu đang viết một câu chuyện về cái chết của con gái của vợ ông, Crystal. Cháu muốn nói chuyện với ông nếu ông sẵn lòng.”

Mắt ông ta mở to trong khoảnh khắc rồi thu hẹp lại. “Đó... đó là tất cả sao?” Ông ta nói. “Câu chuyện này nói về cái gì?”

“Cháu đang viết một câu chuyện về Crystal Hagen,” tôi nhắc lại, “Về Carl Iverson, và những gì đã xảy ra vào năm 1980.”

“Cậu là một phóng viên sao?”

“Ông có biết rằng Carl Iverson đang được ân xá?” Tôi nói, trong khi cố gắng đánh lạc hướng ông ta và làm ra vẻ như sự tức giận của tôi là do sự ân xá của Carl.

“Ông ta làm sao cơ?”

“Cháu muốn nói chuyện với ông về nó. Chỉ mất vài phút thôi.”

Douglas nhìn qua vai mình hướng về bộ bàn ghế đã cũ nát và những bức tường ẩm mốc. “Ta không có gì để nói hết,” ông ta đáp.

“Cháu chỉ có vài câu hỏi thôi,” tôi nói.

Ông ta lăm bắm điều gì đó dưới hơi thở của mình và bước vào trong để cửa mở. Tôi bước chân qua ngưỡng cửa, nhìn thấy một phòng khách gọn gàng quần áo, vỏ hộp và những thứ tào lao mà bạn có thể dễ dàng tìm thấy

trong bất cứ một nhà để xe tồi tàn nào, tất cả mọi thứ ngập ngụa đến đầu gối. Chúng tôi vừa mới bước được vài bước vào căn nhà thì ông ta đột nhiên dừng lại và quay lại phía tôi. “Đây không phải là một cái chuồng lợn,” ông ta nói, nhìn xuống đôi giày đang ướt nhày nhựa của tôi. Tôi nhìn vào những đồng rác lợn xộn ở lối vào và muốn tranh luận về điều này, nhưng thay vào đó, tôi lập tức cởi bỏ đôi giày đang đi và theo ông ta vào khu nhà bếp, đến bên một chiếc bàn, những bao thư đòi nợ và hàng chục những chiếc cốc chén, bát đĩa chắc đến cả tuần không rửa. Ngay giữa chiếc bàn đó, một chai rượu Jack Daniels đang uống dở nằm trơ trọi như một món đồ trang trí cho các ngày lễ. Lockwood ngồi vào một chiếc ghế phía cuối bàn. Tôi cởi áo khoác ngoài - cẩn thận giữ chiếc máy ghi âm trong túi áo ngực ngoài tầm nhìn của Lockwood - và tôi khoác chiếc áo khoác của mình lên lưng ghế trước khi ngồi xuống.

“Vợ ông còn ở đây không?” Tôi hỏi.

Ông ta nhìn vào tôi như thể tôi vừa nhổ một bãi nước bọt vào mặt ông ta. “Danielle ư? Con dĩ đó ư? Bà ta đã không còn là vợ ta kể từ hai năm trước. Bà ta đã ly hôn với ta rồi.”

“Cháu rất tiếc khi nghe thấy điều này.”

“À, ta chả thấy làm sao cả,” ông ta nói. “Thà sống một mình trên sa mạc còn hơn là sống với một con mụ đàn bà chỉ thích gây gổ. Châm ngôn 21:19”.

“Và vâng... Cháu nghĩ là cháu hiểu,” tôi nói, cố gắng tìm cách quay trở lại chủ đề của mình. “Bây giờ, nếu cháu nhớ lại, thì Danielle đã có bằng chứng rằng mình đang làm việc ca đêm khi Crystal bị giết. Có phải không?”

“Ừm... Điều đó có nghĩa lý gì cho việc Iverson đã được tha bổng?”

“Và ông đã nói rằng ông đang làm việc tại đại lý xe hơi của mình, đúng không?”

Ông ta bặm chặt môi mình lại và dò xét tôi. “Cậu đang định làm gì thế?”

“Cháu đang cố gắng để hiểu, vậy thôi.” “Hiểu cái gì cơ?”

Chính ngay tại đây, kế hoạch chưa được chuẩn bị kỹ càng của tôi đã bị bại lộ, theo cái cách mà một phím đàn piano duy nhất bị lạc ra khỏi giai điệu sẽ làm người ta để ý đến sự hiện diện của nó. Tôi muốn mình khôn ngoan hơn. Tôi muốn đặt ra một cái bẫy để lôi kéo sự thú tội của Lockwood trước khi ông ta phát hiện chuyện gì đang diễn ra.

Thay vào đó, tôi lại nuốt nước bọt một cách khó nhọc và phun ra khỏi cổ họng mình như một phát súng. “Tôi đang cố để hiểu về việc tại sao ông lại nói dối về những gì đã xảy ra với cô con gái của vợ mình?”

“Cái quái gì vậy?” Ông ta nói. “Cậu nghĩ cậu là ai...” “Tôi biết sự thật!” Tôi hét lên từng từ một. Tôi muốn dừng lại bất cứ một sự kháng nghị nào từ hăn trước khi từng câu từng chữ một được hình thành trong cổ họng hăn. Tôi muốn để hăn biết rằng tất cả đã kết thúc. “Tôi biết tất cả sự thật về những gì đã xảy ra với Crystal.”

“Vì sao mà...”, Lockwood nghiêng răng và nhào người về phía trước. “Chuyện gì đã xảy ra với Crystal chỉ là cơn thịnh nộ của Chúa. Là con bé tự chuốc lấy.” Ông ta đập mạnh tay lên mặt bàn. “Trên đầu con ranh con ấy rành rành cái tên ấy, một bí ẩn: Babylon vĩ đại^{37*}, đó là mẹ của gái mại dâm và những sinh vật gớm ghiếc trên trái đất.”

^{37*} *Nguồn gốc Babylon the Great, được mô tả trong cuốn sách Khải huyền của tôn giáo (the Revelation) (cuốn cuối cùng của bộ kinh Tân ước), là một bộ phận những người đã phạm phải tội, mà Chúa muốn khước từ.*

Tôi muốn quay trở lại với cuộc tranh luận, nhưng sự “bùng nổ” của Kinh thánh đã khiến tôi bối rối. Ông ta cứ chực phun ra điều gì đó mà có lẽ hẳn đã tự nói với mình trong vòng bấy nhiêu năm qua, một điều gì đó có thể làm dịu đi cảm giác tội lỗi của mình. Trước khi tôi có thể định hình lại sự chịu đựng của mình, lão ta quay lại phía tôi, đôi mắt rực lửa. “Mày là ai?”

Tôi thò tay vào túi sau và lấy ra một bản sao của các trang nhật ký. Tôi đặt chúng ra trước mặt Doug Lockwood với phần được mã hóa phía trên. “Họ đã kết án Carl Iverson bởi vì họ đã nghĩ Crystal viết những dòng nhật ký này là về ông ấy. Ông còn nhớ những mã số này chứ, những mã số mà cô ấy đã viết trong cuốn nhật ký của mình?” Ông ta nhìn vào trang nhật ký phía trước mặt, rồi lại nhìn vào tôi, rồi lại nhìn vào những trang nhật ký đó. Sau đó, tôi chỉ cho Lockwood phiên bản đã được giải mã, những đoạn nhật ký mà tên của hắn được nhắc đến với vai trò là người đã ép buộc Crystal phải quan hệ tình dục với mình. Trong khi đọc những bài viết đó, hai bàn tay ông ta bắt đầu run rẩy. Tôi quan sát khuôn mặt ông ta trở nên trắng bệch, đôi mắt phồng lên và giật giật.

“Mày lấy những cái này ở đâu ra?” Ông ta hỏi. “Tôi đã giải những mật mã của cô ấy,” tôi nói. “Và tôi biết rằng cô ấy đang viết về ông. Ông là người đàn ông đã ép buộc cô ấy phải làm những điều tồi tệ này. Ông đã cưỡng bức con gái của vợ mình. Tôi biết ông đã làm điều đó. Tôi chỉ muốn cho ông cơ hội để giải thích lý do vì sao trước khi tôi tới gặp cảnh sát.”

Một ý nghĩ chợt lóe lên trong mắt hắn và ông ta nhìn vào tôi bằng một ánh nhìn hỗn độn, nửa sợ hãi và nửa hiểu chuyện. “Không... Mày không hiểu đâu...” Ông ta vươn ra giữa bàn và vỗ lấy chai rượu Jack Daniels. Tôi căng thẳng, chờ đợi ông ta chơi trò “đánh đu” trước mắt mình, chuẩn bị cho chiêu khóa tay và một cú đâm chí mạng. Nhưng thay vào đó, ông ta lại mở nắp chai rượu và nốc lấy một ngụm whisky thật to, tay hắn run rẩy khi hắn lau cái miệng của mình lên vạt áo. Tôi đã đánh trúng một đòn vào dây thần kinh của ông ta. Những gì tôi nói đã khiến ông ta chống lại những lời cáo

buộc, vì vậy tôi quyết định lẩn tới. “Ông đã để lại DNA của mình trên móng tay giả của cô ấy.” Tôi nói.

“Mày không hiểu đâu,” ông ta nhắc lại.

“Tôi muốn hiểu,” tôi nói. “Đó là lý do tại sao tôi lại có mặt ở đây. Hãy nói cho tôi lý do.”

Ông ta lại nhấp thêm một ngụm rượu khác, rồi lau các dấu vết của nước bọt từ một góc khóe miệng và nhìn xuống cuốn nhật ký.

Sau đó, bằng một giọng run rẩy và lí nhí, những lời nói của ông ta phát ra đều đều và như một con vẹt, như thể ông ta đã thốt ra những suy nghĩ mà ông ta muốn giữ cho chính bản thân mình. “Đó là Kinh thánh,” ông ta nói, “tình yêu giữa cha mẹ và con cái. Và cậu đến đây, sau tất cả quãng thời gian này...” Ông ta xoa xoa hai bên đầu mình, nhấn mạnh vào hai bên thái dương như thể cố gắng chà ra mớ suy nghĩ và những lời nói đang huyền thuyên trong đầu.

“Đây là lúc mọi chuyện cần phải được làm sáng tỏ.” Tôi khơi gợi chủ đề theo cái cách mà Lila đã dụ dỗ thông tin từ Andrew Fisher. “Tôi hiểu. Tôi rất muốn hiểu. Ông không phải là một con quái vật. Mọi thứ chỉ là do mất kiểm soát.”

“Mọi người không hiểu gì về tình yêu,” ông ta nói, như thể chúng tôi là những người bạn lâu không gặp. “Họ không hiểu những đứa trẻ như vậy là phần thưởng của Thượng đế dành cho những người đàn ông.” Ông ta nhìn vào tôi, tìm kiếm trong đôi mắt tôi một dấu hiệu của sự cảm thông - nhưng thất bại. Ông ta nhấp thêm một ngụm rượu nữa và bắt đầu thở một cách khó nhọc, đôi mắt ông ta trợn ngược sau hàng mí mắt. Tôi nghĩ ông ta sẽ có thể bị ngất đi. Nhưng sau đó ông ta nhắm mắt lại và tiếp tục nói chuyện, lần này, tận trong sâu thẳm cõi lòng mình, ông ta lấy ra từng từ từng chữ từ một cái hang tối tăm nào đó bên trong thâm tâm mình. Những lời nói của ông ta

bắt đầu rỉ ra ngoài, sền sệt và chắc nịch, như một dòng dung nham được tích trữ từ lâu. “Ta không hiểu những hành động của chính mình,” ông ta thì thầm. “Ta không làm những gì mà ta muốn... ta luôn làm theo những gì mà ta ghét.”

Nước mắt bắt đầu đóng đầy trong hai mắt ông ta. Những khớp ngón tay trắng bệch của ông ta nắm chặt lấy cổ chai whisky, giữ chặt nó như một vị cứu tinh.

Ông ta đang chuẩn bị nói ra lời thú tội của mình, tôi có thể cảm nhận thấy điều này. Tôi cẩn thận nhìn xuống chiếc máy ghi âm trong túi áo ngực, chắc chắn rằng không có vật gì che phủ lên nó. Tôi cần phải lấy được lời thú tội của Lockwood bằng chính giọng nói của ông ta, thừa nhận những gì mà ông ta đã làm.

Tôi nhìn lên chỉ vừa kịp lúc nhìn thấy chai rượu whisky trước khi nó đập vào đầu tôi. Cú đánh đã làm tôi ngã lăn ra khỏi ghế, đầu va phải tường. Bản năng mách bảo tôi phải chạy ra phía cửa trước, nhưng nền nhà dường như đang cuộn tròn như một cái nút chai đang được vặn mở. Mất cân bằng tôi bị ném sang bên trái, rồi hẫng quăng tôi vào một chiếc tivi. Tôi có thể nhìn thấy cửa ra vào nằm ở cuối một đường hầm dài và tối. Tôi chống cự lại sự quay cuồng của căn phòng để tiến tới nơi đó. Lockwood đang ở đâu? Cánh tay tôi như những hòn đá, chân tay trên người tôi trở nên vô dụng một cách bất thường. Tôi tập trung tất cả mọi sức lực và ý thức của mình để di chuyển các ngón tay, dù chỉ là ngọ nguậy, rồi đến cổ tay, khuỷu tay, rồi đến vai. Tôi điều khiển bàn tay dưới thân thể mình, lòng bàn tay tôi áp trên nền đất lạnh, cổ nâng mặt mình và ngực lên khỏi mặt đất. Tôi nghe thấy tiếng của sự di chuyển phía sau, xung quanh mình và tiếng cò sột soạt cọ lên mặt vải bông, nhưng tôi không thể nhìn thấy gì qua sự mịt mù trong mắt mình.

Tôi cảm thấy một sợi dây chằng, giống như một sợi dây bằng vải, quấn quanh cổ họng mình, ngày càng siết chặt, cắt đứt những hơi thở của tôi. Tôi cố gắng giãy giụa nâng mình lên khỏi mặt đất, để đứng trên hai đầu gối của

mình, nhưng những cú đánh vào đầu khiến các bộ phận không thể kết nối với nhau. Cơ thể tôi lơ lửng những mệnh lệnh. Tôi ngã ra phía sau, cảm thấy những khớp ngón tay của ông ta đang siết chặt trong khi kéo chiếc dây đang tròng qua cổ tôi. Tôi không thể thở được.

Một chút sức lực nhỏ bé nhất cũng đã cạn kiệt trong cơ thể tôi. Tôi cảm thấy mình rơi trở lại vào cái giếng đó, rơi trở lại nơi tối tăm vô tận kia. Trong khi tôi đang tập tễnh bước đi, một làn sóng căm phẫn dấy lên trong tâm trí tôi, ghê tởm vào sự ngây thơ của tôi, ghê tởm với việc không thể nhìn thấy kết cục của kẻ đang siết chặt lấy cổ tôi, ghê tởm vì cuộc đời tôi lại kết thúc trong lặng lẽ, trong sự thô bạo và với tư thế nằm úp trên đám cỏ đông cứng này. Tôi đã để cho lão già này - một kẻ bợm rượu - đánh mình.

CHƯƠNG 34

Tôi đã trở lại với cuộc sống này chỉ qua một giấc mơ.

Tôi đang đứng một mình giữa một cánh đồng đậu hoang, một cơn gió lạnh bất ngờ quất vào cơ thể tôi. Mây đen kéo đến trên đầu tôi, khuấy đảo với những cơn giận dữ dồn nén và dần xoắn vào như một chiếc phễu, chuẩn bị liếm tới mặt đất và quất bay tôi đi. Trong khi tôi đang đứng vững để chống trả lại trước mối nguy hại này, những đám mây kia chợt vỡ làm đôi và biến thành những hạt bụi nhỏ li ti, những hạt bụi ấy bay về phía tôi, lớn dần lên, rồi mọc thêm đôi cánh, mở và mắt, biến thành những con chim hét.

Chúng sà xuống tôi với một thái độ thù địch, đậu xuống bên trái người tôi, mổ vào cánh tay, hông, đùi và phía bên trái của khuôn mặt tôi. Tôi đập mạnh vào bầy chim và bắt đầu chạy xuyên qua cánh đồng, nhưng không gì có thể ngăn cản sự tấn công của chúng khi chúng đang cào xé cơ thể tôi.

Đó là khi tôi cảm thấy cả thế giới như đang rung lên. Những con chim biến mất, cánh đồng cũng mất hút. Tôi đấu tranh với chính mình để hiểu được thực tại mới mẻ này, đôi mắt tôi chỉ nhìn thấy duy nhất một màu đen, tai tôi nghe thấy tiếng gầm gừ của động cơ ô tô và tiếng rên rỉ của lốp xe chà lên mặt vỉa hè. Những cơn đau đang vồ vập lấy đầu tôi, toàn bộ phần bên trái của tôi cảm thấy bỏng rát như thể có ai đó đang đánh vảy tôi như một con cá. Phía sâu trong cổ họng, tôi cảm thấy như thể nó đang bị cạo bằng một chiếc thìa sắt.

Những ký ức của tôi quay lại khi cơn đau dữ dội hơn và tôi nhớ rằng chai rượu whisky đã đập vào một bên đầu mình, một chiếc dây đai thắt chặt lấy cổ tôi, mùi hôi thối của ông ta xộc vào hai lỗ mũi tôi. Tôi đã bị trói giống tư thế của một thai nhi và bị nhét vào một nơi tối tăm, lạnh lẽo và ồn ào. Cánh tay trái của tôi bị kẹt chặt dưới cơ thể, nhưng tôi có thể cử động được

những ngón tay phía bên phải, cảm giác chúng đang nằm tựa vào những lớp vải của chiếc quần jean tôi đang mặc. Tôi cảm nhận được đùi mình. Rồi tôi di chuyển bàn tay lên phía hông, và đi qua phần áo sơ mi mỏng manh đang che phủ trên ngực mình, tìm kiếm chiếc máy ghi âm. Nó đã biến mất. Tôi cúi xuống sàn phía bên dưới, chạm phải mặt của một tấm thảm ẩm ướt, lạnh lẽo và đang đâm chọc vào da thịt tôi theo phía dọc bên trái của cơ thể: đó là những con chim hét trong giấc mơ kia. Tôi biết tấm thảm này. Đó là tấm thảm phủ sàn cốp xe của tôi, toàn bộ sự ẩm ướt này là do nước bị bắn từ những hố ổ gà trên đường, tràn qua những lỗ gỉ sét và lọt vào trong xe.

Chúa ơi, tôi thăm nghĩ. Tôi đang nằm trong cốp xe mình - không áo khoác, không giày, phía sườn bên trái của chiếc quần jean và sơ mi của tôi ẩm ướt vì những giọt nước lọt vào từ đường cái - và chúng tôi đang di chuyển đến đến nơi quái quỷ nào đó. Chuyện gì đang xảy ra thế này?

Tôi bắt đầu run rẩy một cách mất kiểm soát, cơ hàm của tôi bị siết chặt, chặt đến nỗi tôi nghĩ rằng răng mình sắp bị gãy hết. Tôi cố gắng trườn bằng lưng, để có thể thả lỏng được phần cơ thể phía bên trái mình, nhưng tôi không thể. Có cái gì đó kẹt cứng vào đầu gối tôi. Tôi cẩn thận cúi xuống, những ngón tay run rẩy của tôi dò dẫm trong bóng tối, chạm vào một bề mặt xù xì của một khối gạch xi đang tựa vào đầu gối mình. Tôi vươn tay ra xa hơn và cảm nhận được khối gạch thứ hai được cột chặt với khối thứ nhất bởi một sợi dây xích.

Tôi lần theo sợi dây xích khi nó đang xoắn giữa bắp chân và mắt cá chân tôi, tại vị trí đó, nó được quấn lại hai lần và được móc lại với nhau.

Khối gạch xi khóa chặt sợi dây xích vào mắt cá chân tôi. Tôi không hiểu gì cả, đây không phải là mối khóa đầu tiên. Phải mất một hoặc hai phút để vờ đi những mạng nhện vây chằng chịt xung quanh. Tay tôi không hề bị trói, cũng chẳng có băng dính bịt miệng, nhưng mắt cá chân của tôi đang bị xích vào khối gạch xi. Ông ta chắc hẳn nghĩ rằng tôi đã chết. Đó là điều

duy nhất tôi thấy hợp lý. Ông ta đang đưa tôi đi đâu đó để phi tang, nơi nào đó có nước, hoặc là hồ hoặc là sông.

Một nỗi sợ hãi tột cùng đang lấn át tôi, làm xáo trộn suy nghĩ của tôi trong một nỗi hoảng loạn đột ngột. Cơ thể tôi run lên vì sợ hãi và lạnh. Ông ta sẽ giết chết tôi. Ông ta tin rằng ông ta đã giết chết tôi. Một tia lửa nhỏ của sự nhận thức đã nảy lên trong đầu tôi, làm dịu sự run rẩy trong tôi. Ông ta nghĩ rằng tôi đã chết. Một người đàn ông đã chết thì không thể kháng cự, không thể chạy, không thể phá hủy bất cứ một kế hoạch nào. Nhưng đây lại là xe của tôi. Lockwood đã có một quyết định sai lầm khi bước chân vào “chiến hào” của tôi: tôi biết cốp xe của mình bị hở.

Tôi nhớ có các tấm nhựa nhỏ, chỉ bằng kích thước của một cuốn tiểu thuyết, đang che phủ ở chiếc đèn chiếu hậu phía bên trong cốp xe. Tôi đã thay thế cả hai đèn xi nhan trong năm vừa rồi. Tôi mò mẫm trong bóng tối trong một hay hai giây gì đó cho đến khi tìm thấy chiếc chốt nhỏ, thứ sẽ cho phép tôi kéo tấm pa-nô đang che phủ đèn xi nhan phía bên phải. Bằng một cái xoáy nhanh chóng, tôi đã nảy được chiếc đèn chiếu hậu ra khỏi khung xe, ánh sáng ngập tràn trong cốp.

Tôi vòng tay mình xung quanh chiếc bóng đèn, để cho hơi nóng của nó làm tan chảy các khớp ngón tay bằng giá của mình. Sau đó tôi oằn thân mình để chạm tới chiếc đèn xi nhan bên trái, tôi phải di chuyển cẩn thận, không quá đột ngột, hoặc gây ra bất kỳ tiếng ồn nào có thể đánh động Douglas Lockwood với thực tế rằng nạn nhân của ông ta vẫn còn sống. Tôi kéo tấm pa-nô và chiếc đèn ra khỏi khung bên trái, để mặc chiếc xe không có đèn chiếu hậu và dùng nó để chiếu sáng khắp cốp xe rõ như ban ngày.

Chuỗi dây quần quanh mắt cá chân tôi đã được khóa lại bằng một chiếc móc. Lockwood chắc hẳn đã phải dồn từng chút sức lực của mình để có thể ghì chặt chúng như vậy. Tôi vật lộn để có thể mở được chiếc móc, những ngón tay lạnh cóng của tôi co quắp lại như thể bị viêm khớp, ngón tay cái thì trở nên vô dụng như một cánh hoa. Tôi lại giữ chặt bóng đèn trong lòng

bàn tay mình một lần nữa, cảm thấy sức nóng của nó, hơi nóng của chiếc bóng đèn trắng đang chống lại làn da lạnh cóng của tôi. Tôi cố gắng mở chiếc móc khóa thêm một lần nữa và một lần nữa, nhưng không thể rời lỏng nó. Tôi cần một dụng cụ.

Tôi không có nhiều dụng cụ, nhưng tôi lại sở hữu một chiếc xe hơi, một chiếc xe được lắp ghép bởi những mảnh sắt vụn đã hỏng hóc rất nhiều, vì vậy tôi có tất cả những dụng cụ cần thiết và dĩ nhiên, tôi cất chúng trong cốp xe: hai chiếc tua vít, một lưỡi mở lết nhỏ, kìm, một cuộn băng dính và một lọ WD-40^{38*}, tất cả đều được gói gọn trong một chiếc khăn dính đầy dầu mỡ. Tôi nắm lấy tua vít với bàn tay phải, kẹp đầu nó giữa chiếc móc khóa và sợi dây, xoay theo hình tròn ốc, đẩy nó ra, rời lỏng nó từng chút từng chút một. Khi cảm thấy chiếc tua vít đã ăn vào sợi dây vừa đủ để có thể làm đứt dây, tôi đẩy chiếc tay cầm hướng lên trên, ép các chuỗi dây ra khỏi chiếc móc. Sợi dây rơi xuống sàn xe với một tiếng ồn mà dường như chỉ đủ vang vọng trong không gian hạn chế của chiếc cốp xe. Tôi cắn môi trong khi chờ đợi dòng máu đang chảy xối xả trở lại xuống hai chân đang tê cóng, đau đến nỗi mà tôi chỉ muốn hét lên. Tôi nín thở trong vài giây, chờ đợi sự phản ứng của Lockwood. Tôi nghe thấy âm thanh nho nhỏ của âm nhạc phát ra từ chiếc đài trong khoang. Lockwood vẫn đang lái xe.

^{38*} *Bình xịt dầu chống gỉ đa năng.*

Ít nhất mười phút đã trôi qua kể từ khi tôi kéo đèn chiếu hậu ra khỏi khung xe. Nếu có bất cứ một người cảnh sát nào, anh ta sẽ ra lệnh dừng xe tôi lại. Các góc và khúc cua mà chúng tôi vừa đi qua có vẻ hẹp hơn so với con đường trên xa lộ và những khúc lồi lõm thì thoáng trên đường cho thấy rằng chúng tôi đang đi vào một vùng rừng hẻo lánh, có thể là đường cao tốc trong một quận thị nhỏ, ít các phương tiện giao thông qua lại và đặc biệt là khi chuẩn bị có một trận bão tuyết đang kéo đến.

Tôi lướt qua các khả năng trong đầu. Tôi có thể chờ một viên cảnh sát gọi xe của chúng tôi vào, nhưng khả năng này rất thấp. Tôi có thể chờ cho

Lockwood đến nơi cần đến, mở cốp xe và nhìn thấy tôi vẫn còn sống và nổi giận, nhưng tôi có thể dễ dàng bị chết vì thân nhiệt hạ thấp ngay sau đó. Hoặc tôi có thể chạy thoát thân. Đó là khi tôi nhận ra rằng cốp xe là nơi thả con người ra khỏi xe hơi, chứ không phải là nơi đưa con người vào. Tôi kiểm tra nắp cốp xe, tìm ra ba điểm được bắt vít nổi. Tôi mỉm cười trong khi miệng vẫn tê cứng.

Tôi lục tung đồng dụng cụ của mình và nắm lấy chiếc mỏ lết hình lưỡi liềm lạnh ngắt, nó nằm trong tay tôi như thể là một viên đá khô. Tôi quấn chiếc khăn dính đầy dầu mỡ xung quanh chiếc mỏ lết và cố gắng xoay con ốc trên thân mỏ để điều chỉnh cỡ lê. Ngón tay tôi bắt đầu chống đối. Tôi nhét ngón cái bên phải của mình vào miệng để làm ấm các khớp ngón tay, cầm chiếc đèn chiếu hậu trong tay trái để giúp nó ấm lên cùng một lúc.

Chiếc xe đi chậm lại, như sắp dừng. Tôi nắm chặt chiếc cỡ lê trong tay và chuẩn bị nhào ra khỏi cốp xe. Tôi sẽ làm Lockwood ngạc nhiên và giết hẳn. Nhưng chiếc Accord bắt đầu di chuyển trở lại, rẽ phải và tăng tốc cho đến khi nó đạt đến một tốc độ chóng mặt.

Tôi cố gắng xoay vít trên thân cỡ lê thêm một lần nữa. Và nó đã di chuyển, thắt chặt gọng kìm của chiếc mỏ vít cho đến khi chúng khóa chặt vào đầu ốc. Tôi giữ cỡ lê giữa lòng bàn tay mình, những ngón tay tôi co quắp và tím tái vì lạnh. Tôi cần phải tập trung tất cả sức lực của mình như thể tôi là một đứa trẻ đang cố gắng lập được chiến công vượt xa khả năng của mình, tay tôi run đến nỗi chỉ đơn thuần là vít mỏ của chiếc cỡ lê vào đúng khớp của con ốc mà đã mất bao nhiêu thời gian.

Ngay khi mở được con ốc thứ ba, cơ thể tôi đã ngừng run rẩy. Cho dù bình tĩnh đến từ những nỗ lực và sự tập trung vào sự hoàn thành nhiệm vụ hay từ triệu chứng của việc bước vào giai đoạn mới của sự giảm thân nhiệt, tôi cũng không biết. Khi con ốc cuối cùng rơi ra, chiếc cốp xe hé ra một lỗ hổng. Bây giờ, trở ngại duy nhất để mở cốp là một sợi dây nối liền các chốt của cốp xe với chiếc nắp có thể tháo rời, nằm ngay bên cạnh chỗ ngồi của

tài xế, một sợi dây mà tôi có thể loại bỏ chỉ bằng một vết cắt đơn giản của gọng kìm.

Tôi đẩy nắp cốp xe lên một vài phân và ánh sáng bên trong cốp xe được bật lên. Tôi nhanh chóng đóng nó lại. Tôi đã quên mất về ánh sáng đó. Tôi chờ đợi và nghe ngóng để xem liệu sai lầm của mình có làm Lockwood để ý, nhưng ông ta không hề thay đổi tốc độ. Tôi loại bỏ các bóng đèn trong cốp, che phủ những chiếc bóng đèn chiếu hậu và mở chiếc cốp lại một lần nữa. Con đường cao tốc vụt qua trước mắt tôi với tốc độ khoảng 60 dặm^{39*} một giờ, biến mất vào bóng tối, tại một nơi không có bất kỳ một bóng đèn xe cộ nào, cũng không một bóng đèn của nhà dân, hay những ánh đèn của thành thị. Tôi muốn nhảy ra khỏi cốp xe, nhưng tôi lại không muốn mình bị đau bởi sự va đập vào mặt đường ở tốc độ này.

^{39*} 1 dặm $\approx$ 1,609 km.

Sự run rẩy của tôi trở lại, nó giằng xé các cơ ở bắp chân, cánh tay và lưng tôi. Tôi cần phải hành động ngay bây giờ hoặc tôi sẽ bị đóng băng trước khi kịp làm bất cứ điều gì - hoặc là chết. Tôi xé chiếc khăn dính đầy dầu mỡ thành ba phần bằng nhau, gấp hai miếng trong số đó thành hình chữ nhật với kích thước của một lòng bàn chân, di chuyển một cách cẩn thận để nối những chiếc giẻ này vào lòng bàn chân bằng băng dính, quấn nó xung quanh chân mình để làm thành một đôi giày.

Tôi quấn chiếc giẻ thứ ba xung quanh tay cầm của chiếc cờ lê hình lưỡi liềm thành một cái nùi đủ lớn để bịt lại chiếc ống xả phía sau xe. Tôi lặng lẽ xé một miếng băng dính dài khoảng mười phân, buộc một đầu vào lỗ trên nắp cốp, nơi từng là vị trí của chiếc chốt. Tôi thay thế những bóng đèn chiếu hậu, vì vậy sẽ không có một chút ánh sáng nào có thể lọt ra từ cốp xe khi tôi mở chiếc nắp. Sau đó, tôi cắt chiếc dây nối bằng gọng kìm trên tay, giữ chiếc nắp đóng kín lại bằng băng dính. Tôi đã tính toán đường thoát thân của mình, đẩy chiếc nắp lên một vài xen-ti-mét bằng một tay và kéo nó xuống bằng băng dính bằng tay còn lại. Đây là lúc để trốn thoát.

Tôi lấy băng dính đủ để nới rộng nắp cốp xe trong khoảng ba mươi xentimét hoặc nhiều hơn, đủ để tôi có thể đưa vai ra khỏi đó, nhưng hy vọng là không quá rộng để Lockwood chú ý tới. Đầu tiên, tôi thò đầu ra khỏi mặt sau của xe, giữ chiếc nắp cốp tựa trên lưng mình với băng dính nằm bên tay phải, chiếc mỏ lết được cuộn giẻ nằm bên tay trái. Luồng khí lạnh đã khiến tôi bị bật hơi.

Tôi đẩy cờ lê vào ống xả bằng tất cả sức lực của mình, miếng giẻ đã ngắt luồng khí thải, lượng khí CO sẽ quay trở lại vào buồng máy và đầu máy. Tôi giữ dụng cụ chặn ống thải của mình chống lại áp lực từ khí thải, cho đến khi chiếc xe kêu soàn soạt, khục khặc hai lần, chết máy và lăn bánh chậm chậm dọc theo bờ đường. Khi xe đã đi với tốc độ chậm như rùa bò, tôi nhảy ra từ cốp xe và chạy nhanh nhất có thể bằng đôi giày làm từ băng dính của mình, tiến thẳng vào khu rừng ngay cạnh đường.

Khi tôi vừa chạm tới những hàng cây, tôi nghe thấy tiếng cửa xe đóng sầm lại. Tôi tiếp tục chạy. Các cành cây vụt qua cánh tay tôi. Tôi vẫn tiếp tục chạy. Được thêm vài bước nữa, tôi nghe thấy tiếng Lockwood hét lên cái gì đó rất khó hiểu.

Tôi không thể hiểu nổi được một từ nào, nhưng tôi hiểu đó là một cơn thịnh nộ. Tôi vẫn tiếp tục cắm đầu chạy. Được thêm vài bước nữa, tôi nghe thấy tiếng súng đầu tiên.

CHƯƠNG 35

Tôi chưa từng bị bắn trước đó. Và với cái đêm mà tôi đã trải qua - bị bóp nghẹt đến bất tỉnh, bị xích vào những khối gạch xi và gần như bị đóng băng đến chết trong một chiếc cốp xe - những chuyện đó chưa bao giờ xảy ra với tôi, vậy mà mọi thứ có thể trở nên tồi tệ hơn. Tôi cúi thấp đầu và chạy vòng vèo, đâm đầu một cách mù quáng qua khu rừng. Viên đạn đầu tiên sém vào vỏ của một cây thông cách bên phải tôi khoảng mười mét, hai phát khác xuyên vào màn đêm lạnh trên đầu tôi. Tôi nhìn qua vai phải của mình để xem Douglas Lockwood đang đứng dưới ánh sáng mờ mờ của đèn chiếu hậu, cánh tay phải giơ cao, chĩa súng về hướng của tôi. Trước khi tôi có thể lo lắng về những viên đạn kia, mặt đất chợt trũng xuống dưới chân và tôi bị ngã vào một rãnh nước. Những cành cây khô và những bụi cây cấu xé da thịt đang tê tái vì lạnh của tôi. Tôi nhảy lên, tay nắm chặt vào một cành bạch dương để giữ thăng bằng và nghe như có một tiếng súng khác gửi tới một viên đạn ngay trên đầu mình.

Sau đó, sự im lặng bao trùm.

Đứng thẳng trên hai chân, tôi có thể quan sát qua góc xiên của rãnh nước. Xe tôi nằm cách xa khoảng năm mươi mét, ánh sáng từ đèn pha phía trước chiếu sáng một góc hình nón trên đường cao tốc. Lockwood chĩa súng về phía có âm thanh bị ngã của tôi, không chắc chắn rằng tôi đang đứng ở đâu. Ông ta chờ đợi một tiếng động khác, tiếng lá cây bị gãy hoặc tiếng sột soạt của lá rừng, để nhắm mục tiêu. Ông ta vẫn nghe ngóng, nhưng tôi thì vẫn đứng một chỗ, cơ thể đang run lên đầy dữ dội vì lạnh và vì tôi đã ngừng chạy. Lockwood nhìn về phía sau của chiếc xe, cúi xuống và kéo chiếc mỏ lết từ ống bô, ném nó vào bìa rừng.

Ông ta tiến tới phía cửa buồng lái. Với chiếc cờ lê đã được tháo ra khỏi ống xả, chiếc xe sẽ hoạt động trở lại. Ông ta có đèn pha với những thứ mà

ông ta có thể rọi sáng cho cả vùng quê này. Tôi bò ra khỏi rãnh nước, chạy sâu vào rừng, né tránh những gì mà tôi có thể tránh và di chuyển lắt léo trên những lối đi mà tôi có thể và nhận được những vết cào và đòn roi bởi những cành cây tôi không thể nhìn thấy. Ngay khi ông ta quay được chiếc xe lại, tôi đã đi được khoảng một trăm mét sâu vào trong rừng. Hầu như bất kỳ một ánh sáng đèn pha nào cũng không thể lọt được qua những bụi cây dày đặc. Tôi trượt xuống một ngọn đồi nhỏ và ánh đèn pha biến mất phía chân trời.

Ông ta sẽ tìm kiếm trong khu rừng - ít nhất đó là những gì tôi sẽ làm nếu là ông ta. Ông ta sẽ không để cho tôi sống. Ông ta không thể cho phép tôi quay trở lại với nền văn minh và nói ra những điều mà tôi biết. Tôi tiếp tục di chuyển, sự đau nhói đang bắn từng phát vào ngón chân tôi trong mỗi bước đi, đôi mắt tôi định hình trong màn đêm đủ để tránh những cái cây bị đổ và những cành cây trên đường đi. Tôi dừng lại để thở, nghe ngóng những tiếng bước chân. Tôi không nghe thấy gì cả. Ông ta phải ở đâu đó ngoài kia. Khi tôi căng thẳng nghe ngóng, tôi chợt thấy chóng mặt, suy nghĩ của tôi trở nên rời rạc và dày đặc. Có cái gì đó không ổn. Tôi cố gắng vơ lấy một cành cây non, nhưng tay tôi không chịu tuân lệnh. Và tôi ngã xuống.

Da tôi nóng ran. Tôi đã được học về điều này ở trường. Đó là cái gì nhỉ? Đúng rồi. Con người chết vì bị giảm thân nhiệt sẽ cảm thấy nóng và cởi bỏ quần áo. Tôi sắp chết ư? Tôi cần phải di chuyển, tiếp tục di chuyển, để giữ máu lưu thông. Tôi cần phải đứng dậy. Tôi chống khuỷu tay xuống mặt đất, đứng dậy bằng đầu gối. Tôi có thể đã không còn cảm thấy chúng nữa. Tôi không còn cảm thấy mặt đất đóng băng dưới da mình. Tôi đang chết ư? Không. Tôi không cho phép.

Đôi chân tôi lảo đảo giống như một con ngựa non mới sinh, nhưng tôi vẫn đứng lên. Tôi đã chạy đường nào? Tôi cũng không thể nhớ nổi. Tất cả mọi phương hướng trông có vẻ đều lạ lẫm và đều có linh tính. Tôi bắt buộc

phải di chuyển - hoặc là chết. Gió đang thổi phía sau lưng tôi, phải không nhỉ? Tôi chọn một hướng và bước đi - những cơn gió lạnh đẩy tôi tiến lên phía trước. Với tất cả những gì mà tôi biết, tôi có lẽ đang tiến về phía nhà của Lockwood. Điều đó không quan trọng. Cái chết gây ra bởi một viên đạn có lẽ là thích hợp hơn việc chết vì hạ thân nhiệt.

Tôi không thấy mặt đất thoải xuống nữa và tôi đã ngã xuống một con dốc, nảy lên như một chiếc bao tải chứa đầy khoai tây và hạ cánh ngay giữa một con đường nhỏ, hai vết lõm song song hằn lên mặt đường bởi hai lốp xe tải. Dấu hiệu của con đường khiến tôi tràn đầy quyết tâm. Tôi đứng dậy trên đôi chân của mình, bước đi ngẫu nhiên theo hướng mà tôi đứng đối diện, đầu gối tôi như đang rung lên và oằn xuống, sự đe dọa đang lấn dần trong mỗi bước đi. Khi tôi nghĩ cơ thể mình đã đạt đến giới hạn của nó, khi tôi chỉ bước được thêm một bước nữa trước khi tôi có thể làm thêm được một điều gì đó hơn là ngã xuống phía trước, tôi đã nhìn thấy một tia sáng lóe lên cách tôi vài mét ngay đằng trước. Tôi chớp mắt để nhìn rõ hơn, tin rằng bộ não lộn xộn của mình đã ném một lời quả trách để thức tỉnh bản thân. Nhưng vẫn là nó, ở đằng kia. Một mảnh trăng đã xuyên qua những đám mây, lướt tới trái đất, giống như một mũi tên được nhắm trúng đích, bắn tía lia ra khỏi cửa sổ kính bắn thiêu của một túp lều đi săn: sự hứa hẹn của một nơi trú ẩn, có thể là một tấm chăn, hoặc - tốt đẹp hơn - là một cái bếp.

Tôi tìm thấy một nguồn sức mạnh mà không biết mình lấy được từ đâu, một nỗ lực cuối cùng của sự sống. Tôi kéo lê đôi chân trên con đường đó. Chiếc cabin có một cánh cửa làm bằng kim loại đã bị khóa, nhưng khung cửa sổ phía bên cạnh lại có thể dễ dàng mở khóa. Tôi tìm thấy một hòn đá, nhưng những ngón tay của tôi đã trở nên vô dụng, vì vậy tôi lượm lấy viên đá bằng cổ tay và cánh tay mình. Tôi đã ném đá và cơ thể mình chọi lại với lớp cửa kính, làm vỡ một góc của cửa sổ.

Tôi trượt cánh tay mình qua cái lỗ, thò vào trong nhà, cố gắng bám chặt tay vào tay nắm cửa, đủ để vận nó. Bàn tay yếu ớt của tôi lắc lắc tay nắm cửa. Tôi đã gần như được cứu, tuy nhiên, nếu tôi không thể bước chân vào nhà, thì điều này cũng trở nên vô nghĩa. Sự chóng mặt lại tấn công tôi thêm lần nữa. Chân phải của tôi bị gãy, tôi phải đứng dựa vào căn lều, chân trái phải vật lộn để giữ thăng bằng. Tôi nghiêng đầu mình trở lại và áp trán vào cửa sổ, cố gắng bẻ gãy những mảnh kính thành những mảnh vỡ đang rơi thành từng đợt trên sàn. Tôi huých vào những mảnh thủy tinh còn lại ra khỏi khung cửa bằng cùi trỏ rồi lao người qua lỗ hổng đó và rơi xuống sàn nhà, những mảnh thủy tinh cửa và đâm vào bụng tôi khi tôi ngã xuống.

Tôi bò bằng đầu gối và khuỷu tay trên sàn nhà, kiểm tra lại về sự khám phá mới mẻ của mình dưới ánh trăng nhợt nhạt: một chiếc chậu tắm, một chiếc bàn với bốn chiếc ghế, một chiếc ghế tựa và... một chiếc bếp củi.

Đúng là vớ bở! Những người thợ săn đã để lại một đồng cùi nhỏ gần chiếc lò, bên cạnh chúng là một tờ báo cũ và một vỏ hộp có kích thước bằng một lon soda chứa hai đầu diêm dài. Tôi kẹp một que diêm trên những đốt ngón tay xương xẩu và quẹt nó trên bề mặt của chiếc lò gang. Sự run rẩy đã khiến tôi điều khiển đầu que diêm vào bề mặt lò với một lực tương đối mạnh và điều đó đã khiến chiếc que gãy ra làm đôi, đầu của nó rơi vào bóng tối.

“Chết tiệt!” Tôi thốt ra từ đầu tiên ra khỏi mồm kể từ khi tôi bị đánh bởi chai rượu whisky. Những âm thanh đó va mạnh vào thành họng tôi khi lọt ra ngoài.

Tôi kẹp que diêm thứ hai vào bên tay trái, ép cổ tay của mình vào bụng để giữ chặt. Tôi chạm đầu của que diêm vào bề mặt kim loại của chiếc bếp lò, sau đó giật thật mạnh cơ thể mình, làm que diêm chạm vào bề mặt kim loại đủ mạnh để có thể thắp sáng mà không bẻ gãy nó. Tôi quay que diêm về một phía và nhìn ngọn lửa đang lớn dần lên. Tôi đốt một góc tờ báo, ngọn lửa liếm lấy mẫu giấy khô, leo nhanh về phía tay tôi, sức nóng từ

ngọn lửa đã sưởi ấm cho tôi và tôi tận hưởng nó với sự đói khát của một kẻ ăn xin.

Khi ánh sáng từ mẫu báo bị đốt cháy vây kín căn phòng, tôi tìm thấy những mảnh vỏ thông nằm sát bên cạnh đồng củi khô. Chặt những mảnh vỏ cây lên tờ báo đang cháy, tôi nhìn chúng đang dần chuyển mình thành một đồng lửa. Ngay sau đó, tôi đã có một đồng lửa cháy bằng những thớ củi khô kia. Lửa từ những lớp vỏ cây dẫn lên những thanh củi, những thanh củi dẫn đến những thanh gỗ và chỉ sau chớp mắt, tôi đã thấy mình đang ngồi xồm trước một ngọn lửa mạnh mẽ, tôi xoay cơ thể mình lần lượt áp sát với ngọn lửa, đủ lâu để mỗi bên cơ thể đều được sưởi ấm, xoa dịu những cơn đau đang giày vò tôi trước khi xoay người đi.

Khi xem xét những thớ thịt trên cơ thể mình, khi làn da của tôi đã “tan đá”, khi những giác quan của tôi đã quay trở lại với cuộc sống, thì tất cả những vết thương trên cơ thể tôi đều đồng loạt gào thét. Những vết thương dài và sâu bao phủ toàn bộ cánh tay và bàn chân. Tôi lôi ra những mảnh vụn thủy tinh từ bụng mình. Một vết thương cực lớn trên vai tôi vẫn còn mắc lại một chiếc lá thông. Vùng da trên cổ tôi, nơi Lockwood đã dùng dây để cắt đứt hơi thở của tôi, đang sôi sục một sự nhắc nhở về việc tôi đã xém chết như thế nào. Tôi tháo chiếc giày bằng băng keo ra khỏi chân mình, máu đã trở về trên những mao mạch và kẽ hở của những ngón chân, tôi hơ chúng vào lửa. Tôi xoa các cơ bắp ở chân, ngực và quai hàm, nơi những cơn đau của sự co rút vẫn đâm vào tôi như những chiếc gai nhọn.

Ngay khi cơ thể đã hồi phục lại đủ để đứng dậy, tôi đến bên cửa sổ, với một que lửa trên tay, để nhìn và nghe ngóng sự xuất hiện của Douglas Lockwood. Gió, thứ đã đẩy sau lưng khi tôi băng qua rừng cây, giờ đây đã trở thành một cơn bão mạnh. Nó giật chiếc rèm cửa và huýt sáo trong khi đang vùn vụt những cây thông bên ngoài. Nghe có vẻ đáng ngại, nhưng lại là một sự ban ơn của Chúa vì nó giúp tôi tránh xa khỏi kẻ đang săn lùng kia. Tôi thấy không có dấu hiệu của Lockwood. Tôi không nghe thấy tiếng

bước chân. Ông ta mang theo một khẩu súng, nhưng ông ta không thể bắn những gì mà ông ta không tìm thấy. Tôi kẹp chiếc rèm vào khung cửa sổ, cố gắng để nó che phủ toàn bộ khung cửa, dù chỉ là một xen-ti-mét, để ngăn chặn ánh sáng từ đồng lửa có thể lọt ra ngoài. Tôi nghe ngóng và chờ đợi. Tôi có thể để Lockwood lọt vào căn lều nếu hắn muốn giết tôi. Giờ thì tôi đã sẵn sàng đối mặt với hắn, hắn chắc hẳn đã nắm chắc một cuộc chiến trong tay.

Tôi ngồi cạnh cửa sổ trong ít nhất một giờ, căng thẳng lắng nghe tiếng bước chân hoặc sẽ nhìn thấy nòng súng thò vào từ chiếc rèm, nơi cửa sổ đã bị đập vỡ kính. Và sau một giờ, tôi bắt đầu tin rằng ông ta sẽ không tìm thấy tôi trong túp lều thợ săn đó. Trong khi tôi thò đầu ra ngoài để tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu nào của Lockwood, tôi đã trông thấy cơn bão tuyết mà các nhà dự báo đã đề cập đến. Những bông tuyết to như những cục bông lướt đi trong gió, chặn đứng tầm nhìn gần như bằng con số 0. Lockwood sẽ không bao giờ tìm tôi vào lúc này. Ông ta không điên đến nỗi sẵn sàng đi trong rừng ngay giữa cơn bão tuyết. Tôi đẩy đẩy một chiếc đệm ghế chèn lên chiếc khung cửa sổ để che chắn kỹ hơn lỗ hổng này và từ bỏ sự chầu chực của mình.

Tôi nhìn quanh căn lều nhỏ, đang được thắp sáng bởi một ngọn lửa tuyệt vời và nhận thấy đây là một căn phòng đơn với kích cỡ của một thùng xe - không phòng tắm, không điện, không điện thoại. Một bộ đồ bảo hộ của ngư dân được treo trên một chiếc móc gần với bồn rửa. Tôi đi qua những mảnh kính vỡ tới chỗ bộ đồ bảo hộ, cởi chiếc quần jean màu xanh của mình ra, thứ đang ướt nhẹp và đóng băng và mặc bộ đồ đó vào, rồi treo chiếc quần jean của mình lên phía trên ngọn lửa bằng một cái cán chổi. Tôi tìm thấy hai chiếc khăn to và một con dao găm trong một chiếc tủ. Tôi cởi chiếc áo sơ mi đang mặc trên người, treo nó cùng với chiếc quần jean và quần khăn lên vai, mặc chúng như một chiếc khăn choàng. Tôi nhặt con dao lên, chạm những cạnh sắc nhọn của nó lên đầu ngón tay cái, giữ nó trong lòng bàn tay, đâm vào bóng tối, giết chết Lockwood hàng ngàn lần với ý nghĩ trong

đầu. Tôi đã có quần áo, lò sưởi, một chiếc ghế tựa và một mái nhà. Tôi thấy mình như một ông hoàng. Tôi tin tưởng vào sự trốn thoát của mình. Tôi tin rằng mình sẽ an toàn thoát khỏi lão già điên khùng kia, người muốn nhốt những câu Kinh thánh vào mặt tôi ngay trước khi ông ta cố gắng để giết tôi. Tuy nhiên, khi tôi đang nằm trên chiếc ghế êm ái đó, tôi nắm chặt con dao găm trong một tay và một ngọn đuốc trên tay còn lại, chờ đợi cho một cuộc chiến khác.

CHƯƠNG 36

Đêm đó, tôi ngủ như một người đàn ông đang nằm trên mỏm đá. Mỗi tiếng lách cách phát ra từ ngọn lửa đều có thể đánh thức tôi dậy khỏi giấc ngủ thất thường, khiến tôi phải nhào ra phía cửa sổ để xem xét trong khu rừng kia liệu có dấu hiệu của Lockwood không? Khi ngày mới đã lộ dạng, cơn bão vẫn duy trì sức mạnh của nó với những cơn gió ném tuyết vào bức tường đã phủ kín một màu trắng xóa, đến nỗi sẽ khiến một con chó kéo xe phải ngần ngại. Ngay khi trời sáng, tôi bước chân ra ngoài với lớp tuyết đã phủ dày khoảng ba mươi xen-ti-mét để tìm kiếm một chiếc máy bơm nước. Căn lều có một bồn rửa với một máng cống, nhưng lại không có vòi nước. Tôi không tìm thấy bất kỳ một chiếc máy bơm nào, vì vậy tôi nấu chảy tuyết trong một chiếc chảo trên bếp. Tôi đã có đủ củi để có thể cầm cự trong vài ngày và chỉ cần có lửa, tôi sẽ có thể sống sót.

Tôi mặc trở lại chiếc quần jean và áo sơ mi của mình, cả hai đã khô chỉ qua một đêm và tôi đã dành cả buổi sáng để kiểm tra căn lều nhờ vào ánh sáng mặt trời. Những người thợ săn đã trữ lại rất ít thức ăn. Tôi tìm thấy một lon thịt bò hầm, nhưng cũng đã quá hạn, một hộp mì spaghetti và một vài loại gia vị, đủ để nuôi sống tôi cho đến khi bão tan.

Tôi sẽ cần một chiếc áo khoác cho chuyến đi xuyên rừng, vì vậy tôi tập hợp tất cả các nguồn vật liệu có thể tìm thấy và đặt ra nhiệm vụ cho mình. Tôi cắt hai ống tay áo từ hai chiếc khăn, gấp chúng lại thành hình ống và khâu chúng bằng dây cần câu và lưỡi câu đã được bẻ thẳng ra để làm kim. Chiếc áo làm bằng khăn có hai ống tay chạy dài từ cổ tay lên đến phía ngực, nơi tôi khâu chúng lại với nhau, và để lại một chiếc cổ áo giống như một cái lỗ để chui đầu vào. Tôi mặc lại chiếc áo bảo hộ, gấn hai mép khăn để cố định vào với nhau. Rồi tôi đi vòng quanh căn phòng, ngắm nghía,

kiểm nghiệm thành quả may vá của mình, tạm hài lòng với sự sáng tạo này. Một phần của chiếc áo đã được hoàn tất.

Khoảng giữa buổi sáng, tôi nấu một nửa chỗ mì Spaghetti, ăn chúng với một chút cà ri, ớt bột, muối và nuốt trôi chúng bằng những ngụm nước ấm. Tôi không thể nhớ nổi rằng mình đã từng ăn một bữa ăn nào ngon như thế này chưa. Sau bữa trưa, tôi bắt đầu tiến hành làm phần còn lại của chiếc áo. Một tấm rèm che cho chiếc cửa sổ duy nhất trong căn lều, gam màu đỏ tươi của nó gợi cho tôi nhớ về một chiếc khăn trải bàn ở các nhà hàng sang trọng. Tôi khoét một lỗ ở giữa của chiếc rèm, biến nó thành một chiếc áo choàng kiểu poncho^{40*}. Rồi sau đó, tôi kéo miếng bọt đệm ra khỏi tay vịn của chiếc ghế dài để làm một chiếc mũ. Đã đến lúc tôi phải gắn phần thân áo bảo hộ với những miếng mút đệm ghế, khâu chúng lại với chiếc mũ sáng chế và chiếc áo choàng poncho kia bằng những sợi dây rèm. Đến cuối ngày, tôi đã có một chiếc áo mùa đông mà có lẽ sẽ làm cho bất cứ ai trong hội Donner Party^{41*} ngày trước phải ghen tị.

^{40*} Một loại áo choàng có khoét lỗ để chui đầu qua, ở Nam Mỹ. ^{41*} Là một nhóm người hành hương bằng xe ngựa, khởi đầu do việc di cư đến California và bị mắc kẹt ở Sierra Nevada do bão tuyết. Và khi đó đã diễn ra tình trạng ăn thịt người để tồn tại trước đói rét và bệnh tật.

Khi mặt trời bắt đầu lặn, tôi kiểm tra lại thời tiết một lần nữa. Mặc dù tuyết vẫn rơi, nhưng không rơi dày hoặc xối xả như trước. Tôi bước ra ngoài, giờ tuyết đã ngập tới đầu gối, tôi nhận ra rằng mình cần phải có một đôi giày đi trong tuyết. Tôi nghĩ về điều đó trong khi làm bữa tối, sử dụng con dao găm để mở nắp hộp thịt bò hầm, nấu chúng trên ngọn lửa cho đến khi sôi bập bùng.

Sau bữa tối, tôi ngồi trong ánh sáng của ngọn lửa, tạo hình một đôi giày tuyết từ một trong tám chiếc ván nằm ở phía chân tường mà tôi không nỡ lòng gỡ ra. Tôi dùng dây nilon lấy từ ruột của chiếc ghế để buộc tấm ván vào đôi ủng của bộ quần áo bảo hộ. Khi đã hoàn thành, tôi mỉm cười mãn

nguyện và nằm cuộn tròn trên những gì còn lại của chiếc ghế dài cho đêm thứ hai trong túp lều này.

Buổi sáng, tôi nấu và ăn bữa sáng với phần mì còn lại, cắt miếng đệm thành từng mảnh và tọng vào ngực áo bảo hộ để cách nhiệt rồi mặc chiếc áo choàng poncho cùng với chiếc mũ vào người. Tôi dập tắt ngọn lửa bằng tuyết, trước khi rời khỏi căn lều, tôi sử dụng một mẫu gỗ cháy trong bếp lò viết một tin nhắn gửi đến chủ sở hữu, đặt lên chiếc bàn trong phòng.

Xin lỗi vì sự hỗn độn này. Căn lều đã cứu sống tôi. Tôi sẽ chịu trách nhiệm cho những thiệt hại đã gây ra. Joe Talbert.

Hành động cuối cùng của tôi là giắt con dao găm vào hông. Tôi không thể tưởng tượng được rằng Lockwood vẫn theo dõi tôi qua cánh rừng, nhưng tôi đã không hề thấy một chai rượu whisky nào quanh đây. Ông ta muốn tôi phải chết. Ông ta cần tôi phải chết. Tôi có khả năng đưa ông ta vào tù vì hành vi cố ý sát hại tôi - nếu không phải vì tội sát hại Crystal Hagen. Nếu ông ta cũng có suy nghĩ như tôi, ông ta chắc hẳn sẽ đang ở trong khu rừng kia, ẩn nấp như những tay thợ săn - súng trường trên tay - chờ đợi tôi tới nộp mạng.

CHƯƠNG 37

Mặc dù đã lớn lên ở Minnesota, nơi bạn có thể đi bộ trên tuyết nhiều như việc đi bộ trên bãi cỏ hoặc đường bê tông, nhưng tôi chưa bao giờ đi trên tuyết dày như thế này. Và tôi cũng chắc chắn mình chưa bao giờ đi trên đôi giày tuyết làm bằng ván gỗ thông như vậy. Tôi thực hành một chút trước khi nhả sai chân của mình xuống, từng bước vọc sâu vào trong tuyết cao lên đến tận cẳng chân, đây là một cái tiến thú vị để vượt qua những lớp tuyết nặng nề cao đến tận đầu gối kia, thứ mà sẽ có thể làm tôi chùn bước nếu không có đôi giày này. Tôi bẻ hai chiếc que từ một nhánh cây khô để sử dụng như một chiếc gậy trượt tuyết để giữ thăng bằng. Mỗi một bước chân đều yêu cầu sự tập trung cao độ để nhắm tính thời gian mỗi bước phối hợp nhịp nhàng với sự chuyển tải của sức nặng. Sau hai mươi phút, tôi mới chỉ đi được khoảng một phần tư dặm, nhưng những bước chân khó nhọc của tôi đã không còn để ý đến cơ thể mình nữa. Người tôi đã ấm lên, thời tiết đã trở nên tốt hơn và khu rừng trông có vẻ không hề có sự xuất hiện của Lockwood, bất chấp những mối đe dọa sẽ bị chết đang lẩn át trong thâm tâm mình, khung cảnh của một khu rừng phủ tuyết trắng xóa thật là đẹp khó tả.

Cũng giống như dòng chảy của một dòng suối sẽ dẫn đến một con sông, tôi biết rằng con đường mòn nhỏ bé kia sẽ dẫn tôi đến với một con đường lớn và với thế giới văn minh. Sau một giờ đi bộ, với quãng đường ngắn hơn nhiều so với những gì mà tôi hy vọng, tôi đã chạm tới một con đường. Nó còn nhỏ hơn cả một lối đi tắt giữa một rừng cây - nhỏ hẹp, ngoằn ngoèo và chưa bị cày xới - có lẽ đây là một nhánh đường rải sỏi sẽ dẫn tới một con đường lớn. Mặt trời chói chang chiếu xuyên qua những đám mây ngay phía vai trái của tôi báo hiệu rằng con đường này chạy về phía đông và phía tây. Bởi gió tây bắc đã ở phía sau lưng tôi khi tôi muốn thoát khỏi Lockwood, vì vậy tôi nghĩ hướng tây sẽ đưa tôi trở lại với con đường nhựa.

Con đường mòn càng ngày càng dễ đi hơn, dẫn đến đỉnh cao nhất của khu đồi. Tôi tiến về phía đó, lẩm bẩm một bài hát trong đầu - nhịp điệu này được hát bởi các lính gác Wicked Witch trong phim Phù thủy xứ Oz khi họ tiến vào tòa lâu đài của mình “O-ee-yah, ee oh-ah.” Tôi thì thoảng dừng lại để nghỉ ngơi, lấy sức và tìm kiếm dấu vết của loài người, và để hưởng thụ vẻ đẹp của ngày hôm nay: một ngày mà Douglas Lockwood đã cố gắng lấy cắp nó từ tôi. Phía đằng sau, các mô đất hạ xuống dần, dẫn đến một con sông ở phía đằng xa, một con sông có chiều rộng vừa phải, nhưng tôi không biết nó là con sông nào. Đó có thể là sông Mississippi, hay sông St.Croix, hoặc Minnesota hay Red, phụ thuộc vào việc tôi đã nằm bao lâu trong chiếc cốp xe đó và hướng nào chúng tôi đã đi.

Trong khi trèo lên đỉnh đồi, tôi nhìn thấy bằng chứng của nền văn minh sau hai ngày dài đằng đẵng: một con đường nhựa, đã được dọn tuyết sạch sẽ, đang hiện dần ra phía chân trời. Sẽ mất khoảng ba hoặc bốn dặm để đến được con đường đó, tôi có thể nhìn thấy một trang trại, với mái màu bạc của chuồng trại đang tỏa sáng lấp lánh sau những lùm cây bên cạnh một hầm ủ thức ăn cho vật nuôi: một cảnh tượng có lẽ lộng lẫy hơn cả nếu nó thuộc thành phố Emerald. Đường đến trang trại vẫn còn một đoạn rất xa, tôi biết tôi sẽ phải mất đến gần một giờ để có thể đến nơi đó. Tôi còn biết rằng tôi đã ăn không đủ no và cuộc chạy trốn này quét sạch những gì tôi đã ăn vào ban sáng. Nhưng, mặc dù vậy, tôi biết, mình vẫn phải chạy.

Có lần tôi xem một đoạn video quay về chuyển động chậm của loài chim hải âu đang cố gắng cất cánh từ một cồn cát, đôi chân có màng của nó đập thẳng lên mặt đất, cơ thể nặng nề của nó chuyển động ì ạch từ bên này sang bên kia, đấu tranh để có thể giữ thẳng lưng, đôi cánh vung về của nó sải dài ra để chống lại sự tròn trành của cơ thể. Tôi tưởng tượng việc mình chạy xuống khu đồi này trong lớp tuyết dày đến gối trông sẽ gần giống với con chim kia - đôi chân tôi đang nằm trong một đôi giày có đế là một ván gỗ thông, đang giậm trên con đường kia theo đường zíc zắc hơn là một đường thẳng. Tôi nhào tới phía trước từ bước này qua bước khác, cánh tay tôi trải

rộng ra với một độ dài vô lý bởi những cây gậy trong tay, vẩy vẩy trong không khí để giữ thăng bằng. Khi đã đi tới con đường nhựa, tôi vùi vào trong đồng tuyết, kiệt sức và cười hạnh phúc, tận hưởng cái cảm giác của mồ hôi đang rỉ ra trên khuôn mặt mình đang được lau đi bởi những cơn gió mùa đông.

Tôi cởi bỏ hai tấm ván trên đôi ủng ở chân mình và tiến thẳng trên con đường rải nhựa đến khu trang trại, tôi dường như đã chạy trên toàn bộ con đường, chỉ đi khi nào cần nghỉ ngơi. Tôi đã trông cậy vào hướng của mặt trời để có thể tìm đến được khu trang trại này ngay sau buổi trưa.

Khi tôi tiếp cận tới căn nhà, một con chó ló đầu ra khỏi lỗ cửa chuồng chó và bắt đầu sủa tới tấp. Nó không hề xông tới, điều này khiến tôi ngạc nhiên trước vẻ bề ngoài của mình: bộ quần áo bảo hộ màu xanh, những miếng đệm ghế vươn ra như một anh chàng bù nhìn rơm, tay bọc trong khăn tắm và một tấm rèm màu đỏ đô quàng trên vai và buộc thắt ở phần eo. Đến tôi cũng còn phải sửa vào mặt mình nữa là.

Khi tôi lại gần hiên cửa và con chó, cánh cửa bật mở và một cụ ông mang theo một khẩu súng ngắn bước ra ngoài.

“Xin dừng manh động!” Tôi nói, sự bức tức nhỏ giọt trong từng câu chữ của tôi. “Ông định trêu đùa cháu đấy ă?”

“Cậu là ai?” Người đàn ông lên tiếng. Ông ấy nói bằng một giọng nói nhẹ nhàng, có đôi chút tò mò hơn là tức giận. Ông ấy chìa nòng súng vào khoảng đất giữa chúng tôi.

“Tên cháu là Joe Talbert,” tôi nói. “Cháu bị bắt cóc và đã trốn thoát. Ông có thể gọi cảnh sát được không? Cháu có thể ngồi đây chờ nếu ông muốn.”

Con chó rút lui vào căn nhà khi một cụ bà bước ra ngưỡng cửa phía sau cụ ông, chu vi vòng eo của bà ấy chiếm hầu hết không gian của chiếc cửa

đang mở. Bà ấy đặt một tay lên vai cụ ông, nói với ông ấy rằng ông ấy nên lùi lại về phía sau, và ông ấy đã làm theo.

“Cậu đã bị bắt cóc sao?” Bà ấy hỏi.

“Vâng, thưa bà,” tôi nói. “Cháu đã nhảy ra khỏi một chiếc xe hơi vào hai ngày trước, chỉ ngay trước khi trận bão tuyết xảy ra. Và đã trốn trong một căn lều giữa rừng ở đằng kia.” Tôi chỉ ra phía sau bằng ngón tay cái. “Bà có thể nói cho cháu biết cháu đang ở đâu không?”

“Cậu đang ở cách xa Bờ phía Bắc, Minnesota khoảng bảy dặm,” bà ấy trả lời.

“Và con sông ở phía sau này... là con sông nào ạ?” Tôi hỏi.

“St.Croix,” bà ấy nói.

Nếu tôi đã suy luận đúng về lý do tại sao lại có khối gạch than xích vào chân mình, nghĩa là sau đó Lockwood sẽ chìm xác tôi xuống con sông St.Croix này. Một cơn rừng mình chạy qua ngực tôi với ý nghĩ ông ta đã gần như hoàn thành sứ mệnh của mình. Tôi sẽ trôi dưới những lớp đá, thịt trên cơ thể bị rửa ra từ khung xương và làm mồi cho cá, cho đến khi dòng nước cắt tôi ra khỏi mớ xiềng xích kia bằng cách tách khớp xương mắt cá mình ra. Tôi ắt hẳn sẽ được trở về với thực tại, trong khi thân thể bị rửa ra thành nhiều mảnh khi va phải đá và những khúc thân cây, con sông sẽ phân thân xác tôi trong khoảng cách từ đây đến New Orleans.

“Cậu có đói không?” Người phụ nữ hỏi. “Rất đói ạ.”

Người phụ nữ đẩy nhẹ người đàn ông vào nhà, ông ấy vẫn đang bước đi bên cạnh tôi và không hề hạ vũ khí xuống. Người phụ nữ dẫn tôi vào nhà, cho tôi ăn bánh mì ngô và sữa, và cùng chờ đợi với tôi cho đến khi cảnh sát tới.

CHƯƠNG 38

Cảnh sát trưởng là một người đàn ông cao lớn với cái đầu hói bóng và một chòm râu đen dày. Ông ấy yêu cầu một cách lịch sự rằng tôi hãy ngồi ở hàng ghế phía sau xe cảnh sát, nhưng tôi biết rằng yêu cầu của ông ấy có nghĩa là tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Tôi kể cho ông ấy về câu chuyện của mình từ đầu đến cuối. Khi tôi đã kể xong, ông ấy tìm tên tôi trong công văn để xem tôi có liên quan tới bất kỳ một lệnh bắt giữ nào không. Tất nhiên là không có. Nhưng tôi đã không trở lại với danh nghĩa của một người mất tích.

Tôi chưa kể với Lila rằng mình sẽ đi đâu. Cô ấy có thể nghĩ rằng tôi đã trở về Austin để giải quyết công việc với em trai Jeremy và mẹ mình.

“Chúng ta sẽ đi đâu?” Tôi hỏi khi ông ấy bắt đầu khởi động xe và gạt cần lái.

“Tôi đang nói chuyện với trung tâm hành pháp của Center City,” ông ấy nói.

“Ngài sẽ đưa tôi vào tù ư?”

“Tôi không chắc là sẽ phải làm gì với cậu. Tôi nghĩ tôi có thể bắt giữ cậu vì đã xâm phạm bất hợp pháp vào túp lều săn đó. Đó là một hành vi trộm cắp cấp độ ba.” “Trộm cắp ư?” Tôi hỏi, giọng tôi cao lên vì tức giận. “Lockwood đang tìm cách giết hại tôi. Tôi bắt buộc phải đột nhập vào đó.”

“Đó là những gì cậu nói,” ông ấy nói. “Nhưng tôi không biết cậu từ Adam. Tôi cũng chưa bao giờ nghe đến gã Lockwood này. Cũng không có ai báo cáo rằng cậu đang bị mất tích và cho đến khi tôi biết được mọi sự là như thế nào, tôi sẽ đưa cậu đến một nơi nào đó để có thể để mắt tới cậu.”

“Ôi, vì Chúa!” Tôi khoanh tay trong sự ghê tởm. “Nếu chúng tôi kiểm chứng được câu chuyện cậu nói, chúng tôi sẽ không bắt giữ cậu, nhưng tôi không thể để cậu đi cho đến khi những điều này được chứng minh.”

Ít nhất thì ông ấy không còng tay mình, tôi nghĩ. Trong sự giam hãm của hàng ghế sau, tôi có thể ngửi thấy mùi hăng nồng của những chiếc khăn, những chiếc đệm ghế và bộ quần áo bảo hộ: một thứ mùi mà tôi không hề để ý đến trước đó. Trong khi “thường thức” thứ mùi ấy trên người mình, một suy nghĩ chợt nảy ra trong đầu tôi. Tôi biết một ai đó có thể giúp tôi thuyết phục được cảnh sát là những điều tôi đã nói hoàn toàn là sự thật.

“Hãy gọi cho Max Rupert,” tôi nói.

“Ai cơ?”

“Thám tử Max Rupert. Ông ấy làm việc tại Văn phòng Cảnh sát Thụ lý các vụ giết người Minneapolis. Ông ấy biết tất cả về Lockwood và tôi. Ông ấy sẽ xác minh cho tôi.”

Ông cảnh sát trưởng bật bộ đàm lên và gửi công điện yêu cầu được liên lạc với Max Rupert ở Minneapolis. Chúng tôi không hề nói gì với nhau trong khoảng thời gian lái xe còn lại, ông cảnh sát huýt sáo ở hàng ghế phía trước trong khi tôi chờ đợi trong tuyệt vọng công điện xác nhận rằng tôi không phải là một kẻ tào lao hay một tên trộm. Khi cảnh sát bắt đầu đi vào cổng nhà tù ở Center City, một nữ nhân viên đã liên lạc với ông ấy bằng bộ đàm và nói với viên cảnh sát trưởng rằng Max Rupert đang đi làm nhiệm vụ, nhưng họ đang cố gắng xác định vị trí của ông ấy. Tôi gục đầu cam chịu.

“Xin lỗi,” viên cảnh sát nói, “Nhưng tôi buộc phải giữ cậu trong một thời gian.” Ông ấy đỗ xe, mở cửa cho tôi và còng tay tôi ra sau lưng. Ông ấy dẫn tôi vào và đặt một căn phòng, nơi những người giữ tù yêu cầu tôi phải thay sang bộ quần áo đồng phục màu cam của những người bị kết án. Khi

ông ấy đóng cánh cửa phòng giam lại, tôi cảm thấy một trạng thái thật kỳ lạ: tôi đang rất ấm áp, được an toàn và vẫn còn sống rất tốt.

Một y tá đến chỗ tôi khoảng một giờ sau để làm sạch những vết thương trên cơ thể tôi, đặt gạc vào những vết thương sâu hơn và bôi thuốc kháng sinh cho những phần còn lại. Những ngón chân và ngón tay tôi vẫn bị mất cảm giác từ khi bị đóng băng, nhưng cô ấy nói rằng triệu chứng này sẽ không tồn tại vĩnh viễn. Sau khi cô ấy rời đi, tôi nằm trên giường của mình nghỉ ngơi. Và tôi đã không nhớ rằng mình đã rơi vào giấc ngủ.

Một lát sau, tôi giật mình tỉnh dậy với những âm thanh của một giọng nói thì thầm. “Trông cậu ấy rất yên bình. Tôi không nhớ làm phiền cậu ấy,” đó là một giọng nói mà tôi mơ hồ nhận ra.

“Chúng tôi sẽ rất hạnh phúc nếu có thể giữ anh ta ở lại đây trong vài ngày,” một giọng nói khác vang lên, giọng nói này tôi biết chắc là của viên cảnh sát trưởng. Tôi ngồi dậy trên chiếc giường của mình, dụi mắt và nhìn thấy Max Rupert đang đứng ở cửa ra vào phòng giam của tôi.

“À đây rồi, “người đẹp ngủ trong rừng,” ông ấy nói. “Họ nói với tôi rằng cậu có lẽ cần thứ này.” Ông ấy ném cho tôi một chiếc áo len, một chiếc áo khoác và một đôi giày quá khổ.

“Ngài đang làm gì ở đây ạ?” Tôi hỏi.

“Đưa cậu về nhà,” ông ấy nói. “Chúng ta cần làm một số việc ngay lập tức.” Ông ấy quay lại, đi với ngài cảnh sát trưởng về phía văn phòng trong khi tôi thay quần áo. Mười phút sau, tôi đã ngồi trong chiếc xe cảnh sát không gắn mác của Rupert - và lần này là ghế trước chứ không phải là hàng ghế phía sau - rời khỏi Center City và thẳng tiến tới Minneapolis. Mặt trời đã lặn, nhưng ánh sáng còn lại của nó vẫn đỏ rực phía chân trời đằng tây. Tôi kể với Rupert những gì đã xảy ra và ông ấy kiên nhẫn lắng nghe mặc dù tôi chắc chắn rằng viên cảnh sát đã kể hết cho ông ấy.

“Cháu nghĩ ông ta sẽ chìm cháu xuống sông,” tôi nói. “Đó cũng là một suy luận khá tốt,” Rupert nói.

“Khi tôi nghe rằng cậu đã đi lang thang ra khỏi rừng như một người loạn trí, kêu than rằng Lockwood đã bắt cóc cậu, tôi ngay lập tức đã kiểm tra lại một vài chuyện. Về thông tin xe của cậu. Xe của cậu được gắn thẻ và mang đi ngày hôm qua. Nó được tìm thấy trên một tuyến đường tuyết - đã được cảnh báo tại Minneapolis. Ta đã ghé qua bãi đỗ xe công trước khi lái đến đây.” Ông ấy với ra hàng ghế sau và túm lấy chùm chìa khóa xe của tôi và chiếc ba lô cùng với chiếc điện thoại trong đó.

“Những thứ này có trong xe của cậu.”

“Ngài đã không tình cờ tìm thấy một chiếc ví hay một máy ghi âm ư?”

Rupert lắc đầu. “Nhưng chúng tôi đã tìm thấy một mũi khoan đá cầm tay và búa tạ ở ghế sau. Tôi cá những thứ đó không phải là của cậu.”

“Không phải,” tôi nói.

“Ông ta có lẽ đã lên kế hoạch đưa cậu vào lớp băng ở St.Croix. Chúng tôi sẽ không bao giờ có thể tìm thấy cậu.”

“Cháu nghĩ ông ta cho rằng cháu đã chết.”

“Chắc hẳn là như vậy,” Rupert nói. “Khi cậu bóp cổ ai đó, họ có xu hướng bất tỉnh vì máu ngừng lưu thông lên đầu họ, nhưng họ vẫn chưa chết. Với cái lạnh làm nhiệt độ cơ thể cậu hạ xuống, tôi chắc chắn ông ta đã nghĩ cậu chỉ là một xác chết.”

“Cháu đã gần chết,” tôi nói. “Ngài nói họ tìm thấy xe cháu trên một con đường phủ tuyết trong tình trạng nguy hiểm ư?”

“Ừm, đúng vậy, đỗ cách bến xe bus khoảng một tòa nhà,” Rupert nói. “Lockwood có thể đang trên bất cứ một chuyến xe bus nào.”

“Ông ta đang chạy trốn ư?”

“Có thể lắm chứ. Hoặc có lẽ ông ta muốn chúng ta nghĩ ông ta đang chạy trốn. Chúng tôi đã kiểm tra việc mua bán thẻ tín dụng dưới tên của ông ta nhưng chúng tôi không tìm thấy gì cả. Ông ta có lẽ đã mua vé bằng tiền mặt. Tôi cũng yêu cầu một vài cán bộ xem lại các đoạn phim giám sát quay lại từ bến xe bus đó.

Nhưng đến giờ chúng tôi vẫn chưa tìm thấy tung tích của Lockwood trong đoạn băng ghi hình nào. Chúng tôi đã đặt một lệnh Bolo lên ông ta.”

“BOLO?”

“Lệnh truy nã.”

“Vậy là ngài đã tin cháu?” Tôi hỏi. “Rằng ông ta là người đã giết Crystal Hagen?”

“Có thể xem là như vậy,” ông ấy nói. “Tôi đã có đủ chứng cứ để bắt giữ ông ta vì tội đã bắt cóc cậu, việc này sẽ cung cấp cho chúng ta DNA của ông ta... khi chúng ta tìm được Lockwood.”

“Chúng ta có thể đến nhà ông ta,” tôi nói. “Ông ta đã uống rượu trong chai wishky. Chúng ta có thể có DNA từ đó, hoặc chúng ta có thể lấy chúng từ bàn chải đánh răng của ông ta.”

Rupert mím môi và thở dài. “Tôi đã gửi một đội hình sự đến nhà Lockwood,” ông ấy nói. “Khi chúng tôi đến đó, căn nhà đó vừa mới bị đốt cháy. Nơi đó đã bị thiêu rụi hoàn toàn. Ngọn lửa bùng cháy rất to, chắc chắn là do cố ý gây hỏa hoạn.”

“Ông ta tự đốt chính căn nhà của mình ư?”

“Ông ta đang cố che giấu tung tích của mình - chặn lại bất cứ bằng chứng nào có thể phản lại ông ta. Chúng tôi đã không tìm thấy nổi một cọng thuốc lá hay vỏ lon bia - chẳng có gì để có thể lấy DNA của ông ta làm bằng chứng cả.”

“Vậy thì chúng ta sẽ làm gì tiếp theo?” Tôi hỏi. “Chuyện này sẽ không còn là “chúng ta” nữa,” Rupert nói. “Cậu không liên quan đến chuyện này. Tôi không muốn cậu đi loanh quanh để tìm kiếm Douglas Lockwood. Tôi nói thế cậu rõ chứ? Chúng tôi đang tiến hành điều tra. Sẽ chỉ mất ít thời gian thôi.”

“Nhưng thời gian sẽ là vấn đề...”

“Người đàn ông đó đã suýt nữa giết chết cậu,” Rupert nói. “Tôi biết cậu muốn làm rõ mọi chuyện trước khi Iverson chết. Tôi cũng muốn như cậu. Nhưng đây là lúc cậu phải tránh xa việc này.”

“Ông ta không theo dõi cháu nữa - giờ thì tất cả mọi người đều tham gia vào vụ này,” tôi nói.

“Giả định của cậu về Lockwood là hợp lý, rằng ông ta không phải là loại người giết cậu chỉ vì muốn trả thù,” Rupert nói. “Cậu đã gặp ông ta. Cậu có nghĩ rằng ông ta là người có lý trí không?”

“Vâng, chúng ta hãy xem xem,” tôi nói với một giọng mỉa mai. “Trong khoảng thời gian ngắn ngủi cháu tiếp xúc với Douglas Lockwood, ông ta đã khóc, phun ra những câu nói điên rồ của Kinh thánh, đánh cháu bằng một chai rượu whisky, bóp cổ cháu, đẩy cháu vào cốp xe và cố gắng bắn cháu. Cháu nghĩ rằng chúng ta đã có một sự loại trừ hợp lý.”

“Đó là điều tôi muốn nói đến,” Rupert nói. “Cậu cần phải trông chừng bản thân. Nếu ông ta vẫn còn lớn vồn xung quanh cậu, sẽ có một lúc nào đó

ông ta cố gắng tiếp cận cậu. Ông ta sẽ nhận ra cậu như là cội cội nguồn của tất cả các vấn đề liên quan đến mình. Tôi giả sử ông ta có tên và địa chỉ của cậu. Nó nằm trong ví cậu, phải không?”

“Chết tiệt.”

“Cậu có một nơi nào đó, để có thể ở tạm một thời gian, một nơi nào đó ông ta không thể tìm thấy cậu - nhà của bố mẹ cậu chẳng hạn?”

“Cháu có thể ở lại với Lila,” tôi nói nhanh. “Ông đã gặp cô ấy rồi.” Tôi không hề đề cập đến rằng cô ấy chỉ sống cách căn hộ của tôi có vài bước chân. Tôi sẽ không quay trở lại Austin.

Rupert với chiếc bảng điều khiển và lấy ra một tấm danh thiếp khác. “Đề phòng trường hợp ông ta xuất hiện. Tôi viết số điện thoại di động cá nhân của tôi trên tấm danh thiếp này - nếu cậu cần liên lạc với tôi, 20-4-7...”

Rupert yêu cầu tôi phải rút lui, điều này khiến tôi cảm thấy khó chịu. Đây là kế hoạch của tôi. Tôi lôi nó ra khỏi bóng tối. Tôi mang nó đến cho ông ấy khi ông ấy không hề muốn nó. Và giờ, khi chúng tôi đang ở rất gần, rằng Lockwood cách xa chúng tôi chỉ bằng một cái nhón tay, vậy mà ông ấy lại muốn loại tôi khỏi vụ này.

Ông ấy nói. “Chúng tôi đã cho tiến hành cuộc điều tra,” nhưng những gì tôi nghe được lại là “Chúng tôi đưa vụ án này vào danh sách của những vụ án đang diễn ra và nếu Lockwood có xuất hiện, thì chúng tôi sẽ bắt giữ ông ta.” Tôi nhắm mắt và một hình ảnh xâm chiếm suy nghĩ của tôi. Tôi thấy Carl đang vùng vẫy trên sông, trượt xuống làn nước, chiếc áo phao cứu sinh của ông ngoại tôi quấn lấy cánh tay ông ấy. Trong hình ảnh đó, tay tôi đang giữ một sợi dây neo - nhưng lại không hề buông nó ra, không cứu ông ấy. Không thể để chuyện này xảy ra một lần nữa, tôi tự nói với bản thân mình. Tôi vẫn chưa hoàn thành xong dự án này. Tôi sẽ tìm ra cách để hoàn thành

nó. Tôi sẽ làm những gì mình cần phải làm để cuộc điều tra đạt tới kết quả rằng sẽ tống Lockwood vào tù trước khi Carl qua đời.

CHƯƠNG 39

Tôi gọi Lila và nhờ cô ấy đến đón mình tại City Hall. Cảnh sát đã giữ xe của tôi làm bằng chứng để lấy mẫu vân tay và các việc tương tự. Qua điện thoại, tôi nói với Lila một vài điều đã xảy ra. Tôi kể cho cô ấy nghe toàn bộ câu chuyện trên đường trở về khu căn hộ của chúng tôi. Cô ấy chạm tay lên vết thương nơi chai rượu Jack Daniels đã đánh trúng, tạo nên một vết thương hở trên đầu tôi, rồi tay cô ấy trượt xuống những vết cứa trên cổ, nơi chiếc thắt lưng da đã siết chặt cổ họng tôi một cách thô bạo. Cô ấy yêu cầu tôi lặp lại những từ mà Lockwood nói sau khi đọc cuốn nhật ký. Tôi cố nhớ.

“Anh nghĩ ông ta gọi mẹ Crystal là con điểm của Babylon,” tôi nói. “Ông ta đã nói huyền thuyên về việc anh không hiểu tình yêu mà ông ta dành cho cô bé là như thế nào... rằng đó là Kinh thánh và cô ấy là... là cái gì nhỉ... cái gì đó về những đứa trẻ là phần thưởng mà Chúa ban cho những người đàn ông. Rồi ông ta nói rằng ông ta làm những thứ mà ông ta ghét và đánh anh bằng cái chai đó.”

“Ông ta nghe có vẻ điên rồ quá,” cô ấy nói. “Không có gì để bàn.”

Tôi liên tục nhìn ra ngoài trên đường về nhà, rà soát tất cả các gương mặt của những người đàn ông chúng tôi đi qua. Khi chúng tôi dừng xe tại căn hộ, tôi nhìn xung quanh khu vực đó, kiểm tra các kính chắn gió của xe, tìm dấu hiệu của một người đang ngồi trên ghế tài xế hoặc một khuôn mặt đang nhìn trộm qua một khe hở nhỏ. Một chiếc đèn đường nhấp nháy ở phía cuối tòa nhà làm cho những cái bóng chuyển động. Tôi nghĩ một lát xem liệu mình có nhìn thấy một đôi vai gù của Douglas Lockwood đang thập thò phía sau thùng rác, nhưng hóa ra đó là một chiếc lốp xe cũ. Tôi đã không nói với Lila về lý do của sự hoang tưởng này, nhưng tôi nghĩ là cô ấy hiểu.

Tôi đã không lường trước được những vết thương mà hoàn cảnh đã mang lại cho cơ thể của mình cho đến khi tôi bước lên lối cầu thang nhỏ hẹp dẫn lên căn hộ. Có quá nhiều bộ phận trên cơ thể tôi bỏng lên vì đau đớn: bắp chân, vai, lưng, cảm giác ấy như là một chứng chuột rút được buộc thắt nút lại bên trong cơ thể bị thương đang run rẩy của tôi. Những vết cắt, vết xước nhằng nhịt trên ngực, cánh tay và đùi tôi như thể tôi vừa mới vật lộn với một con lợn lòi. Tôi dừng lại một lát trước mỗi lần chuyển động trên từng bậc cầu thang để cảm nhận tất cả mọi vết thương đang cùng lúc kêu gào trước khi tiếp tục lên đến đỉnh.

Tôi đã không hỏi Lila về việc có thể cho tôi ngủ ở căn hộ của cô ấy đêm hôm đó - cô ấy đã tự đề nghị chuyện này. Cô ấy còn đề nghị sẽ nấu cho tôi một ít xúp gà. Tôi ủng hộ cả hai. Sau đó, cô ấy để tôi sử dụng phòng tắm của cô ấy và mở vòi nước cho tôi rồi đi ra ngoài. Nước nóng rơi trên da thịt tôi, nới lỏng những nút thắt trong cơ bắp, rửa máu khô đang kết lại trên tóc và làm sạch bụi bẩn từ những vết trầy xước trên người tôi. Tôi ở trong phòng tắm lâu hơn bình thường và còn định ở lại lâu hơn nữa mà không biết rằng Lila đã nấu xong xúp cho tôi. Tôi lau khô người, cẩn thận từng chút một để không làm hở lại những vết thương trên cơ thể. Khi bước ra khỏi phòng tắm, tôi nhìn thấy một bộ quần áo sạch của mình đã được gấp ngay ngắn trên ghế nhà vệ sinh. Lila đã lấy chìa khóa căn hộ của tôi từ túi quần và sang phòng bên, quay trở lại với một chiếc quần soóc sạch sẽ được thiết kế giống kiểu của những vận động viên đấm bốc, một chiếc áo phông, một áo choàng tắm của tôi. Cô ấy cũng mang theo dao cạo và bàn chải đánh răng để tôi có thể cạo râu và đánh răng lần đầu tiên trong ba ngày qua.

Khi tôi vừa bước chân ra khỏi phòng tắm, Lila đang đổ xúp từ nồi vào tô. Cô ấy đã thay đồ bằng một chiếc áo Twins quá khổ yêu thích của mình, cùng với chiếc quần ngủ màu hồng và một đôi dép ton sur ton. Tôi thích chiếc áo này của cô ấy.

“Trông anh có vẻ đang đau lắm hả?” Lila hỏi. “Ừm, chỉ một chút thôi,” tôi nói.

“Anh đi nằm đi,” cô ấy nói, chỉ vào chiếc giường trong phòng ngủ. “Em sẽ mang xúp vào cho anh.”

“Anh sẽ thấy ổn hơn nếu em để anh ngủ trên ghế phòng khách,” tôi nói.

“Không bàn cãi gì hết,” cô ấy nói, chỉ vào cánh cửa phòng ngủ của mình. “Anh đã trải qua một khoảng thời gian rất khó khăn. Anh sẽ ngủ trên chiếc giường đó. Thế thôi.”

Tôi không muốn tranh luận thêm. Tôi đã trông đợi việc sẽ được ngủ trên một chiếc giường, với một chiếc gối, đệm và một chiếc túi sưởi ấm áp. Tôi tựa gối lên đầu giường và leo lên, nhắm mắt một vài giây để tận hưởng sự êm ái của nó đối với cơ thể mình. Lila mang xúp với một vài chiếc bánh quy và sữa đến cho tôi. Cô ấy ngồi ở mé giường và chúng tôi nói chuyện thêm về những thử thách vừa qua của tôi. Tôi kể cho cô ấy nghe về việc tìm ra lửa trong căn lều và bộ quần áo tự chế được làm từ bộ đồ bảo hộ, chiếc áo choàng và về tất cả. Khi tôi đã ăn xong xúp, Lila mang bát, đĩa và cốc ra ngoài và tôi nghe thấy tiếng chúng va vào nhau khi cô ấy đặt đồ vào trong chậu rửa. Mọi thứ trở nên yên tĩnh trong giây lát trước khi Lila trở lại phòng ngủ.

Khi cô ấy bước vào - và cũng là khi tôi nhìn thấy cô ấy, tôi như ngừng thở. Lila đã mở những nút cúc áo gần như đến nút cuối cùng, những đường cong từ hai bờ ngực của cô ấy lộ lộ sau lớp vải lụa mỏng manh, đuôi áo cô ấy trượt trên lớp da mịn như lụa của đôi chân trần.

Trái tim tôi đập rộn ràng trong lồng ngực, tôi chắc chắn rằng cô ấy có thể thấy được điều ấy. Tôi muốn thốt lên một câu nhưng không thể. Tôi chỉ đơn giản là ngồi đó, nhìn ngăm và, chìm đắm trong vẻ đẹp của cô ấy.

Một cách chậm rãi và duyên dáng, cô ấy đưa một tay lên ngực và trượt áo ra khỏi vai phải, lớp vải rơi xuống tới khuỷu tay, lộ ra khuôn ngực phải đầy đặn. Rồi cô ấy tiếp tục trượt vai áo bên trái, buông chiếc áo rơi xuống sàn nhà, thứ quần áo duy nhất còn lại trên người cô ấy là một chiếc quần ren đen mỏng mảnh.

Kéo tấm chăn xuống, cô ấy trượt xuống, nằm cạnh tôi, hôn lên những vết thương trên ngực, một vết cắt bên cánh tay, rồi đến cổ. Chuyển động của cô ấy nhẹ nhàng từ từ tiến xuống phía dưới, hôn lên những vết thương của tôi, vuốt ve khắp những cơ bắp đang căng cứng và chạm vào cơ thể tôi với một sự dịu dàng mà tôi chưa từng được biết đến. Cô ấy đưa môi mình lên sát mặt tôi và rồi chúng tôi trao nhau nụ hôn, thật nhẹ nhàng, những ngón tay tôi lùa qua mái tóc ngắn mềm mại kia, cơ thể cô ấy ép dần vào tôi. Tôi đưa bàn tay còn lại xuống những đường cong mềm mại từ phía lưng, hông và khám phá sự tuyệt diệu của cơ thể cô ấy qua từng ngón tay.

Đêm đó, chúng tôi đã ngủ với nhau, không phải kiểu trần tục với những giọt mồ hôi nhớp nháp, vụng về hay hùng hục kiểu tình dục sinh ra từ hóc môn và men rượu, mà tan chảy một cách từ từ, theo kiểu tình yêu buổi sáng chủ nhật. Cô ấy trườn qua cơ thể tôi như một cơn gió, uyển chuyển, cơ thể căng tràn mạnh mẽ trong vòng tay của tôi. Chúng tôi ôm ấp, hòa quyện vào nhau và tâm hồn nhảy múa cho đến khi cô ấy dang hai chân, quần quai. Một vệt ánh trăng lọt qua khe của tấm rèm cửa, rơi lên cơ thể cô ấy, soi rọi những đường cong nuột nà, hai tay cô ấy giữ trên đùi tôi, đầu ngửa ra sau và nhắm mắt. Tôi nhìn chăm chăm vào cô ấy, xâm nhập vào cơ thể cô ấy và khóa hình ảnh đó lại vào một nơi thầm kín trong tâm trí, nơi bộ nhớ của tôi sẽ lưu giữ mãi mãi khoảnh khắc này.

CHƯƠNG 40

Tôi tỉnh dậy trước khi mặt trời mọc. Lila vẫn nằm gọn trong vòng tay của tôi, lưng áp vào ngực tôi, hông vào đùi cô ấy cong lên áp sát dọc theo cơ thể tôi. Tôi hôn lên lưng và cổ cô ấy, khiến cô ấy động đậy một chút, nhưng không đủ để đánh thức. Tôi nhẹ nhàng hít hà mùi hương cơ thể cô ấy, nhắm mắt lại để phát lại “bản nhạc” ngọt ngào của đêm qua trong đầu và để cho các ký ức đổ dành tôi như một thứ chất độc ngấm dần vào cơ thể cho đến khi tôi chìm lại vào giấc ngủ. Tôi không hề tỉnh dậy cho đến khi tiếng điện thoại reo lên vào lúc tám giờ ba mươi. Nó khiến tôi phải mất một chút thời gian để xác định vị trí của chiếc quần tôi để trong phòng tắm của Lila và rút điện thoại ra khỏi túi.

“Xin chào?” Tôi nói, quay trở lại giường ngủ.

“Joe Talbert phải không?” “Vâng, tôi là Joe,” tôi dụi mắt.

“Ta là Boady Sanden từ dự án cho những người vô tội *Innocence Project*. Ta không đánh thức cậu dậy chứ?” Ông ta nói.

“À không ạ,” tôi nói dối. “Có chuyện gì vậy ạ?” “Cậu không thể tin được vào dịp may bất ngờ mà chúng ta vừa có được đâu.” “Cái gì cơ?”

“Cậu có theo dõi câu chuyện mới nhất của Phòng thí nghiệm điều tra tội phạm Ramsey^{42*} không?”

^{42*} Nguyên gốc: *The Ramsey Country Crime Lab*.

“Nó không hề có chút định nghĩa nào với cháu cả.”

“St Paul có một phòng thí nghiệm điều tra tội phạm riêng của mình, tách biệt hẳn với BCA. Khoảng hai tháng trước, có ba trong số các nhà khoa học của họ đã làm chứng tại một phiên tòa rằng họ đã không có một phác đồ

bằng văn bản hợp lý nào đối với các thủ tục pháp y của mình. Các luật sư bào chữa trong khu vực đã tức điên lên và liên tục khiếu nại về điều này. Vì vậy, hội đồng thành phố đã ngừng ngay việc sử dụng kết quả của các thí nghiệm này cho đến khi vấn đề phác đồ này được chỉnh sửa.”

“Vậy thì nó liên quan như thế nào đến dịp may bất ngờ của chúng ta?”

“Ồ, điều đó có nghĩa với ta rằng họ sẽ không tiến hành bất kỳ một xét nghiệm DNA nào bởi vì vẫn chưa có văn bản quy trình phác đồ vào ngay lúc này, bất kỳ một luật sư bào chữa bình thường nào cũng sẽ ném những chứng cứ này đi. Nhưng trong vụ án của chúng ta, đây chỉ là chứng cứ phòng bị nếu tòa án yêu cầu kiểm tra. Các công tố viên sẽ không bao giờ thừa nhận độ tin cậy của kết quả xét nghiệm, vì vậy, họ sẽ buộc phải tranh luận bằng các chứng cứ mà họ đã sử dụng trong nhiều năm qua.”

“Cháu xin lỗi, cháu không hiểu cho lắm.”

“Chúng ta có một phòng thí nghiệm với rất nhiều các nhà khoa học, những người sẽ không làm bất cứ một công việc thí nghiệm nào trong thời điểm hiện tại vì các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính. Ta có một người bạn ở dưới đó và ta yêu cầu cô ấy phải ngay lập tức kiểm tra chiếc móng tay giả của chúng ta. Cô ấy đầu tiên không đồng ý, nhưng khi ta giải thích về trường hợp của ông Iverson đang nằm trên giường chờ chết, thì cô ấy đã chấp thuận.”

“Tức là ngài đã có được xét nghiệm DNA?”

“Ta đã có kết quả xét nghiệm DNA. Ta đang cầm kết quả ở đây.”

Tôi dường như không thể thở. Tôi nghĩ Sanden chưa muốn thông báo kết quả này với tôi vội để tính toán các bước đi tiếp theo. Cuối cùng, tôi nói, “và?”

“Và họ tìm thấy cả tế bào da và máu trên chiếc móng tay đó - DNA của cả nam và nữ giới. Chúng ta có thể xác định DNA nữ giới kia chính là của Crystal.”

“Thế còn về DNA của nam giới thì sao?” Tôi hỏi. “Kết quả DNA của người nam giới kia không phải là của Carl Iverson. Đó không phải là tế bào da của ông ấy và cũng không phải là tế bào máu của ông ấy.”

“Cháu biết mà,” tôi nói. “Cháu biết nó không phải là của Carl.” Tôi đắm mình vào không khí trong một cảm xúc tràn đầy của năng lượng và sự chiến thắng.

“Tất cả những gì chúng ta cần bây giờ là một miếng gạc DNA của Lockwood,” Sanden nói. Và chỉ cần như thế, quả bóng của niềm hoan hỉ trong tôi nổ tung. “Ngài vẫn chưa nói chuyện với Max Rupert đúng không ạ?”

“Rupert ư? Chưa. Tại sao?”

“Lockwood đang chạy trốn,” tôi nói. “Hắn ta đã tự đốt căn nhà của mình thành tro bụi và biến mất. Rupert nói hắn ta đã phá hủy mọi dấu vết DNA của mình.”

Tôi không kể với giáo sư Sanden lý do vì sao Lockwood lại chạy trốn. Tôi chưa hề nói với ông ấy về chuyến ghé thăm của tôi đến nhà lão ta và về vụ bắt cóc. Tôi biết rằng hành động đó của tôi, tuy là với ý định tốt, nhưng đã khiến cho Lockwood cao chạy xa bay. Tôi cảm thấy thật chán nản.

Lila ngồi dậy trên giường, quan tâm đến cuộc nói chuyện của tôi. Tôi nhấn loa ngoài để cô ấy có thể nghe thấy.

“Ồ,” Sanden nói. “Chúng ta có cuốn nhật ký, những bức ảnh, sự tẩu thoát của Lockwood khỏi công lý và ngôi nhà cháy rụi của ông ta - có lẽ thế là đủ để đưa vụ này ra tòa.”

“Liệu những điều này có đủ để giải oan cho Carl không?” Tôi hỏi.

“Ta không biết.” Giáo sư Sanden nói như thể ông ấy đang nói chuyện với chính mình, để những lợi thế và sự bất lợi cân đo đong đếm trong đầu mình. “Cứ cho rằng DNA là của Lockwood. Ông ta chỉ đơn giản sẽ nói rằng ông ta có tranh cãi với cô bé Crystal vào buổi sáng hôm đó và cô ấy đã cào ông ta. Và sau tất cả, họ sống chung trong cùng một căn nhà. Điều này cũng có thể làm cho dấu vết DNA xuất hiện trên chiếc móng tay kia mà không cần phải giết cô ấy.”

Lila lên tiếng. “Ông ta nói rằng ông ta không hề quay trở về ngôi nhà đó cho đến sau khi cô ấy bị giết. Chờ đã.” Lila bò ra khỏi giường, khoác lên mình chiếc áo Twins khi lao ra khỏi phòng.

“Ai vậy?” Sanden hỏi.

“Đó là bạn gái cháu, Lila,” tôi nói. Cái cảm giác nói ra được điều đó thật tuyệt. Tôi có thể nghe tiếng đôi giày vải của cô ấy chạy sang căn hộ của tôi. Một vài giây sau, cô ấy đã trở lại với một trong những bản tường trình đang mở sẵn trong tay mình, đôi mắt cô ấy lướt đi trên những dòng chữ trên trang giấy. “Tôi còn nhớ Danielle... lời khai của mẹ Crystal...”

Cô ấy lật sang trang giấy khác, trỏ ngón tay mình chạy dọc xuống theo tờ giấy. “Nó đây rồi, mẹ của Crystal khai rằng Crystal đã có những biểu hiện chán nản, vì vậy bà ấy để Crystal ngủ trong buổi sáng hôm đó. Sau khi Doug và Danny ra khỏi nhà, bà ấy mới gọi Crystal dậy...”. Cô ấy tự đọc cho mình trong một vài giây trước khi cô ấy đọc to một dòng chữ. “Tôi gọi Crystal dậy và nói nó phải đi tắm bởi vì con bé sẽ mất rất nhiều thời gian để tắm tã và chuẩn bị trước khi đến trường.”

“Cô ấy tắm sau khi Doug rời khỏi nhà,” tôi nói. “Chính xác.” Lila đóng bản tường trình lại. “Chỉ có một cách duy nhất cho việc DNA của Doug

Lockwood xuất hiện trên chiếc móng tay giả đó là ông ta phải gặp cô ấy sau giờ học.”

“Liệu đó có phải là DNA của Lockwood không?” Sanden nói.

“Ngài muốn đánh cược không?” Tôi hỏi.

Sanden suy nghĩ trong vài giây rồi nói. “Ta sẽ đặt cược đó là DNA của Doug Lockwood trên chiếc móng tay giả đó.”

“Vậy thì cháu quay trở lại với câu hỏi ban đầu,” tôi nói. “Liệu những chứng cứ đó có đủ khi không có kết quả DNA để minh oan cho Carl Iverson?”

Boady thở dài vào điện thoại. “Có thể,” ông ấy nói. “Ta đã có đủ thông tin để yêu cầu một phiên điều trần. Nếu chúng ta có thể tìm ra chủ nhân của DNA trên chiếc móng tay này, điều này... ý ta là cô ấy có thể đã cào bạn trai mình hoặc một anh chàng khác khi ở trường. Có quá ít bằng chứng nếu không có chứng cứ này.”

“Vậy thì chúng ta nhất thiết phải cần DNA của Doug, không thì chúng ta sẽ chết chìm,” tôi nói.

“Có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy ông ta vào ngay ngày diễn ra phiên điều trần.” Sanden nói.

Tôi gục đầu mình một lần nữa. “Vâng,” tôi nói “hy vọng là như vậy.”

CHƯƠNG 41

Lila và tôi đến thăm Carl ngày hôm đó. Tôi cần phải thông báo cho ông ấy về kết quả DNA, và về việc Lockwood đang chạy trốn. Tôi sẽ không kể về việc Lockwood đã bắt cóc và cố gắng giết tôi. Tôi cũng không kể về việc Lockwood có lẽ vẫn sẽ muốn giết tôi và rằng tất cả những cái bóng đi qua tôi đều khiến tôi sồn da gà. Chúng tôi bước vào Hillview, gật đầu chào Janet và bà Lorngren khi chúng tôi đi qua, và quay về hướng sảnh sẽ dẫn đến phòng của Carl.

“Chờ đã, Joe,” bà Lorngren gọi giật lại. “Ông ấy không còn ở đây nữa.”

Tim tôi như rơi ra khỏi lồng ngực. “Cái gì? Có chuyện gì đã xảy ra?”

“Chẳng có gì xảy ra cả,” bà ấy nói, “Chúng tôi đã chuyển ông ấy sang một phòng khác.”

Tôi giơ tay lên vỗ ngực. “Bà như vừa mới làm cho cháu bị nhồi máu cơ tim đấy.”

“Tôi xin lỗi”, bà Lorngren nói. “Tôi không cố ý dọa cậu.” Bà ấy dẫn chúng tôi đi xuống một lối hành lang và tới một căn phòng nằm trong góc, một căn phòng rất đẹp, nơi Carl đang nằm trên chiếc giường hướng ra một cửa sổ rất rộng, chiếc cửa sổ có khung làm bằng gỗ thông đang chịu sức nặng của tuyết. Họ đã trang trí căn phòng đó cho lễ Giáng sinh sắp tới với những vòng hoa thông treo cao trên tường, đồ trang trí Giáng sinh treo trên chiếc rèm cửa sổ và được gắn trên tường. Có bốn chiếc thiệp Giáng sinh đang để dựng đứng, mở hờ, được sắp xếp theo kiểu trang trí ngay trên chiếc bàn cạnh giường ông ấy. Tôi liếc nhìn tấm thiệp, và thấy rằng một tấm là của Janet, một tấm khác là từ bà Lorngren. Mặc dù phải hai tuần nữa mới

đến lễ Giáng sinh, tôi kêu lên, “Chúc ông Giáng sinh vui vẻ, Carl,” trong khi bước vào phòng.

“Joe,” Carl mỉm cười, thì thào từng từ một trong những hơi thở ngắn. Ông ấy đang đeo một chiếc ống thở trên mũi. Ngực ông ấy phập phồng theo những hơi thở khó nhọc, phổi ông ấy hầu như không đủ mạnh để lấy không khí từ ngoài. “Đây là Lila phải không? Thật là tốt quá.” Ông ấy giơ bàn tay run rẩy của mình trên mép giường, và Lila nắm lấy bàn tay ấy, một cách âu yếm giữa hai lòng bàn tay mình.

“Thật là tốt khi cuối cùng cháu cũng được gặp ông,” Lila nói.

Carl nhìn tôi và gật đầu hướng về phía mặt tôi. “Có chuyện gì xảy ra thế kia?” Ông ấy hỏi.

“Ồ, cái này ạ,” tôi nói, tay sờ lên các vết xước để lại sau khi bị một chai rượu whisky đập vào đầu. “Cháu đã phải giải quyết một gã vô lại ở quán bar Molly mấy hôm trước.”

Carl nheo mắt nhìn như thể thấy rõ sự dối trá trong tôi.

Tôi chuyển ngay chủ đề. “Chúng cháu đã có kết quả khám nghiệm,” tôi nói. “Mẫu DNA trên móng tay giả của Crystal không phải là của ông.”

“Ta đã biết được điều đó... ngay từ trước,” ông ấy nói, với một cái nháy mắt. “Cậu cũng vậy phải không?” “Giáo sư Sanden, người đang điều hành dự án cho những người vô tội - Innocence Project, nói rằng đã đủ chứng cứ để mở lại vụ án.”

Carl suy nghĩ về điều tôi vừa nói trong vài giây, như thể ông ấy cần thời gian để cho những lời nói đó vượt qua được bức tường mà mình đã dựng nên trong ba mươi năm qua. Rồi ông ấy mỉm cười, nhắm đôi mắt của mình lại, và để cho đầu óc chìm vào sự êm ái của chiếc gối. “Họ sẽ làm lại... lời kết án đối với ta.”

Và với những lời nói đó, tôi biết rằng mặc dù vẫn tỏ ra là thờ ơ trước những gì đã xảy ra, ông ấy vẫn rất quan tâm đến việc mình sẽ được minh oan. Rửa sạch nỗi oan khuất đối với chính bản thân mình còn quan trọng hơn việc chứng minh cho người khác thấy, hoặc có lẽ còn quan trọng hơn rất nhiều so với những gì ông ấy hiểu. Tôi bắt đầu cảm thấy một sức nặng đang đè lên ngực mình, ép vai tôi phải chùng xuống. “Họ sẽ cố.”

Tôi nói, liếc nhìn Lila. “Họ sẽ thành lập một ban điều trần. Bây giờ tất cả chỉ phụ thuộc vào vấn đề thời gian nữa thôi.”

Những lời nói đó trượt ra khỏi miệng trước khi tôi nhận ra mình vừa nói điều gì. Carl nở một nụ cười yếu ớt nhìn tôi. “Đó... là một điều... ta không thể được.” Rồi ông ấy chuyển sự chú ý của mình về phía cửa sổ. “Cậu có thấy... tuyệt không?”

“Vâng, cháu đã xem chúng,” tôi mỉm cười. Tuyệt là một thứ gì đó thực sự yên bình và đẹp đẽ đối với Carl, nhưng nó đã xém giết tôi. “Một cơn bão lớn,” tôi nói.

“Thật là tuyệt diệu,” ông ấy nói.

Chuyến thăm của chúng tôi dành cho Carl diễn ra trong gần một giờ đồng hồ, chúng tôi nói chuyện về tuyết, về những con chim, về những cảnh thông bị uốn cong. Chúng tôi lắng nghe trong khi Carl kể những câu chuyện về chiếc cabin của ông mình tại hồ Ada. Chúng tôi nói về tất cả mọi thứ tồn tại dưới ánh mặt trời - trừ vụ án của ông ấy. Nó giống như việc nói chuyện về cả một hệ mặt trời mà không hề đề cập đến mặt trời. Tất cả mọi người trong căn phòng đó đều hiểu rằng, việc gột rửa nỗi oan ức của ông ấy sẽ đến vào khoảng thời gian rất lâu sau khi ông ấy ra đi. Tôi đột nhiên cảm thấy mình vẫn còn là một đứa trẻ mười một tuổi của ngày ấy, đứng nhìn ông ngoại mình vật lộn dưới dòng sông.

Khi Carl có vẻ đã thấm mệt, chúng tôi chào tạm biệt ông ấy, và không biết rằng liệu mình còn có thể gặp ông ấy lần nữa trước khi ông ấy ra đi hay không. Tôi đã cố gắng hết sức mình để có thể giấu đi nỗi buồn trong lòng từ khi bắt tay ông ấy. Ông ấy mỉm cười đáp lại với một sự chân thành quá đỗi mà tôi không thể hiểu nổi. Tôi mong ước rằng mình có thể chấp nhận và chắc chắn về cuộc sống của mình như những gì mà ông ấy đang nhìn nhận về cuộc sống của ông ấy vào thời điểm này.

Chúng tôi nán lại một chút tại văn phòng bà Lorngren để gửi lời cảm ơn vì đã chuyển Carl đến một căn phòng đẹp đẽ hơn. Bà ấy đưa cho mỗi chúng tôi một cây kẹo bạc hà từ chiếc hộp trên bàn và ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống.

“Tôi không thể giúp đỡ được gì, nhưng tôi nghe được cậu nói gì đó về DNA phải không?” Bà ấy hỏi.

“Một chiếc móng tay giả của cô gái kia đã rơi ra trong khi cô ấy cố gắng kháng cự,” tôi nói. “Và nó vẫn còn lưu lại dấu vết DNA của kẻ giết người trên đó. Họ đã kiểm tra mẫu DNA, và đó không phải của Carl.”

“Thật là tuyệt vời,” bà ấy nói. “Họ có biết đó là của ai không?”

“Nó là của... Ý cháu là, nó có lẽ thuộc về cha dượng của cô bé ấy, nhưng chúng cháu không chắc chắn lắm. Bây giờ, tất cả những gì chúng ta biết là người giết cô bé đó có thể là bất cứ người đàn ông nào trên thế giới này, trừ Carl Iverson.”

“Hắn ta chết rồi sao?” Bà ấy hỏi. “Ai cơ?”

“Người cha dượng.”

Tôi nhún vai. “Ông ta có lẽ cũng như đã chết,” tôi nói. “Ông ta đang biến mất, vì vậy chúng ta không thể lấy mẫu DNA của ông ta.”

“Ông ta có con trai không?” Bà ấy hỏi. “Có chứ, thì sao ạ?”

“Cậu không biết gì về nhiễm sắc thể Y sao?” Bà Lorngren hỏi.

“Cháu biết có khái niệm như vậy, nhưng cháu không chắc là cháu có thể hiểu rõ về nó.”

Bà ấy nghiêng người ra phía trước, dựa vào chiếc bàn làm việc, đặt những ngón tay vào nhau như một vị hiệu trưởng muốn truyền đạt lại một bài giảng cho một số sinh viên không may mắn. “Chỉ có đàn ông mới có nhiễm sắc thể Y,” bà ấy nói. “Một người cha sẽ truyền lại mã di truyền cho con trai mình qua nhiễm sắc thể Y.

Những mã gen đó gần như là đồng nhất. Sự khác biệt giữa DNA của người cha và người con là rất nhỏ. Nếu cậu có mẫu DNA của người con trai, thì chúng ta có thể loại bỏ được rất nhiều nghi phạm không có quan hệ cha con trực tiếp với họ.”

Tôi nhìn chăm chăm vào bà ấy, miệng há hốc vì ngạc nhiên. “Bà giống như một nhà nghiên cứu DNA vậy.”

“Ta có bằng y tá,” bà ấy nói. “Và không thể hiểu được đặc điểm này nếu không có hiểu biết về sinh học. Nhưng ...”, bà ấy nở một nụ cười ngượng ngịu với chúng tôi, “Ta đã học về nhiễm sắc thể Y từ việc xem chương trình Forensic Files^{43*} trên truyền hình. Có rất nhiều điều thú vị mà cậu có thể học được từ chương trình đó.”

^{43*} *CHƯƠNG trình Hồ sơ pháp lý.*

Tôi nói, “Vậy thì tất cả những gì chúng ta cần làm là lấy mẫu DNA của một người bà con là nam giới ư?” “Nó không chỉ đơn giản như vậy,” bà Lorngren nói. “Cậu sẽ phải lấy mẫu DNA của tất cả các nam giới trong dòng tộc còn sống của ông ta trong vòng ba mươi năm trở lại đây: con trai, anh em, chú bác, ông nội. Và thậm chí sau đó, tất cả những việc mà cậu

đang thực hiện sẽ làm tăng khả năng chứng minh rằng cha dưỡng cô bé ấy là thủ phạm.”

“Thật là một ý tưởng tuyệt vời,” tôi nói. “Chúng ta có thể có được mẫu DNA của Doug bằng cách sử dụng biện pháp loại trừ.”

Lila nói, “Em nghĩ rằng Max Rupert đã nói rằng anh nên đứng ngoài vụ này.”

“Chính xác là, ông ta nói anh nên tránh xa khỏi Douglas Lockwood,” tôi mỉm cười với Lila. “Anh sẽ không đi theo Douglas Lockwood. Anh sẽ đi theo bất cứ ai, trừ hăn.”

Khi rời khỏi văn phòng của bà Larngren, tôi có cảm giác như một đứa trẻ đang cầm trong tay một đôi giày thể thao hàng hiệu mới toanh, háo hức xỏ chân vào chúng. Tôi khó có thể kiểm soát được “trận mưa rào” ý tưởng đang vần vũ trong đầu mình khi Lila và tôi lái xe quay trở lại khu căn hộ. Khi vừa về đến nhà, chúng tôi lấy máy tính ra. Cô ấy tìm các thông tin mà bà Lorngren đã cung cấp về DNA, và tôi tìm kiếm trên mạng bất cứ thông tin gì về phá hệ của nhà Lockwood. Lila tìm được một vài trang web tuyệt vời về DNA, chứng minh rằng những điều mà bà Lorngren nói là đúng. Cô ấy còn tìm được rằng tập đoàn bán lẻ đa quốc gia Walmart bán một bộ lấy mẫu thí nghiệm DNA quan hệ cha con bao gồm những miếng gạc vô trùng và bộ dụng cụ lưu giữ - thứ mà chúng ta có thể sử dụng để thu thập các tế bào da bên trong má.

Nhưng mặt khác, tôi lại tìm được rất ít thông tin liên quan đến họ hàng nhà Lockwood. Tôi tìm thấy một người đàn ông tên là Dan Lockwood, với ngày sinh phù hợp, đang sống tại Mason City, Iowa, và đang làm công việc bảo vệ trong một khu mua sắm. Đó chắc hẳn là người anh em kế của Crystal, Danny. Tôi tìm kiếm trang facebook của anh ta và bất cứ trang mạng xã hội nào mà tôi nghĩ tới nhưng không tìm được bất kỳ một gợi ý nào về việc anh ta có một người họ hàng nam giới nào - ngoài cha mình.

Điều đó không hề làm tôi ngạc nhiên. Nếu tôi là Danny, tôi chắc hẳn sẽ làm hết sức mình để chối bỏ sự tồn tại của một kẻ cuồng dại Kinh thánh kia. Tôi đã từ bỏ hy vọng rằng sẽ không cần phải tìm kiếm quá nhiều người đàn ông Lockwood để có thể buộc tội Douglas.

“Vậy anh nên làm thế nào để có thể khiến Danny đưa mẫu DNA cho mình?” Tôi hỏi Lila.

“Anh nên thử yêu cầu anh ta về việc này,” cô ấy nói. “Chỉ yêu cầu anh ta thôi sao?” Tôi nói. “Xin lỗi, ngài Lockwood, liệu tôi có thể cạo một vài tế bào da bên trong má của ngài để sử dụng trong việc kết tội cha đẻ ngài đã giết chết con gái vợ mình không?”

“Nếu ông ta nói không, thì anh sẽ còn thê thảm hơn cả lúc này,” cô ấy nói. “Và nếu điều đó thất bại...” Cô ấy để lời nói của mình kéo dài ra, như thể đang dự tính một kế hoạch trong đầu.

“Gì cơ?” Tôi hỏi.

“Tất cả những gì chúng ta cần là một chút nước bọt của anh ta,” cô ấy nói, “Giống như trên một tách cà phê hay một tàn thuốc. Em tìm thấy một câu chuyện từ California về một người đàn ông tên là Gallego. Cảnh sát đã theo dõi ông ta cho đến khi ông ta vứt đi một mẫu tàn thuốc. Họ nhặt lấy nó và có bằng chứng DNA của ông ta. Và cuối cùng ông ta phải vào tù. Nếu tất cả những điều trên thất bại, chúng ta sẽ theo dõi Danny cho đến khi anh ta vứt một mẫu tàn thuốc hay một chiếc cốc giấy đựng cà phê trong thùng rác.”

“Chúng ta ư? “Chúng ta” mà em nói đến là ai?” “Anh không có xe,” Lila nói. “Xe của anh vẫn bị giữ làm bằng chứng, anh nhớ không?”

Cô ấy cúi xuống, vươn người qua bàn và hôn tôi. “Hơn nữa, em sẽ không để anh hoàn thành vụ này mà không có em bên cạnh. Sẽ phải có một ai đó đảm bảo rằng anh sẽ không bị một chai rượu whisky đập vào đầu nữa.”

CHƯƠNG 42

Dan Lockwood sống tại một khu vực cũ kĩ dành cho người lao động tại Mason City, Iowa, trong một khu nhà phía bắc bên dãy đường ray xe lửa, trong một căn nhà trà trộn với tất cả những căn nhà khác trên phố. Chúng tôi lái xe lượn qua chỗ đó hai lần, kiểm tra lại số nhà hai lần với những gì chúng tôi đã tìm thấy trên mạng. Sau hai lần lái xe qua đó, chúng tôi lái xe qua con hẻm phía sau ngôi nhà, nảy lên vì những ổ gà, né qua những đụn tuyết, và tìm kiếm dấu hiệu của “sự sống”. Chúng tôi nhìn thấy một túi rác màu trắng bên cạnh lối cửa sau. Chúng tôi cũng nhìn ai đó đã dùng xẻng dọn sạch lớp tuyết cao đến tận đầu gối khỏi con đường nối giữa ngôi nhà và con hẻm. Chúng tôi đã lưu những điều này vào trong bộ nhớ của mình và tiếp tục đi thêm một vài dãy nhà nữa để tìm chỗ đậu xe và xem xét lại toàn bộ kế hoạch của mình một lần cuối.

Chúng tôi đã ghé qua một cửa hàng Walmart trên đường đi để mua một bộ kiểm tra huyết thống cha con, trong đó có ba bông gạc, một phong bì mẫu và hướng dẫn về cách cạo các tế bào da từ bên trong má. Lila đã để chúng vào trong ví của mình. Chúng tôi quyết định sẽ nói thẳng với anh ta. Chúng tôi sẽ vào nhà của Dan, hỏi anh ta về bất cứ người họ hàng là nam giới nào sống từ năm 1980 trở lại đây, và sau đó yêu cầu anh ta lấy mẫu xét nghiệm. Nếu kế hoạch đó thất bại, chúng tôi sẽ chuyển sang kế hoạch B - theo dõi anh ta cho đến khi anh ta nhổ ra một bã kẹo cao su hoặc một thứ gì đó tương tự.

“Em đã sẵn sàng chưa?” Tôi hỏi.

“Hãy cùng đến gặp Dan Lockwood nào,” cô ấy nói trong khi bắt đầu khởi động xe.

Chúng tôi đỗ xe ngay trước căn nhà, cùng tiến vào khu vực vỉa hè phía trước, và bấm chuông cửa. Một người phụ nữ trung tuổi ra mở cửa cho chúng tôi. Khuôn mặt bà ấy đã sớm lão hóa vì hút thuốc, thứ mùi thuốc lá đó đã ập vào mặt chúng tôi như một cái tát bằng găng tay. Bà ấy mặc một bộ quần áo thể thao màu ngọc lam cùng với một đôi dép đi trong nhà màu xanh, mái tóc bà ấy giống như một nắm dây đồng bị đốt cháy.

“Chúng cháu có thể nói chuyện với Dan Lockwood được không ạ?” Tôi hỏi.

“Ông ấy đã ra khỏi thành phố,” bà ấy nói, một giọng nói nặng và trầm như thể bà ấy đang cần phải hắng giọng. “Tôi là vợ ông ấy. Tôi có thể giúp gì được cho cậu?”

“Không ạ,” tôi nói. “Chúng cháu thực sự muốn nói chuyện với ông Lockwood. Chúng cháu có thể quay lại...”

“Có phải là chuyện liên quan tới cha của ông ấy không?” Bà ấy nói. Chúng tôi đang định quay đi, nhưng chợt khựng lại.

“Có phải bà đang đề cập đến Douglas Lockwood không?” Tôi hỏi, cố gắng tỏ ra trịnh trọng.

“Đúng, đó là cha của ông ấy, người đang bị mất tích,” bà ấy nói.

“Vì vấn đề đó,” Lila nói, “đó là lý do vì sao chúng cháu lại đang ở đây. Chúng cháu đã hy vọng là có thể nói chuyện với ông Lockwood về việc đó. Bà có biết khi nào ông ấy sẽ quay trở lại không?”

“Ông ấy có lẽ sẽ trở về sớm thôi,” bà ấy nói. “Ông ấy đang quay trở lại Minnesota trong khi chúng ta đang nói chuyện tại đây. Các bạn có thể vào nhà và chờ nếu muốn.”

Bà ấy quay lại, bước vào nhà, chỉ vào một chiếc ghế nhựa vinyl dài màu nâu. “Ngồi đi.”

Một chiếc gạt tàn trên bàn cà phê bệt ngàn mẫu thuốc lá, một vài mẫu mang hiệu Marlboro, nhưng hầu hết trong số đó là Virginia Slims. “Cháu thấy bà có vẻ là một fan hâm mộ của Marlboro,” tôi nói. “Đó là của Dan,” bà ấy nói. “Tôi hút thuốc Slims.” Lila và tôi trao đổi qua ánh mắt. Nếu bà Lockwood rời khỏi căn phòng này dù chỉ một giây, chúng tôi chỉ đơn giản là lấy ngay mẫu DNA này.

“Bà nói là ông Lockwood đang ở Minneapota phải không?” Tôi hỏi.

“Hai người trông có vẻ quá trẻ để có thể làm cảnh sát,” bà ấy nói.

“Ừmmm... bọn cháu không phải là cảnh sát,” Lila nói, “Chúng cháu từ một cơ quan khác.”

“Ý của cô là kiểu như dịch vụ xã hội hoặc một cơ quan gì đó tương tự như vậy hả?” Bà Lockwood nói.

“Ông Dan đến Minnesota để tìm kiếm cha mình ạ?” Tôi hỏi.

“Đúng vậy,” bà ấy nói. “Ông ấy đã đi ngay tới đó khi ông ấy nghe được rằng cha mình bị mất tích. Ông ấy đã lên đường đúng hôm có trận bão lớn đó.”

Tôi nhìn Lila, cảm thấy bối rối trước những gì mà bà Lockwood vừa nói. “Liệu Dan đi tới Minnesota trước hay sau khi diễn ra trận bão?” Tôi hỏi.

“Vào ngày thứ sáu, chỉ ngay trước khi trận bão kéo tới. Ông ấy đã bị kẹt lại vì bão tuyết. Và đã gọi cho tôi một vài giờ trước và nói rằng ông ấy đang trên đường trở về.”

Tôi đã nhắm tính trong đầu. Doug Lockwood đã bắt cóc tôi vào ngày thứ sáu. Cơn bão đã mạnh lên vào đêm hôm đó, trong khi tôi vừa tới được căn lều thợ săn. Tôi đã chờ đợi cơn bão đi qua trong suốt ngày thứ bảy và đi bộ tới khu trang trại vào ngày chủ nhật. Khi cảnh sát ở Minnesota biết được vụ này, thì Doug Lockwood vẫn chưa mất tích cho đến ngày chủ nhật.

“Vậy để cháu nói rõ lại nhé,” tôi nói. “Ông ấy nói với bà rằng cha của ông ấy đã bị mất tích trước khi ông ấy tới đó ư?”

“Không,” bà ấy nói. “Ông ấy đã có một cuộc điện thoại vào hôm thứ sáu về... ô, lúc đó là mấy giờ nhỉ? Vào lúc chiều muộn... ta không thể nhớ chính xác. Có vẻ như rất bối rối và nói rằng ông ấy phải đến nơi ở của cha mình. Đó là tất cả những gì mà ông ấy nói với tôi, và rồi tiến thẳng ra cửa và đi mất.”

“Làm sao mà bà biết được rằng Doug Lockwood đã bị mất tích sau đó?” Lila hỏi.

“Vào ngày chủ nhật, tôi nhận được một cuộc gọi từ một viên cảnh sát. Muốn nói chuyện với Dan. Tôi đã trả lời rằng Dan không có nhà. Ông ấy hỏi tôi là ai, và gần đây tôi có gặp cha của Dan không? Tôi đã trả lời là không.”

“Có phải tên của viên cảnh sát đó là Rupert?” Tôi hỏi.

“Tôi không chắc,” bà ấy nói. “Có thể lắm. Nhưng sau đó bà mẹ kế khốn khiếp của ông ấy gọi tới đây.” Bà Lockwood nói, và mím môi.

“Mẹ kế ư? Danielle Hagen ư?” Tôi hỏi.

“Đúng vậy. Bà ấy đã không nói chuyện với Dan từ bao nhiêu năm nay rồi. Có lẽ là ông ấy sẽ bị chết khát nếu bà ấy không phỉ nhổ vào ông ấy. Bà ấy đã gọi cho ông ấy vào ngày chủ nhật chỉ để xỉ vả.”

“Bà ấy đã nói gì?” Tôi hỏi.

“Tôi thực tế không nói chuyện với bà ấy,” bà ấy nói. “Tôi nghĩ đó có lẽ lại là viên cảnh sát đó, vì vậy tôi để điện thoại ở chế độ trả lời tự động.”

“Tin nhắn của bà ấy để lại là gì?” Lila hỏi.

“Ồ, để xem nào... bà ấy nói cái gì đó giống như... DJ (Daniel), tao là Daniella Hagen. Tao chỉ muốn thông báo cho mày biết rằng cảnh sát đã tới đây vào ngày hôm nay và tìm kiếm lão bố thối tha của mày. Tao đã nói với họ rằng tao hy vọng lão ấy chết luôn đi. Tao hy vọng...” “Chờ chút,” tôi ngắt lời bà ấy. “Cháu nghĩ bà đã nhận được cuộc gọi này về sau này phải không? Ý bà là bà ấy gọi điện chỉ để nói với bà rằng DJ đã bị mất tích.” “DJ không mất tích. Cha của ông ấy mới là người mất tích, chính là Doug bị mất tích.”

“Nhưng... nhưng,” tôi lắp bắp.

Lila tiếp tục nói vấp vấp. “Nhưng, Doug là DJ,” cô ấy nói. “Douglas Joseph. Viết tắt là DJ.”

“Không, Dan là DJ.” Bà Lockwood nhìn chúng tôi như thể chúng tôi đang cố gắng thuyết phục bà ấy rằng ngày chính là đêm.

“Tên đêm của Dan là William,” tôi nói.

“Đúng, nhưng cha ông ấy kết hôn với con mụ cáo già Danielle kia khi Dan chỉ mới là một đứa trẻ. Bà ấy thích được gọi là Dani, mặc dù điều đó khiến tên bà ấy nghe có vẻ đàn ông. Và kể từ đó, không thể có hai Danny trong một gia đình được, vì vậy bà ấy đã yêu cầu tất cả mọi người gọi bà ấy là Dani và gọi ông ấy là Danny Junior. Sau một thời gian thì họ gọi ông ấy là DJ.”

Đầu tôi bắt đầu chao đảo. Tôi đã sai lầm về mọi thứ. Lila nhìn tôi, khuôn mặt cô ấy tái mét, đôi mắt nói với tôi những gì có lẽ tôi đã biết - Chúng tôi đang ở trong phòng khách của kẻ sát hại Crystal Hagen.

“Ồ, và Dan đã về rồi,” bà Lockwood nói, chỉ vào một chiếc xe tải đang tiến vào.

CHƯƠNG 43

Tôi đã cố gắng để suy nghĩ với một kế hoạch, nhưng sau tất cả, tôi chỉ nghe thấy những lời nguyên rủa trong những suy nghĩ của riêng tôi. Chiếc xe tải đi ngang qua cửa sổ, quành lại ở một điểm dừng trên lối vào bên cạnh nhà. Cửa buồng lái mở ra, ánh sáng của buổi chiều tà đủ để tôi có thể nhìn thấy một người đàn ông ăn vận và có thân hình giống như một người thợ đốn gỗ, cùng với mái tóc kiểu quân đội, đang nhảy ra khỏi xe. Tôi nhìn Lila, khẩn cầu cô ấy bằng ánh mắt của mình, hy vọng cô ấy có thể nghĩ ra một lối thoát.

Lila đứng phắt lên như thể có một luồng điện vừa xoẹt qua tấm đệm dưới móng mình. “Bộ dụng cụ,” cô ấy nói. “Chúng ta quên không mang bộ dụng cụ vào.”

“Bộ dụng cụ ư?” Tôi nhắc lại.

“Chúng ta đã để bộ dụng cụ trong xe,” cô ấy nói, và nghiêng đầu về phía cửa trước.

Tôi đứng lên bên cạnh Lila. “Đương nhiên rồi,” tôi nói, trong khi cả tôi và Lila bắt đầu đi tới cửa trước. “Em sẽ xin lỗi chúng ta chứ? Chúng ta... ừm... phải đi lấy bộ dụng cụ ở trên xe.”

Người đàn ông quành vào ngôi nhà, đi lên vỉa hè phía trước mái hiên. Lila bước ra khỏi cửa và đi xuống ba bậc tam cấp trước hiên nhà, gần như đâm phải Dan Lockwood. Lockwood dừng lại ở bậc thang cuối cùng của bậc tam cấp, khuôn mặt như bị đóng băng trong bất ngờ, chờ đợi một người nào đó giải thích lý do vì sao chúng tôi lại đi ra khỏi nhà của ông ta? Lila không nói gì, không chào hỏi, không một lời giải thích, cô ấy bước qua ông ta, thậm chí không giao tiếp với ông ta bằng một ánh mắt. Tôi đi theo sau,

cố gắng làm như vậy, nhưng tôi không thể không nhìn ông ta. Ông ta sở hữu một khuôn mặt dài, xanh xao, và thô ráp của cha mình. Đôi mắt híp của ông ta nhìn tôi, dần thu hẹp lại để nhìn vào dải băng trên đầu tôi, và sau đó là những vết cứa xước trên cổ tôi.

Chúng tôi đi thật nhanh ra phía vỉa hè và tiến về phía xe của Lila.

“Này!” Ông ta gọi.

Chúng tôi vẫn cầm đầu đi.

“Này hai người”, ông ta gọi lại một lần nữa.

Lila trèo lên ghế ngồi của tài xế và tôi nhảy ngay vào ghế bên cạnh. Chỉ khi đó, tôi mới quay lại nhìn Lockwood, đang đứng ở bậc cuối cùng của hiên nhà, không chắc chắn về những gì ông ta đã nhìn thấy. Doug liệu đã nói câu chuyện về chai whisky với ông ta chưa? Về chiếc dây lưng siết vào cổ họng tôi? Và liệu đó có phải là lý do ông ta nhìn chăm chăm vào tôi như vậy?

Lila lái xe đi trong khi tôi canh chừng phía sau để đảm bảo Lockwood không đuổi theo.

“Danny đã giết em gái mình,” Lila nói. “Khi Doug và Danny cùng nói dối về việc đang ở đại lý xe hơi của Doug, em đã nghĩ rằng Danny đã nói dối để bảo vệ cha mình, hóa ra Doug mới chính là kẻ nói dối để bảo vệ con trai. Và cuốn nhật ký...”

“Danny đã đủ mười tám tuổi vào mùa thu năm đó.” Tôi nói. “Đó là những gì Andrew Fisher nói với chúng ta. Danny đã là một người trưởng thành về mặt luật pháp.”

“Ông ta mười tám tuổi khi Crystal mười bốn tuổi. Đó là vụ cưỡng bức mà Crystal đã viết.”

“Chúa ôi, đó là những gì mà Doug đã nói,” tôi nói, trong khi gõ gõ tay lên trán mình. “Đêm đó, khi ông ta cố giết anh, khi ông ta nói về tất cả những thứ điên rồ và phun ra những đoạn Kinh thánh, anh đã nghĩ ông ta chỉ là một kẻ bệnh hoạn, thú nhận hành vi lạm dụng tình dục với Crystal. Nhưng ông ta đã nói về việc bảo vệ con trai mình. Ông ta biết rằng Danny đã giết Crystal. Ông ta nói với cảnh sát rằng Danny đang ở với ông ta khi Crystal bị giết. Ông ta sẽ không nói dối về các chứng cứ trừ khi ông ta biết rõ sự thực đó. Ông ta đã bảo vệ Danny trong những năm qua. Khi anh xuất hiện trước nhà Doug với cuốn nhật ký, ông ta đã cố giết anh để bảo vệ con trai mình.”

“Cuộc điện thoại đó,” cô ấy nói. “Cuộc điện thoại mà Danny đã nhận được vào ngày thứ sáu...”

“Nó chắc chắn là cuộc gọi của Doug cho Danny, để ông ấy biết về anh,” tôi nói. “Doug chắc hẳn là đã gọi cho con trai mình sau khi Doug nghĩ ông ta vừa giết anh - để tìm ra cách nên làm gì với anh, với cái xác của anh.”

“Và sau tất cả những chuyện này thì đó lại là Danny,” Lila rùng mình. “Em chưa bao giờ ở quá gần với một tên giết người như vậy.” Đôi mắt cô ấy sáng lên như một sự hiển linh. “Chúa ơi, em đánh cược rằng ông ta là kẻ đã đốt nhà của Doug... để phá hủy mọi bằng chứng về DNA của cha mình.”

“Cái gì? Nhưng...”

“Hãy suy nghĩ về chuyện đó,” cô ấy nói. “Anh đi đến nhà Doug và tin rằng Doug chính là kẻ giết người, và đó là DNA của Doug trên móng tay của cô ấy. Khi anh trốn thoát, Danny biết rằng anh sẽ gọi cảnh sát đến để tìm kiếm Doug. Họ sẽ lấy được mẫu DNA từ chai rượu whisky hoặc một vài thứ gì đó từ ngôi nhà. Nhưng DNA của Doug không phù hợp. Nó chỉ gần giống, nó chỉ là của một người thân thích của Doug.”

“Mẹ kiếp,” tôi nói. “Danny đã phá hủy tất cả những dấu vết DNA của Doug bằng việc đốt cháy toàn bộ nhà của ông ấy và như vậy chúng ta sẽ nghĩ rằng Doug mới là kẻ giết người.” Tôi để các mảnh ghép của vụ án này lại một bên trong giây lát trước khi bị sốc bởi một suy nghĩ kinh hoàng tiếp theo. “Nhưng ông ta không thể xóa bỏ dấu vết DNA của Doug trừ khi...”

“Trừ khi ông ta kết liễu luôn cả Doug,” Lila nói nốt suy nghĩ của tôi.

“Ông ta giết chính bố đẻ của mình ư? Thật là điên rồ,” tôi nói.

“Hoặc là thay vì vậy,” Lila nói. “Anh sẽ làm gì để không phải ngồi tù?”

“Chết tiệt.” Tôi nhíp những ngón tay mình trên đùi. “Đáng lẽ anh đã có thể vợ được một mẫu thuốc lá trước khi chúng ta rời đi. Chúng ta đã ở quá gần. Anh đã có thể vươn tay ra và nhặt lấy một chiếc.”

“Em cũng quá hoảng sợ,” Lila nói. “Khi em trông thấy chiếc xe tải đang đi vào, em đã hơi bối rối.”

“Em hơi bối rối ư?” Tôi nói. “Em đang nói cái gì vậy? Em đã đưa được chúng ta ra khỏi đó. Em thật là tuyệt.” Tôi lấy điện thoại di động của mình và bắt đầu tìm kiếm trong túi.

“Anh đang tìm gì vậy?” Lila hỏi.

“Max Rupert đã cho anh số di động cá nhân của ông ấy.” Tôi đẩy tay vào sâu từng túi, như thể tấm danh thiếp đã bị co rút lại chỉ bằng kích cỡ của một con tem bưu chính. “Khỉ thật!”

“Sao vậy?”

“Anh để nó ở trên bàn cà phê trong căn hộ.”

Lila nhấn phanh, rẽ vào một con đường phụ. “Chúng ta phải quay trở lại đó,” cô ấy nói.

“Em đang bị mất trí sao?”

Lila dừng xe lại, và quay sang tôi. “Nếu chúng ta đã đúng, Danny đã tự tay mình thiêu rụi căn nhà của cha mình và có lẽ còn giết luôn cả ông ấy chỉ để không bị ngồi tù. Vậy thì động thái tiếp theo của ông ta sẽ là đốt cháy chính căn nhà của mình và biến mất. Ông ta sẽ cao chạy xa bay đến Mexico hay Venezuela hoặc một nơi nào đó mà người ta phải mất hàng năm trời mới tìm được ông ta - hoặc là không bao giờ. Nếu chúng ta có thể lấy mẫu DNA của ông ta, và nó phù hợp với mẫu mà chúng ta tìm được trên chiếc móng tay giả kia, sẽ không còn nghi ngờ nào về chuyện này nữa. Cảnh sát cuối cùng sẽ săn đuổi Lockwood, cùng lúc chúng ta có thể giải oan cho Carl. Nhưng chúng ta phải hành động ngay bây giờ. Chúng ta phải lấy được mẫu DNA của ông ta.”

“Anh sẽ không đi tới đó, và anh chắc chắn rằng anh cũng sẽ không để em đi tới đó.”

“Có ai nói gì về việc đi vào trong căn nhà đó một lần nữa đâu,” cô ấy mỉm cười, tiếp tục quay xe trở lại. “Tất cả những gì chúng ta cần làm chỉ là nhặt một vài mẫu rác thôi.”

CHƯƠNG 44

Khi mặt trời đã lặn phía đằng tây, để lại những con đường và ngõ hẻm của thành phố Mason được thắp sáng bởi một lô hỗn hợp các loại đèn đường và đèn Giáng sinh. Kế hoạch của chúng tôi rất đơn giản: Chúng tôi có thể lái xe vào con hẻm phía sau nhà Lockwood một lần nữa trong khi tắt hết đèn xe, mắt chúng tôi sẽ xem xét một lượt các cửa sổ và cửa ra vào. Nếu chúng tôi thấy bất kỳ một sự di chuyển nào ở trong nhà, chúng tôi sẽ tiếp tục lái xe đi, quay đầu trở lại Minnesota, và báo cáo tất cả những gì mình phát hiện được với Max Rupert. Tuy nhiên, nếu trong nhà yên tĩnh, và chúng tôi không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu nào của Lockwood, Lila sẽ đỗ xe ngay phía sau gara của nhà bên cạnh, tôi sẽ nhảy ra khỏi xe, lên vào con đường dẫn vào nhà họ bằng khả năng tàng hình Ninja tốt nhất của mình, và ăn trộm túi rác trên cùng.

Tôi mở chốt cửa ô tô khi tiến vào đầu con hẻm, chiếc xe nhỏ bé của Lila đang vật lộn để chống lại những chỗ trũng và những cái bẫy bởi tuyết và băng. Chúng tôi đi qua phía sau gara ô tô của nhà hàng xóm để nhìn lại sân sau nhà Lockwood, bóng tối chỉ bị phá vỡ bởi một ánh đèn bé nhỏ hắt ra từ cửa sổ nhà bếp. Tôi căng thẳng quan sát bất kỳ một sự di chuyển nào đằng sau ánh sáng của khoảng không xung quanh được phát ra từ đèn Giáng sinh của nhà người hàng xóm.

Chúng tôi đi qua khu đất, và không thấy bất cứ thứ gì có thể ngăn chặn được ý định điên rồ của chúng tôi, Lila dừng xe đằng sau gara của nhà bên cạnh và che phủ thứ ánh sáng hình vòm phát ra từ ô tô bằng bằng lòng bàn tay. Tôi mở nhẹ cửa, trượt ra ngoài, len lỏi trên con hẻm dẫn tới con đường vào nhà Lockwood. Tôi dừng lại một lần cuối cùng ở đầu lối vào và nghe ngóng.

Tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng rít của gió.

Tôi bước chân vào khu đất nhà Lockwood, một lớp mỏng của tuyết mới rơi kêu rảng rắc dưới chân tôi. Tôi bước những bước thật chậm và cẩn trọng, như thể đang đi trên dây. mười mét... năm mét... ba mét. Tôi gần như có thể chạm vào nó. Đột nhiên, một tiếng còi xe cắt ngang qua không khí trong cái lạnh giá của tháng 12 từ một chỗ cách nơi tôi đang đứng khoảng một khu nhà làm tim tôi lỡ mất một hay hai nhịp. Tôi đã không di chuyển - tôi không thể di chuyển. Tôi chết đứng tại chỗ, chờ đợi một khuôn mặt xuất hiện ở khung cửa sổ. Tôi chuẩn bị chạy trở lại chiếc xe, hình dung ra một cuộc chạy đua với một kẻ giết người. Nhưng không ai đến, và cũng chẳng có ai thò đầu ra. Tôi lấy hết can đảm thực hiện nốt bước cuối cùng. Các nắp lon lồi lõm, xô lệch nhau trên đầu chiếc túi rác đầu tiên. Tôi nhắc nắp cẩn thận và đặt nó trên mặt tuyết. Ánh sáng phát ra từ khung cửa sổ đủ để tôi có thể nhìn thấy đầu của túi rác. Tôi nâng nó lên một cách nhẹ nhàng, giống như một tên trộm đồ trang sức cẩn trọng trước các thiết bị cảm ứng, với những chuyển động dứt khoát, sự cân bằng ổn định, và tầm nhìn của đôi mắt... chày có một chút lơ mơ.

Tôi không nhìn thấy một vỏ chai bia nằm dựa vào đầu của chiếc túi cho đến khi nó lấp lánh trong ánh sáng tù mù khi nó chọt đổ xuống từ miệng thùng rác. Nó lăn mãi lăn mãi, và đập vào thanh gỗ dưới mái hiên, bị đập trở lại, quay vòng vòng và rơi xuống vỉa hè. Nó vỡ tan tành thành hàng nghìn mảnh nhỏ, công bố sự hiện diện của tôi. Tôi xoay người và chạy, tay chộp lấy túi rác, cầm chặt trên tay, thủy tinh và vỏ lon kêu leng keng trong túi giống như một bản hòa âm của chiếc chuông gió dưới hiên nhà. Tôi đến ngã ba của con đường nối với hẻm chỉ vừa kịp lúc ánh sáng dưới mái hiên chọt bật lên. Tôi đá phải một tảng băng trong một bước chạy dài, chân tôi trượt lên phía trước, khiến tôi ngã nhoài người trên con hẻm, hông và khuỷu tay đau đớn từ cú ngã. Tôi đứng dậy và chạy nước rút tới chiếc xe, tay vẫn giữ chặt túi rác.

Lila nhấn ga ngay sau khi朦胧 tôi vừa chạm vào ghế, thậm chí không chờ đợi cho cánh cửa được đóng vào, lốp xe trượt trên băng và phần đuôi

xe trượt về phía sau, gần và phải gara ở cạnh đó. Một bóng người, choán hết một phần ánh đèn pha rọi ra từ cửa sau nhà Lockwood, chạy theo chúng tôi. Lốp xe Lila đã cán đến con đường rải sỏi, tăng tốc đưa chúng tôi ra khỏi con hẻm và ra đến đường cái, để lại bóng dáng Dan Lockwood lại phía sau.

Không ai trong chúng tôi nói một lời nào cho đến khi chúng tôi đi qua giới mốc địa phận. Tôi vẫn tiếp tục canh chừng phía sau, chờ đợi đèn xe của Lockwood rọi gần. Nhưng chúng không bao giờ xuất hiện. Khi chúng tôi vừa đi tới địa phận giữa hai tiểu bang và thẳng tiến về phía bắc, tôi lúc đó mới có đủ tinh thần để liếc vào chiếc túi rác.

Ngay tại đó, phía trên cùng của chiếc túi, ngay cạnh một chai nước sốt cà chua cũ và một hộp bánh pizza dính đầy mỡ, là một đồng ít nhất khoảng hai mươi đầu mẫu thuốc Marlboro.

“Chúng ta đã tóm được hắn,” tôi nói.

CHƯƠNG 45

Chúng tôi đã có trong tay đầu mẫu thuốc của Lockwood, có nghĩa là DNA của ông ta, mảnh ghép cuối cùng của vụ án. Bằng chứng DNA từ một trong những đầu mẫu thuốc của ông ta sẽ khớp với DNA trên móng tay của Crystal Hagen. Tất cả mọi bằng chứng đều chứng tỏ Daniel Lockwood - hay còn gọi là Danny Junior - DJ - là người đã giết Crystal Hagen những năm trước. Tất cả mọi thứ đều trùng khớp. Khi lái xe đến đường giao lộ 35, đánh dấu địa phận vùng Iowa - Minnesota, chúng tôi vẫn thận trọng, ẩn nấp quanh con đường đó hai lần để đảm bảo rằng không có ai đang đuổi theo mình. Chúng tôi vẫn chờ đợi và coi chừng xem liệu có ánh đèn pha ô tô nào đang đi qua mình không. Rồi sau đó, chúng tôi mới chính thức quay trở lại con đường giao lộ đó.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi đã đi đến Minnesota, ghé qua Albert Lea để mua xăng và đồ ăn. Chúng tôi đổi lái để Lila có thể nghỉ ngơi một chút sau chặng đường dài. Khi chúng tôi quay trở lại con đường giao lộ, điện thoại của tôi reo lên với nền nhạc trong phim Cướp biển vùng Caribe, tiếng nhạc chuông mà tôi đã đặt cho số điện thoại của Jeremy. Đây là lần đầu tiên Jeremy gọi cho tôi, trừ lúc chúng tôi cùng luyện tập với nhau. Một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng tôi.

“Này anh bạn, có chuyện gì vậy?” Tôi trả lời điện thoại.

Không có tiếng phản hồi. Tôi có thể nghe thấy tiếng thở bé đang thở ở đầu dây bên kia, vì vậy tôi đã hỏi lại một lần nữa.

“Jeremy, em ổn chứ?”

“Anh có nhớ những gì mà anh đã bảo em làm không?” Jeremy nói nhanh hơn tốc độ bình thường của mình.

“Anh nhớ,” tôi nói, giọng tôi như vừa rơi vào một thung lũng sâu. “Anh nói với em rằng em hãy gọi cho anh nếu có bất cứ ai đang làm đau em.” Tôi cảm thấy tay mình dần nắm chặt lấy điện thoại. “Jeremy, có chuyện gì đã xảy ra?”

Thằng bé không đáp.

“Có ai đó đã đánh em à?” Tôi hỏi. Vẫn không một lời đáp.

“Đó có phải là mẹ không?” Im lặng.

“Larry đã đánh em à?” Tôi hỏi. “Có lẽ... Larry đã đánh em.”

“Chết tiệt!” Tôi giữ chiếc điện thoại xa khỏi miệng mình trong khi nguyên rửa qua hàm răng đang nghiến chặt. “Anh sẽ giết gã chó má đó.” Tôi hít một hơi thật sâu và áp điện thoại trở lại tai mình. “Bây giờ, em hãy nghe theo anh, Jeremy. Anh muốn em ngồi yên trong phòng và khóa cửa lại. Em có thể làm thế vì anh không?”

“Có lẽ em có thể,” thằng bé nói.

“Hãy báo với anh khi em đã khóa cửa lại nhé!” “Có lẽ cửa đã khóa rồi,” thằng bé nói.

“Được rồi, giờ thì em hãy lấy ruột gối ra khỏi vỏ gối, và nhét tất cả quần áo của em vào đó. Em có thể làm việc đó giúp anh không?”

“Có lẽ em có thể,” thằng bé trả lời.

“Anh đang trên đường đến đó bây giờ. Em hãy đợi trong phòng mình cho đến khi anh đến đó nhé, được chứ?”

“Có lẽ anh đang đi từ trường của mình về đây đúng không?” Thằng bé hỏi.

“Không,” tôi nói. “Anh gần tới đó rồi. Anh sẽ tới đó ngay thôi.”

“Vâng,” thằng bé trả lời.

“Hãy gói ghém quần áo của em lại.” “Vâng.”

“Anh sẽ gặp em ngay thôi.”

Tôi tắt điện thoại vừa kịp lúc chạm tới cột mốc giao lộ 35-90. Tôi sẽ có mặt tại Austin trong hai mươi phút nữa.

CHƯƠNG 46

Tôi thắng phanh xe dừng lại trước cửa căn hộ của mẹ, ném xe của Lila vào vạch đỗ và nhảy ra khỏi cửa xe chỉ trong chớp mắt. Tôi bước qua khoảng cách sáu mét dẫn từ đường vào đến hiên nhà chỉ với một cuộc chạy nước rút năm bước chân, xô vào nhà qua cánh cửa phía trước và bắt gặp mẹ tôi và Larry đang mất cảnh giác khi họ ngồi trên chiếc ghế dài, với bia trong tay và đang xem tivi.

“Ông đã làm gì thằng bé?” Tôi hét lên.

Larry đứng bật dậy, ném lon bia vào mặt tôi. Tôi đá phăng nó đi. Ông ta giờ nằm dấm của mình lên trong khi tôi giáng nắm tay của mình vào ngực ông ta, nhấc bổng ông ta lên khỏi mặt sàn và ném ông ta nằm sòng soài qua lưng ghế. Mẹ bắt đầu hét vào mặt tôi, nhưng tôi bước qua bà và đến trước cửa phòng Jeremy, nhẹ nhàng gõ cửa như những lúc tôi muốn chúc thằng bé ngủ ngon.

“Jeremy, anh đây, Joe đây,” tôi gọi. Ổ khóa cửa mở ra. Jeremy đứng cạnh giường mình, mắt trái thằng bé là một vết bầm lớn và những vết tím, đỏ, xanh dương chằng chịt, đang phồng rộp. Thằng bé đã nhồi tất cả quần áo của mình vào chiếc vỏ gối đang đặt trên giường ngay cạnh mình. Larry có lẽ là người may mắn khi đang không ở gần tôi vào lúc này.

“Này, Jeremy,” tôi nói, và cầm chiếc vỏ gối lên, cảm nhận được sức nặng của nó.

“Em đã làm rất tốt.” Tôi nói trong khi đưa chiếc vỏ gối trở lại cho Jeremy. “Em nhớ chị Lila chứ, phải không?”

Jeremy gật đầu.

“Chị ấy đang ở trong xe ngay trước nhà.” Tôi đặt tay sau lưng thằng bé, dẫn nó đi ra từ phòng ngủ. “Hãy mang những thứ này ra với chị ấy. Em sẽ ở với anh.”

“Cái quái quỷ gì thế này?” Mẹ tôi rít lên. “Đi thôi Jeremy,” tôi nói. “Không sao đâu.” Jeremy đi qua mẹ tôi mà không nhìn bà, đi nhanh qua phòng khác và ra khỏi cửa.

“Mày nghĩ mày đang làm gì vậy?” Mẹ tôi hỏi bằng những lời lẽ trách móc nhất của mình.

“Chuyện gì đã xảy ra với mắt của thằng bé, hả mẹ?” Tôi hỏi.

“Đó chỉ là... chẳng có gì cả,” bà nói.

“Gã bạn tình khốn nạn của mẹ đã đánh nó ra nông nổi thế. Sao lại là không có gì? Đó là hành hung!”

“Larry chỉ hơi bị kích động một chút thôi. Ông ấy...” “Rồi mẹ sẽ đá đít ông ta ra khỏi nhà chứ?” Tôi nói. “Jeremy đã đá vào mông ông ấy.”

“Jeremy bị tự kỷ,” tôi hét lên. “Nó không thể làm thế được. Nó thậm chí còn không biết làm thế nào để đá vào mông ông ta nữa kìa.”

“Ồ, vậy thì ta nên làm gì?” Bà nói.

“Mẹ tốt nhất là nên bảo vệ nó, tốt nhất là nên làm đúng vai trò của một người mẹ với nó.”

“Vậy thì ta không thể có một cuộc sống riêng của mình. Đó là những gì mà mày nói sao?”

“Mẹ có sự lựa chọn của mình,” tôi nói. “Mẹ chọn Larry thì Jeremy sẽ ở với con.”

“Mày sẽ không nhận được tiền an sinh xã hội của thằng bé đâu,” bà rít lên.

Tôi run lên với cơn giận dữ, giữ chặt nắm đấm của mình, chờ đợi để bình tĩnh lại một chút trước khi nói chuyện một lần nữa. “Tôi không cần khoản tiền đó. Thằng bé không phải là tấm vé cho một bữa ăn. Thằng bé là con trai của mẹ.”

“Thế còn trường đại học danh giá của mày thì sao?” Bà mĩa mai.

Trong một giây ngắn ngủi, tôi thấy kế hoạch trong tương lai của mình bắt đầu héo như dây nho. Hít một hơi thật sâu và thở dài, tôi nói. “Vâng, tôi đoán tôi cũng đã có sự lựa chọn cho mình.”

Tôi bắt đầu đi tới cửa trước chỉ để thấy Larry đang đứng chắn đường của tôi, tay hấn cuộn lại thành nắm đấm ngay trước mặt. “Để xem cậu mạnh mẽ thế nào khi đánh lén tôi,” ông ta nói.

Larry đứng ngang trong tư thế một võ sĩ quyền Anh vụng về với hai chân đứng song song với nhau, nắm tay trái đưa ra trước mặt, còn nắm tay phải giữ cổ thủ trước ngực. Ông ta không thể không nhắm cho mình một mục tiêu tốt hơn nếu ông ta thử ra đòn ở tư thế này. Với chân trái giăng sang một bên, ông ta khụy đầu gối trái xuống để tấn công. Nhưng có một vấn đề với hai bên đầu gối là chúng đang thực hiện tư thế uốn từ đằng trước ra đằng sau. Nếu bạn đá vào phía sau đầu gối, nó sẽ bị khóa lại; còn nếu đá vào mặt trước thì nó vẫn không hề hấn gì. Nhưng hướng của đầu gối lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Hai đầu gối ông ta mỏng manh như hai cành cây khô nhô ra từ một phía.

“Được rồi, Larry,” tôi cười mỉm. “Để xem.”

Tôi bước qua ông ta như thể đang chuẩn bị chịu một cú đấm móc vào chính giữa mặt mình mà ông ta đã chuẩn bị sẵn cho tôi. Nhưng tôi dừng lại đột ngột, quay người và nghiêng chân ra phía sau, lái gót giày vào một bên

đầu gối của ông ta mạnh nhất có thể. Tôi nghe thấy tiếng xương bị gãy, và Larry hét lên trong khi ngã thành một đống trên sàn.

Tôi quay người lại, nhìn mẹ tôi lần cuối, và ra khỏi cửa.

CHƯƠNG 47

Tôi dựa trán vào kính cửa sổ xe Lila, nhìn chăm chăm ra ngoài ánh đèn hắt ra từ các trạm xăng và các thị trấn chúng tôi đi qua. Tôi có thể nhìn thấy tương lai mình đang bị rửa ra, tan chảy, tầm nhìn của mình bị mờ dần đi bởi tốc độ xe đang chạy, bởi những giọt nước đọng lại trên kính cửa, và bởi những giọt nước mắt đã bắt đầu đọng đầy trong hai mắt tôi. Tôi sẽ không bao giờ quay trở lại Austin một lần nữa. Tôi sẽ có trách nhiệm với Jeremy kể từ bây giờ. Tôi đã làm gì thế này? Tôi thì thầm nói ra những suy nghĩ đó, những suy nghĩ đã vang vọng trong đầu tôi kể từ khi bước chân ra khỏi căn hộ của mẹ. “Anh không thể tiếp tục học ở trường trong học kỳ tới. Anh không thể vừa trông nom Jeremy vừa đi học được.” Tôi lau nước mắt trước khi quay lại phía Lila. “Anh sẽ phải tìm cho mình một công việc nghiêm túc hơn.”

Lila vươn người ra phía chỗ ngồi của tôi, xoa xoa mu bàn tay vẫn đang nắm chặt của tôi, cho đến khi tôi mở nó ra để cô ấy có thể nắm lấy. “Sẽ không tồi tệ như vậy đâu,” cô ấy nói. “Em có thể giúp anh chăm sóc Jeremy.” “Jeremy không phải là trách nhiệm của em. Đó là quyết định của chính anh.”

“Thằng bé không phải là trách nhiệm của em,” cô ấy nói. “Nhưng thằng bé là bạn của em.” Cô ấy quay lại và nhìn Jeremy đang cuộn tròn ngủ ở hàng ghế sau, chiếc điện thoại di động vẫn nằm gọn trong tay thằng bé. “Nhìn nó kìa.” Lila hất mặt về phía Jeremy. “Nó đang ngủ rất say. Sau những ngày không ngủ. Giờ thằng bé đã được an toàn rồi. Anh nên cảm thấy vui vì điều đó. Anh là một người anh trai tốt.”

Tôi mỉm cười với Lila, hôn lên tay cô ấy, và quay trở lại khung kính cửa sổ để nhìn ngắm những cảnh vật đang trôi qua trước mắt và suy nghĩ. Đó cũng là lúc tôi nhớ lại những điều ông ngoại đã từng nói với tôi, một điều

ông muốn nói trong cái ngày ông qua đời khi chúng tôi đang cùng nhau ăn sandwich trên sông, một điều gì đó mà tôi đã chặn lại không cho ra khỏi bộ nhớ trong những năm tháng qua. “Cháu là anh trai vĩ đại của Jeremy. Chăm sóc cho thằng bé là nhiệm vụ của cháu. Sẽ có một ngày ta không thể ở lại đây để giúp đỡ được nữa, và lúc đó Jeremy sẽ cần cháu. Hãy hứa với ta rằng cháu sẽ chăm sóc cho thằng bé.” Tôi mới mười một tuổi. Tôi không hiểu được những gì mà ngoại đang nói. Nhưng ông ngoại biết, bằng cách nào đó, ông ngoại biết rằng cái ngày này sẽ đến. Và với suy nghĩ đó, một cái vuốt ve thanh thản đang tháo gỡ được nút thắt đè nặng trên vai tôi.

Khi chúng tôi đến gần khu căn hộ, sự dịch chuyển từ đường giao lộ về tới đường phố của đô thị đã làm thay đổi nhịp điệu của những chiếc lốp xe, khiến Jeremy thức giấc. Thằng bé ngồi dậy, không chắc chắn rằng mình đang ở đâu, thằng bé nhìn vào những tòa nhà xa lạ, đôi lông mày nhíu lại và mắt nháy lia lịa.

“Chúng ta sắp về tới nhà rồi, anh bạn,” tôi nói. Thằng bé cụp mắt xuống để suy nghĩ. “Chúng ta đang đi về căn hộ của anh, em nhớ không?”

“À, vâng,” thằng bé nói, một nụ cười nhẹ thoáng trên gương mặt thằng bé.

“Anh sẽ để em ngủ trên giường của anh trong vài phút nữa, em có thể ngủ lại.”

Đôi mắt thằng bé lại nhíu lại. “Ừm... có lẽ em cần một chiếc bàn chải đánh răng.”

“Em đã không mang theo bàn chải ư?” Tôi hỏi. “Công bằng mà nói,” Lila nói, “Anh không hề nói với nó là nó sẽ chuyển đi. Anh chỉ yêu cầu nó gói hết quần áo vào.” Tôi xoa xoa hai thái dương nơi một cơn đau đầu nhẹ đang bắt đầu hình thành. Lila tắt chiếc xe bên lề đường phía trước khu căn hộ.

“Em có thể ngủ một đêm mà không cần đánh răng không?” Tôi hỏi.

Jearmy bắt đầu cọ xát ngón tay cái lên những đốt ngón tay còn lại và nghiêng chặt hàm răng, làm cho các lớp cơ bên cạnh quai hàm mình bật tung như cổ họng của một con ếch.

“Có lẽ em cần một chiếc bàn chải,” thằng bé nói lại. “Bình tĩnh nào anh bạn,” tôi nói. “Chúng ta sẽ xem xét nhé.”

Lila nói lại với chất giọng nhẹ nhàng và êm dịu của mình. “Jeremy, em nghĩ sao nếu như chị đưa em đến căn hộ của anh Joe và giúp em vào đó, còn Joe sẽ có thể đi mua giúp em một chiếc bàn chải. Có được không?”

Jeremy ngừng chà xát hai bàn tay của mình, bình tĩnh trở lại và nói. “Được ạ,” thằng bé nói.

“Thế có được không Joe?” Lila mỉm cười với tôi. Tôi cười đáp lại.

Có một cửa hàng nhỏ trong một góc nhỏ, cách đây khoảng tám tòa nhà, chỉ là thêm một quãng đường nữa trong một chuyến đi dài của ngày hôm nay. Tôi thích cái cách mà Lila nói chuyện với Jeremy, thích phong thái nhẹ nhàng của cô ấy, và tình cảm chân thật cô dành cho thằng bé. Và tôi thích cái cách mà Jeremy phản ứng trước những cảm giác đó, hoặc chí ít, là hình ảnh của thằng bé sau những cảm giác đó, gần như thể thằng bé đã có tình cảm với Lila, một thứ cảm xúc mà tôi biết rằng nó còn vượt xa khỏi những ý thích của thằng bé. Những điều này khiến tôi khá hơn một chút về tất cả những việc đã xảy ra. Tôi sẽ không còn là anh chàng sinh viên đại học Joe Tarbert nữa mà có thể là chàng bảo vệ Joe, hoặc thậm chí là kẻ trốn chạy Joe. Nhưng hơn tất cả, tôi sẽ trở thành người anh vĩ đại của Jeremy. Cuộc sống của tôi sẽ được định nghĩa bởi các chuỗi trường hợp khẩn cấp nho nhỏ trong thế giới của em trai mình, giống như trường hợp quên bàn chải này.

Lila đưa Jeremy lên tầng để giúp thằng bé chuẩn bị đi ngủ còn tôi vòng xe quay trở lại để mua một chiếc bàn chải đánh răng. Tôi tìm thấy một

chiếc tại ngay cửa hàng tiện ích đầu tiên mà tôi vào. Chiếc bàn chải đó màu xanh lá, cùng màu với tất cả những chiếc bàn chải trước đây của Jeremy mà nó từng sở hữu. Nếu tôi không tìm thấy một chiếc bàn chải màu xanh lá tại cửa hàng đó, tôi sẽ phải tìm một cửa hàng khác. Tôi mua thêm một vài thứ khác, trả tiền cho mọi thứ, và quay trở lại khu nhà.

Căn hộ của tôi rất yên tĩnh và tối om khi tôi trở lại, thứ ánh sáng duy nhất phát ra là từ một chiếc bóng đèn nhỏ ở bồn rửa bát của nhà bếp. Tôi có thể nhận thấy Jeremy đang ngủ ở trong phòng, tiếng ngáy nghèn nghẹt của thằng bé báo hiệu rằng sự lo lắng của nó vì chiếc bàn chải bị đánh mất đã phải nhường chỗ cho sự kiệt sức của mình. Tôi đặt chiếc bàn chải trên chiếc táp đầu giường và đi ra khỏi phòng, để thằng bé ngủ tiếp.

Tôi quyết định sẽ lên vào căn hộ bên cạnh để tặng một nụ hôn chúc ngủ ngon cho Lila. Tôi gõ nhẹ vào cửa nhà cô ấy bằng một đốt ngón tay và chờ đợi. Không có ai trả lời. Tôi giơ tay ra gõ lại, dừng lại một chút, và sau đó để cho cánh tay mình rơi xuống. Hôm nay có lẽ là một ngày quá dài, cô ấy chắc đã đang chìm vào một giấc ngủ ngon.

Tôi quay trở lại căn hộ của mình và ngồi xuống chiếc ghế dài. Trên bàn cà phê trước mặt, tôi tìm tấm danh thiếp của Max Rupert, tấm danh thiếp có ghi lại số điện thoại cá nhân của ông ấy. Tôi nhặt nó lên và định gọi cho ông ta. Đồng hồ sắp điểm lúc nửa đêm. Chắc chắn là bằng chứng mà Lila và tôi đã thu thập được, những thông tin vừa phát sinh về cái tên DJ thực thụ - đã đủ quan trọng để có thể có một cuộc gọi vào giữa đêm khuya như thế này. Tôi đặt ngón tay cái lên phím đầu tiên để bấm số gọi cho Rupert, nhưng sau đó ngừng lại, quyết định hỏi ý kiến của Lila. Bên cạnh đó, điều này sẽ giúp tôi có một lý do tuyệt vời để ghé qua căn hộ của cô ấy và gọi cô ấy dậy.

Tôi mang theo tấm danh thiếp của Rupert và điện thoại của mình, tiến thẳng đến căn hộ bên cạnh. Khi tôi chuẩn bị gõ cửa, điện thoại tôi rung lên,

khiến tôi giật nảy mình. Tôi nhìn vào số điện thoại đang hiện trên màn hình, mã vùng 515 - Iowa. Tôi đưa điện thoại lên nghe. “Xin chào!”

“Mày đang sở hữu thứ gì đó của tao,” một giọng nói khàn khàn đang thì thầm.

Chúa ơi, đó không thể nào là... “Ai vậy?” Tôi hỏi. “Đừng có đùa với tao, Joe,” giọng nói đó sữa ra từng từ một. Ông ta đang tức giận. “Mày biết tao là ai mà.”

“DJ,” tôi nói. Tôi đập mạnh cửa nhà Lila, giữ chặt chiếc điện thoại kẹp vào má để ông ta không thể nghe tiếng gõ cửa của tôi.

“Tao thích được gọi là Dan hơn”, hẳn ta nói.

Rồi giọng nói đó như đánh vào tôi. “Vì sao ông biết tên tôi?” Tôi hỏi.

“Tao biết tên mày vì cô bạn gái bé nhỏ của mày đang ở đây.”

Những cơn sóng nóng - lạnh của sự hoảng loạn giật liên tục trong ngực tôi. Tôi xoay nắm cửa, cánh cửa không hề khóa. Tôi đẩy nó ra và thấy bàn bếp của cô ấy bị lật nghiêng sang một bên, những cuốn sách rơi lộn xộn trên sàn, những giấy tờ bài tập của cô ấy vương khắp mặt sàn. Tôi cố gắng đấu tranh để định hình được những gì mà mình nhìn thấy.

“Như tao đã nói, Joe, mày đã lấy thứ gì đó của tao...” Dan ngừng lại như thể để liếm môi. “Và tao cũng lấy đi thứ gì đó của mày.”

CHƯƠNG 48

"Đây là những gì sẽ xảy ra, Joe," Dan nói. "Mày phải lên xe, và lái về hướng bắc, đi vào đường I-35, và chắc chắn rằng hãy mang theo chiếc túi rác mà mày đã lấy trộm ở nhà tao."

Tôi quay lại và chạy xuống những bậc cầu thang nhanh nhất có thể, điện thoại của tôi vẫn kẹp cứng vào tai. "Nếu ông động đến Lila, tôi sẽ ..."

"Mày sẽ làm gì, Joe?" Ông ta nói. "Nói cho tao nghe đi. Tao thực sự muốn biết, mày sẽ làm gì với tao, Joe? Nhưng trước khi nói điều đó với tao, tao muốn mày nghe cái này."

Tôi nghe thấy một giọng nói bị bóp nghẹt của một phụ nữ. Tôi không thể nghe ra những lời nói của cô ấy, nó không chỉ là những tiếng căn nhắc. Rồi những tiếng căn nhắc ấy nhường chỗ cho một giọng nói. "Joe! Joe, em xin lỗi..." Cô ấy cố gắng để nói nhiều hơn, nhưng những lời nói đó rơi vào bức tường phía sau như thể ông ta đã nhét một miếng giẻ vào miệng cô ấy.

"Giờ thì nói cho tao biết đi, Joe, mày sẽ ..."

"Nếu ông động đến cô ấy, tôi thề với Chúa rằng tôi sẽ giết ông," tôi nói trong khi nhảy lên ngồi sau tay lái trên xe của Lila.

"Ồ, Joe." Ông ta ngừng lại, rồi sau đó là một tiếng thét bị bóp nghẹt. "Mày có nghe thấy không, Joe?" Ông ta nói. "Tao chỉ vừa mới đâm vào mặt của bạn gái mày thôi, rất mạnh đấy. Mày đã ngắt lời tao. Mày làm tao phải đâm vào mặt nó. Nếu mày ngắt lời tao thêm lần nữa, nếu mày không làm theo sự chỉ dẫn của tao đến từng chi tiết nhỏ nhất, nếu mày làm bất cứ điều gì để thu hút sự chú ý của cảnh sát, cô bạn gái bé nhỏ của mày ở đây sẽ phải gánh chịu hậu quả. Mày nghe rõ chứ?"

“Tôi nghe rõ rồi,” tôi nói. Một cơn buồn nôn dâng lên trong cổ họng khi tôi khởi động xe của Lila.

“Rất tốt,” ông ta nói. “Tao không muốn làm đau bạn mày nữa đâu. Mày thấy đấy, Joe, bạn gái nhỏ bé của mày không muốn cung cấp tên và số điện thoại của mày cho tao. Tao phải thuyết phục nó rằng đó là lợi ích tốt nhất của nó. Nó là một con chó cái búống bình.” Đầu gối tôi trở nên yếu ớt, bụng nôn nao khi nghĩ đến những gì mà ông ta sẽ làm với Lila. Tôi cảm thấy hoàn toàn bất lực. “Làm thế nào mà ông lại tìm thấy chúng tôi?”. Tôi không biết tại sao mình lại hỏi câu hỏi đó. Việc làm cách nào mà ông ta tìm thấy chúng tôi chẳng có nghĩa lý gì. Có lẽ tôi chỉ muốn tập trung sự chú ý của ông ta vào tôi, nói chuyện với tôi. Nếu ông ta “bận rộn” với tôi, ông ta sẽ không đánh cô ấy.

“Mày tìm thấy tao, Joe. Nhớ không?” Ông ta nói. “Vì vậy mày có thể biết tao làm bảo vệ tại một khu mua sắm. Tao quen biết với cảnh sát. Tao có được biển số xe khi chúng mày đi qua con hẻm nhà tao. Điều đó đã giúp tao mang được nàng Lila nhỏ bé về đây, và con bé sẽ mang tao đến với mày. Hoặc tao có thể nói là nó đang mang mày đến cho tao.”

“Tôi đang trên đường đến đó,” tôi nói, một lần nữa cố gắng thu hút sự chú ý của hắn về phía mình. “Tôi đang trên đại lộ I-35, như ông nói.”

“Hãy chắc chắn rằng mày không làm gì ngu xuẩn như gọi điện cho cảnh sát, mày và tao sẽ nói chuyện trong khi mày lái xe. Tao không nhấn mạnh điều này thêm nữa, Joe: Nếu mày ngắt máy, nếu mày đi đến ranh giới của cái chết, nếu điện thoại của mày hết pin, nếu bất cứ điều gì xảy ra khiến tao với mày bị ngắt kết nối...

thì, chà, hãy đơn giản thế này, mày nên đi tìm một cô bạn gái mới.”

Tôi nhấn chân ga, một tay giữ vô lăng, một tay giữ điện thoại trên tai, chiếc xe la hét khi vận động tất cả các bánh răng của mình. Một chiếc đầu

kéo rơ-móc đang lẩn lờ đường, vì vậy tôi bấm còi một cách rối trí. Chiếc đầu kéo dường như đã tăng tốc, như thể người tài xế đang cố gắng khẳng định một ưu thế về yếu tố kích thích sinh dục nam testosterone không đúng chỗ. Tôi nắm chặt vô lăng trong những ngón tay đau nhức. Làn đường hợp nhất của tôi hẹp dần lại trong khi tôi đưa chiếc xe lên phía trước một cây cầu vượt, những lớp xe khổng lồ của chiếc đầu máy đang lẩn ngay sát cạnh tôi, chỉ cách cửa kính xe tôi vài phân. Làn xe của tôi nổi với một làn phân cách cứng^{44*} khi xe tôi vừa mới vượt được khoảng một vài xen-ti-mét khỏi chiếc bánh xe phía trước của đầu kéo. Tôi giật xe lên phía trước con đường giao lộ, hãm xung phía sau bị cản trở bởi hãm xung phía trước xe, những tiếng còi rú lên âm ỉ biểu lộ sự không bằng lòng.

^{44*} *Dành cho các xe ô tô trong trường hợp khẩn cấp.*

“Tao hy vọng mày đang lái xe cẩn thận, Joe,” Dan nói. “Mày không muốn bị kéo lê trên đường đâu. Điều đó thật thảm khốc!”

Ông ta nói đúng. Tôi không thể để cho bản thân mình bị kéo lê trên đường được. Tôi đang nghĩ gì vậy? Tôi đi chậm lại để điều chỉnh tốc độ với những chiếc xe khác, trà trộn vào với chúng như góp một đôi đèn pha vào làn xe trên đường.

“Tôi sẽ đi đến đâu?” Tôi hỏi ngay khi hãm xung của tôi trở lại với tốc độ có thể kiểm soát.

“Mày nhớ nhà của cha tao ở đâu chứ?”

Tôi chột rùng mình với ý nghĩ đó. “Tôi nhớ.” “Vậy thì đến đó,” ông ta nói.

“Tôi nghĩ nó đã bị thiêu rụi rồi,” tôi nói.

“Vậy là mày đã nghe được tin đó hả? Thật là một điều khủng khiếp,” ông ta nói với một chất giọng đều đều và không mấy quan tâm, như thể tôi là

một đứa trẻ gây khó chịu đang phá hỏng thời gian đọc báo vào buổi sáng của ông ta.

Tôi bắt đầu nhìn quanh chiếc xe để tìm vũ khí, một dụng cụ, một phế liệu của bất cứ thứ gì mà tôi có thể để gây sát thương cho ông ta... hoặc là giết ông ta. Không có gì nằm trong tầm với, trừ một chiếc cần gạt bằng nhựa trên kính chắn gió. Tôi búng tay trong làn ánh sáng mờ nhạt và tìm kiếm một lần nữa - rác từ những thứ đồ ăn nhanh, một vài đôi găng tay mùa đông, giấy tờ từ các lớp học của Lila, túi rác của Dan, chẳng có vũ khí nào cả. Tôi đã nghe tiếng chai lọ va lèng xèng vào nhau trong túi rác khi chạy khỏi nhà Lockwood. Nếu không có gì khác, tôi sẽ vơ lấy một trong những chiếc chai đó. Sau đó tôi nhìn thấy một tia sáng lóe lên trong ánh phản quang từ ghế sau, một cái gì đó màu bạc, kẹt một nửa vào vết nứt phía ghế sau và chiếc đệm.

“Mày có vẻ im lặng quá, Joe,” Dan nói. “Tao không làm mày cảm thấy chán chứ?”

“Không, tôi không chán, tôi chỉ đang nghĩ,” tôi nói. “Mày là một thằng hay nghĩ ngợi, phải vậy không?” Tôi nhấn nút loa ngoài và đặt nó lên bàn điều khiển nằm giữa hai ghế trước và tăng âm lượng. “Tôi không coi đó là một thói quen, nhưng nó luôn luôn xảy ra,” tôi nói. Tôi lặng lẽ kéo chiếc cần điều khiển lưng ghế khiến nó ngả ra sau nhiều nhất có thể.

“Nói cho ta biết đi, Joe, mày đang nghĩ gì?”

“Tôi chỉ đang nhớ về cái lần đến gặp cha của ông. Ông ấy trông có vẻ hơi bức tức khi chúng tôi từ biệt.” Tôi trượt lưng trên ghế, giữ tay lái bằng các ngón tay, chờ đợi một đoạn đường thẳng trên cao tốc. “Ông ấy bây giờ đang như thế nào rồi?” Tôi hỏi câu đó một phần vì muốn nghe phản ứng của ông ta, một phần muốn để hấn nói trong khi tôi đi vào phần đường thẳng đang chờ đợi phía trước.

“Tao đoán mày có thể nói rằng ông ấy đang sống những ngày tốt đẹp hơn,” Dan nói, giọng ông ta bỗng trở nên lạnh băng.

Tôi buông tay lái, ngồi phịch trở lại chỗ ngồi của mình, và cố nắm lấy vật bằng kim loại đang sáng bóng lên ở phía ghế sau kia. Tôi đặt một ngón tay ở một bên và những ngón tay ở phía còn lại và bắt đầu kéo. Ngón tay tôi trượt khỏi vật đó. Tôi đặt tay mình lại và kéo tiếp. Chiếc điện thoại di động của Jeremy trượt ra từ giữa đệm, lăn ra phía trước, và dừng lại ở cạnh ghế.

“Tất nhiên,” Dan tiếp tục, “Nó giống như người ta thường nói: mày không nên cử một lão già say rượu làm công việc của một người đàn ông.”

Tôi ngồi dậy và nhìn thấy xe mình đang đi chệch ra khỏi làn đường, hướng về phía làn phân cách cứng. Tôi nắm lấy tay lái, điều chỉnh lại xe với một tiếng rít nhẹ của lốp xe đang chà lên mặt đường. Nếu có bất kỳ một viên cảnh sát nào quanh đây, chắc hẳn tôi đã bị vấy vào. Tôi nhìn gương chiếu hậu xem có bất cứ xe cảnh sát nào đuổi theo không. Tôi quan sát, chờ đợi - không có gì hết. Tôi thở phào.

“Nhưng ông ấy luôn có ý tốt,” Dan nói.

“Ông ấy có ý tốt... bằng việc cố giết tôi ư?” Tôi hỏi, cố gắng giữ cho hẳn nói chuyện. Tôi kéo ghế lại, giữ lưng ghế ở tư thế thẳng đứng.

“Ồ, Joe,” Dan nói. “Mày chắc không nhìn thấy sự ngờ nghệch trên mặt tao phải không?”

Tôi gạt lưng ghế trở lại phía sau, lấy điện thoại của Jeremy, và bật nó lên.

“Giết tôi có phải là ý của ông ấy không?” Tôi nói.

“Hay đó là ý của ông?” Tôi cong lưng xuống, thò tay vào túi áo để kéo ra tấm danh thiếp của Max Rupert.

“Cái chai đập vào đầu mày là ý tưởng của ông ấy,” Dan nói. Tôi đặt ngón tay mình lên các phím số đầu tiên để nhấn số điện thoại cá nhân của Rupert, kẹp điện thoại trên chân mình để giảm thiểu tiếng động, và bấm nút.

“Hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên tột độ của tao lúc ấy,” ông ta tiếp tục, “Khi ông ta gọi cho tao để nói về những gì mà mày tìm thấy trong cuốn nhật ký của Crystal!”

Tôi tiếp tục bấm số.

“Sau thời gian này, mày sẽ tự hiểu ra,” ông ta nói. “Mày thật sự là một kẻ hay suy nghĩ, phải không, Joe?” Tôi kiểm tra lại số điện thoại lần cuối và nhấn phím gọi, giữ chặt điện thoại trên tai, cầu nguyện Rupert trả lời. “Xin chào!” Giọng nói của Rupert vang lên. Tôi giữ ngón tay mình trên loa điện thoại để Dan Lockwood không thể nghe thấy tiếng của Rupert, nhưng Rupert lại có thể nghe thấy cuộc nói chuyện của tôi với Dan.

“Tôi không thông minh như ông nghĩ,” tôi nói, giữ điện thoại của Jeremy gần với điện thoại của tôi. “Tôi đã luôn nghĩ DJ là viết tắt của Douglas Joseph Lockwood. Ông có thể tưởng tượng sự kinh ngạc của tôi ngày hôm nay khi vợ ông nói rằng ông mới chính là DJ. Tôi đã rất sốc. Ý tôi là, tên của ông là Daniel William Lockwood. Ai có thể nghĩ rằng người ta cũng gọi ông là DJ chứ?”

Tôi cố gắng nói đủ rõ bằng lời nói của mình để làm đầu mối cho Rupert trong hoàn cảnh mà tôi đã loại Dan ra khỏi kế hoạch của mình. Tôi phải tin tưởng rằng Rupert đang nghe máy và hiểu chuyện gì đang diễn ra, và rằng đây là cuộc điện thoại vào giữa đêm hơn là một dãy số điện thoại lạ. Tôi cần phải để Dan Lockwood tham gia vào cuộc nói chuyện này và buộc ông ta phải nói ra bí mật của mình.

CHƯƠNG 49

Trên đường lái xe về phía bắc tới gặp Dan Lockwood, một ý nghĩ xấu xuất hiện trong sâu thẳm tiềm thức tôi. Một ý nghĩ ma mị, khó hiểu, lẫn khuất sau nỗi sợ hãi, lo lắng đang bao trùm. Tôi biết sự tồn tại của ý nghĩ ấy, nhưng không thể dành một phút nào cho nó khi tôi đang phải cố nghĩ ra cách cứu Lila. Tôi đã gọi được cho Rupert rồi, và ông ấy có thể sẽ nghe được cuộc điện thoại giữa tôi và Dan Lockwood. Nghĩ vậy, tôi bình tĩnh hơn, và ngẫm lại về cái ý nghĩ đang lẫn khuất kia. Và chợt tôi hiểu suy nghĩ sâu thẳm đó là gì: Dan Lockwood không có lựa chọn khác ngoài việc giết chúng tôi.

Sao tôi lại thấy sợ hãi vậy chứ? Tôi thừa biết chuyện gì sắp xảy ra cơ mà? Hắn đang dụ tôi đến, và giết cả hai người chúng tôi, vì chúng tôi đã biết quá nhiều. Nghe như thể tôi đang tự an ủi bản thân vậy. Tôi biết kế hoạch của hắn, và hắn cần biết những gì tôi đã biết.

“Dan, ông chơi bài kiểu Texas bao giờ chưa?” “Rồi”, hắn đáp. “Trò đó tao thắng được mấy giải rồi.”

“Trong lúc chơi, ông có hai lá bài, tôi có hai lá, nhà cái chia bài...”

“Ờ... rồi sao nữa?”

“Rồi tôi cược hết. Tôi chơi bài ngựa, ông cũng thế. Vì ông biết bài tôi thế nào, tôi cũng biết ông có những lá gì. Giờ cả hai chỉ chờ nhà cái lật bài lên là biết ai thắng. Không có gì phải lẩn tẩn cả”.

“Ờ, nói tiếp đi”.

“Thì bây giờ tôi cũng đang cược hết đây”.

“Tao bắt đầu không hiểu rồi đấy”. - Dan càu nhàu. “Nếu bây giờ tôi đến chỗ nhà bố của ông, ông sẽ làm gì tôi?” Tôi nói, “Chắc ông đã nghĩ kỹ chuyện này rồi”. “Tao thì có rồi”, hần trả lời. “Vấn đề ở đây là mày đã nghĩ kỹ chuyện này chưa?”

“Ông chỉ dụ tôi ra đó để xử tôi thôi. Ông lấy Lila làm mồi để chắc chắn tôi sẽ đến, và sau khi ông xử tôi xong, ông cũng sẽ không tha cho cô ấy đâu”. Tôi hít một hơi sâu “Tôi đoán đúng chứ?”

“Biết thế mà mày vẫn đi à?”

“Tôi thì hiểu thế này”, tôi đáp, “tôi có hai sự lựa chọn. Một là tôi có thể đến sở cảnh sát, đưa họ mẫu ADN, và bảo họ rằng chính ông đã giết cô em gái của mình...”

“Nó là con của mẹ dì ghẻ!”

“Vâng, con của dì ghẻ”, - tôi nhại lại.

“Nếu mày chọn cách đó, thì con bé Lila tội nghiệp sẽ bỏ xác lại đây”, hần trả lời với giọng lạnh lùng. “Còn lựa chọn kia thì thế nào?”

Tôi lại hít một hơi sâu “Tôi sẽ đến chỗ ông, và giết ông.”

Tôi không nghe thấy tiếng trả lời.

“Ông hiểu chứ”, tôi nói, “tôi vẫn đi vào chỗ chết vì ông đang giữ Lila. Nếu khi tôi đến đó mà không thấy cô ấy sống khỏe mạnh, thì tôi chẳng có gì phải do dự cả, đúng không? Coi như ông sẽ thực hiện thêm một vụ án mạng nữa đi, nhưng mà sau đó ông không thoát được đâu. Cảnh sát sẽ đuổi theo ông tới cùng trời cuối đất. Lila sẽ được báo thù. Còn ông thì sẽ chết mục xương trong tù, và tôi sẽ đến thăm mộ của ông, và nhổ nước bọt vào bia mộ của ông”.

“Thế là mày định giết tao, đúng không?” Dan đáp. “Không phải ông cũng định làm thế với Lila và tôi sao?”

Hắn ngập ngừng.

“Rồi sau đó ông định làm gì? Ném bọn tôi xuống sông hay đốt chung bọn tôi trong nhà kho?”

“Trong kho thóc”.

“Phải, phải, ông là con ma lửa mà. Ông cũng đốt luôn cả nhà của bố mình nữa, đúng không?”

Hắn ngừng lại.

“Tôi đoán chắc rằng ông cũng đã giết cha mình để tự cứu lấy cái mạng mình.”

“Tao cũng sẽ rất thích nếu được giết mày đấy”, Dan cười khẩy. “Tao sẽ giết mày một cách từ từ, và thật là đau đớn.”

“Cha ông đã cố khử tôi để cố giúp ông thoát tội, nhưng việc làm đó đã khiến ông ấy vô tình lại trở thành một vật thể thân hoàn hảo. Ông ấy nói với ông về mẫu DNA, về cuốn nhật ký, về những bằng chứng buộc tội ông ta thay vì buộc tội ông. Quá hoàn hảo. Biết được những điều đó, ông đã giết ông ấy, giấu xác ông ấy ở nơi không ai có thể tìm ra, và cuối cùng đốt trụi căn nhà để không ai có thể xác nhận mẫu DNA. Tôi phải khen ông đấy, Dan, đó là một kế hoạch rất thông minh. Rất độc ác, nhưng rất thông minh.”

“Mày khôn ra nhiều rồi đấy”, Dan trả lời với giọng cay độc. “Và khi mà người ta tìm thấy cái xác mày trong kho thóc ấy, thì...”, hắn dừng lại, muốn tôi tự nói hết câu.

“Họ sẽ buộc tội cha ông”, tôi đáp, “trừ khi, tôi giết chết ông trước.”

“Thế thì mười phút nữa tao và mày sẽ ấn định chuyện đó.”

“Mười phút?”

“Tao biết từ đây đến đây mất bao lâu. Nếu mày không có mặt ở đây trong mười phút, tao sẽ coi như mày đã phạm phải một sai lầm khủng khiếp và mời bọn cớm đến bữa tiệc nhỏ của chúng ta.”

“Được rồi”, tôi nói “Tôi sẽ đến ngay. Và nếu tôi không thấy Lila còn sống khi tôi tới, tôi cũng sẽ coi như ông đã phạm một sai lầm khủng khiếp. Tôi sẽ đến, và bỏ mặc tất cả để liều mạng với ông.”

“Vậy là chúng ta đã hiểu nhau rồi đây.”

CHƯƠNG 50

Tôi có mười phút để lái xe mà chỉ cần năm phút nữa là đi tới nơi, tôi cố gắng nghĩ xem có gì có thể chuẩn bị nữa không.

Vừa lái xe tôi vừa ấn ngón tay xuống loa ngoài chiếc điện thoại của Jeremy, để Lockwood không thể nghe thấy Rupert nói. Trên con đường lòng vòng giữa vùng băng giá, tôi vừa đi vừa nhả ga, cố tình để cho Rupert đuổi kịp tôi. Đến giờ ông ta phải hiểu ra rồi chứ? Tôi và Dan đã nhắc tới ngôi nhà của bố hắn ta - ngôi nhà hắn ta đã đốt, và kho thóc ngay cạnh. Rupert biết căn nhà đó ở đâu, chính ông ta kể cho tôi về vụ cháy. Ông ta là cảnh sát, còn là thám tử nữa. Chắc là ông ta đã hiểu.

Tôi nhẹ nhàng nhắc chiếc điện thoại của Jeremy lên. Buông ngón cái khỏi loa, tôi áp điện thoại vào tai và lắng nghe. Không có tiếng người nói. Không có cả tiếng hơi thở, tiếng lè xè hay tiếng động cơ xe. Hoàn toàn yên lặng. Tôi kiểm tra lại màn hình điện thoại. Số máy của Rupert vẫn hiện trên màn hình. Tôi lại nghe. Yên lặng. Tôi chụm tay trước ống nói điện thoại và nói khẽ “Rupert”, bật rõ những phụ âm để có gì Max có thể hiểu và trả lời tôi.

Vẫn không có ai trả lời.

Tim tôi giật thót, hai tay run bần bật. Nãy giờ hóa ra tôi chỉ gọi hộp thư thoại thôi sao? “Rupert!”, tôi lại khẽ gọi. Vẫn không có ai trả lời. Tôi ném chiếc điện thoại ra đằng sau chiếc ghế bên cạnh tôi. Họng tôi nghẹn ứ. Giờ tôi không nghĩ ra được gì cả - không có cách nào cứu Lila nữa rồi.

Đồng rác của Lockwood, DNA của hắn ta, bằng chứng phạm tội, bốc mùi đằng sau ghế tôi. Nếu như từ nãy tới giờ tôi chỉ gọi hộp thư thoại, thì Rupert sẽ biết rằng Dan Lockwood đã giết chúng tôi. Tôi quyết định vứt lại

đồng rác xuống cái mương. Nếu có sự chẳng lành, Rupert có thể tìm ra và buộc tội Lockwood. Kế hoạch B tệ nhất quả đất, nhưng tôi chẳng thể làm gì khác bây giờ.

Tôi với tay ra hàng ghế sau, đặt túi rác lên đùi. Tiếng vỏ lon vỏ chai kêu lọc xọc. Một chai bia đang chọc vào cái túi. Tôi lấy móng tay cào vào cái túi, lấy chai bia ra và để nó vào ghế bên.

“Còn năm phút đấy, Joe”, tiếng Dan gọi qua loa ngoài điện thoại của tôi.

“Cho tôi nghe tiếng Lila”. “Mày không tin tao sao?”

“Làm thế thì ông có bị sao đâu?” Tôi nói với giọng điệu thất bại, có lẽ là cả đầu hàng. “Hãy coi như đây là ân huệ cuối cùng đi.”

Tôi nghe thấy tiếng Lila nói yếu ớt lúc Dan tháo khăn bịt miệng. Cơ hội của tôi đã tới, Dan đang không trực tiếp nghe máy, tôi phải ném cái túi ngay. Tôi đánh xe vào một khu hầm để tránh tiếng gió, hạ cửa kính, lấy đầu gối giữ vô lăng, nhét cái túi rác ra ngoài, ném nhẹ để nó rơi xuống được cái mương đầy tuyết.

“Joe?” Lila lẩm bẩm. “Lila, em ổn chứ?”

“Buôn thế đủ rồi đấy”, Dan lầu bầu “Còn hai phút, chắc mày không tới kịp đâu.”

Tôi đóng cửa sổ, tăng tốc và vượt qua chỗ đường cuối cùng trước khi rẽ vào con đường sỏi, nơi Doug Lockwood từng sinh sống. “Nếu ông đang ở nhà cha mình, thì ông có thể nhìn thấy đèn pha của tôi”. Tôi tắt bật đèn vài lần.

“Ồ người anh hùng của chúng ta tới rồi”. Dan thốt lên. “Có một con đường mòn ngay sau ngôi nhà đó, nó dẫn đến chỗ kho thóc. Tao sẽ đợi ở đó.”

“Ông phải để Lila đứng ở chỗ nào mà tôi có thể nhìn thấy cô ấy.”

“Ồ, tất nhiên rồi!” Dan nói giọng đầy kiêu căng. “Rất mong sớm được gặp mày!”

Tôi đi tiếp vào con đường trải sỏi, tìm kiếm bất cứ động tĩnh nào trong màn đêm. Chiếc ống khói nhà Doug là thứ duy nhất vẫn đứng vươn lên giữa đồng tro tàn. Đồng băng mà chiếc vòi nước treo lưng lửng tạo ra trông hết như một bộ lông vũ phủ đầy tuyết.

Tôi lái qua ngôi nhà và dừng lại ngay trước con đường mòn. Tôi đi theo vết bánh xe mà chiếc xe tải của Dan để lại. Dấu vết kéo dài hai trăm mét và dẫn tới một kho thóc đổ nát. Bờ tường gỗ của căn nhà kho mục ruỗng và hở toang như răng của một con ngựa già. Tôi thừa biết mình sẽ mắc kẹt trong tuyết trước khi đến được chỗ cái kho kia.

Tôi bật đèn chiếu hắt và rời ga lên, đâm thẳng chiếc xe của Lila vào đồng tuyết. Tuyết trắng bắn tung tóe, những tinh thể băng lấp lánh bay lơ lửng trước ánh đèn pha. Tôi cố đi được khoảng ba mét trước khi không đi nổi nữa. Bánh xe quay tít nhưng bất động, động cơ gào lên vô ích. Tôi bỏ chân khỏi bàn đạp và ngắm những bông tuyết cuối cùng bị gió thổi đi. Trong đầu tôi giờ chỉ còn một suy nghĩ nặng nề, u uất: Làm sao bây giờ?

CHƯƠNG 51

Ánh đèn pha chiếu xuyên qua bãi cỏ phủ tuyết trắng, soi sáng căn nhà kho đằng xa.

Lila đứng trước cánh cửa ọp ẹp, hai cánh tay cô bị kéo lên trên đỉnh đầu, đôi bàn tay bị trói bởi một sợi dây nối lên trên chiếc ròng rọc kéo bên ngoài kho thóc. Trông cô ấy yếu ớt, nhưng vẫn cố gắng đứng được. Dan Lockwood đứng ngay bên cạnh cô ấy, một tay chĩa súng vào đầu nạn nhân, một tay cầm điện thoại.

Giữa tôi với căn nhà kho là cánh đồng dài tầm hai mươi mét, bao phủ đầy tuyết. Bờ bên trái cánh đồng là hàng cây cách tôi khoảng mười lăm mét, và bờ bên phải là một con lạch nhỏ. Cả hai đều kéo dài đến tận con đường phía sau nhà kho kia. Cả hai đều có thể làm chỗ trú ẩn, nhưng con lạch có thể giúp tôi tiếp cận Lockwood với khoảng cách dưới mười mét.

Tôi hạ cửa kính, cầm theo chiếc điện thoại và vỏ chai bia, lách ra khỏi cửa sổ - không tạo ra tiếng lết két của bản lề để tránh bị lộ. Tôi luồn ra phía sau xe, áp điện thoại vào tai để tránh làm lộ ánh sáng màn hình, và tiến nhanh về phía con lạch.

“Tao nghĩ mày nên mang đồng rác đến chỗ tao”, Dan nói.

Tôi phải chối ngay “Tôi e là không được đâu”, vừa trả lời tôi vừa bước tới chỗ cái lạch. Ánh đèn pha chiếu thẳng vào mắt Dan khiến những di chuyển của tôi không bị hắt phát hiện. “Tuyết dày quá”.

“Tao đợi mệt mỏi lắm rồi đấy!” - Hăn quát.

Đi gần tới cái kho, bỗng có tiếng băng nứt dưới chân tôi. Tôi dừng lại giây lát, ngó nhìn qua bờ lạch để xem Dan có còn tập trung nhìn chiếc xe

không. Trên lớp tuyết trong lạch đóng một lớp băng mỏng, khiến tôi bước tới đâu là gây ra tiếng lộp bộp khe khẽ tới đó. Tiếng động nghe thật lớn trong màn đêm tĩnh lặng. Tôi cố gắng đi nhanh hơn khi Dan đang nói, mong rằng giọng nói của hăn sẽ át đi tiếng động mà tôi tạo ra.

“Ra mẹ khỏi xe và bước ra đây đi!” - Hăn quát vào điện thoại.

“Tôi nghĩ ông nên ra đây mà lấy thì hơn”.

“Mày nghĩ mày có quyền ra lệnh ở đây à?” Hăn gí súng vào đầu Lila. “Tao mới là người cầm đằng chuôi!” Tôi cúi xuống và bước nhanh hơn. Đầu tôi lấp dưới bờ lạch, điện thoại vẫn áp vào tai “Bước ngay ra đây đi, không tao giết nó bây giờ!”

Tôi nhận ra là với khoảng cách này, hăn sẽ nghe thấy giọng nói của tôi phát ra từ chỗ con lạch chứ không phải chiếc điện thoại hăn đang cầm nữa. Tôi hạ âm lượng, và việc đó khiến cho lời nói của tôi có một sắc giọng đe dọa mà tôi cũng không ngờ tới “Ông mà giết cô ta là tôi sẽ biến luôn, còn ông thì chết chắc”.

“Được rồi, được rồi”, hăn nói “Tao sẽ không giết ai cả”. Vừa nói hăn vừa hạ thấp nòng súng xuống chân Lila. “Mày mà không hé mặt ra trong ba giây, tao sẽ bắn nát cặp bánh chè này, từng cái một. Mày biết bánh chè ăn đạn thì đau thế nào không?”

Tôi không thể tiến xa hơn dưới cái lạch này nữa. “Và sau đó”, hăn tiếp tục, “tao sẽ xử đến phần thân.” Nếu tôi lao ra, chắc tôi không sống sót được đến chỗ đèn xe chiếu tới. Nếu tôi cứ ngồi trong này, hăn sẽ cho Lila tan xác mất. Từ chỗ này, tôi có thể nghe thấy tiếng của cô ấy khẽ hét lên đau đớn qua miếng giẻ bịt miệng.

“Một!”

Tôi tìm xung quanh, xem có cái gì tốt hơn vỏ chai bia để làm vũ khí không. Một hòn đá, một que củi, gì cũng được!

“Hai!”

Một cái cây đổ thò ra từ bờ lạch sau lưng tôi. Mấy cành cây ở ngay trong tầm với. Tôi quăng chai bia đi và tóm lấy một cành to bằng tay vịn cầu thang, dồn hết sức bẻ nó. Cành cây gãy, gây ra một tiếng động to khủng khiếp. Tôi trượt ngã.

Hai phát súng nổ ra từ súng của Dan. Một viên trúng vào bụi cây bông trên đầu tôi, một viên mất hút vào bóng tối.

Tôi giả vờ rên lên như vừa bị bắn, quăng chiếc điện thoại xoay tròn trên lớp băng dày phía bờ bên kia cái lạch. Ánh sáng từ màn hình hắt ra, có thể nhìn rõ từ chỗ cái kho.

Tôi chồm dậy cạnh bờ lạch, trốn sau cây bông, tay lăm lăm chiếc gậy. Tôi đợi Dan đi tới, với hy vọng rằng cái điện thoại ở bờ bên kia sẽ thu hút sự chú ý của hắn “Thằng khốn này lì thật đấy”, Dan nói vọng ra.

“Tao sẽ cho mày thấy.”

Tôi cầm chắc cái gậy, giọng nói của hắn giúp tôi ước lượng khoảng cách, đếm từng bước chân hắn tiến tới gần.

Hắn dừng lại vừa đúng ngoài tầm với của chiếc gậy của tôi, chắc là để điều tiết mắt quen với bóng tối sau khi nhìn lâu vào đèn pha ô tô. Tôi tự nhủ, hai bước nữa, chỉ hai bước nữa thôi!

“Vô ích thôi Joe!” Hắn hét lên, bước một bước nữa đến chỗ khe lạch, súng vẫn chĩa về phía chiếc điện thoại của tôi. Hắn hạ giọng xuống như thể đang nói thầm với tôi, “Tao đang nắm đằng chuôi, nhớ không?”

Hắn bước một bước nữa.

Tôi lao ra từ chỗ núp, vung cái gậy vào đầu hắn. Hắn quay nòng súng lại, vừa chĩa nó vào tôi vừa cúi người để né cú đánh.

Hành động của tôi chẳng ra sao cả. Cú đánh trúng vào vai hắn thay vì vùng đầu như dự định. Nhưng hắn cũng không khá hơn, viên đạn trúng vào đùi tôi thay vì lồng ngực, chì nóng đốt cháy da thịt, xuyên thẳng vào xương đùi. Cẳng chân của tôi hoàn toàn tê liệt.

Tôi ngã úp mặt xuống nền tuyết dày tới đầu gối.

CHƯƠNG 52

Nếu tôi bỏ cuộc, tôi sẽ chết - và Lila cũng sẽ chết.

Tôi cố rướn lên, chống trên hai tay, nhưng không thể chống lại được sức nặng của Dan đang đè lên lưng, tôi lại khụy xuống. Trước khi tôi kịp làm gì, hăn kéo ngoặt tay tôi ra sau lưng, và khóa một chiếc còng lạnh toát vào cổ tay. Sao hăn không bắn thẳng vào đầu tôi ngay nhỉ? Sao hăn lại để tôi sống? Tôi cố để tay kia của tôi không bị hăn khống chế, nhưng vì xương bả vai của tôi đang bị hăn đè lên, tôi không thể cử động.

Hăn đứng dậy, tóm lấy cổ áo tôi và kéo lê tôi trên tuyết, áp tôi vào bờ rào gần cái kho, rút thắt lưng kêu rít một tiếng. Hăn buộc thắt lưng vào quanh cổ tôi, treo một đầu vào cột rào. Hăn lùi lại như tự tán thưởng tác phẩm vừa tạo ra, và cho tôi một cú đập vào mặt.

“Vì mày mà bố tao chết đấy!” Hăn quát. “Mày nghe không? Mấy chuyện này chẳng liên quan quái gì đến mày cả!”

“Thằng khốn nạn”, tôi nhổ máu xuống tuyết, “Mày giết bố mày vì mày là một thằng điên. Mày cưỡng bức và giết Crystal Hagen cũng vì mày là một thằng điên! Hiểu ra vấn đề chưa?”

Hăn đá tôi một cái nữa, lần này bằng chân bên kia. “Chắc mày đang thầm tự hỏi sao tao không giết quách mày đi?”

“Cũng có một tí đấy”, tôi lẩm bẩm. Lưỡi tôi rờ thấy một cái răng rụng ra. Tôi nhổ thêm một phát nữa. “Mày sẽ phải ở đây xem”, hăn nhếch môi cười “tao sẽ cưỡng bức con bạn gái của mày, và mày sẽ là khán giả. Mày sẽ phải nghe thấy tiếng nó khóc lóc van xin tao. Đứa nào cũng sẽ làm như thế.”

Tôi ngẩng đầu lên, hai mắt mờ mịt, đôi tai vẫn ong ong sau mấy cú đá.

“Đúng rồi Joe, đã từng có những đứa khác đấy”. Hắn đến chỗ Lila và kéo cằm cô ấy. Tôi có thể thấy những vết bầm tím ở hai bên má cô. Cô ấy trông rất yếu. Gã điên kia đưa tay xuống cổ và kẹp ngón tay vào chiếc khóa áo len của cô ấy, từ từ kéo nó xuống.

Tôi cố gắng vùng thoát khỏi chiếc thắt lưng da dày quanh cổ, kéo căng nó, mong có thể làm dần nó ra, làm nó đứt hoặc kéo đổ cái hàng rào. Chẳng có ích gì cả.

“Không thoát được đâu, Joe. Đừng tự làm khổ cái thân mày nữa”. Hắn đặt một tay lên ngực Lila, và cô ấy bừng tỉnh như một người thức dậy sau cơn mê. Cô ấy cố thoát khỏi vòng tay của hắn, nhưng việc bị trói khiến cô ấy không thể cử động. Cô ấy lấy đầu gối đá hắn, nhưng cũng chỉ là những sự chống trả yếu ớt. Hắn đáp trả bằng một cú đấm vào bụng. Bị đau, hơi thở của cô ấy cũng trở nên khó khăn.

“Vài phút nữa mọi chuyện sẽ kết thúc! Và cả đôi chúng mày sẽ cùng cháy trong ngọn lửa đánh dấu vinh quang của tao!” Hắn liếm môi, đưa mặt tới gần Lila, với một tay xuống để cởi trói dưới chân cô ấy, một tay đưa súng hướng lên người cô, đưa nòng súng quanh thân người và dừng lại một lát trước ngực cô ấy. Rồi hắn trượt khẩu súng lên cổ, má cô, cuối cùng chĩa nó vào một bên thái dương.

Hắn nghiêng khẩu súng như thể hắn sẽ hôn khuôn mặt cô, hoặc cắn nó, nhưng hắn chợt dừng lại, nhận ra rằng rất khó để cởi chiếc thắt lưng của cô ấy bằng một tay. Hắn lùi lại vài bước và quan sát đồng dây trói, và chính lúc đó, Lila thoát khỏi tầm bắn của nòng súng trong tay hắn.

Thình lình, tiếng của ba phát đạn ghém vang lên từ sau hàng cây. Phát đạn đầu tiên xuyên thẳng qua tai trái của Dan Lockwood, xuyên qua đầu hắn, máu phun ra tươi đẫm nền tuyết trắng. Viên đạn thứ hai xuyên qua cuống họng, và Lockwood đã không sống được đến lúc viên đạn thứ ba đâm thủng hộp sọ hắn. Hắn ngã xuống, trở thành một đồng thịt bất động.

Max Rupert bước ra từ sau hàng cây, súng vẫn chĩa vào cái đồng trên mặt đất mà vài giây trước được gọi là Dan Lockwood. Ông ta tiến đến và đạp vào cái xác, khiến nó nằm ngửa ra. Mắt hắn nhìn vô hồn lên bầu trời đêm. Hai người nữa bước ra từ lùm cây, họ là trợ lý của Max, mỗi người bận một bộ măng tô nâu và đeo phù hiệu trước ngực.

Một người nói vào chiếc bộ đàm gắn trên ngực, cũng đúng lúc đường chân trời đón ánh hừng đông; cứ như thể anh ta đang gọi ánh nắng bình minh đến. Chỉ một lúc sau, ánh đèn xe cảnh sát đã lấn át ánh mặt trời non nớt ấy, và tiếng còi hú vang vọng khắp một vùng quê yên ả.

CHƯƠNG 53

Trận đấu súng vừa xong đã xuất hiện ngay trên mặt báo, và càng ngày càng có nhiều người để ý tới. Báo chí muốn biết tại sao một người từ Iowa lại ăn ba viên đạn vào đầu, và có hai thanh niên học đại học ở hiện trường lúc đó. Để bào chữa cho vụ việc và chứng minh Max Rupert không làm gì sai, tòa thị chính đã phải cung cấp thông tin cho đại chúng về những gì chúng tôi đã khám phá ra được. Chỉ trong hai tư giờ, họ không chỉ mở lại hồ sơ vụ án mưu sát Crystal Hagen, mà còn đưa nó lên trang nhất các báo. Trước khi tờ báo đầu tiên của buổi sáng được phát hành, họ đã xác nhận việc Lila giải được mật mã, và việc Dan Lockwood chính là tên được Crystal và gia đình cô nhắc tới vào những năm 80 với biệt danh DJ.

Hai ngày sau vụ ồn ào đó, Cục Điều tra tội phạm Minnesota khẳng định mẫu DNA tìm thấy dưới móng tay Crystal Hagen chính là của Dan Lockwood. Không chỉ vậy, khi Cục tìm kiếm mẫu DNA của Dan trong CODIS - Hệ thống cơ sở dữ liệu DNA toàn quốc, có một khám phá mới. DNA của Dan trùng khớp với mẫu thu được trong vụ án ở Davenport, Iowa, vụ án một thiếu nữ bị cưỡng bức và giết hại, và xác của cô được tìm thấy bên đồng đồ nát của một kho thóc bị đốt cháy. Tòa thị chính mở một cuộc họp báo để công bố rằng Dan Lockwood chính là kẻ giết Crystal Hagen vào năm 1980, và suýt giết ít nhất một sinh viên đại học ở hiện trường khi điều tra viên Rupert buộc phải bắn chết hắn. Thành phố và báo chí cuối cùng đã khen ngợi Max, coi ông là một người hùng khi vô hiệu hóa Dan Lockwood, và cứu hai nhân vật vô danh học trường Đại học Minnesota - những người có thể đã là nạn nhân tiếp theo của hắn.

Một nhà báo bằng cách nào đó biết được tên tôi, và biết cả việc tôi chính là nhân vật ở hiện trường lúc đó. Chị ấy gọi đến tận phòng bệnh mà tôi đang nằm dưỡng thương, ngỏ ý hỏi tôi một vài câu hỏi, hứa sẽ đưa tôi trở

thành một người hùng với tất cả những lời có cánh. Tôi chẳng thấy thích trở thành người hùng tí nào. Tôi suýt đã để Lila mất mạng. Tôi nói với chị nhà báo rằng tôi không muốn trả lời gì cả, và chị đừng gọi lại cho tôi thì hơn.

Giảng viên của chúng tôi ưu tiên cho chúng tôi không phải thi cuối kỳ và nộp báo cáo. Tất nhiên tôi nhận lời tất cả - ngoại trừ môn Sinh học. Lila mang máy tính của tôi tới bệnh viện, và tôi dành ra hàng giờ đánh máy trên giường bệnh. Lila cũng dẫn Jeremy tới thăm tôi hàng ngày nữa. Nhớ lại đêm hôm đó, Lila đã phải nằm mấy tiếng liền trong phòng cấp cứu. Các bác sĩ kiểm tra cô ấy hết sức cẩn thận, trước khi cô xuất viện với rất nhiều chỗ băng bó trên má, trên người và những vết trầy xước mà dây thừng để lại trên cổ tay cô. Hôm đó Lila về ngủ trên sofa nhà tôi, còn Jeremy ngủ ở phòng bên cạnh.

Các bác sĩ bắt tôi nằm viện mất bốn ngày, và tôi được xuất viện đúng hai tuần trước Giáng sinh, cùng hành lý là chai thuốc giảm đau và một đôi nạng. Lúc được về nhà tôi đã viết được số trang gấp đôi yêu cầu về tiểu sử của Carl Iverson. Hơn thế nữa, phần kết của tôi không thể nào tuyệt vời hơn - thư miễn tội cho Carl.

Buổi sáng tôi được xuất viện, giáo sư Sanden gặp tôi dưới sảnh bệnh viện. Giáo sư trông có vẻ rất hào hứng, bước về phía tôi, khuôn mặt tươi cười như mới trúng số vậy. “Giáng sinh vui vẻ!” Ông vừa nói vừa trao tay tôi một tờ giấy: Quyết định của tòa án, được đóng dấu nổi ở cuối trang. Bỗng tim tôi đập rộn ràng khi mắt tôi đưa qua những dòng chữ với văn phong trang trọng: Bang Minnesota, Plaintiff, gửi bị cáo Carl Iverson. Tôi cứ đọc từng dòng một, cho tới khi giáo sư Sanden lật giấy đến trang cuối và chỉ vào một đoạn có nội dung: Chúng tôi xin tuyên bố, lời cáo buộc ông Carl Albert Iverson tội mưu sát mức độ cao nhất, lập bởi Verdict vào ngày 15 tháng 1 năm 1981, và lệnh thi hành án cùng ngày, từ giờ trở đi sẽ hoàn

toàn vô hiệu lực, và mọi quyền công dân của bị cáo sẽ được phục hồi ngay lập tức, kể từ khi văn bản này được ký.

Quyết định của tòa được ký bởi một thẩm phán của tòa án cấp quận, và trên đó ghi ngày ký chính là hôm nay.

“Cháu không thể tin nổi!”, tôi lắp bắp, “Sao mà giáo sư có thể...”

“Một khi chính quyền đã vào cuộc thì nhiều thứ có thể được thực hiện lắm”, giáo sư Sanden trả lời. “Câu chuyện của cháu đã lên sóng truyền hình cả nước đấy, vì thế nên các luật sư càng muốn làm việc này thật nhanh chóng.”

“Như thế này có nghĩa là...”

“Carl Iverson từ giây phút này đã hoàn toàn trở lại là người trong sạch”, giáo sư trả lời tôi, đôi mắt ánh lên những tia sáng của niềm vui.

Tôi gọi ngay cho Virgil Gray để rủ ông ta đến thăm Carl cùng chúng tôi. Janet và bà Lorngren cũng cùng chúng tôi tới phòng của Carl. Lúc đầu tôi định đóng khung tờ quyết định, nhưng rồi lại thôi, có lẽ Carl cũng sẽ không muốn làm như thế. Thay vào đó, tôi đơn giản chỉ trao cho ông ấy tờ quyết định, và giải thích cho ông nó có ý nghĩa gì, giải thích cho ông ấy hiểu rằng thế giới đã phải công nhận rằng ông không giết Crystal Hagen. Carl đưa ngón tay vuốt ve con dấu nổi ở cuối trang một, nhắm mắt, và mỉm cười một nụ cười buồn sâu lắng. Một giọt lệ lăn dài trên má ông ấy. Janet và bà Lorngren cũng khóc theo. Tôi, Lila và Virgil cũng không cầm được nước mắt. Mỗi Jeremy là không khóc - thằng bé là thế mà.

Carl gắng sức với cánh tay ra chỗ tôi, tôi cũng nắm tay ông thật lâu. “Cám ơn cậu”, ông thều thào, “Cám ơn tất cả mọi người”.

Chúng tôi ở lại với ông cho tới khi ông ngủ thiếp đi. Chúng tôi chúc ông Giáng sinh an lành, và hứa hôm sau sẽ quay lại. Nhưng chúng tôi không

còn làm thế được nữa. Đêm hôm đó ông ấy đã qua đời. Bà Lorngren kể lại rằng cứ như thế ông quyết định thời gian dành cho ông trên cõi đời này đã hết. Bà chưa từng thấy ai có sự ra đi bình thản và nhẹ nhàng đến thế.

CHƯƠNG 54

Nếu không tính ngài bộ trưởng, thì có mười ba người đến dự tang lễ của Carl Iverson: Virgil Gray, Lila, Jeremy, tôi, giáo sư Sanden, Max Rupert, Janet, bà Lorngren, hai nhân viên của Hillview, và ba anh cai ngục từ nhà tù Stillwater, những người thành kính nhớ tới ông và khoảng thời gian ông đã ở nơi đó. Ông được chôn cất tại nghĩa trang Fort Snelling. Vị bộ trưởng tổ chức buổi tang lễ ngắn gọn, một phần vì ông chưa từng gặp Carl Iverson và không biết nói gì hơn những lời lẽ chia sẻ thông thường, một phần vì tang lễ tổ chức ngoài trời không thể tránh những cơn gió đông tháng 12 lạnh buốt.

Xong buổi lễ, Max Rupert và giáo sư Sanden về cùng nhau, sau khi năn nỉ tôi và Lila đi uống cà phê cùng họ. Tôi đoán họ có chuyện gì cần nói với chúng tôi, chuyện gì đó cần một chút riêng tư.

Tôi nói lời tạm biệt Virgil. Ông ta mang một túi giấy, ôm nó vào lòng trong suốt buổi lễ. Khi chỉ còn chúng tôi, ông ta mở túi và lấy ra một cái hộp bằng gỗ sồi, với một mặt kính, to cỡ một quyển từ điển. Bên trong, gắn trên lớp vải nhung đỏ, là những chiếc huy chương của Carl: hai huân chương Purple Heart, và một huân chương Silver Star. Phía dưới hàng huy chương là bộ quân hàm Hạ sĩ, quân hàm mà ông ấy đã mang trước khi giải ngũ.

“Carl muốn tôi đưa những thứ này cho cậu đấy”. Virgil nói.

Tôi không nói nên lời, ít nhất là trong một phút. Trong một phút đó tôi chỉ biết nhìn những chiếc huân chương. “Sao ông tìm được mấy thứ này?” - Tôi cuối cùng cũng thốt nên lời.

“Ngay khi Carl bị bắt, tôi đã lên vào nhà ông ấy và lấy chúng”, Virgil rút rì, cứ như sẽ bị buộc tội ăn trộm vậy. “Carl cũng chẳng có tài sản gì nhiều, và tôi nghĩ lúc nào đó ông ấy sẽ lại muốn được nhìn thấy những thứ này. Thật ra những thứ này là...”, Virgil mím chặt môi để nén cái nắc nhen, “... là tất cả những gì ông ấy có”. Virgil vờ tay ra phía trước, và tôi nắm lấy nó. Ông ta kéo tôi lại gần và ôm chầm lấy tôi “Cậu giỏi lắm”, Virgil thắm thì vào tai tôi “Cám ơn cậu.”

Tôi cảm ơn Virgil và quay ra chỗ chiếc xe, Jeremy và Lila đang đợi tôi ngoài đó. Virgil cứ đứng mãi trước bia mộ. Có lẽ ông chưa sẵn sàng chia tay người bạn này.

Ở quán ăn, tôi và Lila đang sưởi tay bằng cốc cà phê nóng thì Max và Boady đến. Jeremy làm một ngụm sô-cô-la nóng, tạo ra tiếng sùn sục khi hút sô-cô-la dưới lớp kẹo dẻo. Tôi giới thiệu Max và Boady với Jeremy, và cậu nói một lời chào lịch sự, trước khi quay lại với cốc sô-cô-la. Tôi giải thích ngắn gọn lý do tại sao Jeremy lại đến ở với tôi, tạm bỏ qua đoạn tôi làm Larry bị gãy chân.

“Làm vậy việc học hành của cậu sẽ vất vả hơn đấy”, Boady nói.

Tôi nhìn xuống bàn, trả lời “Chắc cháu sẽ không đi học nữa”.

Đây là lần đầu chính miệng tôi nói những từ này ra, kể cả là tự nói với bản thân mình. Thực ra tôi đã trốn tất cả các buổi thi học kỳ vừa rồi, nói hăng ra cũng chỉ để làm rõ vấn đề mà thôi. Ngược nhìn lên, tôi hơi bất ngờ khi Max và Boady nhìn nhau và cùng nở một nụ cười.

“Tôi muốn cậu xem cái này”, Max vừa nói vừa rút một mảnh giấy được gấp gọn gàng trong túi ra và đưa cho tôi. Mảnh giấy là một bức thư điện tử được gửi cho Max từ sở cảnh sát vùng Scott Country, Iowa.

“Tôi vừa xem lại phần thưởng cho người phá được vụ án mưu sát Melissa Burns. Thông báo được đưa ra từ năm 1992, nhưng vẫn còn có

hiệu lực. Chắc chắn là Lockwood đã sát hại cô ta. Hẳn nhận vị trí đội trưởng đội bảo vệ của một khu mua sắm tại Davenport, và chắc đã bắt cóc Melissa khi cô ấy rời khỏi đó. Melissa là cháu gái ruột của một vị chủ tịch ngân hàng, và ông đã treo giải thưởng một trăm ngàn đô la. Chỉ cần chuyển tài khoản ngân hàng của cậu cho ngài Talbert và bà Nash, tôi có thể nhờ ngân hàng thực hiện thanh toán ngay khi vụ án được chính thức khép lại.”

Đọc đến đoạn này, tôi như muốn vỡ òa. “Một trăm ngàn đô la?” Tôi vô tình nói lớn “Đây là chuyện đùa phải không?”

Boady mỉm cười đáp, “Cậu cứ đọc tiếp đi.”

“Tôi cũng được biết rằng Lockwood đang bị điều tra vì liên quan đến hai vụ bắt cóc và giết người khác, một ở Coralville, Iowa, và một ở ngoại ô Des Moines. Những vụ án này có chung một mô típ thực hiện, và nhiều khả năng những vụ án này chính là do Lockwood thực hiện. Tôi được biết người ta treo thưởng mười ngàn đô la cho mỗi vụ án được phá thành công. Anh hãy thông báo với sở cảnh sát của anh rằng họ sẽ nhận được số tiền đó khi hai vụ án khép lại.”

Tôi đưa bức thư cho Lila xem. Cô ấy không kiềm chế được sự kinh ngạc khi nhìn thấy số tiền và nhìn thấy tên mình trên đó. Đọc xong cô ngẩng đầu lên, hỏi “Cái này là thật chứ?”

“Thật trăm phần trăm”, Max trả lời. “Tất cả là của hai cháu.”

Miệng tôi lắp bắp không nói nên lời. Một lúc sau tôi mới mở miệng được, “Tùng đó là nhiều tiền lắm đấy!”

“Đúng thế, số tiền đó lớn hơn rất nhiều số tiền thưởng của một vụ án thông thường”, Max đáp lời. “Nhưng cũng không quá bất ngờ phải không, đặc biệt là phần thưởng của ông chủ tịch ngân hàng. Nếu Lockwood được xác nhận là hung thủ của cả ba vụ việc, tổng số tiền thưởng sẽ là một trăm hai mươi ngàn đô la!”

Lila nhìn tôi. “Anh nhận hết số tiền đó đi.” Cô nêu ý kiến. “Anh phải chăm sóc cho Jeremy mà.”

“Không thể thế được”, tôi đáp lại ngay. “Em cũng suýt nữa mất mạng đó.”

“Hoàn cảnh của anh cần tiền hơn em nhiều. Em muốn anh nhận số tiền đó.”

“Chúng ta chia đều”, tôi cương quyết. “Chia đều hoặc anh không nhận gì đâu. Cứ làm thế, không bàn bạc gì nữa.”

Lila ngáp ngừng một giây, rồi trả lời, “Chúng ta sẽ chia số tiền ra làm ba.” Cô nhìn Jeremy và khẽ gật đầu. “Không có Jeremy, chúng ta có lẽ sẽ không bao giờ giải được mật mã. Cậu ấy phải được một phần.”

Tôi định từ chối, nhưng Lila giơ tay lên trước mặt, nhìn tôi với ánh mắt kiên định của một người phụ nữ không dễ lay động. “Cứ làm thế, không bàn bạc gì nữa!” Tôi nhìn Jeremy, thằng bé nở một nụ cười tươi, kẹo và sô-cô-la dính trên miệng cậu như một bộ ria mép. Chắc này giờ cậu chẳng chú ý nghe gì hết. Tôi mỉm cười lại với Jeremy, và ngả sang bên Lila, tặng cô ấy một nụ hôn.

Ngoài trời, tuyết bắt đầu rơi nặng hạt. Lúc rời khỏi quán, xe của Lila đã bị tuyết phủ dày một đốt ngón tay. Cô và Jeremy vào xe trước, còn tôi gạt tuyết xuống khỏi cửa kính. Tôi không tài nào tắt được nụ cười trên môi. Với số tiền thưởng, tôi lại có thể đến trường, và hơn nữa tôi còn có thể lo cho Jeremy. Tôi gạt tuyết khỏi xe, với một niềm lạc quan trào dâng trong lòng. Một cặp đôi yêu nhau đi vào quán, cánh cửa mở ra, làn hơi ấm mang theo mùi thơm của mẻ bánh mới làm. Mùi hương mê hoặc bám theo cơn gió nhẹ, quấn quanh bên tôi. Tôi chợt nhớ ra lời Carl đã chia sẻ - rằng thiên đường có thực trên trần gian.

Tôi dùng tay không gạt tuyết, ngắm những bông tuyết tan trong bàn tay mình. Tôi cảm nhận cái lạnh của tuyết cùng hơi ấm da thịt, nhìn thật lâu những tinh thể tuyết li ti biến thành những giọt nước nhỏ, chảy xuống cổ tay, và tan vào không khí. Tôi nhắm mắt, lắng nghe bài đồng ca của gió len vào giữa những hàng thông, điểm xuyết tiếng hót của gia đình chim chích bông đang trốn trong tán lá. Tôi đứng yên lặng, hít một hơi sâu, thưởng thức mùi hương của tháng 12 ngọt ngào, chìm sâu trong cảm xúc, trong âm nhạc, trong hơi thở của cuộc sống - những trải nghiệm tôi sẽ không bao giờ có được nếu tôi không từng gặp ông, Carl Iverson.

Table of Contents

<u>CHƯƠNG 1</u>
<u>CHƯƠNG 2</u>
<u>CHƯƠNG 3</u>
<u>CHƯƠNG 4</u>
<u>CHƯƠNG 5</u>
<u>CHƯƠNG 6</u>
<u>CHƯƠNG 7</u>
<u>CHƯƠNG 8</u>
<u>CHƯƠNG 9</u>
<u>CHƯƠNG 10</u>
<u>CHƯƠNG 11</u>
<u>CHƯƠNG 12</u>
<u>CHƯƠNG 13</u>
<u>CHƯƠNG 14</u>
<u>CHƯƠNG 15</u>
<u>CHƯƠNG 16</u>
<u>CHƯƠNG 17</u>
<u>CHƯƠNG 18</u>
<u>CHƯƠNG 19</u>
<u>CHƯƠNG 20</u>
<u>CHƯƠNG 21</u>
<u>CHƯƠNG 22</u>
<u>CHƯƠNG 23</u>
<u>CHƯƠNG 24</u>
<u>CHƯƠNG 25</u>
<u>CHƯƠNG 26</u>
<u>CHƯƠNG 27</u>
<u>CHƯƠNG 28</u>
<u>CHƯƠNG 29</u>

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[CHƯƠNG 47](#)

[CHƯƠNG 48](#)

[CHƯƠNG 49](#)

[CHƯƠNG 50](#)

[CHƯƠNG 51](#)

[CHƯƠNG 52](#)

[CHƯƠNG 53](#)

[CHƯƠNG 54](#)